

THƯ MỤC QUỐC GIA THÁNG 02 NĂM 2026

THÔNG TIN HỌC VÀ TÁC PHẨM TỔNG QUÁT

1. Bách khoa tri thức nhân loại : Khám phá kho báu tri thức = Encyclopedia of knowledge : Explore a wealth of information / Nguyễn Thị Phương Quỳnh dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 384 tr. : minh họa ; 22 cm. - 245000đ. - 1000b s618042

2. Bách khoa tri thức nhân loại : Khám phá kho báu tri thức = Encyclopedia of knowledge : Explore a wealth of information / Nguyễn Thị Phương Quỳnh dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 384 tr. : minh họa ; 22 cm. - 205000đ. - 1000b s618041

3. Đọc sách để có nhiều lựa chọn / Minh Long, Trang Nhung, Mạnh Hùng ... - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 120 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 307000đ. - 2000b s619443

4. Giáo trình giảng dạy đại học - Thực tập Dược lâm sàng đại cương / B.s.: Nguyễn Quốc Hòa, Nguyễn Ngọc Khôi (ch.b.), Phạm Ngọc Bảo Hân... - H. : Y học, 2025. - 181 tr. : minh họa ; 27 cm. - 80000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Dược lâm sàng. - Thư mục cuối mỗi bài s619531

5. Kỷ yếu Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh : 60 năm xây dựng và phát triển 02.09.1960 - 02.09.2025 / Nguyễn Việt Dũng, Đỗ Đăng Đường, Trần Trọng Hà... - H. : Tri thức, 2025. - 175 tr. : ảnh màu ; 27 cm. - 150b s618465

6. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Phụ nữ với 100 năm Báo chí Cách mạng Việt Nam / Nguyễn Thị Tuyết Minh, Trần Thị Kim Hoa, Nguyễn Thị Kim Dung... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 299 tr. ; 27 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Nhà báo Việt Nam. - Thư mục cuối mỗi bài s618412

7. Lê Đức Anh. Chính sách đối ngoại của Ukraine với Nga (2014 - 2022) dưới góc nhìn của chủ nghĩa kiến tạo : Sách chuyên khảo / Lê Đức Anh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 152 tr. : minh họa ; 21 cm. - 100000đ. - 200b

Thư mục: tr. 134-148 s618632

8. Lê Huy Hòa. Những trí thức "cồng chữ" làm sách / Lê Huy Hòa. - H. : Văn học, 2025. - 200 tr. : ảnh ; 23 cm. - 115000đ. - 500b s619149

9. Lưu Diễm Hoa. Cổ nhân chỉ lộ / Lưu Diễm Hoa ; Minh Thuận dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 272 tr. ; 24 cm. - 198000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 千古传通老人言 s618533

10. Nguyễn Hồng Vinh. 100 năm Báo chí cách mạng Việt Nam (1925 - 2025) = 100 years of Vietnam's revolutionary Press (1925 - 2025) / Nguyễn Hồng Vinh ; Ban Biên tập tin đối ngoại - Thông tấn xã Việt Nam dịch. - Tái bản có chỉnh lý, bổ sung. - H. : Thông tấn, 2025. - 367 tr. : ảnh ; 25 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương. Thông tấn xã Việt Nam s618745

11. Phạm Thị Mai Liên. Kể chuyện bằng hình ảnh trong sáng tạo tác phẩm báo mạng điện tử : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Mai Liên. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 242 tr. : minh họa ; 24 cm. - 180000đ. - 200b

Thư mục: tr. 203-217. - Phụ lục: tr. 218-242 s618904

12. Reed, Shannon. Chỉ một trang nữa thôi: Những trải nghiệm đọc sách thú vị / Shannon Reed ; Thành Bảo Ngọc dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 399 tr. ; 21 cm. - 140000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Why we read: On bookworms, libraries, and just one more page before lights out s619354

TIN HỌC, TRI THỨC VÀ HỆ THỐNG

13. An toàn trên không gian mạng / Nhóm An Toàn ; Minh Thuận dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 175 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - (Kĩ năng an toàn cho học sinh). - 65000đ. - 3000b
Phụ lục: tr. 161-175 s617911

14. 36 biểu mẫu Excel dành cho văn phòng : Tăng tốc công việc lên gấp 5 lần / UNICA. - H. : Lao động, 2025. - 46 tr. : minh họa ; 21 cm. - 86000đ. - 5000b s618839

15. Bùi Việt Hà. Python: Thuật toán & Cấu trúc dữ liệu : Bài tập và lời giải = Python: Algorithm & Data structure : Problems and solutions / Bùi Việt Hà. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. - 27 cm. - 250000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 505 tr. : hình vẽ, bảng. - Phụ lục: tr. 495-499. - Thư mục: tr. 502-505 s618138

16. Bùi Việt Hà. Tự học lập trình Scratch = Start Scratch programming yourself / Bùi Việt Hà. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 418 tr. : minh họa ; 27 cm. - 220000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 389-409. - Thư mục: tr. 412-413 s618122

17. Burke, Fatti. Trái đất trong mắt khủng long - Cuộc sống trước khi loài người xuất hiện : 6+ / Fatti Burke ; Hoàng Anh Đức dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 61 tr. : tranh màu ; 31 cm. - 89000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: What the dinosaurs saw s618426

18. Cẩm nang ứng dụng công nghệ số trên mạng 5G / B.s.: Phạm Đức Long, Trần Minh Tuấn, Đặng Hồng Thái... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 219 tr. : minh họa ; 27 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Thông tin và Truyền thông. - Phụ lục: tr. 216-217. - Thư mục: tr. 218-219 s618429

19. Chuyên tin 10: Các chuyên đề chọn lọc với ngôn ngữ C++ : Lý thuyết, bài tập và lời giải / Nguyễn Xuân Huy. - Tái bản lần 1. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 282 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 320000đ. - 500b

Thư mục cuối chính văn s618430

20. Đặng Thị Phúc. Giáo trình Học sâu / Đặng Thị Phúc (ch.b.), Nguyễn Chí Kiên, Nguyễn Ngọc Lễ. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 241 tr. : hình vẽ, bảng ; 28 cm. - 125000đ. - 300b

Thư mục: tr. 239-241 s619709

21. Giáo trình Nghiên cứu khoa học : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng, Dược, Hộ sinh, Kỹ thuật hình ảnh Y học, Kỹ thuật xét nghiệm Y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Y sĩ đa khoa / B.s.: Nguyễn Thị Hiếu (ch.b.), Hà Diệu Linh, Trần Thị Hương... - H. : Y học, 2025. - 117 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 545000đ. - 50b

ĐTTS ghi: UBND thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 116 s619578

22. Hoàng Xuân Thảo. Giáo trình Blockchain (Học phần IV) / Hoàng Xuân Thảo. - H. : Tri thức, 2025. - 119 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 80000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.
Khoa Công nghệ thông tin s618606

23. Hoàng Xuân Thảo. Giáo trình Tin học ứng dụng (Học phần III) : Bảng tính Excel. Hệ QTCSDL Access / Hoàng Xuân Thảo. - H. : Tri thức, 2025. - 94 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 80000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.
Khoa Công nghệ thông tin s618605

24. Huyền Linh. Bách khoa thư hình ảnh cho bé - Khám phá thế giới xung quanh / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 87 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 69000đ. - 3000b s619199

25. Năng lực phòng thí nghiệm = CTU laboratory Capacity. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 138 tr. : ảnh ; 28 cm. - 300b s619703

26. Nguyễn Thị Hồng Cẩm. Giáo trình Cấu trúc máy tính / Nguyễn Thị Hồng Cẩm (ch.b.), Hồ Tiến Công. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 172 tr. : minh họa ; 27 cm. - 180000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 166 s618272

27. Phan Thị Thanh Thư. Một sức khỏe / Ch.b.: Phan Thị Thanh Thư, Vũ Duy Thanh. - Tái bản lần 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 99 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: OUCRU; Bayer Việt Nam; Ấn phẩm Khăn Quàng Đỏ của báo Tuổi Trẻ s619506

28. Stowell, Louie. Tổ học lập trình - Làm quen với Python : Sách dành cho lứa tuổi 6+ / Louie Stowell, Rosie Dickins ; Minh họa: John Devolle ; Mai Thành Trung dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 95 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 135000đ. - 1500b s619020

29. Thiện Nhân. Bí mật Atlantis / Thiện Nhân. - H. : Công Thương. - 19 cm. - 279000đ. - 1000b

Ph.1: Gót chân những vị thần. - 2025. - 235 tr. : minh họa s618817

30. Tô Văn Thuật. AI & Google Sheets : Từ công thức đơn giản đến tự động hóa toàn diện / Tô Văn Thuật, Unica. - H. : Lao động, 2025. - 30 tr. : bảng ; 21 cm. - 58000đ. - 5000b s618840

31. Trần Ngọc Hà. Giáo trình Lập trình Python / Trần Ngọc Hà, Vũ Đức Quang, Lê Bích Liên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 166 tr. : minh họa ; 27 cm. - 120000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Thái Nguyên. Trường Đại học Sư phạm. - Phụ lục: tr. 158-165. - Thư mục: tr. 166 s618112

32. Vũ Thị Thu Thanh. Hướng dẫn khám phá thế giới trực tuyến an toàn và thông minh cho học sinh = A safe and smart guide for students to explore the online world : Song ngữ Anh - Việt / Vũ Thị Thu Thanh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 115 tr. : minh họa ; 26 cm. - 120000đ. - 1000b s617951

TRIẾT HỌC

33. Adams, George Matthew. Không gì là không thể = You can / George Matthew Adams ; Hoàng Yến dịch. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 127 tr. ; 21 cm. - 86000đ. - 696b s618752

34. Amara, HeatherAsh. Tự do tối thượng : Khai mở bốn nguyên tố chuyển hóa tâm linh / HeatherAsh Amara ; Thùy Vân dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 152 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 98000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: A little book on big freedom s618614

35. Ariely, Dan. Nghệ thuật ra quyết định : Cuốn sách minh họa ứng dụng khoa học hành vi cân bằng công việc và cuộc sống : Truyện tranh / Dan Ariely ; Minh họa: Matt R. Trower ; Nhóm VNHR dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 211 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 129000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Amazing decisions : The illustrated guide to improving business deals and family meals s618806

36. Bài tập tiếng Anh chuyên ngành tâm lý / B.s.: Lê Thị Thu Thủy (ch.b.), Lê Anh Tuấn, Hoàng Thị Hiền... - H. : Công Thương, 2025. - 438 tr. : bảng ; 21 cm. - 105000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục cuối chính văn s618825

37. Berndt, Ashlyn. Sổ tay Thực hành giải mã kiểu gắn bó của bạn / Ashlyn Berndt ; Hoàng Phương Dung dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 95 tr. ; 16 cm. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Attachment styles workbook s620129

38. Broad, Claire. Bước vào thế giới tâm linh : Những bài học từ thế giới bên kia. Lời giải về sự sống sau cái chết / Claire Broad ; Chương Ngọc dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 254 tr. : ảnh ; 21 cm. - 128000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: What the dead are dying to teach us s618617

39. Ca Tây. Nỗ lực là cách tôi tạo ra may mắn : 101 lời nhắn từ tác giả. Càng kỷ luật càng tự do : Song ngữ Trung - Việt / Ca Tây ; Bloom Books b.s. - H. : Thế giới, 2025. - 107 tr. ; 17 cm. - 109000đ. - 2000b s620131

40. Carnegie, Dale. Đắc nhân tâm = How to win friends and influence people : Làm cách nào để kết bạn và tạo ảnh hưởng lên người khác / Dale Carnegie ; Phan Linh Lan dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 303 tr. ; 24 cm. - 139000đ. - 1000b s619014

41. Chu Quốc Bình. Chúng ta đã hiểu lầm chính mình : Đối thoại giữa triết gia và cao tăng / Chu Quốc Bình, Tế Quân ; Chu Thanh Nga dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 365 tr. : ảnh ; 21 cm. - 185000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 我们误解了自己 s618921

42. Covey, Stephen R. Tư duy tối ưu = First things first / Stephen R. Covey, A. Roger Merrill, Rebecca R. Merrill ; Vũ Tiên Phúc dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 399 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 218000đ. - 1000b s619510

43. Cú Mèo của Lão Dương. Tỉnh thức : Một cuốn sách khiến bạn bừng tỉnh giữa cuộc đời đầy mê muội / Cú Mèo của Lão Dương ; Phương Nguyễn dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 331 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 醒脑之书 s618516

44. Diana Rikasari. Teen nghĩ chất, sống chất = # 88 love life / Diana Rikasari ; Minh họa: Dinda Puspitasari ; Dịch: Hoàng Ngọc Trang, Nguyễn Ngọc Minh Chi. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 99000đ. - 1500b

T.1. - 2025. - 125 tr. : tranh màu s617907

45. Diana Rikasari. Teen nghĩ chất, sống chất = # 88 love life / Diana Rikasari ; Minh họa: Dinda Puspitasari ; Dịch: Mai Lâm Phương, Nguyễn Hữu Thiện. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 115000đ. - 1500b

T.2. - 2025. - 101 tr. : tranh màu s617908

46. Dương Thu Ái. Chí lập thân / B.s.: Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hanh. - H. : Lao động, 2025. - 270 tr. ; 19 cm. - (Đạo lý cổ nhân). - 179000đ. - 2000b s620151

47. Đại Tướng Quân. Bền chí thành nhân / Đại Tướng Quân. - H. : Văn học, 2025. - 273 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 15000b s619121

48. Đạo đức y học / B.s.: Trần Diệp Tuấn (ch.b.), Trương Phi Hùng, Đỗ Văn Dũng... - Tái bản lần thứ 2 có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 199 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 100000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Y đức - Xã hội học - Chăm sóc giảm nhẹ. - Thư mục cuối mỗi bài s619644

49. Đặng Uyên Thúy. Đàn ông giải mã - The EQ playbook / Đặng Uyên Thúy. - H. : Văn học, 2025. - 90 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 500b s619146

50. Định luật Murphy : Những nguyên tắc cốt lõi theo trẻ suốt cả cuộc đời. 28 bài học trí tuệ giúp trẻ rèn tâm luyện tính : Truyện tranh dành cho trẻ em / Hồ Thuyết Tân Ngừ ; Sư Tử dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 175 tr. ; 24 cm. - 155000đ. - 20000b

Tên sách tiếng Trung: 漫画少年学墨菲定律 s619434

51. Đồng Đại Lộc. Hành trang cuộc đời : Sống chủ động trong thời hiện đại / Đồng Đại Lộc. - H. : Văn học, 2025. - 303 tr. ; 21 cm. - 186000đ. - 1000b s619137

52. Đùng hồng làm tớ mất bình tĩnh / Kita Books. - H. : Công Thương, 2025. - 121 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 299000đ. - 5000b s618832

53. Eddy, Bill. Bạn hay bắt? : Nhận diện và đối phó với 5 kiểu người độc hại / Bill Eddy ; Trọng Nghĩa dịch. - H. : Lao động, 2025. - 197 tr. ; 20 cm. - 125000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: 5 types of people who can ruin your life. - Phụ lục: tr. 192-195 s618841

54. Fenton, Sasha. Giải mã thần số học : Các kỹ thuật ứng dụng thần số học vào khám phá bản thân và dự đoán vận mệnh / Sasha Fenton ; Vân Anh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 187 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 129000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: In focus numerology s618926

55. Fisher, Alec. Nhập môn tư duy phản biện: Kỹ năng thực chiến trong kỷ nguyên số / Alec Fisher ; Dịch: Đinh Hồng Phúc, Lê Thị Thanh Loan. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 309 tr. ; 24 cm. - 170000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 221-250. - Thư mục: tr. 299-300 s617845

56. George, Rana. Lenormand nhập môn / Rana George ; Ông Ngọc Trân dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 602 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 369000đ. - 5000b s618963

57. Giáo trình Tâm lý - Giao tiếp - Giáo dục sức khỏe : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Hộ sinh, Y sĩ đa khoa / B.s.: Hà Diệu Linh (ch.b.), Đặng Thị Đức Phương, Nguyễn Thị Hiếu... - H. : Y học, 2025. - 119 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 545000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 117 s619513

58. Giáo trình Tâm lý Y học : Dành cho sinh viên khối ngành Khoa học Sức khỏe / B.s.: Phạm Thị Tâm, Lê Trung Hiếu (ch.b.), Trần Văn Đệ... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 153 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 100000đ. - 800b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Tổ chức và Quản lý Y tế. - Thư mục: tr. 152-153 s618085

59. Hà Thiên. Ngày lành tháng tốt năm Bính Ngọ - 2026 : Sách tham khảo / Hà Thiên, Song Vũ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 144 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 45000đ. - 5000b s619374

60. Hà Thiên. Tìm hiểu văn hóa phương Đông, tính cách, vận mệnh con người theo năm sinh - 12 con giáp năm Bính Ngọ 2026 / Hà Thiên, Song Vũ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 144 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 5000b s619375

61. Ham Kwangseong. Dù cả thế giới quay lưng vẫn mong bạn đứng về phía chính mình / Ham Kwangseong ; KyoYeon dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 263 tr. ; 21 cm. - 119000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 나에게 괜찮냐고 물어본 적이 없었다; Tên sách tiếng Anh: You've never asked me if I was okay s618924

62. Hawkins, David R. Bản đồ về ý thức : Giải mã trường năng lượng, khai phá sức mạnh phi thường trong con người bạn / David R. Hawkins ; Quế Chi dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 323 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 198000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The map of consciousness explained: A proven energy scale to actualize your ultimate potential s618621

63. Hawkins, David R. Letting go - Lộ trình đi đến sự buông bỏ / David R. Hawkins ; Nhóm Tâm lý học Tội phạm dịch. - In lần 2. - H. : Thế giới, 2025. - 383 tr. ; 24 cm. - 179000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Letting go - The pathway of surrender. - Phụ lục: tr. 351-362. - Thư mục: tr. 363-366 s619017

64. Hiểu Minh. Khéo ăn nói sẽ có được cả thiên hạ / Hiểu Minh. - H. : Tri thức, 2025. - 323 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 129000đ. - 5000b s618521

65. Hiro. Thuật tẩy não trong giao tiếp : Giải mã nghệ thuật kiểm soát tâm trí đối phương, vận dụng tâm lý học hành vi để điều khiển cảm xúc và đọc vị bất kỳ ai / Hiro ; Lại Minh Tâm dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 279 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 170000đ. - 2000b s620199

66. Hoàng Lập. Lời thì thầm tinh tú - Star whispers : Sách hướng dẫn / Tác giả, minh họa: Hoàng Lập. - H. : Thế giới, 2025. - 118 tr. ; 13 cm. - 300000đ. - 1000b s620123

67. Hoàng Nha Phương. Không Tử - Tinh hoa trí tuệ qua danh ngôn / Hoàng Nha Phương ; Nguyễn Văn Lâm dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 256 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 1000b s618611

68. Học vì chính mình không phải vì ai khác / Thu Hoài, Thùy Anh, Hoàng Khoa... - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 141 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 307000đ. - 2000b

Đầu bìa sách ghi: Kita books s619440

69. Hollins, Peter. Sức mạnh của kỷ luật tự giác / Peter Hollins ; Sun Tzô dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 189 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The power of self-discipline: 5-minute exercises to build self-control, good habits, and keep going when you want to give up s618942

70. Hồ Chí Minh. Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân / Hồ Chí Minh. - In lần thứ 12. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 63 tr. ; 13 cm. - 30000đ. - 1500b s620243

71. Hứa Yên. Trở thành phiên bản tốt hơn của chính mình / Hứa Yên ; Nguyễn Minh Ngọc dịch. - In lần 3. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 253 tr. ; 21 cm. - 92000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 成为更好的自己 s617820

72. Jenny Vương. Định luật Murphy : Trong cái rủi có cái vui. Những cái bẫy vô hình trong tư duy / Jenny Vương b.s. - H. : Văn học, 2025. - 257 tr. ; 20 cm. - 118000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 255-257 s619075

73. Jung, Carl Gustav. Thăm dò tiềm thức = Essai d'exploration de l'inconscient / Carl Gustav Jung ; Vũ Đình Lưu dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Tri thức, 2025. - 152 tr. ; 20 cm. - (Tủ sách Tinh hoa tri thức thế giới). - 75000đ. - 2000b s618061

74. Kabat-Zinn, Jon. Sức mạnh chữa lành của chánh niệm : Một lối sống mới / Jon Kabat-Zinn ; Như Lô dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 322 tr. ; 21 cm. - (Phật học tinh hoa thế giới). - 320000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Healing power of mindfulness. - Thư mục: tr. 296-315 s618938

75. Katz, Eran. Bí mật của một trí nhớ siêu phàm = Secrets of a super memory / Eran Katz ; Bùi Như Quỳnh dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Công Thương, 2025. - 346 tr. : ảnh ; 21 cm. - 149000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 334-346 s618813

76. Kazuko Ishihara. Giải toả những lo lắng, bất an trong đời sống gia đình / Kazuko Ishihara ; Minh họa: Hisae Imai ; Phạm Thu Hương dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 256 tr. : tranh vẽ ; 28 cm. - (Chuyện trong nhà). - 239000đ. - 2000b s618166

77. Kennedy-Moore, Eileen. Xây dựng sự tự tin cho trẻ = Kid confidence / Eileen Kennedy-Moore ; Nguyễn Thiên Ngân dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 367 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 337-365 s617817

78. Khúc Lê Mẫn. Đạo của sinh mệnh và đời người / Khúc Lê Mẫn ; Lê Tiến Thành dịch. - H. : Hồng Đức. - 24 cm. - 180000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 生命沉思录1:一代人的文化焦虑

T.1: Giải mã vận mệnh theo tư tưởng phương Đông và phương Tây. - 2025. - 223 tr. : hình vẽ s618643

79. Khúc Lê Mẫn. Đạo của sinh mệnh và đời người / Khúc Lê Mẫn ; Lê Tiến Thành dịch. - H. : Hồng Đức. - 24 cm. - 189000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 生命沉思录3:人生的四季风景

T.3: Xuân - Hạ - Thu - Đông của đời người. - 2025. - 279 tr. s618775

80. Lịch Âm - Dương cát tường năm Bính Ngọ 2026 : Ngày lành tháng tốt. Vạn sự bắt đầu nhân / Cao Minh tổng hợp. - H. : Hồng Đức, 2025. - 167 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 35000đ. - 5000b s619395

81. Lịch sử "thế giới vô hình" - Linh hồn, tín ngưỡng và những nghi lễ huyền bí = A history of Ghosts, Spirits and the Supernatural / Trần Ngọc Anh Dũng dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 319 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 26 cm. - 480000đ. - 2500b s618981

82. Lieberman, David J. Đọc vị bất kỳ ai : Để không bị lừa dối và lợi dụng / David J. Lieberman ; Quỳnh Lê dịch ; Trần Vũ Nhân h.đ. - In lần 49. - H. : Lao động, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: You can read anyone : Never be fooled, lied to, or taken advantage of again s618857

83. Lim Jeongmin. Phương pháp đối thoại dành cho người trưởng thành / Lim Jeongmin ; Minh Thư dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 263 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 2000b s619336

84. Lớp học Huyền bí / Hạt gạo nhỏ. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - (Tủ sách Inner Happiness). - 128000đ. - 800b

Ph.1. - 2025. - 226 tr. : tranh vẽ s618624

85. Luciano, Mark J. 5 tiêu chí "dậy thì" thành công / Mark J. Luciano ; Quốc Đạt dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 198 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The 5 foundation of successful teens s618613
86. Lư Nhất Đồng. Làm một quý cô điềm tĩnh / Lư Nhất Đồng ; Thủy An dịch. - H. : Văn học, 2025. - 382 tr. ; 21 cm. - 156000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 做个淡定从容的女子 s619130
87. Lương Mạnh Dũng. Thức tỉnh doanh nhân vương đạo / Lương Mạnh Dũng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 322 tr. : minh họa ; 24 cm. - 586000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 303-322 s618787
88. Lưu Đình. Tư duy vượt giới hạn : Bạn sẽ không bao giờ kiếm được số tiền vượt quá khả năng tư duy của mình / Lưu Đình ; Hải Bình dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 263 tr. ; 21 cm. - 148000đ. - 5000b s618515
89. Lưu Thần Hi. Cuộc sống vừa đủ tốt / Lưu Thần Hi ; Gloria dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 212 tr. ; 20 cm. - 109000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 刚刚好的人生:从心而活,顺势而为 s618770
90. Lưu Tổ Bình. Tiến hóa nội tâm cùng Carl Jung / Lưu Tổ Bình ; Phạm Kim Anh dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 334 tr. ; 21 cm. - 192000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 做一个内心强大的人 s619341
91. Lý Hàm. Đặc nhân tâm cho trẻ em : 60+ nguyên tắc giao tiếp ứng xử : Nâng cao quyền lực mềm cho trẻ / Lý Hàm ; Minh họa: Vương Quốc Hội ; Hiếu Minh dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 159 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Khai sáng trí tuệ cảm xúc xã hội cho trẻ em). - 168000đ. - 5000b s618544
92. Lý Thế Cường. Sự thông minh trong hài hước : Nói tinh tế, dễ vào tim / Lý Thế Cường ; Hà Dung dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 155000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 有趣可抵岁月漫长 s619342
93. Lý Thượng Long. Không nỗ lực đừng tham vọng : Kim chỉ nam dành cho bạn trẻ / Lý Thượng Long ; Ngọc Anh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 354 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 你的努力,要配得上你的野心 s619141
94. Lyon, Amber. Năng lượng bản thể : Thấu hiểu bản thân, khơi dậy sức mạnh nội tại, thu hút tiền bạc và hạnh phúc / Amber Lyon ; Eva La Lune dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 314 tr. ; 19 cm. - 179000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: You are a magnet s619973
95. Ma Y. Ma Y thần tượng tân biên = 麻衣神相 / Kim Chí Văn chú giải ; Vũ Nguyên dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 567 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 350000đ. - 10000b s618539
96. Martin, Ryan. Tại sao ta nổi khùng = Why we get mad : Chuyển hóa cảm xúc tiêu cực thành tích cực / Ryan Martin ; Phạm Trang Nhung dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 331 tr. : bảng ; 21 cm. - 168000đ. - 2500b
Thư mục: tr. 319-327 s617797
97. Mckey, Zoe. Tư duy phản biện / Zoe Mckey ; Jaden Minh dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 171 tr. ; 20 cm. - 109000đ. - 10000b
Tên sách tiếng Anh: The unlimited mind : Master critical thinking, make smarter decisions, control your impulses. - Thư mục: tr. 169-170 s618995

98. Minh Vũ. Bí mật của sự chính trực / Minh Vũ b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 107 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - (Bật mí bí mật). - 79000đ. - 3000b s619382
99. Minh Vũ. Bí mật của sự thông thái / Minh Vũ b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 107 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Bật mí bí mật). - 79000đ. - 3000b s619381
100. Minh Vũ. Bí mật của sự tin tưởng / Minh Vũ b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 103 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Bật mí bí mật). - 79000đ. - 3000b s619380
101. Minori Kanbe. Tư duy logic : Sức mạnh của tư duy là chìa khoá phát triển cá nhân & hoạch định công việc hiệu quả / Minori Kanbe ; Quỳnh Chi dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 215 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 110000đ. - 2000b s618994
102. Moody, Raymond A. Bằng chứng về cõi hậu tử = Proof of life after life / Raymond A. Moody, Paul Perry ; Huyền Không dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 282 tr. ; 24 cm. - 159000đ. - 2000b s618966
103. Murphy, Joseph. Sức mạnh tiềm thức = The power of your subconscious mind / Joseph Murphy ; Nguyễn Nguyễn dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 316 tr. ; 21 cm. - 183000đ. - 1000b s618633
104. 55 cách để cư xử đúng mực = 55 ways to behave well / XACT Group ; Nguyễn Thu Hương dịch. - In lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Kỹ năng sống dành cho học sinh). - 30000đ. - 3000b s617890
105. 55 cách để sử dụng tốt ngôn ngữ cơ thể = 55 ways to use body language / XACT Group ; Nguyễn Thu Hương dịch. - In lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Kỹ năng sống dành cho học sinh). - 30000đ. - 3000b s617891
106. 55 cách để tạo ảnh hưởng tới người khác = 55 ways to influence people / XACT Group ; Nguyễn Thu Hương dịch. - In lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Kỹ năng sống dành cho học sinh). - 30000đ. - 3000b s617892
107. 55 cách để tự tin = 55 ways to feel confident / XACT Group ; Nguyễn Thu Hương dịch. - In lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Kỹ năng sống dành cho học sinh). - 30000đ. - 3000b s617893
108. Newman, Martyn. Chánh niệm trong công việc : Ứng dụng thiền định để giảm căng thẳng, cải thiện sự tập trung, nuôi dưỡng tâm thức và cân bằng cuộc sống / Martyn Newman ; Nguyễn Sơn Thành dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 243 tr. ; 19 cm. - 169000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The mindfulness book : Practical ways to lead a more mindful life s620200
109. Nghiêm Minh Quách. Âm - Dương đối lịch 2026 - 2031 / Nghiêm Minh Quách, Trần Khang Ninh. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 259 tr. : bảng ; 24 cm. - 135000đ. - 1500b
Phụ lục: tr. 229-258. - Thư mục: tr. 258 s619040
110. Nghiêm Nghệ Gia. Hộp thư trưởng thành 1016 : Dành cho trẻ từ 10 - 16 tuổi / Nghiêm Nghệ Gia ; Minh họa: Nam Quốc Hồng ; Nguyễn Hạnh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 230 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 95000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Trung: 1016 成熟邮箱 s619102
111. Ngô Hữu Quang. Bên bếp lửa cuộc đời : 30 thông điệp cho hành trình chữa lành, phát triển và tìm lại mục đích sống / Ngô Hữu Quang. - H. : Công Thương, 2025. - 207 tr. ; 19 cm. - 99000đ. - 1000b s620192

112. Nguyễn Phong. Muôn kiếp nhân sinh = Many lives - Many times / Nguyễn Phong. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 98000đ. - 5000b
Tên thật tác giả: Vũ Văn Du
T.1. - 2025. - 488 tr. : ảnh màu s620270
113. Nguyễn Phong. Muôn kiếp nhân sinh = Many lives - Many times / Nguyễn Phong. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 17 cm. - 128000đ. - 3000b
Tên thật tác giả: Vũ Văn Du
T.3. - 2025. - 522 tr. : ảnh màu s620271
114. Nguyễn Hoàng Long. Đạo đức y học : Giáo trình đào tạo sau đại học / Nguyễn Hoàng Long ch.b. - H. : Y học, 2025. - 210 tr. : bảng ; 27 cm. - 300000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Trường Đại học VinUni. Viện Khoa học Sức khỏe. - Thư mục: tr. 207-209 s619605
115. Nguyễn Mạnh Linh. Lịch cát tường Bính Ngọ 2026 / Nguyễn Mạnh Linh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 260 tr. : bảng ; 24 cm. - 118000đ. - 3000b s619383
116. Nguyễn Minh Tân. Những bước chân của TRIZ : Tự truyện / Nguyễn Minh Tân. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 114 tr. : ảnh ; 18 cm. - 500b
Thư mục: tr. 73-92 s620042
117. Nguyễn Thị Thu Thủy. Thần số học = Life design : Ứng dụng định lý Pythagoras vào đời sống con người / Nguyễn Thị Thu Thủy. - H. : Công Thương, 2025. - 702 tr. ; 24 cm. - 990000đ. - 1000b s618834
118. Nguyễn Trí Dũng. Con nhà văn - Lập thân / Nguyễn Trí Dũng. - Tái bản lần 1. - H. : Lao động, 2025. - 283 tr. ; 23 cm. - 180000đ. - 500b
Phụ lục cuối chính văn s618847
119. Nguyễn Trọng Mạnh. Phong thủy định vị quyền lực : Kiến tạo không gian cho người đứng đầu / Nguyễn Trọng Mạnh. - H. : Thế giới, 2025. - 158 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1680000đ. - 3000b
ĐTTS ghi: Phong thủy Đại Nam s618990
120. Những bài học cuộc sống - Những bí quyết của cuộc sống / Lan Hương s.t., tuyển chọn. - H. : Hồng Đức, 2022. - 155 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 5000b
Thư mục: tr. 152-153 s619338
121. Những vấn đề cơ bản của tâm lý học : Giáo trình dành cho hệ cử nhân / Trương Thị Khánh Hà (ch.b.), Nguyễn Văn Lược, Trần Hà Thu, Trương Quang Lâm. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 546 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 180000đ. - 500b
Thư mục cuối mỗi chương s618664
122. Noh Sang Jin. Vận mệnh cuộc đời không có "giá như" / Noh Sang Jin ; Dịch: Kyoyen... - In lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 290 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 208000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Hàn: 운명에 만약은 없다 s617816
123. Opheliav. Cảm ơn bạn vì đã sống tiếp : Thế giới âm áp vì vẫn còn bạn ở đây / Opheliav. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 189 tr. ; 17 cm. - 95000đ. - 2000b s620029
124. Osho. Bản ngã / Osho ; Kiều Anh Tú dịch. - In lần 3. - H. : Hà Nội, 2025. - 323 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 15000b
Tên sách tiếng Anh: Freedom from illusion - The book of ego s619467

125. Osho. Đạo tu Yoga / Osho ; Hà Thuỷ Nguyên dịch. - H. : Văn học, 2025. - 261 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Tủ sách Huyền môn). - 250000đ. - 1000b

Tiêu đề gốc tiếng Anh: The path of Yoga . -Tên sách ngoài bìa: Đạo tu Yoga - Sự tĩnh tại của tâm trí s619160

126. Osho. Sắc màu và hơi thở = The colors of your life / Osho ; Azura dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 163 tr. ; 26 cm. - 139000đ. - 2000b s618837

127. Outo. Tâm : Cuốn sách đáng đọc nhất thế gian đó là tâm của chính bạn / Outo. - H. : Công Thương. - 21 cm. - 125000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 213 tr. s618816

128. Phan Đăng. Ma quỷ trong tâm ta : 9 thực nghiệm 5 bức thư làm lạnh tâm trí / Phan Đăng. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 204 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 150000đ. - 1500b s620039

129. Phan Gia. Hiệu suất vượt trội : Nghệ thuật nắm bắt cơ hội để làm chủ cuộc đời / Phan Gia ; Minh Thu dịch. - H : Thế giới, 2025. - 261 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - (Tủ sách Sống khác). - 115000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 效率人生 s618762

130. Phù Thủy Tarot. Tarot và các câu chuyện tình yêu có thật / Phù Thủy Tarot. - H : Thế giới, 2025. - 239 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 109000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Bảo Ngọc s618766

131. Phùng Dĩ Lượng. Cho phép bản thân lựa chọn yêu / Phùng Dĩ Lượng ; Thúy Ngọc dịch. - H. : Văn học, 2025. - 220 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 105000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 允許自己選擇愛 s619122

132. Pitkin, Walter B. Tâm lý học hạnh phúc / Walter B. Pitkin ; Dịch: Nguyễn Thành Gia... - H. : Văn học, 2025. - 444 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Hạnh phúc). - 249000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: The psychology of happiness s619159

133. Quỳnh Liên Sakura. Đường lên tầng mây thứ 9 = Way to cloud nine / Quỳnh Liên Sakura. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 153 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 149000đ. - 1000b s620026

134. Rohn, E. James. Chìa khóa thành công / Jim Rohn ; Vũ Thanh Nhân dịch. - In lần thứ 20. - H. : Công Thương, 2025. - 181 tr. ; 19 cm. - 89000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The keys to success s618810

135. Rohn, E. James. Triết lý cuộc đời / Jim Rohn ; Thủy Hương dịch. - In lần 20. - H. : Công Thương, 2025. - 147 tr. ; 19 cm. - 65000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The treasury of quotes s618811

136. Rohn, Jim. Tham vọng vĩ đại : 6 nguyên tắc điều hướng tham vọng để có một cuộc sống tốt đẹp hơn / Jim Rohn ; Phúc Chi dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 259 tr. ; 21 cm. - 158000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The power of ambition s619347

137. Rutherford, Albert. Rèn luyện tư duy phản biện / Albert Rutherford ; Nguyễn Ngọc Anh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 203 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 139000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Neuroscience and critical thinking. - Thư mục: tr. 191-203 s620055

138. Seneca, Lucius Annaeus. Để sống trên đời : Sử dụng thời gian khôn ngoan theo triết lý cổ đại / Seneca ; Hoàng Ngọc Diệu dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 103 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 2200b

Tên sách tiếng Anh: How to have a life : An ancient guide to using our time wisely
s619503

139. Seneca, Lucius Annaeus. Đề từ già đời : Đối mặt với cái chết theo triết lý cổ đại / Seneca ; Hải Âu dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 137 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 2200b

Tên sách tiếng Anh: How to die : An ancient guide to the end of life s619504

140. Seolleda. Cuốn sách đen = The black book : Đối mặt và thấu hiểu 70 cảm xúc tiêu cực / Seolleda ; Nguyễn Việt Tú Anh dịch. - H. : Lao động, 2025. - 411 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 검은 감정 s618843

141. Shumyo Masuno. Vẻ đẹp của sự tỉnh thức / Shumyo Masuno ; Xuân Sinh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 204 tr. ; 18 cm. - 119000đ. - 2000b s619924

142. Shunmyo Masuno. Sống đơn giản cho mình thanh thản / Shunmyo Masuno ; Như Nữ dịch. - In lần 19. - H. : Công Thương, 2025. - 197 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 1500b s618815

143. Som Bathla. Thói quen tự kỷ luật = The power of self-discipline : Kháng cự cám dỗ, kiểm soát ham muốn. Tăng cường sức mạnh tinh thần / Som Bathla ; Khuê Nguyễn dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 158 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 68000đ. - 2000b s620374

144. Song Thành. Bức Hồ - Tấm gương đạo đức sáng ngời / Song Thành. - Xuất bản lần thứ 4. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 164 tr. ; 15 cm. - 41000đ. - 3000b s620143

145. Stallwood, Beth. Niềm vui công việc : Ngăn chán nản, tìm đam mê / Beth Stallwood ; Nguyễn Thiên Ngân dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 303 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 110000đ. - 2000b s617823

146. Tạ Minh Tuấn. Bạn muốn được nhớ đến vì điều gì : Thành công là một sự lựa chọn - Hạnh phúc bắt đầu từ một / Tạ Minh Tuấn. - H. : Thế giới, 2025. - 236 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 1000b s618767

147. Taizo Kato. Thế giới thích những người kiên trì / Taizo Kato ; Vũ Lập Nhật dịch. - H. : Văn học, 2025. - 238 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 112000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 234-238 s619093

148. Takashi Imai. Bí mật của người luôn hạnh phúc = The happy habit / Takashi Imai ; Unibooks dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 154 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b s619340

149. Takashi Okada. Tâm lý học lập dị : Bí mật của những hành vi bất thường / Takashi Okada ; Khánh Ly dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 255 tr. ; 20 cm. - 129000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 250-253 s619001

150. Thanh Liêm. Cùng con khôn lớn - Can đảm : Những câu chuyện và bài học hay ươm mầm tính cách cho trẻ / Thanh Liêm b.s. - H. : Văn học, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s619935

151. Thanh Liêm. Cùng con khôn lớn - Công bằng : Những câu chuyện và bài học hay ươm mầm tính cách cho trẻ / Thanh Liêm b.s. - H. : Văn học, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s619937

152. Thanh Liêm. Cùng con khôn lớn - Hiếu thảo : Những câu chuyện và bài học hay ươm mầm tính cách cho trẻ / Thanh Liêm b.s. - H. : Văn học, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s619933

153. Thanh Liêm. Cùng con khôn lớn - Kiên trì : Những câu chuyện và bài học hay ươm mầm tính cách cho trẻ / Thanh Liêm b.s. - H. : Văn học, 2025. - 78 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s619929

154. Thanh Liêm. Cùng con khôn lớn - Lịch sử : Những câu chuyện và bài học hay ươm mầm tính cách cho trẻ / Thanh Liêm b.s. - H. : Văn học, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s619936

155. Thanh Liêm. Cùng con khôn lớn - Thật thà : Những câu chuyện và bài học hay ươm mầm tính cách cho trẻ / Thanh Liêm b.s. - H. : Văn học, 2025. - 78 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s619931

156. Thanh Liêm. Cùng con khôn lớn - Tử tế : Những câu chuyện và bài học hay ươm mầm tính cách cho trẻ / Thanh Liêm b.s. - H. : Văn học, 2025. - 78 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s619930

157. Thanh Liêm. Cùng con khôn lớn - Tự tin : Những câu chuyện và bài học hay ươm mầm tính cách cho trẻ / Thanh Liêm b.s. - H. : Văn học, 2025. - 78 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s619932

158. Thanh Liêm. Cùng con khôn lớn - Ước mơ : Những câu chuyện và bài học hay ươm mầm tính cách cho trẻ / Thanh Liêm b.s. - H. : Văn học, 2025. - 78 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s619938

159. Thanh Liêm. Cùng con khôn lớn - Yêu thương : Những câu chuyện và bài học hay ươm mầm tính cách cho trẻ / Thanh Liêm b.s. - H. : Văn học, 2025. - 78 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 36000đ. - 5000b s619934

160. Thiên Nhân. Tìm hiểu văn hoá phương Đông - 365 ngày năm Bính Ngọ 2026 / Thiên Nhân. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 21 cm. - 40000đ. - 5000b s619037

161. Thiệu Vệ Hoa. Giải mã bàn tay : Nhìn tay thấu hiểu nhân tâm : Sách tham khảo / Thiệu Vệ Hoa ; Lý Minh Nhân dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 475 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 268000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 图解看手识人大全. - Phụ lục: tr. 389-475 s619398

162. Thư viện hình ảnh đầu tiên cho bé - Đối lập = My first picture encyclopedia - Opposite : Song ngữ : Cho bé từ 0 - 6 tuổi / B.s.: Hải Minh, Jenny ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 12 cm. - 29000đ. - 5000b s620018

163. Tiêu Thất Công Tử. Trước khi bỏ cuộc hãy nhớ lại lý do khiến bạn bắt đầu / Tiêu Thất Công Tử ; Ying dịch. - H. : Văn học, 2025. - 263 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 你以前不是这样的 s619100

164. Todnem, Scott. Giáo dục giới tính cho con trai : Lời khuyên thiết thực về tuổi dậy thì, giới tính và các mối quan hệ / Scott Todnem ; Hải Phong dịch. - In lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 231 tr. : bảng ; 21 cm. - 90000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 225-231 s617801

165. Tony Tinh. Thành công trong cuộc sống, thành nhân giữa đường đời : Hồi ký cha dành cho con / Tony Tinh. - H. : Thế giới, 2025. - 253 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 169000đ. - 3000b
Tên thật tác giả: Trần Văn Tinh s618917

166. Trần Đình Tuấn. Tìm hiểu văn hóa phương Đông: Âm - Dương đối lịch năm Bính Ngọ - 2026 : Vạn sự bắt đầu nhân / Trần Đình Tuấn. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 159 tr. : minh họa ; 21 cm. - 45000đ. - 15000b s618749

167. Triết học : Sách chuyên khảo dùng cho hệ đào tạo sau đại học / Trần Thị Hồng Thúy (ch.b.), Nguyễn Mạnh Tường, Lê Thanh Thập... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Tư pháp, 2025. - 547 tr. ; 22 cm. - 115000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s618730

168. Triết lý đạo đức của một số nhà tư tưởng Việt Nam thế kỷ XV - XVI và giá trị hiện thời của nó : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thọ (ch.b.), Lê Công Sự, Hoàng Thúc Lân... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 255 tr. ; 24 cm. - 200000đ. - 250b

Thư mục: tr. 244-255 s618903

169. Tuệ An. Tâm lý học tỉnh thức / Tuệ An b.s. - H. : Văn học, 2025. - 239 tr. ; 20 cm. - 118000đ. - 10000b

Thư mục: tr. 235-238 s619076

170. Tư duy lớn trong cơ thể nhỏ : Mô hình tư duy cạnh tranh tích cực : Truyện tranh dành cho trẻ em / Đức Khánh. - H : Hồng Đức, 2025. - 90 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 89000đ. - 1000b s618788

171. Từ An. Trở nên thông tuệ 1 : Bản chất con người và cuộc sống / Từ An. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 364 tr. ; 21 cm. - 350000đ. - 1000b s617825

172. Tụ Ngôn Lữ Quán. Ánh sáng đẹp nhất sau cơn mưa / Tụ Ngôn Lữ Quán. - H. : Thế giới, 2025. - 147 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 196000đ. - 100b s618992

173. VanderPol, Leon. Bước chuyển bản thể : Nghệ thuật và thực hành khai vận chuyển hoá chuẩn quốc tế / Leon VanderPol ; Thực Linh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 422 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 172000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: A Shift in Being : The art and practices of deep transformational coaching s619097

174. Vĩ Nhân. Khi bạn đang mơ thì người khác đang nỗ lực / Vĩ Nhân ; Hân Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Văn học, 2025. - 415 tr. ; 21 cm. - 136000đ. - 4000b

Tên sách tiếng Trung: 你做梦时总有人在努力 s619244

175. Việt Quang. Tranh Đạo đức học đường = Illustrations of Morality for schools / Việt Quang. - H : Thế giới, 2025. - 48 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 40000đ. - 7000b s618764

176. Vương Khôn. Tâm lý học về cảm giác an toàn / Vương Khôn ; Minh Minh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 243 tr. ; 21 cm. - 116000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 安全感:告别不安和焦虑的心理学 s619092

177. Vương Vĩ. Vì sao tôi luôn là người chịu tổn thương / Vương Vĩ ; Quả Táo Nhỏ dịch. - H. : Văn học, 2025. - 229 tr. ; 21 cm. - 119000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 我是这样好起来的 s619128

178. Wagner, Charles. Sống đời giản dị = The simple life / Charles Wagner ; Phong Du dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 162 tr. ; 19 cm. - 70000đ. - 2000b s620204

179. Weiss, Brian L. Kiếp nào ta cũng tìm thấy nhau : Câu chuyện về những linh hồn tri kỷ vĩnh viễn không chia lìa / Brian L. Weiss ; Du An dịch. - In lần 22. - H. : Lao động, 2025. - 290 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Only love is real s618860

180. Xuân Nhị. Khi im lặng biết nói / Xuân Nhị. - H. : Dân trí, 2025. - 188 tr. : bảng ; 18 cm. - 113000đ. - 100b s620390

181. Yoon, Yesel. Buông bỏ chủ nghĩa hoàn hảo: Tự do với những điều không hoàn hảo = Letting go of perfectionism: Stop striving and start living / Yesel Yoon ; Thu Trang dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 255 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 125000đ. - 2000b s619353

182. Zahariades, Damon. Kiến tạo dòng chảy : Tối ưu hiệu suất, tối đa thành tích / Damon Zahariades ; Klis dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 224 tr. : bảng ; 21 cm. - 90000đ. - 2000b s618609

TÔN GIÁO

183. Bhikkhu Bodhi. Lời Phật dạy về sự hòa hợp trong cộng đồng và xã hội - Hợp tuyển từ Kinh Tạng Pāli = The Buddha's teachings on social and communal harmony - An anthology of discourses from the Pāli Canon / Bhikkhu Bodhi ; Nguyên Nhật Trần Như Mai dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 318 tr. ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. - Thư mục: tr. 317-318 s619384

184. Chögyam Trungpa. Trái tim của Phật : Con đường Phật giáo Tây Tạng / Chögyam Trungpa ; Huỳnh Văn Thanh dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 184 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 95000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The heart of the Buddha s618616

185. Deane, Darshani. Minh triết trong đời sống = Wisdom, bliss and common sense / Darshani Deane ; Phóng tác: Nguyên Phong. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 286 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Tủ sách Nguyên Phong). - 108000đ. - 3000b s619009

186. Đại Cơ Minh. Sáu mươi năm Minh Lý đạo như tôi hiểu / Đại Cơ Minh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 591 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Tủ sách Nghiên cứu Đại đạo. Chương trình Chung tay ấn tống kinh sách đại đạo). - 1000b

Phụ lục: tr. 359-577. - Thư mục: tr. 578-579 s619343

187. Đaminh Saviô - Người bạn của em / ElleDici pub ; Chuyển ngữ: Ngọc Yên, Văn Chính. - H. : Hồng Đức, 2025. - 65 tr. : tranh màu ; 15x20 cm. - 27000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Ban Truyền thông gia đình Sa-Lê-Diêng Don Boscon Việt Nam s620024

188. Đạt Lai Lạt Ma. Yếu lược các giai đoạn trên đường tu giác ngộ = The abridged stages of the path to enlightenment / Đạt Lai Lạt Ma XIV giảng giải ; Tsongkhapa luận giải ; Dịch: Geshe Lobsang Jorden, Tiểu Nhỏ ; H.đ.: Jememy Russell, Nguyễn Minh Tiến. - H. : Hồng Đức, 2025. - 255 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s619358

189. Đình Thanh Tùng. Cuộc đời trống rỗng của Đức Phật / Đình Thanh Tùng. - H. : Thế giới, 2025. - 138 tr. ; 19 cm. - 104000đ. - 1000b s620133

190. Đình núi tuyết = The white peak : Truyện tranh / Chân Quang b.s. ; Hoạ sĩ: Hữu Tâm. - H. : Thế giới. - 20 cm. - (Bộ truyện tranh song ngữ Việt - Anh về cuộc đời Đức Phật). - 110000đ. - 500b

T.2: Dân sinh = The birth of the Prince. - 2025. - 104 tr. : tranh màu s619003

191. Đình núi tuyết = The white peak : Truyện tranh / Chân Quang b.s. ; Hoạ sĩ: Hữu Tâm. - H. : Thế giới. - 20 cm. - (Bộ truyện tranh song ngữ Việt - Anh về cuộc đời Đức Phật). - 110000đ. - 500b

T.4: Thần đồng = Excellent child. - 2025. - 98 tr. : tranh màu s619004

192. Đỗ Hồng Ngọc. Con đường an lạc : Buông xả muộn phiền, nương bờ hạnh phúc / Đỗ Hồng Ngọc. - H. : Thế giới, 2025. - 155 tr. : tranh vẽ ; 17 cm. - 109000đ. - 1500b s620130

193. Đức Đạt Lai Lạt Ma. Dẫn vào Phật đạo / Đức Đạt Lai Lạt Ma, Thubten Chodron ; Dương Hoan dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 422 tr. ; 24 cm. - (Thư viện Trí tuệ và từ bi; 1). - 250000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Approaching the Buddhist path: Library of wisdom and compassion (Vol.1) s618971

194. Đức Phật là vị thầy dẫn đường = Lord Buddha the master who guides us on the pathway / Thích Thông Phương ; Dịch: Trúc Lâm Zen, Thích Tĩnh Đàm ; H.đ.: Claude Vigneault, Từ Nghiêm Nguyễn Minh Trang, Alex Nolan. - H. : Hồng Đức, 2025. - 196 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1200b

ĐTTS ghi: Viet Nam Trúc Lâm Yên Tử Zen sect. Trúc Lâm Yên Tử Zen Monastery s619356

195. Geshe Michael Roach. Khu vườn : Một câu chuyện ngụ ngôn : Ấn bản kỷ niệm 25 năm / Geshe Michael Roach ; Nguyễn Xuân Thanh Tín dịch. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 314 tr. ; 18 cm. - 319000đ. - 1431b s619949

196. Giác Minh Luật. Vẻ đẹp của sự cô đơn / Giác Minh Luật. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 218 tr. ; 19 cm. - 120000đ. - 1000b s620056

197. Hám Sơn. Kim cang quyết nghị / Hám Sơn soạn ; Tuệ Thanh dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 189 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 2000b s619346

198. Hirai Shoshu. Bình tâm cả ngày dài : 45 thói quen an nhiên của nhà Phật / Hirai Shoshu ; Hoàng Lan dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 152 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 98000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Nhật: お坊さんになろう ころが調う朝・昼・夜の習慣 s618615

199. Hoàng Anh Sướng. Hạnh phúc đích thực : Trò chuyện với Thiền sư Thích Nhất Hạnh / Hoàng Anh Sướng. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học, 2025. - 331 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 128000đ. - 1000b s619185

200. Hoskin, Bob. Niềm hy vọng : Sách học viên / Bob Hoskin ; Hiệp hội sách Hy vọng Quốc tế dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 19 cm. - 150000b s620307

201. Huệ Khải. Con nhà Đạo vào đời thời @ = Caodai youth and their life journey in the digital age / Huệ Khải. - H. : Hồng Đức, 2025. - 39 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Tủ sách Tuổi trẻ Cao Đài). - 1500b

ĐTTS ghi: Đại đạo Tam kỳ phổ độ s619359

202. Huệ Khải. Trò chuyện với trí tuệ nhân tạo về Đạo Cao Đài / Huệ Khải b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 96 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Nghiên cứu Đại Đạo - Hướng về một trăm năm Đạo Cao Đài (1926 - 2026)). - 1500b

ĐTTS ghi: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Chương trình Chung tay ấn tống kinh sách Đại Đạo s619361

203. Hương Nguyễn. Cứ như thế mà đi / Hương Nguyễn s.t., b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 226 tr. ; 15 cm. - 1000b s620401

204. Hương tích - Phật học luận tập / Lê Mạnh Thát, Nguyên Siêu, Thích Chúc Thịnh... - H. : Hồng Đức ; Thư quán Hương Tích. - 24 cm. - 1000b

T.12 - 10/2025. - 2025. - 307 tr. : ảnh. - Thư mục trong chính văn. - Phụ lục trong chính văn s618779

205. Joseph Nguyễn. Lạy Chúa! Tại sao? = God! Why? : Quyền sách bỏ túi dành cho tất cả người trẻ Công giáo / Joseph Nguyễn. - H. : Thế giới, 2025. - 199 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 75000đ. - 500b s618929

206. Khóa lễ Từ Bi Thủy Sám Pháp. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 199 tr. : bảng ; 24 cm. - 3020b
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thanh Hóa. Tổ đình chùa Thanh Hà (PL. 2569) s619041
207. Kinh Pháp cú : 365 ngày sống theo lời Phật dạy / Thích Minh Châu dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 365 tr. : tranh màu ; 12x14 cm. - 99000đ. - 10000b s620287
208. Kinh Phật thuyết A di đà : Bản truyện tranh / Lâm Cự Tinh ; Nhóm Học viên phiên dịch tiếng Trung 2021 dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 197 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 105000đ. - 2000b s618511
209. Kreeft, Peter J. Vì Chúa có thật : Mười sáu câu hỏi, một câu trả lời / Peter J. Kreeft ; YSOF dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 349 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 1500b
Nguyên tác tiếng Anh: Because God is real : Sixteen questions, one answer s618996
210. Kỷ yếu Ni trưởng Thích Nữ Thuần Chơn (1934 - 2025) / Thượng Nhật Hạ Quang, Thích Đạo Tâm, Thích Minh Thiện... ; B.s.: Thích Nữ Linh Bửu... - H. : Hồng Đức, 2025. - 257 tr. : ảnh màu ; 26 cm. - 300b
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Thiền viện An Lạc s619390
211. La Vân Tuệ Uyển: 20 năm uơm mầm giác ngộ 2005 - 2025 / Thích Đạt Ma Chí Kiên, Thích Đạt Ma Nguyễn Hạnh, Thích Đạt Ma Hải Đạt... - H. : Hồng Đức, 2025. - 278 tr. : ảnh ; 28 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam. Tổ đình Thường Chiếu s619889
212. Ledi Sayādaw. Bát Chánh Đạo tường giải / Ledi Sayādaw ; Pháp Thông dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 312 tr. ; 21 cm. - 3000b
ĐTTS ghi: Phật giáo nguyên thủy. - Phụ lục: tr. 97-103 s618623
213. Lê Ngọc Ngà. Ôn gọi và sứ vụ : Tản mạn sau 25 năm linh mục (2000 - 2025) / Lê Ngọc Ngà. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 102 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 1000b s620274
214. Lư Thắng Ngạn. Độ qua biển sinh tử / Lư Thắng Ngạn ; Upala Việt Nam dịch. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 282 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 149000đ. - 1000b s620375
215. Lưu Nguyễn Đào Nguyên. Thiên đạo thi : Trường ca về đạo của nam nhân quân tử và nữ trung hào kiệt / Lưu Nguyễn Đào Nguyên. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 168 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 2000b s618879
216. Lý Tử Tiềm. Đệ tử quy = 弟子規 / Lý Tử Tiềm ; Nguyễn Đức Bá dịch, chú. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 208 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Lý Dục Tú. - Phụ lục: tr. 157-206 s619485
217. Mingun Sayadaw. Đại Phật sử = The great chronicle of Buddhas (Maha Buddhavamsa) / Nguyên tác: Mingun Sayadaw ; Pháp Hành dịch. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - (Phật giáo nguyên thủy = Theravāda)
T.6B. - 2025. - 336 tr. s618637
218. Nghi thức sám hối. - H. : Hồng Đức, 2025. - 36 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 20000đ. - 3000b
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam s618790
219. Nguyễn Minh Tiến. Chuyển họa thành phúc / Nguyễn Minh Tiến. - H. : Hồng Đức, 2025. - 146 tr. ; 21 cm. - 8000b s618634
220. Nguyễn Văn Hiệu. Sống lời Chúa / Nguyễn Văn Hiệu ch.b. ; Minh họa: Marcelino Truong. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 13x14 cm. - 30000đ. - 1000b

- Đầu bìa sách ghi: Bayard Việt Nam
T.89: T.8/2025. - 2025. - 176 tr. s620273
221. Nguyễn Xuân Nam. Con đường hạnh phúc / Nguyễn Xuân Nam. - H. : Hồng Đức, 2025. - 320 tr. ; 21 cm. - 1000b
Thư mục: tr. 307. - Phụ lục: tr. 308-317 s618636
222. Osho. Niết bàn: Ác mộng cuối cùng : Học tin vào cuộc sống. Những công án thiền như phương tiện truyền dạy sự thư thái / Osho ; Hà Thủy Nguyên dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 257 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Huyền môn). - 250000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Nirvana, the last nightmare. - Tên thật tác giả: Chandra Mohan Jain s617877
223. Phan Ý Ngọc. Người nữ & Mật truyền Liên Hoa Sinh : Ánh sáng Đại toàn thiện trong đời sống hằng ngày / Phan Ý Ngọc. - H. : Thế giới, 2025. - 207 tr. : ảnh ; 19 cm. - 145000đ. - 1200b s620132
224. Phật thuyết Kinh A Di Đà / Dịch: Cư Ma La Thập, Thích Phổ Tuệ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 71 tr. ; 21 cm. - 2000b s619362
225. Phước Tuệ Từ. Não bộ tỉnh thức - Khoa học và phép màu / Phước Tuệ Từ. - H. : Thế giới, 2025. - 363 tr. ; 24 cm. - 480000đ. - 3000b
ĐTTS ghi: Thiền Vipassana Não bộ s618973
226. Quả Đông. Ôm trọn hạnh phúc với tư duy mới / Quả Đông, Thi Chấn Vinh, Lâm Hoài Dân ; Nhuận Ca dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 71 tr. ; 15 cm. - 30000đ. - 1000b s620387
227. Roach, Geshe Michael. Năng đoạn kim cương : Áp dụng giáo lý của Đức Phật vào quản trị / Geshe Michael Roach ; Nguyễn Mạnh Hùng biên dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 325 tr. ; 16 cm. - 139000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The diamond cutter : The Buddha on strategies for managing your business and your life s620190
228. Roach, Geshe Michael. Nghiệp tình yêu = Karma of love / Geshe Michael Roach ; Hà Tú dịch. - In lần 16. - H. : Lao động, 2025. - 598 tr. ; 24 cm. - 259000đ. - 1500b s618866
229. Sổ tay chép Kinh Cầu An / Anan Books b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 299 tr. ; 12 cm. - 120000đ. - 2000b s620396
230. Tạ Minh Tuấn. Bạn luôn có cơ hội thứ 2 : Nghiệp là giáo trình tiến hóa của linh hồn - Tái sinh chính là tình yêu vô điều kiện / Tạ Minh Tuấn. - H. : Thế giới, 2025. - 292 tr. ; 21 cm. - 229000đ. - 1000b s618769
231. Tam tạng Phật giáo bộ phái / Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - (Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam; T.26). - 5000b
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
T.10: Bộ bản duyên 1 = 本緣部. - 2025. - lxxxii, 1561 tr. - Phụ lục: tr. 1297-1309 s619866
232. Tam tạng Thượng tọa bộ / Thích Minh Châu dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - (Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam; T.2). - 2000b
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
T.2: Kinh Trung bộ = Majjhima Nikāya. - 2025. - 1187 tr. s619867
233. Tế Quân. Hạnh phúc từ tâm : Bạn sẽ không còn cảm thấy khổ đau sau khi đọc xong cuốn sách này / Tế Quân ; Losedow dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 383 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 心, 才是幸福的关键 s618518

234. Thánh Nghiêm. Cẩm nang sống thọ theo tinh thần Phật giáo / Thánh Nghiêm ; Diệu Minh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 95 tr. : ảnh ; 15 cm. - (Ứng dụng cuộc sống - Cẩm nang trí tuệ). - 40000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 67-95 s620399

235. Thánh Nghiêm. Gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thành công / Thánh Nghiêm ; Huệ Như dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 118 tr. : ảnh ; 15 cm. - (Ứng dụng cuộc sống - Cẩm nang trí tuệ). - 45000đ. - 1000b s620403

236. Thánh Nghiêm. Phương ngoại nhìn hồng trần - Phương pháp nuôi dưỡng tình thân / Thánh Nghiêm ; Chơn Thủy dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 199 tr. ; 15 cm. - (Trưởng dưỡng tâm linh - Cẩm nang Trí tuệ). - 75000đ. - 1000b s620355

237. Thánh Nghiêm. Sáu pháp nuôi dưỡng đạo đức tâm hồn / Thánh Nghiêm ; Liên Phát dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 143 tr. : ảnh ; 15 cm. - (Pháp âm pháp cổ). - 60000đ. - 1000b s620402

238. Thánh Nghiêm. Vui trong công việc thiền pháp đầu xa / Thánh Nghiêm ; Thiền Uyên dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 127 tr. : ảnh ; 15 cm. - (Tinh tấn thiền định - Cẩm nang trí tuệ). - 50000đ. - 1000b s620404

239. Thích Nhất Hạnh. Trái tim của Bụt / Thích Nhất Hạnh. - Tái bản lần 4. - H. : Thế giới, 2025. - 595 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 269000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 591-595 s619016

240. Thích Nữ Viên Giác. Phật học và ứng dụng / Thích Nữ Viên Giác. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 110000đ. - 60b

Tên thật tác giả: Đặng Thị Đông

T.7. - 2025. - 219 tr. - Thư mục cuối mỗi bài s617827

241. Thích Thanh Từ. Tài sản không bao giờ mất : Tuyển tập một số bài giảng của Hòa thượng Thích Thanh Từ / Thích Thanh Từ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 350 tr. ; 21 cm. - 4000b s619391

242. Thích Thiện Như. Sống yên giữa đời vội / Thích Thiện Như. - H. : Hồng Đức, 2025. - 206 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 201-206 s619350

243. Thích Thiện Hoa. Tứ diệu đế / Soạn giả: Thích Thiện Hoa. - H. : Hồng Đức, 2025. - 154 tr. ; 21 cm. - 35000đ. - 2000b s618635

244. Thích Trí Tịnh. Kinh Bốn nguyên của Bồ Tát Địa Tạng / Thích Trí Tịnh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 243 tr. ; 21 cm. - 60000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam s619357

245. Thiên Tuệ Thanh. Khóa hư lục trong Mạch thiền Trúc Lâm / Thiên Tuệ Thanh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 331 tr. ; 21 cm. - 1500b

Thư mục: tr. 273-279 - Phụ lục: tr. 280-331 s619263

246. Tinh thần nhập thế của nữ giới Phật giáo Việt Nam xưa và nay / Trần Thị Kim Oanh, Thích Phước Đạt, Bùi Thị Ánh Vân... ; Như Nguyệt (Huê Lâm) ch.b. - H. : Khoa học xã hội, 2024. - 375 tr. ; 24 cm. - 328000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo. - Thư mục cuối mỗi bài s618915

247. Tịnh Không. Những điều cần biết lúc lâm chung / Tịnh Không, Thánh Nghiêm ; Thích Quảng Lâm dịch. - H : Hồng Đức, 2025. - 350 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 2000b s618778

248. Tịnh Không. Phật giáo như một nền giáo dục / Tịnh Không ; Diệu Hiền dịch. - H : Dân trí, 2025. - 99 tr. : ảnh ; 15 cm. - 40000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Buddhism as an education s620400

249. Vân Sơn Thượng. Phật đạo - Pháp môn trong Phật pháp / Vân Sơn Thượng. - H : Thế giới, 2025. - 729 tr. ; 24 cm. - 389000đ. - 300b

Tên thật tác giả: Nguyễn Văn Quý s618965

250. Viên Liễu Phàm. Làm chủ vận mệnh (Liễu Phàm tứ huấn) / Thích Minh Quang dịch ; Bổ sung: Tịnh Liên, Thích Tâm Luận. - H : Hồng Đức, 2025. - 134 tr. : ảnh ; 21 cm. - 3000b
Phụ lục: tr. 99-134 s619352

251. Vô ưu / Nguyên Cẩn, Thích Thông Huệ, Thích Thiện Đạo... ; B.s.: Thích Giác Phổ (ch.b.)... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 30000đ. - 3000b

Đầu bìa sách ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đắk Lắk

T.85: Vu Lan báo hiếu PL.2569. - 2025. - 112 tr. : ảnh, tranh vẽ s618265

252. Wright, Robert. Vì sao Phật giáo giàu chân lý? = Why Buddhism is true : Đạo Phật dưới góc nhìn khoa học và triết học / Robert Wright ; Du Lê dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H : Thế giới, 2025. - 418 tr. ; 21 cm. - 260000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 393-402. - Thư mục: tr. 408-418 s619008

KHOA HỌC XÃ HỘI, XÃ HỘI HỌC, NHÂN LOẠI HỌC, DÂN TỘC HỌC VÀ VĂN HOÁ

253. Bryans, Bruce. Đàn ông bóc phốt đàn ông về hèn hò và hôn nhân : 18+ / Bruce Bryans ; Quỳnh Trang dịch. - H : Hồng Đức, 2025. - 102 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 82000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: 101 things your dad never told you about men: The good, bad, and ugly things men want and think about women and relationships s619335

254. Chiến tranh và người lính - Những tiếp cận liên văn hóa : Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế / Momoki Shiro, Trần Văn Kiên, Lưu Văn Dũng... - H : Văn học, 2025. - 583 tr. : minh họa ; 24 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Khoa Việt Nam học; Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Tạp chí Văn nghệ quân đội. - Thư mục cuối mỗi bài s619154

255. Drucker, Peter F. Tư duy linh hoạt trong quản lý : Tái định nghĩa lãnh đạo: Khi quản lý gắn với toàn cảnh chính trị - kinh tế - xã hội / Peter F. Drucker ; Quang Thiệu dịch. - H : Công Thương, 2025. - 471 tr. ; 21 cm. - (Bộ sách Tinh hoa quản lý). - 229000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Peter F. Drucker on business and society s618792

256. Du Bois, W. E. B. Những linh hồn da đen / W. E. B. Du Bois ; Nguyễn Hồng Anh dịch. - H : Văn học, 2025. - 358 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 700b

Tên sách tiếng Anh: The souls of black folk : Essays and sketches s619072

257. Đào Văn Tường. Cẩm nang sang Nhật / Đào Văn Tường. - H : Tri thức, 2025. - 103 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 60000đ. - 1000b s618514

258. Đặng Hoàng Giang. Bức xúc không làm ta vô can / Đặng Hoàng Giang. - In lần 3. - H : Thế giới, 2025. - 235 tr. ; 21 cm. - (Người trẻ nghĩ). - 119000đ. - 1500b s619005

259. Đặng Thu Hà. Kể chuyện kỹ thuật số / Đặng Thu Hà. - H : Văn học, 2025. - 246 tr. : minh họa ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Công ty Cổ phần Cine 3D - Đào tạo & thể nghiệm điện ảnh, game và hoạt hình. - Thư mục: tr. 238-246 s619166

260. Định hình một phong cách bảo tàng / Nguyễn Văn Huy, Võ Quang Trọng, Frank Proschan... - H. : Thế giới, 2025. - 694 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. - Thư mục cuối mỗi bài s618964

261. Giáo trình Tổ chức hoạt động văn hoá quần chúng và truyền thống : Dừng đào tạo trình độ cử nhân / B.s.: Nguyễn Hồng Linh (ch.b.), Thành Thu Trang, Hà Thị Thu Hòa, Vũ Thị Thu Huyền. - H. : Công Thương, 2025. - 202 tr. : minh họa ; 21 cm. - 58000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục cuối mỗi chương s618822

262. Giáo trình Xã hội học lao động : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / B.s.: Chu Thị Huyền Yến (ch.b.), Đặng Thị Lan Anh, Nguyễn Thanh Huyền... - H. : Công Thương, 2025. - 243 tr. : minh họa ; 21 cm. - 77000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 241-243 s618819

263. Hồ Chí Minh. Đời sống mới / Tân Sinh. - In lần thứ 10. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 58 tr. ; 13 cm. - 30000đ. - 1500b s620242

264. Hội thảo khoa học quốc tế: Diễn đàn văn hóa và giáo dục mùa thu lần thứ 2 - AFCE 2025: "Phát triển văn hóa và giáo dục sáng tạo trong kỷ nguyên số" = International conference second autumn forum on culture & education - AFCE 2025: "Culture and creative education development in the digital era" / Nguyen Thi My Loc, Nguyen Thanh Ly, Trần Trung... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 1491 tr. : minh họa ; 30 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi bài s619881

265. Kissinger, Henry. Lãnh đạo: 6 chiến lược gia kiệt xuất định hình thế giới / Henry Kissinger ; Phạm Thị Ngọc Mai dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 576 tr. : ảnh ; 24 cm. - 399000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Leadership s618607

266. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia "Công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số: Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng tại Việt Nam" / Hoàng Thị Giang, Nguyễn Duy Hân, Bùi Nhật Quang... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 572 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Học viện Phụ nữ Việt Nam; Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi bài s619718

267. McCann, Jackie. Nếu thế giới chỉ có 100 người : Bức tranh sống động về con người trên toàn cầu : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Jackie McCann ; Minh họa: Aaron Cushley ; Phan Hạnh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 39000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 4 s618987

268. Nguyễn Danh Nam. Kinh nghiệm quốc tế phát triển làng thông minh sinh thái và chính sách cho vùng Nam Bộ : Sách chuyên khảo / Nguyễn Danh Nam, Ưông Thị Ngọc Lan. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 259 tr. : minh họa ; 21 cm. - 230000đ. - 200b

Thư mục: tr. 251-259 s618706

269. Nguyễn Đức Chiện. Động thái xã hội Việt Nam và hướng quản lý phát triển xã hội trong bối cảnh mới : Sách chuyên khảo / Nguyễn Đức Chiện. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 288 tr. ; 21 cm. - 140000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Xã hội học. - Thư mục: tr. 262-287 s618720

270. Nguyễn Hồng Phương. Nếp nhà - Từ gốc rễ đến ngọn gió / Nguyễn Hồng Phương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 274 tr. : ảnh ; 24 cm. - 239000đ. - 1500b s618900

271. Nguyễn Thành Phong. Kiến tạo Thành phố Hồ Chí Minh thành siêu đô thị năng động, thông minh, giàu bản sắc / Nguyễn Thành Phong. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 489 tr. : bảng ; 23 cm. - 300000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 441-489 s619505

272. Phang, Sara Elise. Rome - Đời sống của phụ nữ La Mã cổ đại = Daily life of women in Ancient Rome / Sara Elise Phang ; Thái Dương dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 382 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 248000đ. - 1000b s618618

273. Porter, Tony. Phá vỡ vỏ bọc đàn ông / Tony Porter ; Sugi dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 236 tr. ; 19 cm. - 99000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Breaking out of the "man box" : The next generation of manhood s620395

274. Quan hệ dân tộc với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, chính trị ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay và định hướng đến năm 2030 : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Minh (ch.b.), Bùi Thị Bích Lan, Lý Hành Sơn... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 758 tr. ; 24 cm. - 270000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Dân tộc học. - Thư mục: tr. 704-719. - Phụ lục: tr. 720-758 s618645

275. Ryan, Christopher. Tình dục thuở hồng hoang / Christopher Ryan, Cacilda Jethá ; Lê Khánh Toàn dịch ; Nguyễn Thùy Chung h.đ. - H. : Thế giới, 2025. - 518 tr. : minh họa ; 21 cm. - 189000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Sex at dawn: How we mate, why we stray, and what it means for modern relationships. - Thư mục: tr. 508-518 s618998

276. Sabbahy, Lisa K. Egypt - Đời sống của phụ nữ Ai Cập cổ đại = Daily life of women in Ancient Egypt / Lisa K. Sabbahy ; Châu Khánh Tâm dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 287 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 185000đ. - 1000b s618619

277. Sự tham gia của cộng đồng tộc người vào quá trình xây dựng nông thôn mới ở vùng biên giới tỉnh Tây Ninh : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Minh Nguyệt (ch.b.), Đỗ Hương Giang, Nguyễn Ngọc Toại... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 260 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 182000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Khoa học xã hội vùng Đông Nam Bộ. - Thư mục: tr. 244-260 s618718

278. Tác động của di cư tự do ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Trương Bảo Thanh (ch.b.), Đậu Tuấn Nam, Vũ Hải Vân... - H. : Lao động, 2025. - 251 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 78000đ. - 200b

Thư mục: tr. 242-251 s618863

279. Tài liệu Hướng dẫn truyền thông về giáo dục tình dục toàn diện cho sinh viên / Trung tâm nghiên cứu về Giới, Gia đình và Môi trường trong phát triển b.s. - H. : Thế giới, 2025. - 36 tr. : bảng ; 30 cm. - 200b

Phụ lục: tr. 25-34. - Thư mục: tr. 35-36 s619921

280. The elegant code of motherhood. - H. : Lao động, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 30 cm. - 100000đ. - 10000b s618089

281. Thông tin nghiên cứu khoa học: Phụ nữ và bình đẳng giới - Năm 2024 / Phan Thị Thu Hà, Nguyễn Hùng Cường, Đinh Dũng Sỹ... ; B.s.: Nguyễn Thị Thu Hiền... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 119 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Hội đồng Khoa học. - Thư mục cuối mỗi bài s618410

282. Tiềm năng con người: Cấu trúc, đo lường và bối cảnh hình thành : Giáo trình / Gadzhimuradova Gulnara Ilyasbekovna, Goloukhova Darya Valeryevna, Dmitrieva Elena Viktorovna... ; Ch.b.: N.N. Zarubina, A.V. Noskova ; Nguyễn Thu Hà dịch ; Biên dịch: Đặng Xuân Giáp... - H. : Lao động, 2025. - 451 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 300b

Nguyên tác: Человеческий потенциал: структура, измерения и контексты формирования s618102

283. Trần Ngọc Thêm. Cơ sở văn hoá Việt Nam / Trần Ngọc Thêm. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 364 tr. : minh họa ; 24 cm. - 140000đ. - 2000b
Thư mục cuối mỗi bài s619501

284. Yoko Nagasawa. Sắc màu Nhật Bản : Bốn mùa thiên nhiên & sáng tạo qua các thời đại / Yoko Nagasawa, Tomoko Everson ; Đỗ Nguyên dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 179 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 250000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 178 s617875

THỐNG KÊ

285. Niên giám thống kê tỉnh Thanh Hóa 2024 = Thanh Hoa statistical yearbook 2024 / Thống kê tỉnh Thanh Hóa b.s. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 542 tr., 10 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Thống kê tỉnh Thanh Hóa s619052

CHÍNH TRỊ

286. Brigham, Robert K. Bạt mạng : Henry Kissinger và ván cờ sai lầm trong cuộc chiến Việt Nam / Robert K. Brigham ; Nghiêm Minh Thi dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 313 tr. ; 24 cm. - 289000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Reckless: Henry Kissinger and the tragedy of Vietnam s618993

287. Chuyên đề ngoại khóa : Dành cho hệ Cao cấp lý luận chính trị / Nguyễn Việt Dũng, Phạm Thị Quý, Lê Thị Anh Đào... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 335 tr. ; 24 cm. - 80000đ. - 584b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Học viện Chính trị Khu vực II s618913

288. Chuyện "đi sứ" thời hội nhập : Kể tiếp hồi ức của các đại sứ / Nguyễn Phú Bình, Vũ Chí Công, Nguyễn Thạc Dĩnh... ; Ngô Quang Xuân ch.b. - H. : Công Thương, 2025. - 375 tr. : ảnh ; 21 cm. - 185000đ. - 700b s618800

289. Cựu cán bộ Đoàn phía Nam với Khát vọng Việt Nam - Khát vọng phương Nam / Tô Lâm, Lương Cường, Phạm Minh Chính... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 380 tr. : ảnh ; 24 cm. - 500b

Thư mục: tr. 107-108. - Phụ lục: tr. 363-379 s617868

290. Dự thảo các văn kiện trình đại hội đại biểu Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 183 tr. : bảng ; 27 cm. - 430b

ĐTTS ghi: Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương. - Lưu hành nội bộ. - Phụ lục: tr. 151-183 s618427

291. Đại hội 20 Đảng Cộng sản Trung Quốc: Từ nền tảng lý luận đến xu hướng chính sách : Sách chuyên khảo / Hoàng Huệ Anh (ch.b.), Phùng Thị Huệ, Phạm Sỹ Thành, Phạm Thảo Nguyên. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 359 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 189000đ. - 800b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Nghiên cứu Trung Quốc. - Tên sách tiếng Anh: The 20th national congress of the Chinese communist party: From theoretical foundation to policy trends. - Thư mục: tr. 316-359 s618646

292. Giáo dục tinh thần dân tộc cho sinh viên Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Trần Thị Phúc An (ch.b.), Nguyễn Đức Khiêm, Nguyễn Thị Hiền... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 202 tr. ; 27 cm. - 95000đ. - 100b

Thư mục: tr. 191-198 s619817

293. Giáo trình Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam : Dành cho đào tạo trình độ đại học ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước : Ban hành theo Quyết định số 346/QĐ-T03-P5 ngày 06/5/2025 của Học viện Chính trị Công an nhân dân / B.s.: Trần Văn Tuấn (ch.b.), Phan Linh Chi, Nguyễn Thị Thanh Nga... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 304 tr. ; 21 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện Chính trị Công an nhân dân. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 292-297 s618757

294. Khơi dậy sức mạnh mềm của Việt Nam trong kỷ nguyên mới - Bài học từ quốc tế : Sách chuyên khảo / Nguyễn Hải Lưu, Hà Việt Anh (ch.b.), Vũ Duy Thành... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 230 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 199000đ. - 100b

Thư mục: tr. 214-228 s618602

295. Kỷ yếu Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 311 tr. : ảnh ; 25x26 cm. - 179b

ĐTTS ghi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên s618734

296. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc / Ngô Đông Hải, Trần Quốc Tỏ, Nguyễn Thị Kim Chi... - H. : Văn học, 2025. - 718 tr. ; 30 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s619804

297. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế "Diễn đàn quốc tế Á - Phi 2025: Thách thức trước các thách thức toàn cầu trong bối cảnh mới" = Proceedings International conference Asia - Africa international forum 2025: Adapting to global challenges in the new context / Diana Sfetlana Stoica, Timisoara, Tomoomi Mori... ; Ch.b.: Nguyễn Xuân Trung, Kiều Thanh Nga. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 953 tr. : bảng, biểu đồ ; 28 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và châu Phi. - Phụ lục cuối mỗi bài s619883

298. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Cạnh tranh ảnh hưởng quốc gia trên truyền thông quốc tế trong bối cảnh phát triển trí tuệ nhân tạo / Lý Thị Hải Yến (ch.b.), Đào Minh Hồng, Hà Anh Tuấn... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 351 tr. : bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Bộ Ngoại giao. Học viện Ngoại giao. - Thư mục cuối mỗi bài s618651

299. Lịch sử Đảng bộ Công an tỉnh Tiền Giang (1975 - 2020) : Lưu hành nội bộ / B.s.: Công Huyền Xuân Triều, Võ Thị Kim Hương, Phạm Diễm Trang... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 576 tr. : ảnh ; 24 cm. - 320b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Tiền Giang. Đảng ủy Công an tỉnh. - Phụ lục: tr. 377-560. - Thư mục: tr. 561-571 s619483

300. Lịch sử Đảng bộ Cơ quan Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (giai đoạn 1947 - 2024). - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 344 tr. : bảng, ảnh ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Đảng ủy Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam s617887

301. Lịch sử Đảng bộ phường Yên Hòa (1930 - 2025) / B.s.: Nguyễn Danh Tiên (ch.b.), Trần Thị Nhân, Nguyễn Thị Mai Chi... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 398 tr., 32 tr. ảnh : bảng ; 21 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Đảng bộ quận Cầu Giấy. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Yên Hòa. - Phụ lục: tr. 361-393 s617833

302. Lịch sử Đảng bộ thị xã Thuận Thành (1930 - 2025) / Ch.b. chỉnh sửa, bổ sung: Nguyễn Thị Nguyệt Ánh, Lê Tiến Hùng. - Chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 462 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Thuận Thành. - Phụ lục: tr. 421-457 s617888

303. Lịch sử quan hệ quốc tế : Từ đầu thời cận đại đến kết thúc Thế chiến thứ hai / Vũ Dương Ninh (ch.b.), Phan Văn Ban, Nguyễn Văn Tận, Trần Thị Vinh. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 184 tr. : minh họa ; 24 cm. - 75000đ. - 500b

Thư mục: tr. 183-184 s619276

304. Nghiên cứu chủ quyền quốc gia, lãnh thổ theo định hướng tiếp cận toàn bộ và toàn diện của lịch sử Việt Nam / Hà Minh Hải, Trần Đức Cường, Trần Công Trục... ; Tổng ch.b.: Nguyễn Quang Ngọc... - H. : Thế giới. - 27 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam...

T.1: Một số vấn đề chung về chủ quyền lãnh thổ và biên giới đất liền. - 2025. - xiv, 1045 tr. : minh họa s618127

305. Nghiên cứu chủ quyền quốc gia, lãnh thổ theo định hướng tiếp cận toàn bộ và toàn diện của lịch sử Việt Nam / Nguyễn Khắc Sử, Trịnh Sinh, Lâm Thị Mỹ Dung... ; Tổng ch.b.: Nguyễn Quang Ngọc... - H. : Thế giới. - 27 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam...

T.2: Biên Đông: Không gian sinh tồn của các cộng đồng cư dân sống trên lãnh thổ Việt Nam. - 2025. - xiv, 777 tr. : minh họa s618128

306. Nghiên cứu chủ quyền quốc gia, lãnh thổ theo định hướng tiếp cận toàn bộ và toàn diện của lịch sử Việt Nam / Phan Huy Lê, Dương Hà Hiếu, Phan Phương Thảo... ; Tổng ch.b.: Nguyễn Quang Ngọc... - H. : Thế giới. - 27 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam...

T.3: Chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa. - 2025. - xiv, 589 tr. : ảnh, bảng s618129

307. Nguyễn Minh Mẫn. Chính sách của Trung Quốc và Hoa Kỳ đối với Đài Loan (1949 - 2020) / Nguyễn Minh Mẫn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 267 tr. : bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 213-231. - Phụ lục: tr. 232-267 s619414

308. Phương Liệt: Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển : Kỷ yếu chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ phường Phương Liệt lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 / B.s.: Bùi Thu Trang, Trần Lan Hương, Nguyễn Công Bách... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 40 tr. : ảnh màu ; 27 cm. - 250b

Đầu bìa sách ghi: Đảng bộ phường Phương Liệt s618279

309. Tài liệu hỏi - đáp Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX nhiệm kỳ 2025 - 2030 : Sử dụng trong sinh hoạt chi bộ và tuyên truyền, phổ biến trong Nhân dân. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 128 tr. ; 21 cm. - 9900b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Thanh Hóa s618748

310. Tham luận tại đại hội đại biểu Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 215 tr. ; 27 cm. - 430b

ĐTTS ghi: Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương. - Lưu hành nội bộ s618428

311. Thông tin lý luận và thực tiễn / Ngô Khắc Ngọc, Phạm Thị Nhâm Anh, Đỗ Văn Hòa... ; B.s.: Ngô Khắc Ngọc... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng. - 27 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Gia Lai

T.1. - 2025. - 63 tr. : ảnh, bảng. - Thư mục trong chính văn s618459

312. Trần Thùy Phương. Chiến lược mềm trong sức mạnh quốc gia của Saudi Arabia : Sách chuyên khảo / Trần Thùy Phương. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 198 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 98000đ. - 100b

Thư mục: tr. 154-170. - Phụ lục: tr. 171-198 s619043

313. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ phường Long Biên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - H. : Thế giới, 2025. - 118 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 350b

ĐTTS ghi: Đảng ủy phường Long Biên s618928

314. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 200 tr. ; 19 cm. - 3000b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Hưng Yên s620305

315. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Thọ Ngọc lần thứ I nhiệm kỳ 2025 - 2030. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 120 tr. ; 27 cm. - 320b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa. Đảng ủy xã Thọ Ngọc s618212

316. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Thuận An lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - H. : Thế giới, 2025. - 73 tr., 17 tr. ảnh màu : bảng ; 21 cm. - 350b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Hà Nội. Đảng ủy xã Thuận An s618927

317. Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 215 tr., 8 tr. ảnh màu : bảng ; 19 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Hà Nội. Đảng ủy xã Thiên Lộc. - Phụ lục: tr. 126-213 s620173

318. Vũ Dương Huân. Tình hoa ngoại giao Việt Nam (câu chuyện ngoại giao) / Vũ Dương Huân s.t., b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 384 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Ngoại giao. - Phụ lục: tr. 359-366. - Thư mục: tr. 367-373 s618626

319. Xã hội học trong phát triển khoa học lý luận chính trị : Sách chuyên khảo / Đặng Thị Minh Lý, Đỗ Văn Quân (ch.b.), Bùi Phương Đình... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 242 tr. : minh họa ; 24 cm. - 135000đ. - 300b

Thư mục: tr. 236-242 s619488

KINH TẾ

320. An toàn, tiết kiệm - kinh nghiệm sẻ chia : Cuộc thi Tiết kiệm điện thành thói quen / Trần Văn Tám, Cao Hy, Trúc Nguyễn... - H. : Hồng Đức, 2025. - 99 tr. : ảnh ; 20 cm. - 86000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: EVNHCMC; Báo Thanh niên s619368

321. Andal, Walter. Cuốn sách tài chính đầu đời 2 : Những bài học thực tiễn về tiền bạc mà trẻ em không thể bỏ lỡ / Walter Andal ; Minh họa: Richard David, Gabriel Andal ; Tiểu Vũ dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 129 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 95000đ. - 2500b

Tên sách tiếng Anh: Finance 102 for kids - Practical money lessons children cannot afford to miss. - Thư mục: tr. 127-129 s618772

322. Atkinson, Kenneth. Không bao giờ nói không : Hành trình từ Saddleworth tới Sài Gòn : Hồi ký / Kenneth Atkinson. - H. : Thế giới, 2025. - 262 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 22 cm. - 295000đ. - 700b

Tên tiếng Việt của tác giả: Phạm Kiên Sơn s618949

323. Conway, Ed. 6 vật liệu định hình văn minh nhân loại : Lịch sử của cát, muối, sắt, đồng, dầu mỏ và lithium / Ed Conway ; Dịch: Nguyễn Trinh... - H. : Tri thức, 2025. - 514 tr. ; 24 cm. - 299000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Material world s618527

324. Dương Thị Tuyết Anh. Phát triển công nghiệp chế biến thủy sản tại tỉnh Trà Vinh : Sách chuyên khảo / Dương Thị Tuyết Anh (ch.b.), Lâm Thị Mỹ Lan. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 249 tr. : minh họa ; 21 cm. - 180000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Trà Vinh. - Thư mục: tr. 219-244. - Phụ lục: tr. 245-249 s618705

325. Đặng Phong. "Phá rào" trong kinh tế vào đêm trước Đổi mới / Đặng Phong. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Tri thức, 2025. - 530 tr. : minh họa ; 24 cm. - 265000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 497-503 s619479

326. Đặng Thùy Dung. Phát triển du lịch bền vững khu vực miền núi Quảng Trị - Huế: Luận cứ và giải pháp : Sách chuyên khảo / Đặng Thùy Dung. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 227 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 145000đ. - 100b

Thư mục: tr. 207-223. - Phụ lục: tr. 224-227 s618707

327. Đinh Đức Hoàng. Lòng tham & lý trí : Những quan sát về tâm lý qua 25 năm người Việt đầu tư chứng khoán / Ch.b.: Đinh Đức Hoàng, Dũng Ez. - H. : Hồng Đức, 2025. - 218 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 299000đ. - 5000b

Thư mục: tr. 203-218 s619396

328. Giáo trình Kinh tế lượng / Huỳnh Đạt Hùng, Trần Nha Ghi (ch.b.), Phạm Xuân Giang, Nguyễn Ngọc Hiền. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 384 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200000đ. - 2000b

Thư mục cuối mỗi chương s619035

329. Giáo trình Tài chính doanh nghiệp dược : Tài liệu dùng cho sinh viên cao đẳng dược / B.s.: Nguyễn Thanh Mai (ch.b.), Phan Thị Thanh Tâm, Nguyễn Thị Lượng, Hoàng Thị Nguyệt Phương. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 99 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 390000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 99 s619577

330. Giáo trình Tài nguyên du lịch / Hoàng Thị Lan (ch.b.), Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Kiều Thu Hương, Dương Hồng Hạnh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - xii, 244 tr. : bản đồ, bảng ; 24 cm. - 269000đ. - 250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục: tr. 205-209. - Phụ lục: tr. 211-244 s619049

331. Hà Thị Thu Hòa. Mối quan hệ giữa nông dân và các đối tác thu mua cà phê ở khu vực Tây Nguyên : Sách chuyên khảo / Hà Thị Thu Hòa. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 239 tr. : minh họa ; 24 cm. - 290000đ. - 250b

Thư mục: tr. 216-229. - Phụ lục: tr. 231-239 s618912

332. Hà Thúy Quỳnh. Thuế seller / Hà Thúy Quỳnh. - H. : Tri thức. - 24 cm. - 299000đ. - 1000b

T.1: Nắm chắc luật chơi - An tâm làm chủ. - 2025. - 235 tr. : minh họa s618536

333. 20 đề Địa lí tuyển chọn : Ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 / Thầy Tùng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 151 tr. : minh họa ; 27 cm. - 3000b s618283

334. Hệ thống kiến thức Địa lí cơ bản và nâng cao : Ôn thi tốt nghiệp THPT, ĐGNL năm 2026 / Thầy Tùng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 130 tr. : minh họa ; 27 cm. - 3000b s618282

335. Hội thảo Khoa học quốc tế: Chuyển đổi số trong đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp văn hóa 2025 = International conference: Digital transformation in training human resources for cultural industry 2025 / Đào Đăng Phụng, Xie Renmin, Song Quan... ; B.s.: Lê Vinh Hưng... - H. : Văn học, 2025. - 1635 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Trường ĐHSP Nghệ thuật TW... s619803

336. Kotlikoff, Laurence J. Quy luật của tiền : Bí quyết sử dụng tiền để tạo ra dòng tiền dài hạn, tích lũy thông minh, đầu tư đúng cách và tối ưu lợi nhuận / Laurence J. Kotlikoff ; Phương Oanh dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 315 tr. ; 19 cm. - 179000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Money magic : An economist's secrets to more money, less risk, and a better life s620193

337. Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp trường: Tác động của AI tới việc dạy và học trong khối ngành kinh tế tại các trường đại học ở Việt Nam năm 2024 - 2025 / Vũ Lê Bảo Trinh, Phan Thị Thu Hiền, Vũ Phương Hồng Ngọc... ; B.s.: Nguyễn Thị Thu Hà... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - vi, 335 tr. : bảng, biểu đồ ; 30 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Ngoại thương. Cơ sở II tại Tp. Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s618419

338. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Những xu hướng lớn thúc đẩy kinh tế tư nhân, doanh nghiệp dân tộc phát triển trong kỷ nguyên mới / Đào Duy Huân, Nguyễn Tiến Dũng, Trần Kiều Nga... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 576 tr. : minh họa ; 26 cm. - 30b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tây Đô. - Thư mục cuối mỗi bài s619029

339. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Tác động của kinh tế số đến năng suất nền kinh tế: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế / Phạm Thu Vân, Hoàng Mạnh Cường, Mạc Thị Hải Yến... - H. : Tài chính, 2025. - 326 tr. : minh họa ; 30 cm. - 200b

Đề tài "Tác động của kinh tế số đến năng suất của nền kinh tế trong bối cảnh mới", mã số KX.01/07/21-30, thuộc Chương trình Khoa học xã hội và nhân văn cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 "Nghiên cứu đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới", mã số: KX.01/21-30. - Thư mục cuối mỗi bài s618167

340. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế xanh, bền vững đưa Gia Lai là điểm hấp dẫn ở khu vực Nam Trung bộ / Hoàng Nguyễn Trí Dương, Phan Thị Nga, Bùi Minh Phúc... - H. : Dân trí, 2025. - 223 tr. : bảng ; 30 cm. - 35b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Gia Lai. Trường Chính trị. - Thư mục cuối mỗi bài s618455

341. Lê Hoàng Thuya. Các nhân tố tác động đến động lực làm việc và sự gắn bó của nhân viên với ngân hàng : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Lê Hoàng Thuya, Trần Hùng Cường, Trần Lợi. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 238 tr. : minh họa ; 21 cm. - 188000đ. - 200b

Thư mục: tr. 196-238 s618724

342. Lê Thị Thúy Hằng. Giáo trình Địa lý kinh tế : Tài liệu dùng cho sinh viên ngành Tài nguyên môi trường / Lê Thị Thúy Hằng (ch.b.), Vũ Văn Lân, Lê Thị Lan Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 212 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 59000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. - Thư mục: tr. 196. - Phụ lục: tr. 197-210 s618659

343. Lynch, Peter. Đánh bại phố Wall = Beating the street / Peter Lynch, John Rothchild ; Nguyễn Thị Phương dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Lao động, 2025. - 523 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 219000đ. - 3000b s618859

344. 100 bí ẩn đáng kinh ngạc về tiền = 100 things to know about money : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Lời: Alice James, Lan Cook, Micaela Tapsell, Victoria M. Williams ; Minh họa: Federico Mariani... - H. : Thế giới, 2025. - 128 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 119000đ. - 2000b s618978

345. Nam Taek Su. Quy luật giữa tiền bạc và may mắn : Bí mật về "thời điểm vàng" khi tài chính thăng hoa cùng vận số / Nam Taek Su ; Nguyễn Thị Vân Anh dịch. - H. : Lao động, 2025. - 276 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Kỹ năng). - 139000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 돈과 운의 법칙 s618845

346. Ngô Hoàng Liên. Giác ngộ tài chính / Ngô Hoàng Liên. - H. : Văn học, 2025. - 270 tr. ; 19 cm. - 169000đ. - 5000b s620303

347. Ngô Minh Trí. Trading thực chiến : Sách này không giúp bạn giàu... nhưng giúp bạn thông minh hơn khi Trade / Ngô Minh Trí. - H. : Tài chính, 2025. - 259 tr. : hình vẽ, bảng ; 22 cm. - 500000đ. - 1000b s619045

348. Nguyễn Đức Dũng. Kiến thức cơ bản về giao dịch hàng hóa : Những điều cần biết về giao dịch hàng hóa phái sinh / B.s.: Nguyễn Đức Dũng (ch.b.), Nguyễn Hải Linh. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Công Thương, 2025. - 187 tr. : minh họa ; 24 cm. - 118000đ. - 5000b

Phụ lục: tr. 174-186. - Thư mục: tr. 187 s618807

349. Nguyễn Phú Tuấn. Đột phá thu nhập với TikTok : Kỷ nguyên của môi giới bất động sản nhà phá / Nguyễn Phú Tuấn. - H. : Công Thương, 2025. - 419 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 199000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Tập đoàn Việt Rich. Bất động sản Tuấn 123 Miền Nam. - Phụ lục: tr. 375-419 s618830

350. Nguyễn Thị Bích Thủy. Đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Bích Thủy. - H. : Khoa học xã hội, 2024. - 209 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 12000000đ. - 200b

Thư mục: tr. 195-209 s618710

351. Nguyễn Thị Hồng. Giáo trình Tạo động lực lao động / Nguyễn Thị Hồng ch.b. - H. : Công Thương, 2025. - 236 tr. : minh họa ; 21 cm. - 65000đ. - 23600b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động xã hội. - Thư mục: tr. 235 s618820

352. Nguyễn Thu Phương. Toán kinh tế : Hướng dẫn giải bài tập / Nguyễn Thu Phương b.s. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Tri thức, 2025. - 27 tr. ; 24 cm. - 50000đ. - 500b

- DTTS ghi: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Toán s618532
353. Nhâm Hùng. Đồn ca tài tử trong không gian du lịch / Nhâm Hùng. - H. : Văn học, 2025. - 180 tr. : ảnh ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 164 s619127
354. Những điều cần biết về Đại hội Công đoàn các cấp. - H. : Lao động, 2025. - 240 tr. ; 19 cm. - 25000đ. - 14200b
DTTS ghi: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Ban Quan hệ lao động s620168
355. Phan Đức Châu. Toán kinh tế : Dành cho sinh viên kinh tế / Phan Đức Châu (ch.b.), Lê Đình Thuý. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Tri thức, 2025. - 119 tr. : bảng ; 24 cm. - 80000đ. - 500b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Toán. - Thư mục: tr. 106. - Phụ lục: tr. 107-119 s618529
356. Phan Văn Trung. Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên phục vụ phát triển nông - lâm nghiệp lưu vực sông Bé : Sách chuyên khảo / Phan Văn Trung. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 197 tr. : bảng, lược đồ ; 24 cm. - 180000đ. - 200b
Thư mục: tr. 184-197 s618906
357. Phát huy giá trị thời đại và sức sống trường tồn của Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 trong xây dựng và phát triển tỉnh Bắc Ninh hiện nay : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Phương Hoa, Phạm Thị Yên, Lê Minh Hải... ; Ch.b.: Nguyễn Thị Kim Dung... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 316 tr. ; 24 cm. - 100b
DTTS ghi: Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh s618603
358. Phú Thọ - Tiềm năng và cơ hội đầu tư / Minh họa: Quốc Huy. - Phú Thọ : S.n., 2025. - 58 tr. : minh họa ; 20 cm. - 2000b
Đầu bìa sách ghi: Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Phú Thọ s619399
359. Selden, George Charles. Tâm lý thị trường chứng khoán : Thảm họa đầu cơ và sự cuồng loạn của đám đông / George Charles Selden ; Phương Lan dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Lao động, 2025. - 135 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Psychology of the stock market s618858
360. Smith, Adam. Sự thịnh vượng của các Quốc gia = The wealth of Nations / Adam Smith ; Dịch: Tạ Ngọc Thạch, Phạm Thị Ngọc Trâm ; Vũ Hoàng Linh h.đ. - H. : Thế giới, 2025. - 958 tr. ; 24 cm. - 550000đ. - 2500b
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: An inquiry into the nature and causes of the wealth of nations s618974
361. Thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo ở khu vực Tây Nam Bộ hiện nay theo Tư tưởng Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / B.s.: Võ Thị Kim Huệ (ch.b.), Lâm Thị Kho, Trịnh Thùy Lam, Trần Thị Thúy. - H. : Lao động, 2025. - 277 tr. : biểu đồ ; 21 cm. - 168000đ. - 300b
Phụ lục: tr. 211-251. - Thư mục: tr. 252-277 s618844
362. Tổng ôn toàn diện môn Địa lí : Luyện thi tốt nghiệp THPT, đại học và học sinh giỏi. Dành chung cho cả 3 bộ sách theo Chương trình GDPT mới / Lê Thị Uyên, Tạ Quang Quyết. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 564 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 240000đ. - 2000b s618669
363. Trần Đức Nguyên. Hồi ký Trần Đức Nguyên - Nhớ lại và suy ngẫm. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 363 tr. : ảnh ; 24 cm. - 239000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Đinh Kiến Thuận. - Phụ lục: tr. 343-363 s618911

364. Trần Quang Phú. Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp vận tải và Logistics : Dành cho sinh viên hệ đại học ngành Kinh tế vận tải, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Khai thác vận tải / Trần Quang Phú (ch.b.), Lê Thị Hồng Huệ, Trần Thị Diệu Huyền. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 260 tr. : bảng ; 27 cm. - 268000đ. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 259 s618157

365. Trương Công Phú. Sử dụng đất nông nghiệp bền vững: Cơ sở khoa học, lý luận và thực tiễn / Trương Công Phú, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh. - H. : Nông nghiệp, 2025. - x, 142 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 100b

Thư mục cuối mỗi chương s619056

366. Vai trò của Công đoàn trong thanh tra, kiểm tra, giám sát, thực hiện phản biện xã hội tại doanh nghiệp : Sách chuyên khảo / B.s.: Hoàng Thị Nga (ch.b.), Vũ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chu Du... - H. : Lao động, 2025. - 327 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 120000đ. - 50b

Phụ lục: tr. 195-314. - Thư mục: tr. 315-327 s618861

367. Vĩnh Phúc cơ hội đầu tư. - S.l. : S.n., 2025. - 8 tr. : ảnh, bảng ; 14 cm. - 3000b

Đầu bìa sách ghi: Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc s620268

368. Võ Đại Lược. Quan hệ kinh tế Mỹ - Trung - Nga: Quá khứ, hiện tại và tương lai / Ch.b.: Võ Đại Lược, Phạm Anh Tuấn. - H. : Thế giới, 2025. - 399 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 345000đ. - 100b

Thư mục: tr. 364-399 s619019

369. Võ Khắc Thường. Quản trị ngân hàng thương mại : Sách chuyên khảo / Võ Khắc Thường, Nguyễn Hữu Quyền. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 268 tr. ; 21 cm. - 268000đ. - 299b

Thư mục: tr. 264-268 s618722

370. Vũ Thùy Linh. Quản trị dòng tiền trong các doanh nghiệp ngành dệt may niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam : Sách chuyên khảo / Vũ Thùy Linh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 296 tr. : minh họa ; 21 cm. - 168000đ. - 100b

Thư mục: tr. 252-267. - Phụ lục: tr. 268-296 s618723

371. Vương Thục Hội. Tình hình tài chính Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ năm 1945 đến năm 1954 / Vương Thục Hội. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 241 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 168000đ. - 500b

Thư mục: tr. 223-241 s619489

372. Xu hướng ứng dụng công nghệ trong hành vi du lịch của du khách : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Vân Hạnh (ch.b.), Nguyễn Xuân Anh, Nguyễn Hữu Bình, Trần Tuyên. - H. : Khoa học xã hội, 2024. - 231 tr. : bảng ; 24 cm. - 127000đ. - 200b

Thư mục: tr. 210-231 s618910

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CÁC HỆ THỐNG LIÊN QUAN

373. Bộ tiêu chí về phong cách làm việc theo tư tưởng Hồ Chí Minh của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang : Sách tham khảo / B.s.: Mai Quang Thắng, Đỗ Thu Hương (ch.b.), Phùng Thị Hà... - H. : Tri thức, 2025. - 290 tr. : bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị Tuyên Quang. - Phụ lục: tr. 89-284. - Thư mục: tr. 285-288 s618528

374. Đổi mới giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay : Chủ đề 1: Giá trị và sức sống của chủ nghĩa

Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay : Hội thảo Khoa học quốc gia / Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Thế Nghĩa, Trịnh Doãn Chính... ; B.s.: Lương Minh Cừ... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 366 tr. ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Cửu Long. - Thư mục cuối mỗi bài s618727

375. Đổi mới giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay : Chủ đề 2: Đổi mới giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác - Lênin : Hội thảo khoa học quốc gia / Đinh Ngọc Thạch, Nguyễn Ngọc Khá, Bùi Thị Ngọc Trang... ; B.s.: Lương Minh Cừ... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 791 tr. ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Cửu Long. - Thư mục cuối mỗi bài s618728

376. Hồ Chí Minh. Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh (19.5.1890 - 02.9.1969). - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 51 tr. ; 13 cm. - 25000đ. - 1500b s620239

377. Hồ Chí Minh. Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh (19.5.1890 - 02.9.1969). - In lần thứ 23. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 51 tr. ; 13 cm. - 25000đ. - 1500b s620244

PHÁP LUẬT

378. Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) / Trần Văn Biên, Đinh Thế Hưng, Lê Quang Thành... - H. : Thế giới, 2025. - 639 tr. ; 28 cm. - 525000đ. - 1000b s618126

379. Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025) / Đinh Thế Hưng, Trần Văn Biên, Trần Tuấn Minh (ch.b.)... - H. : Thế giới, 2025. - 479 tr. ; 28 cm. - 450000đ. - 1000b s618130

380. Bình luận khoa học Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 : Sách chuyên khảo / Nguyễn Hiền Phương, Phan Thị Thanh Hiền, Đào Xuân Trường... ; ch.b.: Nguyễn Hiền Phương, Phan Thị Thanh Huyền. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 423 tr. ; 24 cm. - 380000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 420-423 s619333

381. Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới : Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia / Lê Văn Lợi, Hoàng Thế Liên, Nguyễn Văn Cương... - H. : Tư pháp, 2025. - 727 tr., 6 tr. ảnh : bảng ; 27 cm. - 370b

ĐTTS ghi: Bộ Tư pháp; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh s618134

382. Đồng Đại Lộc. Tư duy hệ thống trong chính sách hình sự ở Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế : Sách tham khảo / Đồng Đại Lộc. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 224 tr. : bảng ; 21 cm. - 250000đ. - 115b

Thư mục cuối mỗi chương s619038

383. Đồng Đại Lộc. Tư duy hệ thống trong pháp luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế : Sách tham khảo / Đồng Đại Lộc. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 316 tr. ; 21 cm. - 300000đ. - 115b

Thư mục cuối mỗi chương s619039

384. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp của thành phố Cần Thơ / Đồng Việt Phương (ch.b.), Quách Văn Dương, Ngô Ngọc Đăng... - H. : Tư pháp, 2025. - 167 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 500b

Thư mục: tr. 155-161 s618741

385. Giáo trình giảng dạy đại học Pháp luật đại cương và pháp chế dược / B.s.: Phạm Đình Luyện (ch.b.), Nguyễn Thị Hải Yến, Trần Thành Đạo... - H. : Y học, 2025. - 480 tr. ; 27 cm. - 300000đ. - 500b s619647

386. Giáo trình Kỹ năng hành nghề Thừa phát lại / Trần Thanh Phương, Cao Thị Kim Trinh (ch.b.), Chu Xuân Bình... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Tư pháp, 2025. - 622 tr. ; 24 cm. - 197000đ. - 416b

ĐTTS ghi: Học viện Tư pháp. - Thư mục: tr. 599-605 s618744

387. Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam / Phạm Văn Tuyết, Trần Thị Huệ (ch.b.), Trần Ngọc Hiệp... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Tư pháp. - 22 cm. - 108000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội

T.1. - 2025. - 515 tr. - Thư mục: tr. 511-515 s618743

388. Giáo trình Luật Hành chính / Đinh Thị Thanh Thủy (ch.b.), Đoàn Thị Tố Uyên, Nguyễn Thanh Hương, Đinh Thị Ngọc Hà. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 306 tr. ; 24 cm. - 145000đ. - 250b

ĐTTS ghi: Đại học Thương mại. - Thư mục cuối mỗi chương s619047

389. Giáo trình Luật Lao động Việt Nam / Lê Thị Hoài Thu (ch.b.), Nguyễn Hữu Chí, Nguyễn Xuân Thu... - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 594 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 240000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Thư mục cuối mỗi chương s618670

390. Giáo trình Luật Ngân hàng / B.s.: Lê Thị Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Lan Hương, Vũ Văn Cương, Đỗ Minh Tuấn. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 403 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 150000đ. - 500b

Thư mục: tr. 395-403 s618667

391. Giáo trình Pháp chế dược : Dành cho đào tạo cao đẳng ngành Dược / B.s.: Nguyễn Thị Lượng (ch.b.), Phan Thị Thanh Tâm, Nguyễn Thanh Mai, Hoàng Thị Nguyệt Phương. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 143 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 460000đ. - 72b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 143 s619580

392. Giáo trình Pháp luật Cộng đồng ASEAN / Nguyễn Thị Thuận, Lê Minh Tiến (ch.b.), Phạm Hồng Hạnh... - Tái bản lần thứ 8, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Tư pháp, 2025. - 474 tr. : sơ đồ ; 21 cm. - 93000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục: tr. 468-474 s618740

393. Giáo trình Pháp luật đại cương / Hoàng Phước Hiệp (ch.b.), Thái Vĩnh Thắng, Nguyễn Thị Thanh Thủy... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Tri thức, 2025. - 434 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Luật - Kinh tế. - Thư mục cuối mỗi chương s618510

394. Giáo trình Pháp luật đại cương / Trần Mạnh Toàn (ch.b.), Hà Diệu Hằng, Trần Thị Thu Hằng... - H. : Lao động, 2025. - 261 tr. ; 24 cm. - 89000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 260 s618852

395. Giáo trình Pháp luật đại cương : Dành cho sinh viên các trường đại học không chuyên ngành Luật / Lê Minh Hùng (ch.b.), Đinh Thị Cẩm Hà, Lương Thị Thuỳ Dương... - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 267 tr. : bảng ; 28 cm. - 68000đ. - 1200b s619705

396. Hệ thống toàn văn bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai : Ban hành theo Quyết định 2304/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 và Quyết định 3380/QĐ-BNNMT ngày 25 tháng 8 năm 2025 / Hồng Tươi hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 399 tr. : bảng ; 28 cm. - 425000đ. - 3000b s618098

397. Hệ thống văn bản pháp luật tài liệu phục vụ môn học Luật Hiến pháp Việt Nam / Bộ môn Luật Hiến pháp tuyển chọn, hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 442 tr. ; 29 cm. - 150000đ. - 2500b s618096

398. Hoàng Thị Lan Phương. Quyền tố cáo của công dân theo pháp luật Việt Nam : Sách chuyên khảo / Hoàng Thị Lan Phương. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 335 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 500b

Thư mục: tr. 314-329 s619482

399. Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Pháp luật với các vấn đề xã hội đương đại: Bảo vệ quyền cá nhân, an toàn cộng đồng và di sản văn hóa" / Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Ngọc Kim Chi, Nguyễn Phúc Quân... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 303 tr. : hình vẽ ; 30 cm. - 10b

ĐTTS ghi: Trung tâm Thực hành Luật và Khởi nghiệp. - Thư mục cuối mỗi chương s618106

400. Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Tác động của Luật Đất đai năm 2024 đến các lĩnh vực của đời sống xã hội" / Đặng Thị Thu Huyền, Nguyễn Thế Cường, Nguyễn Mai Trâm... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 337 tr. : minh họa ; 28 cm. - 120b

Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Khoa Luật. - Thư mục cuối mỗi bài s619704

401. Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Thách thức và cơ hội của trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số" / Nguyễn Thanh Long, Nguyễn Thái Cường, Hoàng Thị Hải Băng... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 253 tr. ; 28 cm. - 120b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế BigBoss. - Thư mục cuối mỗi bài s619706

402. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 111 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 10000b s620176

403. Luật Công chứng và văn bản hướng dẫn (hiện hành từ 01 - 07 - 2025). - H. : Hồng Đức, 2025. - 235 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b s618627

404. Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai / Hệ thống: Quốc Đại, Hoài Tươi. - H. : Lao động, 2025. - 655 tr. : bảng ; 28 cm. - 565000đ. - 3000b s618095

405. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2024, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 124 tr. ; 19 cm. - 40000đ. - 4000b s620170

406. Luật Kinh doanh bất động sản và văn bản hướng dẫn thi hành / Bích Phương hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 420 tr. : hình vẽ ; 28 cm. - 425000đ. - 3000b s618099

407. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025. - H. : Lao động, 2025. - 383 tr. ; 28 cm. - 425000đ. - 3000b s618100

408. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân - Hệ thống các án lệ, Nghị quyết, công văn hướng dẫn mới nhất về công tác tòa án : Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 ngày 24/06/2024

của Quốc hội / Quốc Đại hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 383 tr. : bảng ; 28 cm. - 395000đ. - 3000b s618101

409. Nguyễn Hương Ly. Pháp luật Đầu tư công ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Hương Ly. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 268 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 200b
Thư mục: tr. 254-266 s618715

410. Nguyễn Khắc Chinh. Quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) : Sách chuyên khảo / Nguyễn Khắc Chinh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 171 tr. ; 24 cm. - 220000đ. - 200b
Thư mục: tr. 161-171 s618648

411. Nguyễn Ngọc Hòa. Bộ luật Hình sự Việt Nam dưới góc độ kỹ thuật văn bản / Nguyễn Ngọc Hòa. - H. : Tư pháp, 2025. - 234 tr. : bảng ; 21 cm. - 145000đ. - 500b
Thư mục: tr. 227-230 s618742

412. Nguyễn Phục Hưng. Giáo trình Quản lý mỹ phẩm và thực phẩm chức năng : Dành cho học viên sau đại học / Ch.b.: Nguyễn Phục Hưng, Trần Thị Tuyết Phụng. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 172 tr. : minh họa ; 27 cm. - 186000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Quản lý dược. - Thư mục: tr. 171-172 s618204

413. Nguyễn Phục Hưng. Giáo trình Quản lý nghiệp vụ dược : Dành cho học viên sau đại học / Ch.b.: Nguyễn Phục Hưng, Trần Thị Tuyết Phụng. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 157 tr. ; 27 cm. - 200000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Quản lý dược. - Thư mục: tr. 156-157 s618203

414. Phan Thị Luyện. Giáo trình Phương pháp điều tra xã hội học / Phan Thị Luyện (ch.b.), Nguyễn Thanh Hương, Ngô Văn Nhân. - H. : Tư pháp, 2025. - 234 tr. : minh họa ; 21 cm. - 46000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục: tr. 233-234 s618739

415. Pháp luật và kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động : Sách tham khảo / B.s.: Đào Mộng Diệp (ch.b.), Đỗ Thị Quỳnh Trang, Mai Đăng Lưu... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 231 tr. ; 24 cm. - 238000đ. - 110b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật, Đại học Huế. - Thư mục: tr. 214-231 s619334

416. Pháp luật về đầu tư kinh doanh bất động sản ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Doãn Hồng Nhung (ch.b.), Nguyễn Thế Kiên, Lê Văn Sơn... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 815 tr. ; 24 cm. - 358000đ. - 510b

Phụ lục: tr. 581-795.- Thư mục: tr. 796-808 s618755

417. Phiếu bài tập củng cố Tiếng Việt 3 theo tuần : Sách dùng ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới... / Mai Thanh Hằng. - H. : Tri thức, 2025. - 135 tr. : tranh vẽ ; 30 cm. - 79000đ. - 2300b s618478

418. Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai : Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 / Quang Minh hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 387 tr. ; 28 cm. - 395000đ. - 3000b s618097

419. Quy định xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ. - H. : Tài chính, 2025. - 295 tr. ; 15 cm. - 941b s620188

420. Sổ tay hỏi đáp pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. - H. : Tri thức, 2025. - 80 tr. ; 21 cm. - 4700b

ĐTTS ghi: Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bắc Ninh s618512

421. Sổ tay Pháp luật bất động sản và các thủ tục pháp lý có liên quan đến nhà, đất / Nguyễn Phương hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 391 tr. ; 28 cm. - 395000đ. - 1000b s618103

422. Tạ Đình Tuyên. Bình luận khoa học Luật Đất đai năm 2024 / Tạ Đình Tuyên, Nguyễn Văn Huy. - H. : Lao động, 2025. - 466 tr. ; 27 cm. - 425000đ. - 3000b s618086

423. Tạ Đình Tuyên. Bình luận khoa học Luật Đất đai năm 2024 / Tạ Đình Tuyên, Nguyễn Văn Huy. - Tái bản lần thứ 1, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Lao động, 2025. - 466 tr. ; 27 cm. - 425000đ. - 5000b s618087

424. Tài liệu hỏi - đáp về Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2025/QH15 = ឯកសារសំណួរ-ចម្លើយ, ឯកសារផ្សព្វផ្សាយពីភាសាវៀត-ខ្មែរ : Tài liệu tuyên truyền song ngữ: Việt - Khmer. - Cần Thơ : S.n., 2025. - 232 tr. ; 21 cm. - 650b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Sở Dân tộc và Tôn giáo s619294

425. Tài liệu hỏi đáp về Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2025/QH15 = 问答文件, 越中双语宣传文件 : Tài liệu tuyên truyền song ngữ: Việt - Hoa. - Cần Thơ : S.n., 2025. - 200 tr. ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Sở Dân tộc và Tôn giáo s619295

426. Tiếp cận đất đai và quyền của người sử dụng đất: Kinh nghiệm tại phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp : Sách chuyên khảo / Ngô Thạch Thảo Ly (ch.b.), La Văn Hùng Minh, Phạm Thế Hùng, Nguyễn Hữu Long. - H. : Nông nghiệp, 2025. - xii, 204 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 219000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Đồng Tháp. - Thư mục: tr. 191-201 s619057

427. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An: 80 năm xây dựng và phát triển (1945 - 2025) / B.s.: Lê Văn Quỳnh, Trần Quốc Cường, Hoàng Ngọc Anh... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 151 tr. : ảnh màu ; 28 cm. - 200b s619727

428. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025). - H. : Lao động, 2025. - 539 tr. ; 19 cm. - 120000đ. - 2000b s620148

429. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025). - H. : Lao động, 2025. - 555 tr. ; 19 cm. - 120000đ. - 2000b s620146

430. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (hiện hành). - H. : Tư pháp, 2025. - 63 tr. ; 19 cm. - 22000đ. - 600b s620371

431. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Hiến pháp Việt Nam (qua các thời kỳ). - H. : Tư pháp, 2025. - 255 tr. ; 19 cm. - 135000đ. - 500b s620187

432. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hiện hành). - H. : Tư pháp, 2025. - 110 tr. ; 19 cm. - 40000đ. - 600b s620373

433. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2024, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 279 tr. ; 19 cm. - 165000đ. - 1000b s620172

434. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Cán bộ, công chức : Luật số 80/2025/QH15. - H. : Hồng Đức, 2025. - 45 tr. ; 21 cm. - 49000đ. - 1000b s619373

435. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 80 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 2000b s620178

436. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Công nghiệp công nghệ số (được thông qua ngày 14/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 62 tr. ; 19 cm. - 20000đ. - 1000b s620186
437. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022, 2025). - H. : Lao động, 2025. - 307 tr. ; 19 cm. - 70000đ. - 5000b s620150
438. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Đặc xá năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 47 tr. ; 19 cm. - 21000đ. - 2500b s620306
439. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Ngân sách nhà nước (được thông qua ngày 25/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 115 tr. ; 19 cm. - 25000đ. - 1000b s620174
440. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Nhà giáo : Luật số 73/2025/QH15. - H. : Hồng Đức, 2025. - 38 tr. ; 21 cm. - 49000đ. - 1000b s619371
441. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2023, 2024, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 144 tr. ; 19 cm. - 67000đ. - 3500b s620171
442. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quảng cáo năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2024, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 59 tr. ; 19 cm. - 22000đ. - 4000b s620383
443. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 52 tr. ; 19 cm. - 17000đ. - 6000b s620181
444. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc (được thông qua ngày 26/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 31 tr. ; 19 cm. - 18000đ. - 500b s620185
445. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (được thông qua ngày 14/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 47 tr. ; 19 cm. - 18000đ. - 1000b s620184
446. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (được thông qua ngày 14/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 27 tr. : bảng ; 19 cm. - 13000đ. - 1000b s620182
447. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 71 tr. : bảng ; 19 cm. - 25000đ. - 4000b s620382
448. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 79 tr. ; 19 cm. - 29000đ. - 2500b s620381
449. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức chính quyền địa phương : Luật số 72/2025/QH15. - H. : Hồng Đức, 2025. - 112 tr. ; 21 cm. - 59000đ. - 1000b s619372
450. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 79 tr. ; 19 cm. - 21000đ. - 1000b s620175
451. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 112 tr. ; 19 cm. - 31000đ. - 5000b s620179
452. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2024, 2025). - H. : Lao động, 2025. - 375 tr. ; 19 cm. - 80000đ. - 2000b s620147

453. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 112 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 3000b s620177

454. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Trẻ em năm 2016 (sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2024, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 91 tr. ; 19 cm. - 29000đ. - 4000b s620180

455. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Việc làm (được thông qua ngày 16/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 59 tr. ; 19 cm. - 20000đ. - 1000b s620183

456. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Xử lý vi phạm hành chính (hiện hành). - H. : Tư pháp, 2025. - 198 tr. ; 19 cm. - 22000đ. - 600b s620372

457. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2024, 2025). - H. : Lao động, 2025. - 215 tr. ; 19 cm. - 60000đ. - 2000b s620149

458. Vũ Lan Hương. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành : Sách chuyên khảo / Vũ Lan Hương. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 312 tr. : bảng ; 21 cm. - 160000đ. - 100b

Phụ lục: tr. 268-284. - Thư mục: tr. 285-306 s618758

459. Vũ Ngọc Hà. Pháp luật về quyền tố cáo và cơ chế bảo vệ người tố cáo - Định hướng hoàn thiện : Sách chuyên khảo / Vũ Ngọc Hà. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 136 tr. ; 21 cm. - 30b

Thư mục: tr. 128-131 s618759

HÀNH CHÍNH CÔNG VÀ QUÂN SỰ

460. Bình pháp Tôn Tử và 36 kế / Mặc Am dịch, b.s. - H. : Văn học, 2025. - 259 tr. ; 21 cm. - (Bách gia tinh hoa). - 98000đ. - 10000b s619225

461. Bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức cách mạng giai đoạn mới cho giảng viên trẻ các học viện, trường sĩ quan quân đội theo quy định số 144-QĐ/TW : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Viết Đức, Nguyễn Đức Thành, Nguyễn Hải Biên (ch.b.)... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 152 tr. ; 21 cm. - 111b

Thư mục: tr. 146-150 s618735

462. Chính sách dân tộc ở đô thị đặc biệt: Thực tiễn và kinh nghiệm từ Thành phố Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Đặng Thanh Tuấn (ch.b.), Lê Sơn Tùng, Đinh Thị Hồng Trâm.... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 235 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 168000đ. - 100b

Thư mục: tr. 210-235 s618703

463. Dương Đình Lập. Từ đội du kích Bắc Sơn đến Trung đội Cứu quốc quân 1 / Dương Đình Lập. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 200 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 5000b

Phụ lục: tr. 169-190. - Thư mục: tr. 191-198 s618513

464. Đàm Khắc Cử. Quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp (Nghiên cứu trường hợp doanh nghiệp giao thông đường bộ Việt Nam) : Sách chuyên khảo / Đàm Khắc Cử (ch.b.), Trần Minh Châu. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 255 tr. : minh họa ; 24 cm. - 91000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. - Thư mục: tr. 250-254. - Phụ lục: tr. 255 s619087

465. Giáo trình Quản lý y tế / B.s.: Đào Văn Dũng, Phan Hoàng Hiệp (ch.b.), Võ Thị Kim Anh... - H. : Y học, 2025. - 823 tr. : minh họa ; 24 cm. - 850000đ. - 325b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Cửu Long. - Thư mục cuối mỗi chương s618697

466. Hoàng Thị Ngọc Nghiêm. Nâng cao hiệu quả quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Hoàng Thị Ngọc Nghiêm. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 268 tr. : bảng ; 21 cm. - 120000đ. - 200b

Thư mục: tr. 230-267 s618714

467. Hồ Chí Minh. Sửa đổi lỗi làm việc / X. Y. Z.. - In lần thứ 14. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 133 tr. ; 13 cm. - 45000đ. - 1500b s620240

468. Hướng dẫn tự học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh : Học phần 3: Quân sự chung : Biên soạn theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT / Lê Đức Sơn, Nguyễn Đức Trọng (ch.b.), Phạm Văn Hiền... - Tái bản lần 2, có chỉnh sửa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 164 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách ĐHSP TPHCM). - 60000đ. - 5000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 164 s619413

469. Kỷ yếu Đại hội Thi đua yêu nước ngành Nông nghiệp và Môi trường lần thứ I, giai đoạn 2025 - 2030. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2025. - 218 tr. : ảnh ; 29 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường s618120

470. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Nâng cao chất lượng đào tạo tại Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại thành phố Đà Nẵng / Lê Văn Mão, Lê Vĩnh Hoàng Linh, Nguyễn Thanh Tuấn... ; B.s.: Trần Đình Chín... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 202 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Học viện Hành chính và Quản trị công. Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại thành phố Đà Nẵng. - Thư mục cuối mỗi bài s618460

471. Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Bắc Ninh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 2025). - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 500 tr. : bảng ; 24 cm. - 1200b

ĐTTS ghi: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Ninh. - Phụ lục: tr. 485-496 s617869

472. Miyamoto Musashi. Ngũ luân thư / Miyamoto Musashi ; Bùi Thế Cần dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 206 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 119000đ. - 1500b s618997

473. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương ở đô thị tại tỉnh Bình Phước : Sách chuyên khảo / Lê Nguyễn Thị Ngọc Lan (ch.b.), Bùi Thị Hải, Bùi Văn An... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 234 tr. : bảng ; 21 cm. - 186000đ. - 100b

Thư mục: tr. 224-233 s618717

474. 50 năm Truyền hình Quân đội nhân dân / Lê Trung Đạo, Nguyễn Việt Dũng, Nguyễn Hoài Nam... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 307 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 140b

ĐTTS ghi: Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Trung tâm Phát thanh - Truyền hình Quân đội s618729

475. Nguyễn Quang Chánh. Sống để kể lại những anh hùng : Câu chuyện cảm động về những người anh hùng cao thượng, bình dị, sống mãi trong lòng dân / Nguyễn Quang Chánh. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 375 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 320000đ. - 2000b s619511

476. Phát triển nông nghiệp vùng ven biển Đồng bằng Sông Hồng trong điều kiện biến đổi khí hậu : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Khuyên, Nguyễn Đức Toàn (ch.b.), Trần Thị Ngọc Minh... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 242 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 168000đ. - 100b

Thư mục: tr. 224-242 s618713

477. Phùng Khắc Đăng. Những điều còn lại / Phùng Khắc Đăng. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 575 tr. : ảnh ; 24 cm. - 721b s618731

478. Quản lý nhà nước về giáo dục : Dành cho Chương trình Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, và trung học phổ thông : Sách tham khảo / Lê Đình Huân (ch.b.), Nguyễn Văn Công, Phạm Công Hiệp, Lê Bá Lộc. - H. : Hồng Đức, 2025. - 215 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 145000đ. - 200b

Thư mục: tr. 211-215 s618622

479. Thái Xuân Sang. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân xã : Nghiên cứu tại địa bàn tỉnh Nghệ An / Thái Xuân Sang. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 326 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 286000đ. - 60b

Thư mục: tr. 227-242. - Phụ lục: tr. 243-326 s618661

480. Vang mãi bản hùng ca của phụ nữ quân đội trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước : Kỷ yếu tọa đàm : Chào mừng Kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) / Lê Thanh Bài, Nguyễn Thị Ly, Tô Đình Kháng... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 375 tr. ; 24 cm. - 6800b

ĐTTS ghi: Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Ban Phụ nữ Quân đội s617860

CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ DỊCH VỤ XÃ HỘI

481. An toàn giao thông / Ban Biên tập Giáo dục an toàn học sinh ; Phạm Hồng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 127 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Sách tranh Giáo dục an toàn cho học sinh). - 59000đ. - 2500b

Tên sách tiếng Trung: 学生安全教育漫画书: 生活安全 s617925

482. An toàn khi ở ngoài / Nhóm An toàn ; Minh Thuận dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 188 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Kĩ năng an toàn cho học sinh). - 65000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 小学生安全漫画 s617909

483. An toàn khi ở nhà / Nhóm An toàn ; Minh Thuận dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 186 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Kĩ năng an toàn cho học sinh). - 65000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 小学生安全漫画 s617910

484. An toàn phòng cháy chữa cháy / Ban Biên tập Giáo dục an toàn học sinh ; Phạm Hồng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 127 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Sách tranh Giáo dục an toàn cho học sinh). - 59000đ. - 2500b

Tên sách tiếng Trung: 学生安全教育漫画书: 消防安全 s617926

485. Báo cáo thường niên 2024: Đổi mới - Tin cậy. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 58 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 1100b

ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Tổ chức Tài chính vi mô Tình Thương (TYM) s618411

486. Bệnh viện và công tác xã hội trong bệnh viện : Giáo trình dành cho học viên sau đại học / B.s.: Đào Văn Dũng, Trần Quốc Cường (ch.b.), Phan Hoàng Hiệp... - H. : Y học, 2025. - 354 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 520000đ. - 125b

Thư mục: tr. 349-354 s618680

487. Campbell, Hayley. Muôn chuyện tử sinh : Chân dung 13 nghề phụng sự người đã khuất / Hayley Campbell ; Eve La Lune dịch. - H : Thế giới, 2025. - 255 tr. ; 20 cm. - 139000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: All the living and the dead s618763

488. Chuyển đổi số bệnh viện và đạo đức y khoa trong cách mạng công nghiệp 4.0 / B.s.: Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Công Hoàng (ch.b.), Hà Tiến Quang... - H. : Y học, 2025. - 431 tr. : minh họa ; 24 cm. - 445000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. - Thư mục: tr. 393-431 s618696

489. Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với tai nạn, sự cố tàu điện tại Việt Nam - Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp tiểu ban / Lê Quang Bốn, Phạm Văn Long, Lê Xuân Lực... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 335 tr. : hình vẽ, ảnh ; 30 cm. - 70b

ĐTTS ghi: Hội đồng lý luận Bộ Công an. Tiểu ban Lý luận bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục cuối mỗi bài s619916

490. Đánh giá và quản lý nguy cơ sức khỏe môi trường : Giáo trình giảng dạy thạc sĩ y tế công cộng / B.s.: Trần Thị Tuyết Hạnh (ch.b.), Lê Thị Thanh Hương, Nguyễn Thúy Quỳnh... - H. : Y học, 2025. - 135 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 180800đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y tế công cộng. - Thư mục cuối mỗi bài s619569

491. Đường. Hồ sơ máu : Vén màn 13 vụ án rúng động mọi thời đại : 18+ / Đường b.s. - H. : Thế giới, 2025. - 302 tr. : ảnh ; 21 cm. - 139000đ. - 1000b s618999

492. Forward, Susan. Cha mẹ độc hại : Vượt qua di chứng tổn thương và giành lại cuộc đời bạn / Susan Forward, Craig Buck ; Nguyễn Thị Thanh Hằng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 343 tr. ; 24 cm. - 168000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Toxic parents : Overcoming their hurtful legacy and reclaiming your life. - Thư mục: tr. 340 s617863

493. Giáo trình Công tác xã hội nhóm / Nguyễn Trung Hải (ch.b.), Nguyễn Huyền Linh, Nguyễn Thị Huệ... - H. : Công Thương, 2025. - 412 tr. : bảng ; 21 cm. - 106000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục cuối mỗi chương s618824

494. Giáo trình giảng dạy đại học - Tin học : Dành cho sinh viên năm thứ nhất / B.s.: Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Lê Phương Liên, Trần Thị Diệu... - H. : Y học, 2025. - 326 tr. : minh họa ; 27 cm. - 190000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Tin học. - Thư mục: tr. 323-324 s618186

495. Giáo trình giảng dạy đại học: Dược bệnh viện / B.s.: Phạm Đình Luyện, Nguyễn Thị Hải Yến (ch.b.), Đặng Thị Kiều Nga... - H. : Y học, 2025. - 299 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 240000đ. - 700b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Quản lý dược. - Thư mục và phụ lục cuối chính văn s619568

496. Giáo trình lý thuyết chăm sóc sức khỏe phụ nữ : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Lê Tùng Lâm (ch.b.), Phạm Thúy Quỳnh, Phạm Thị Kim Hoàn, ... - H. : Y học, 2025. - 175 tr. : minh họa ; 27 cm. - 680000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 175 s619517

497. Giáo trình Tổ chức y tế : Đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ đại học / B.s.: Nguyễn Văn Định (ch.b.), Trần Thị Thu Ba, Nguyễn Thùy Linh... - H. : Y học, 2025. - 181 tr. : bảng ; 27 cm. - 150000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học sức khỏe. Khoa Điều dưỡng. - Thư mục cuối mỗi bài s619550

498. Giáo trình Văn hóa giao tiếp, ứng xử của Công an nhân dân : Dành cho đào tạo trình độ đại học văn bằng 2 ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước : Ban hành theo Quyết định số 265/QĐ-T03-P5 ngày 09/4/2025 của Học viện Chính trị Công an nhân dân / B.s.: Trần Quốc Tỏ (ch.b.), Bùi Quảng Bạ, Đinh Ngọc Hoa... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 248 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện Chính trị Công an nhân dân. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 233-242 s618756

499. Hứa Đại Bằng. Chân dung tội ác: Nhân dạng - Tâm quỷ / Hứa Đại Bằng ; Diệu Thúy dịch. - H. : Văn học, 2025. - 336 tr. ; 21 cm. - (Phân tích tâm lý tội phạm). - 138000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 犯罪现场调查 s619136

500. Hương Nguyễn. Bảo hiểm nhân thọ: Nghề hay sứ mệnh? : Không phải ai cũng thành công, nhưng ai bền chí sẽ tạo dấu ấn / Hương Nguyễn. - H. : Thế giới, 2025. - 331 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 250000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 331 s618935

501. Lê Anh Vũ. Hỗ trợ sinh viên vùng Đông nam bộ phòng ngừa quấy rối tình dục nơi công cộng: Từ đánh giá thực trạng đến mô hình thực nghiệm : Sách chuyên khảo / Lê Anh Vũ. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 243 tr. : minh họa ; 24 cm. - 230000đ. - 200b

Thư mục: tr. 216-226. - Phụ lục: tr. 227-243 s618650

502. Lịch sử Bệnh viện Thống Nhất (1975 - 2025) / B.s.: Hồ Sơn Đài, Nguyễn Mạnh Cường (ch.b.), Lê Chính... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 520 tr., 72 tr. ảnh ; 24 cm. - 519b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. Bệnh viện Thống Nhất. - Phụ lục: tr. 341-520 s618732

503. McCrum, Dan. Lý thuyết trò chơi tài chính : Âm mưu thao túng và sự thật chấn động về vụ lừa đảo trị giá hàng tỷ đô la của con cưng công nghệ lớn nhất châu Âu / Dan McCrum ; Nguyễn Oanh dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 451 tr. : minh họa ; 21 cm. - 229000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Money men : A hot startup, a billion-dollar fraud, a fight for the truth s618797

504. Minh Tân. Học hiểu và mẹo 120 tình huống mô phỏng giao thông / Minh Tân. - H. : Hồng Đức, 2025. - 75 tr. : ảnh ; 21 cm. - 70000đ. - 3000b s619367

505. Nghiên cứu mô hình giáo dục phòng, chống ma túy dựa vào nhà trường - cộng đồng cho thanh thiếu niên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng : Sách tham khảo / Nguyễn Thị Loan (ch.b.), Chu Văn Bình, Lê Văn Thảo... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 191 tr. : bảng, biểu đồ ; 30 cm. - 10b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Đà Lạt. - Thư mục trong chính văn s618107

506. Nguyễn Khắc Đức. Mặt trận thầm lặng : Truyện ký / Nguyễn Khắc Đức. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 399 tr. : ảnh ; 21 cm. - 700b s619326

507. Nguyễn Minh Tuấn. Phát triển dịch vụ công tác xã hội tại cộng đồng cho người khuyết tật : Sách chuyên khảo / Nguyễn Minh Tuấn. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 299 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 179000đ. - 200b

Thư mục: tr. 292-299 s618704

508. Nguyễn Trung Hải. Giáo trình Lý thuyết công tác xã hội / Nguyễn Trung Hải. - H. : Công Thương, 2025. - 280 tr. : bảng ; 21 cm. - 75000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 275-279 s618821

509. Những tập thể, cá nhân anh hùng trong Công an nhân dân giai đoạn 2020 - 2025 / B.s.: Từ Thị Thu Hòa, Đỗ Thị Mỹ Ngọc, Hoàng Tuấn Tú... - H. : Công an nhân dân. - 27 cm. - 710b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Cục Công tác chính trị
T.5. - 2025. - 188 tr. : ảnh s618108

510. Phạm Thị Kim Hoàn. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Phạm Thị Kim Hoàn (ch.b.), Mã Thị Hồng Liên, Trần Thị Mai Huyền. - H. : Y học, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - 422000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 77-79 s618154

511. Phạm Trần Bảo Châu. Từ Xám đến Xanh - thành phố của tất cả chúng ta = From Gray to Green: A city for us all / Phạm Trần Bảo Châu, Phan Hoàng Bảo Anh ; Minh họa: Phương Lê Châu Anh. - H. : Văn học, 2025. - 182 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 189000đ. - 1000b s619204

512. Pháp luật - Chính sách y tế và tổ chức y tế : Giáo trình dành cho sinh viên và học viên khối ngành sức khỏe / Trần Thị Thúy Hà, Trần Thị Bích (ch.b.), Nguyễn Hải Ninh... - H. : Y học, 2025. - 207 tr. : bảng, sơ đồ ; 27 cm. - 97000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Khoa Y tế công cộng. - Thư mục cuối mỗi bài s619597

513. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ xây dựng công nghiệp an ninh lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Kỷ yếu Hội thảo khoa học / Lê Quang Bốn, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Văn Long... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 312 tr. : minh họa ; 30 cm. - 140b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Trường Đại học Phòng cháy Chữa cháy. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục cuối mỗi bài s619917

514. Phòng, chống mua bán người tại cộng đồng : Tài liệu tuyên truyền / Nguyễn Văn Vệ (ch.b.), Triệu Thị Tình, Trần Thị Yên Nga... - H. : Lao động, 2025. - 199 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hà Giang; Tổ chức Blue Dragon International. - Phụ lục: tr. 162-198. - Thư mục: tr. 199 s618088

515. Quản trị và lãnh đạo trong y tế : 10 bài học biến chuyên gia giỏi thành lãnh đạo xuất sắc / Daniel Goleman, Peter F. Drucker, John P. Kotter... ; Trung Trịnh dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 362 tr. : minh họa ; 21 cm. - 179000đ. - 3000b s618796

516. Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ công tác giáo viên chủ nhiệm trường giáo dưỡng / B.s.: Phan Thị Định, Nguyễn Đức Giang, Hoàng Thị Nghĩa... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 599 tr. : bảng ; 24 cm. - 360b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dưỡng bắt buộc, trường giáo dưỡng. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 590-591 s618754

517. 80 năm (1945 - 2025) Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương: Khoa học đồng hành cùng sức khỏe cộng đồng / B.s.: Phan Trọng Lân, Dương Thị Hồng, Trần Như Dương... - H. : Y học, 2025. - 263 tr. : ảnh ; 30 cm. - 650b

ĐTTS ghi: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương s619693

518. Trách nhiệm của tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường tại Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Lan Hương (ch.b.), Phạm Văn Hưng, Phạm Thị Ngọc Trâm... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 248 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Triết học. - Thư mục: tr. 235-247 s618712

519. Trạm cứu hỏa : Sách chuyển động = Fire station : Busy : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Minh họa: Rebecca Finn ; Thùy Dương dịch. - In lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 119000đ. - 1000b s620335

520. Trần Lê Thắng. Cẩm nang an toàn giao thông đường bộ / B.s.: Trần Lê Thắng, Trần Thị Quỳnh Trang. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 19 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Ban An toàn giao thông tỉnh Nghệ An. - Thư mục: tr. 25-31 s620269

521. Văn phòng ngành Y tế Việt Nam - 80 năm (1945 - 2025) xây dựng và phát triển / B.s.: Đào Hồng Lan (ch.b.), Đỗ Xuân Tuyên, Đoàn Hữu Thiện... - H. : Y học, 2025. - 351 tr. : ảnh ; 25 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế s619490

522. Viện Pasteur Nha Trang: 130 năm (1895 - 2025) xây dựng và phát triển / B.s.: Đỗ Thái Hùng, Lê Hồ Phương Nga, Nguyễn Thành Đông... - H. : Y học, 2025. - 251 tr. : ảnh, bảng ; 29 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. - Phụ lục: tr. 127-251 s618111

523. Vui học an toàn giao thông (từ lớp 6 đến lớp 9) / Thanh Bình b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 21 cm. - 25000đ. - 1500b s618525

GIÁO DỤC

524. An toàn khi ở trường / Nhóm An Toàn ; Minh Thuận dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 171 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Kỹ năng an toàn cho học sinh). - 65000đ. - 3000b
Phụ lục: tr. 157-171 s617912

525. An toàn trong trường học / Ban Biên tập Giáo dục an toàn học sinh ; Phạm Hồng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 127 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Sách tranh Giáo dục an toàn cho học sinh). - 59000đ. - 2500b s617913

526. 35 đề Toán 4 : Bồi dưỡng học sinh giỏi... / Lê Thị Nương. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 100 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 60000đ. - 2000b s618178

527. 35 đề Toán 5 : Bồi dưỡng học sinh giỏi... / Lê Thị Nương. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 100 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 60000đ. - 2000b s618179

528. Bài tập bổ trợ sách Link Together 4 - WW. - H. : Văn học, 2025. - 61 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619740

529. Bài tập bổ trợ sách Link Together 5 - WW. - H. : Văn học, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619741

530. Bài tập bổ trợ Tiếng Việt - Lớp 1 : Cơ bản và nâng cao : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Vương Thị Vân, Dương Thị Thảo. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 68000đ. - 1500b

T.1. - 2025. - 135 tr. : minh họa s619902

531. Bài tập bổ trợ Tiếng Việt - Lớp 2 : Cơ bản và nâng cao : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Vương Thị Vân, Dương Thị Thảo. - Tái

bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 68000đ. - 1500b

T.2. - 2025. - 131 tr. : minh họa s619903

532. Bài tập bổ trợ Toán - Lớp 1 : Cơ bản và nâng cao : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Vương Thị Vân, Dương Thị Thảo. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 68000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 131 tr. : minh họa s619905

533. Bài tập cuối tuần Tiếng Anh lớp 5 : Có đáp án : Biên soạn theo SGK Tiếng Anh Global Success... / Đại Lợi (ch.b.), Hằng Nguyễn, Thảo Lê. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh)(Global Success). - 95000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 187 tr. : minh họa s618316

534. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 132 tr. : minh họa s618378

535. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 116 tr. : minh họa s618379

536. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 112 tr. : minh họa s618380

537. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 108 tr. : minh họa s618383

538. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 100 tr. : minh họa s618381

539. Bài tập tăng cường Tiếng Việt lớp 1 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Bùi Chiếu b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 70000đ. - 3000b s618385

540. Bài tập tăng cường Tiếng Việt lớp 2 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Bùi Chiếu b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 95 tr. : minh họa ; 27 cm. - 70000đ. - 3000b s618386

541. Bài tập tăng cường Tiếng Việt lớp 3 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Bùi Chiếu b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 106 tr. : minh họa ; 27 cm. - 70000đ. - 3000b s618387

542. Bài tập tăng cường Tiếng Việt lớp 4 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Bùi Chiếu b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 111 tr. : minh họa ; 27 cm. - 75000đ. - 3000b s618388

543. Bài tập tăng cường Tiếng Việt lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Bùi Chiều b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 106 tr. ; 27 cm. - 75000đ. - 3000b s618389

544. Bài tập tăng cường Toán lớp 1 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Bùi Chiều b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 86 tr. : minh họa ; 27 cm. - 70000đ. - 3000b s618345

545. Bài tập tăng cường Toán lớp 2 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Bùi Chiều b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 83 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 70000đ. - 3000b s618346

546. Bài tập tăng cường Toán lớp 3 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Bùi Chiều b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 91 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 70000đ. - 3000b s618347

547. Bài tập tăng cường Toán lớp 4 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Bùi Chiều b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 91 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 75000đ. - 3000b s618348

548. Bài tập tăng cường Toán lớp 5 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Bùi Chiều b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 111 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 75000đ. - 3000b s618349

549. Bài tập Tiếng Anh 5 : Biên soạn theo bộ sách Family and Friends 5 - National edition / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Hồ Tấn Mẫn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 27 cm. - 78000đ. - 1000b s618124

550. Bài tập Toán nâng cao lớp 2 : Mở rộng kiến thức sách giáo khoa / Trần Thị Kim Cương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 187 tr. : minh họa ; 27 cm. - 70000đ. - 3000b s618301

551. Bài tập tuần Tiếng Việt 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b T.1. - 2025. - 74 tr. : minh họa s618382

552. Bài tập tuần Tiếng Việt 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 3000b T.2. - 2025. - 68 tr. : minh họa s619849

553. Bài tập tuần Toán 4 - Cả năm : Biên soạn theo Chương trình Chân trời sáng tạo / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 104 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 60000đ. - 3000b s619860

554. Bài tập tuần Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b T.2. - 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s618344

555. Bài tập ứng dụng Âm - Vần - Tiếng - Từ - Câu : Biên soạn theo Chương trình Tiền tiểu học mới nhất hiện nay : Phiên bản đặc biệt 5.0 : Dành cho bé từ 3 - 6 tuổi / Vũ Ngọc Hân. - H. : Nxb. Hà Nội. - 30 cm. - (Tự tin bước vào Lớp 1). - 50000đ. - 5000b Q.1. - 2025. - 56 tr. : minh họa s618320

556. Bài tập ứng dụng Âm - Vần - Tiếng - Từ - Câu : Biên soạn theo Chương trình Tiền tiểu học mới nhất hiện nay : Phiên bản đặc biệt 5.0 : Dành cho bé từ 3 - 6 tuổi / Vũ Ngọc Hân. - H. : Nxb. Hà Nội. - 30 cm. - (Tự tin bước vào Lớp 1). - 50000đ. - 5000b Q.2. - 2025. - 48 tr. : minh họa s618321

557. Bé học Toán / T-Books. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 40 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 32000đ. - 3000b s618043

558. Bé học Toán : Hành trang cho bé chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Thị Thúy Hà. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 16000đ. - 2000b s618084

559. Bé khởi đầu tập viết : 4 - 6 tuổi / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 104 tr. : hình vẽ ; 30 cm. - (Hành trang đầu tiên vào Lớp 1). - 99000đ. - 5000b s618147

560. Bé làm quen với chữ cái theo chủ đề : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi : Theo Chương trình Giáo dục mầm non mới / Đặng Thu Quỳnh, Nguyễn Thị Minh Thảo. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12500đ. - 8000b s619462

561. Bé làm quen với chữ cái theo chủ đề : Theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Đặng Thu Quỳnh, Nguyễn Thị Minh Thảo. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12500đ. - 8000b s619461

562. Bé làm quen với Toán / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 13000đ. - 3000b s619209

563. Bé làm quen với Toán : Theo Chương trình Giáo dục Mầm non : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Đinh Thu Hồng, Diệu Linh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 9000đ. - 5000b s619460

564. Bé tập vẽ, tập tô màu theo chủ đề : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 9000đ. - 10000b s620077

565. Bé tô màu - Các loài hoa : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé học mẫu giáo / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cầu vồng). - 12000đ. - 5000b s619476

566. Bé tô màu - Đồ dùng của bé : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé học mẫu giáo / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cầu vồng). - 12000đ. - 5000b s619475

567. Bé tô màu - Động vật nhỏ bé : Song ngữ Việt Anh : Dành cho bé học mẫu giáo / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cầu vồng). - 12000đ. - 5000b s619477

568. Bé tô màu - Phương tiện giao thông : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé học mẫu giáo / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cầu vồng). - 12000đ. - 5000b s619478

569. Bé tô màu - Thế giới xung quanh: Rau, củ và hoa : Dành cho trẻ mầm non : Song ngữ Việt - Anh / Minh Phương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 10000b s619470

570. Bé vui luyện viết - Chữ cái / Trần An. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - (Bé vui luyện viết). - 15000đ. - 3000b Q.2. - 2025. - 31 tr. s618674

571. Big 4 - Bộ đề tự kiểm tra 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết Tiếng Anh lớp 3 : Cơ bản và nâng cao : Sách theo Chương trình Global Success / Hoàng Thị Ngọc Tú, Thùy Dương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 30 cm. - 89000đ. - 1200b T.2. - 2025. - 191 tr. : minh họa s619915

572. Bộ đề kiểm tra định kì Tiếng Anh 4 : Sách ôn luyện và kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ hiệu quả : Sách dùng ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới / Thùy Dương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 30 cm. - 55000đ. - 2200b

T.1. - 2025. - 75 tr. : minh họa s618322

573. Bộ đề kiểm tra định kì Tiếng Anh 4 : Sách ôn luyện và kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ hiệu quả : Sách dùng ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới / Thùy Dương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 30 cm. - 55000đ. - 2300b

T.2. - 2025. - 75 tr. : minh họa s618323

574. Bộ đề ôn luyện và kiểm tra Tiếng Việt 3 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Sách dùng ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới / Trịnh Thu Trang, Vũ Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 52000đ. - 2200b

T.2. - 2025. - 87 tr. : minh họa s619904

575. Bộ đề ôn luyện và kiểm tra Toán 3 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Sách dùng ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới / Trịnh Thu Trang, Vũ Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 48000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 67 tr. : minh họa s619898

576. Bồi dưỡng kĩ năng giải Toán lớp 2 : Kiến thức trọng tâm. Bài tập rèn luyện theo từng chủ đề / Trần Ngọc Bích (ch.b.), Nguyễn Huy Vinh. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 148 tr. : minh họa ; 27 cm. - 125000đ. - 2000b s618177

577. Bồi dưỡng và học tốt Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Huỳnh Bảo Châu, Trần Huỳnh Thống. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 81 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 45000đ. - 2000b s618208

578. 40 đề phát triển năng lực Tiếng Việt : Dành cho học sinh lớp 5 / Lê Phương Nga (ch.b.), Dương Hằng. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 140 tr. : bảng, tranh vẽ ; 30 cm. - 180000đ. - 5000b s618420

579. Cẩm nang luyện viết tròn li 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới... / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 50000đ. - 7000b

T.2. - 2025. - 64 tr. s618390

580. 90 ngày ôn hè Tiếng Anh 5 : Dành cho học sinh lớp 5 lên lớp 6 : Theo Chương trình sách giáo khoa mới nhất... / Bùi Văn Vinh, Thái Văn Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 27 cm. - 59000đ. - 3000b s618315

581. Chinh phục đề thi vào lớp 6 trường THCS chất lượng cao môn Tiếng Anh : Bám sát theo đổi mới của các trường trung học cơ sở... / Dương Thị Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 270 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá). - 119000đ. - 2300b s619906

582. Chinh phục đề thi vào lớp 6 trường THCS chất lượng cao môn Tiếng Việt / Nguyễn Thu Phương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 219 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 119000đ. - 1800b s619836

583. Chinh phục đề thi vào lớp 6 trường THCS chất lượng cao môn Toán : Bám sát theo đổi mới của các trường trung học cơ sở... / Nguyễn Xuân Nam s.t., tuyển chọn. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 222 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá). - 119000đ. - 2200b s619907

584. Chinh phục điểm 10 đề kiểm tra học kì Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới (Bộ sách KNTTVCS) / Học viện VIETSTEM. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 228 tr. : minh họa ; 26 cm. - 350000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 224-228 s619027

585. Chinh phục nâng cao Tiếng Việt 3 : Ôn tập nâng cao 35 tuần học / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức). - 50000đ. - 3000b s619850

586. Chinh phục nâng cao Tiếng Việt 4 : Ôn tập nâng cao 35 tuần học / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức). - 50000đ. - 3000b s619851

587. Chuẩn bị cho Bé vào lớp Một : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Tuệ Minh, Lê Thu Ngọc. - In lần thứ 15. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào lớp Một). - 10000đ. - 10000b T.2: Làm quen với chữ số. - 2025. - 23 tr. : tranh màu s618507

588. Cùng bé khám phá thế giới xung quanh : Trẻ 3 - 4 tuổi / Đỗ Kim Dung, Nguyễn Thị Luyến, Trần Thị Kim Liên, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần 8. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 19x27 cm. - 12000đ. - 4000b

Q.1: Chủ đề: Trường mầm non. Bé tìm hiểu bản thân. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s620290

589. Cùng bé khám phá thế giới xung quanh : Trẻ 3 - 4 tuổi / Đỗ Kim Dung, Nguyễn Thị Luyến, Trần Thị Kim Liên, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần 8. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 19x27 cm. - 16000đ. - 4000b

Q.2: Chủ đề: Gia đình yêu thương. Bé tìm hiểu nghề nghiệp. - 2025. - 28 tr. : tranh vẽ s620291

590. Cùng bé khám phá thế giới xung quanh : Trẻ 5 - 6 tuổi / Đỗ Kim Dung, Nguyễn Thị Luyến, Trần Thị Kim Liên, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần 8. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 19x27 cm. - 17000đ. - 5000b

Q.2: Chủ đề: Gia đình yêu thương. Bé tìm hiểu nghề nghiệp. - 2025. - 39 tr. : tranh vẽ s620297

591. Cùng bé khám phá thế giới xung quanh : Trẻ 3 - 4 tuổi / Đỗ Kim Dung, Nguyễn Thị Luyến, Trần Thị Kim Liên, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần 8. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 19x27 cm. - 16000đ. - 4000b

Q.3: Chủ đề: Thế giới thực vật. Thế giới động vật. - 2025. - 31 tr. : tranh vẽ s620292

592. Cùng bé khám phá thế giới xung quanh : Trẻ 3 - 4 tuổi / Đỗ Kim Dung, Nguyễn Thị Luyến, Trần Thị Kim Liên, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần 8. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 19x27 cm. - 12000đ. - 4000b

Q.4: Chủ đề: Bé tìm hiểu giao thông. Nước và các hiện tượng tự nhiên. - 2025. - 24 tr. : tranh vẽ s620293

593. Cùng bé khám phá thế giới xung quanh : Trẻ 4 - 5 tuổi / Đỗ Kim Dung, Nguyễn Thị Luyến, Trần Thị Kim Liên, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần 8. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 19x27 cm. - 17000đ. - 4500b

Q.4: Chủ đề: Bé tìm hiểu giao thông. Nước và các hiện tượng tự nhiên. - 2025. - 39 tr. : tranh vẽ s620295

594. Cùng bé khám phá thế giới xung quanh : Trẻ 3 - 4 tuổi / Đỗ Kim Dung, Nguyễn Thị Luyến, Trần Thị Kim Liên, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần 8. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 19x27 cm. - 9000đ. - 4000b

Q.5: Chủ đề: Quê hương, đất nước thân yêu. - 2025. - 11 tr. : tranh vẽ s620294

595. Cùng bé khám phá thế giới xung quanh : Trẻ 4 - 5 tuổi / Đỗ Kim Dung, Nguyễn Thị Luyến, Trần Thị Kim Liên, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần 8. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 19x27 cm. - 9000đ. - 4500b

- Q.5: Chủ đề: Quê hương, đất nước thân yêu. - 2025. - 12 tr. : tranh vẽ s620296
596. Cùng em ôn luyện môn Toán lớp 1 : Sách dành cho học sinh lớp 1 / Phạm Thị Dân, Lại Văn Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 32000đ. - 3000b
- Q.1. - 2025. - 64 tr. : minh họa s618239
597. Cùng em ôn luyện môn Toán lớp 1 : Sách dành cho học sinh lớp 1 / Phạm Thị Dân, Lại Văn Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 32000đ. - 3000b
- Q.2. - 2025. - 64 tr. : minh họa s618240
598. Cùng em ôn luyện môn Toán lớp 2 : Sách dành cho học sinh lớp 2 / Lê Thị Hồng Gấm, Phạm Thị Dân, Lại Văn Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 32000đ. - 3000b
- Q.1. - 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng s618241
599. Cùng em ôn luyện môn Toán lớp 5 / Nguyễn Thị Thu Hằng, Lại Văn Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 40000đ. - 3000b
- Q.1. - 2025. - 104 tr. : hình vẽ, bảng s618242
600. Cùng khủng long học nét cơ bản : Dành cho phụ huynh giúp con luyện viết tại nhà. Dành cho thầy cô làm vở luyện tập viết trên lớp / Runkids. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 27 cm. - (Giúp con tự tin vào Lớp 1). - 29000đ. - 1500b
- Q.3: Chữ cái đầu tiên. - 2025. - 31 tr. : hình vẽ s618447
601. Cùng khủng long học Tiếng Anh theo chủ đề lớp 1 : Tạo dựng nền tảng vững chắc 3 kỹ năng Nghe - Viết - Ngữ pháp : Phiên bản mới / Hoàng Thị Ngọc Tú, Nguyễn Thị Ngân. - H. : Tri thức, 2025. - 99 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Tủ sách Con học tốt). - 68000đ. - 3700b s618470
602. Cùng khủng long học Tiếng Anh theo chủ đề lớp 3 : Tạo dựng nền tảng vững chắc 3 kỹ năng Nghe - Viết - Ngữ pháp : Phiên bản mới / Hoàng Thị Ngọc Tú, Nguyễn Thị Ngân. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 143 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Tủ sách Con học tốt). - 88000đ. - 1000b s619914
603. Cùng khủng long học Tiếng Anh theo chủ đề lớp 4 : Tạo dựng nền tảng vững chắc 3 kỹ năng Nghe - Viết - Ngữ pháp : Phiên bản mới / Hoàng Thị Ngọc Tú, Nguyễn Thị Ngân. - H. : Tri thức, 2025. - 167 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Tủ sách Con học tốt). - 98000đ. - 500b s618471
604. Cùng mèo Cici luyện toán tư duy : 2 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Lao động. - 27 cm. - (Bộ sách Giúp con giỏi toán). - 36000đ. - 3000b
- T.1: Nhận biết số lượng. - 2025. - 40 tr. : minh họa s619805
605. Cùng mèo Cici luyện toán tư duy : 2 - 4 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Bộ sách Giúp con giỏi toán). - 36000đ. - 3000b
- T.2: Khám phá hình khối. - 2025. - 32 tr. : minh họa s619806
606. Cùng mèo Cici luyện toán tư duy : 2 - 4 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Bộ sách Giúp con giỏi toán). - 36000đ. - 3000b
- T.3: Chinh phục toán quy luật. - 2025. - 40 tr. : minh họa s619807
607. Cùng mèo Cici luyện toán tư duy : 2 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Bộ sách Giúp con giỏi toán). - 36000đ. - 3000b
- T.4: So sánh và tách gộp. - 2025. - 32 tr. : minh họa s619808

608. Cùng mèo Cici luyện toán tư duy : 2 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Bộ sách Giúp con giỏi toán). - 36000đ. - 3000b
T.5: Làm quen với phép tính. - 2025. - 32 tr. : minh họa s619809
609. Dàn bài Tập làm văn 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lê Phương Liên. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 124 tr. : bìa ; 24 cm. - 59000đ. - 1500b s618590
610. Đánh thức giác quan trong miêu tả : Dành cho học sinh lớp 2 - 3 - 4 - 5 - 6 / Phạm Xuyên. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 185 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 190000đ. - 1000b s618441
611. Đặng Thanh Minh. Hướng dẫn thực chiến để chinh phục Google Certified Trainer toàn cầu : Dành cho giáo viên, Trainer, Coach và bất kỳ ai muốn nâng tầm sự nghiệp / Đặng Thanh Minh, Dương Hoàng Thanh Giang. - H. : Công Thương, 2025. - 103 tr. : bìa ; 21 cm. - 186000đ. - 1000b s618803
612. Đặng Vũ Hoạt. Giáo dục tiểu học II : Giáo trình dùng cho đào tạo cử nhân Giáo dục tiểu học / Đặng Vũ Hoạt, Nguyễn Hữu Hợp. - In lần thứ 19. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 191 tr. : bìa ; 24 cm. - 70000đ. - 500b
Thư mục: tr. 191 s618668
613. Đề kiểm tra Tiếng Việt 1 - Cả năm : Biên soạn theo chương trình Chân trời sáng tạo / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 100 tr. : minh họa ; 27 cm. - 60000đ. - 5000b s618394
614. Đề kiểm tra Tiếng Việt 4 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s619847
615. Đề kiểm tra Tiếng Việt 5 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bìa ; 27 cm. - 40000đ. - 3000b s619848
616. Đề kiểm tra Tiếng Việt 5 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s618384
617. Đề kiểm tra Toán 2 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 62 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s618342
618. Đề kiểm tra Toán 4 - Cả năm : Biên soạn theo Chương trình Chân trời sáng tạo / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 92 tr. : hình vẽ, bìa ; 27 cm. - 60000đ. - 5000b s619858
619. Đề ôn luyện và tự kiểm tra Tiếng Việt lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo / Nguyễn Thu Phương, Nguyễn Hồng Nhung. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 39000đ. - 500b
T.1. - 2025. - 55 tr. : minh họa s619899
620. Đề ôn luyện và tự kiểm tra Tiếng Việt lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo / Nguyễn Thu Phương, Nguyễn Hồng Nhung. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 39000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 55 tr. : minh họa s619900
621. Đề ôn luyện và tự kiểm tra Tiếng Việt lớp 2 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Nguyễn Thu Phương, Nguyễn Hồng Nhung. - H. : Tri thức. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 45000đ. - 1700b

T.2. - 2025. - 75 tr. : hình vẽ s618477

622. Đề ôn luyện và tự kiểm tra Toán lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo / Nguyễn Thu Phương, Nguyễn Hồng Nhung. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 39000đ. - 2500b
T.2. - 2025. - 59 tr. : minh họa s619896

623. Đề ôn luyện và tự kiểm tra Toán lớp 2 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Nguyễn Thu Phương, Nguyễn Hồng Nhung. - H. : Tri thức. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 39000đ. - 2200b
T.1. - 2025. - 55 tr. : hình vẽ, bảng s618492

624. Đề ôn luyện và tự kiểm tra Toán lớp 2 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Nguyễn Thu Phương, Nguyễn Hồng Nhung. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 39000đ. - 2500b
T.2. - 2025. - 63 tr. : minh họa s619897

625. Đề ôn tập từ vựng và cấu trúc Tiếng Anh lớp 4 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Lê Trần Thiên Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 163 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 89000đ. - 1400b s618487

626. Đề giải Toán con phải giải tính : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất : Dành cho học sinh lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. ; 27 cm. - 40000đ. - 20000b s618339

627. Đề giải Toán con phải giải tính : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất : Dành cho học sinh lớp 2 / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s619856

628. Đề giải Toán con phải giải tính : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất : Dành cho học sinh lớp 3 / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s619857

629. Đọc mở rộng 1 : Truyện đọc, thơ hay, câu đố : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 88 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s619918

630. Đọc thông viết thạo Tiếng Việt - Làm quen với chữ số và toán : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 44 tr. ; 26 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 38000đ. - 5000b s618502

631. Đọc thông viết thạo Tiếng Việt - Luyện viết chữ cái : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 56 tr. ; 26 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 38000đ. - 5000b s618504

632. Đọc thông viết thạo Tiếng Việt - Luyện viết chữ nhỏ và chữ hoa : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 48 tr. ; 26 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 38000đ. - 5000b s618500

633. Đọc thông viết thạo Tiếng Việt - Luyện viết nét cơ bản và chữ mẫu giáo : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 48 tr. ; 26 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 38000đ. - 5000b s618503

634. Đọc thông viết thạo Tiếng Việt - Luyện viết tiếng - từ - câu : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 44 tr. ; 26 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 38000đ. - 5000b s618501

635. Đột phá trong giảng dạy và nghiên cứu cùng trí tuệ nhân tạo / Đỗ Văn Hùng (ch.b.), Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Gia Hy... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 410 tr. : minh họa ; 24 cm. - 350000đ. - 800b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục: tr. 397-402 s619500

636. Em học Toán / Nguyễn Hữu Cao b.s. - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Hành trang giúp bé tự tin vào Lớp 1). - 11500đ. - 2000b

Q.3. - 2025. - 28 tr. : hình vẽ s619465

637. English 1 - Tài liệu nâng cao môn Tiếng Anh lớp 1 : Student's book. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 91 tr. : bảng, tranh màu ; 30 cm. - 140000đ. - 1000b

Đầu bìa sách ghi: Công ty Cổ phần Giáo dục Oxbridge Group. - Tài liệu lưu hành nội bộ s618286

638. English 2 - Tài liệu nâng cao môn Tiếng Anh lớp 2 : Student's book. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 101 tr. : bảng, tranh màu ; 30 cm. - 140000đ. - 1000b

Đầu bìa sách ghi: Công ty Cổ phần Giáo dục Oxbridge Group. - Tài liệu lưu hành nội bộ s618287

639. English 3 - Tài liệu nâng cao môn Tiếng Anh lớp 3 : Student's book. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 114 tr. : bảng, tranh vẽ ; 30 cm. - 140000đ. - 1000b

Đầu bìa sách ghi: Công ty Cổ phần Giáo dục Oxbridge Group. - Tài liệu lưu hành nội bộ s618288

640. English 4 - Tài liệu nâng cao môn Tiếng Anh lớp 4 : Student's book. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 112 tr. : bảng, tranh vẽ ; 30 cm. - 140000đ. - 1000b

Đầu bìa sách ghi: Công ty Cổ phần Giáo dục Oxbridge Group. - Tài liệu lưu hành nội bộ s618289

641. English 5 - Tài liệu nâng cao môn Tiếng Anh lớp 5 : Student's book. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 112 tr. : minh họa ; 30 cm. - 140000đ. - 1000b

Đầu bìa sách ghi: Công ty Cổ phần Giáo dục Oxbridge Group. - Tài liệu lưu hành nội bộ s618290

642. English fighting good and great - Em học tốt tiếng Anh theo chủ đề 1 : Học hiểu đúng ngữ pháp, chuẩn từ vựng... / Hà Thị Thùy Dương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 75 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Bộ sách Giúp em học tốt và giỏi tiếng Anh). - 58000đ. - 1200b s619833

643. Giải bài tập Toán lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Phương Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 75000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 179 tr. : minh họa s618317

644. Giáo dục Kỹ năng công dân số lớp 1 / Tạ Thanh Dung (ch.b.), Lê Thị Thúy An, Nguyễn Hồng Dương... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 27 cm. - 60000đ. - 10000b s618226

645. Giáo dục Kỹ năng công dân số lớp 5 / Tạ Thanh Dung (ch.b.), Lê Thị Thúy An, Nguyễn Hồng Dương... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 27 cm. - 60000đ. - 15000b s618227

646. Giáo dục STEM lớp 1 / Nguyễn Minh Giang (ch.b.), Đặng Ngọc Hân, Lê Nguyễn Thanh Thủy... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 27 cm. - 70000đ. - 3000b s619711

647. Giáo dục STEM lớp 2 / Nguyễn Minh Giang (ch.b.), Nguyễn Lâm Hữu Phước, Lê Nguyễn Thanh Thủy... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 27 cm. - 70000đ. - 3000b s619712

648. Giáo dục vững bước vào kỷ nguyên mới : 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4/1975 - 30/4/2025 / Mạnh Tùng, Phúc Uyên, Huỳnh Văn Hoàng... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 321 tr. : ảnh ; 27 cm. - 3000b

ĐTTS ghi: Báo Giáo dục và Thời đại s618133

649. Giáo trình Cơ sở toán ở tiểu học / Dương Minh Thành (ch.b.), Nguyễn Việt Khoa, Phan Lê... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - (Tủ sách ĐHSP TPHCM). - 105000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

T.1. - 2025. - 239 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 239 s619417

650. Giáo trình Giao tiếp sư phạm / Nguyễn Thị Tím Huế (ch.b.), Tạ Thị Thúy Ngân, Nguyễn Thị Thu Hà, Đồng Thị Yến. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 112 tr. ; 27 cm. - 90000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Hải Dương. Khoa Chính trị - Tâm lý - Giáo dục học. - Thư mục: tr. 111-112 s618113

651. Giáo trình Lí luận dạy học hiện đại / Phạm Kim Chung (ch.b.), Tôn Quang Cường, Nguyễn Bá Ngọc, Đỗ Hương Trà. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 351 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 150000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Giáo dục. - Thư mục: tr. 343-346 s618657

652. Giáo trình Nhập môn công nghệ giáo dục / Tôn Quang Cường (ch.b.), Vũ Cẩm Tú, Nguyễn Tùng Lâm... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 194 tr. : minh họa ; 24 cm. - 84000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Giáo dục. - Thư mục: tr. 166-173 s618665

653. Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán / Phạm Thị Kim Châu (ch.b.), Lê Thị Tuyết Trinh, Hà Thái Thủy Lam... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 163 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 90000đ. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Đồng Tháp. - Thư mục: tr. 161-163 s618658

654. Giúp em Tập làm văn 2 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trịnh Thu Trang, Nguyễn Thanh Trà. - H. : Tri thức, 2025. - 147 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 68000đ. - 2300b s618474

655. Giúp em Tập làm văn 3 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trịnh Thu Trang, Tạ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị My. - H. : Tri thức, 2025. - 175 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 78000đ. - 2300b s618475

656. 20 đề kiểm tra Tiếng Việt lớp 1 - Học kì 1 : Giúp học sinh chinh phục các dạng bài tập thường gặp, dễ dàng vượt qua các kì thi... / Nguyễn Lý, Thanh Nhân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 62 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Sách hay - Học tốt). - 40000đ. - 10000b s618375

657. 20 đề kiểm tra Tiếng Việt lớp 5 - Học kì 1 : Giúp học sinh chinh phục các dạng bài tập thường gặp, dễ dàng vượt qua các kì thi... / Nguyễn Lý, Thanh Nhân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s618376

658. Hành trang giúp con tự tin vào Lớp 1 : Bộ sách theo Chương trình hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Runkids. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Con học tốt). - 29000đ. - 800b

Q.1: Cùng con tập viết. - 2025. - 31 tr. : tranh màu s618367

659. Hành trang giúp con tự tin vào Lớp 1 : Bộ sách theo Chương trình hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Runkids. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Con học tốt). - 29000đ. - 1500b

Q.2: Cùng con học Toán. - 2025. - 31 tr. : tranh vẽ s618368

660. Hành trang giúp con tự tin vào Lớp 1 : Bộ sách theo Chương trình hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Runkids. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Con học tốt). - 29000đ. - 1200b

Q.3: Cùng con học Tiếng Việt. - 2025. - 31 tr. : tranh màu s618369

661. Học so sánh : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non : Sách dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Trần Cường (ch.b.), Đức Hải, Nhật Nam. - In lần thứ 5. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 56 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Tủ sách Mầm non). - 40000đ. - 16000b s618190

662. Hong Dinh. 50+ Hoạt động phát triển năng lực cảm xúc - xã hội : Dễ dàng áp dụng trên lớp và tại nhà / Hong Dinh ; Minh họa: Mỹ Hạnh. - H. : Thế giới, 2025. - 137 tr. : minh họa ; 26 cm. - 139000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Đình Thu Hồng s618737

663. Hướng dẫn cách viết Tập làm văn 2 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 112 tr. : minh họa ; 19x27 cm. - 60000đ. - 3000b s620103

664. Hướng dẫn cách viết Tập làm văn 3 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 99 tr. : minh họa ; 19x27 cm. - 60000đ. - 3000b s620104

665. Hướng dẫn cách viết Tập làm văn 4 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 108 tr. : minh họa ; 19x27 cm. - 60000đ. - 3000b s620105

666. Hướng dẫn sử dụng SPSS trong nghiên cứu khoa học giáo dục / Lê Quỳnh Chi (ch.b.), Lê Thị Huyền, Lê Văn Bằng, Trần Thị Phương Dung. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 187 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách ĐHSPTPHCM). - 90000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 184-185. - Phụ lục: tr. 186-187 s619416

667. Khám phá khoa học : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non : Sách dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Hồng Loan (ch.b.), Đức Hải, Nhật Nam. - In lần thứ 5. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 23 tr. : hình vẽ, ảnh ; 27 cm. - (Tủ sách Mầm non). - 18000đ. - 5000b s618187

668. Khám phá khoa học : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non : Sách dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Hồng Loan (ch.b.), Đức Hải, Nhật Nam. - In lần thứ 5. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 27 tr. : hình vẽ, ảnh ; 27 cm. - (Tủ sách Mầm non). - 20000đ. - 11000b s618188

669. Khám phá khoa học : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non : Sách dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Hồng Loan (ch.b.), Đức Hải, Nhật Nam. - In lần thứ 5. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 31 tr. : hình vẽ, ảnh ; 27 cm. - (Tủ sách Mầm non). - 22000đ. - 15000b s618189

670. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia "AI và giáo dục phổ thông: Cơ hội, thách thức và hướng đi tương lai" (AI4EDU 2025) / Lê Anh Vinh, Nghiêm Thị Thanh, Trần Trung... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - xii, 711 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi bài s618431

671. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đào tạo giáo viên công nghệ, giáo dục STEM trong kỷ nguyên số / Nguyễn Hoài Nam, Phạm Thị Kim Huệ, Trần Thị Thu Trang... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 367 tr. : minh họa ; 27 cm. - 20b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi bài s618175

672. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Những tiến bộ trong nghiên cứu và đào tạo ngành Giáo dục mầm non / Bùi Thị Lâm, Võ Thanh Hương, Nguyễn Thị Hoàng Yến... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 459 tr. : minh họa ; 27 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi bài s618176

673. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Tâm lý học và Giáo dục học trong kỷ nguyên số = Conference proceedings Psychology and Education in the digital era / Nguyễn Thế Anh, Trần Thị Minh Hằng, Duong Gia Bao... - H. : Thế giới, 2025. - 1901 tr. : bảng, biểu đồ ; 30 cm. - 680000đ. - 250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi bài s619922

674. Làm quen với toán tư duy : Dành cho bé 4 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 26 cm. - (Hành trang cho bé tự tin vào Lớp 1). - 27000đ. - 5000b

T.3. - 2025. - 48 tr. : hình vẽ s619032

675. Lê Văn Hải. Quản lý hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông theo tiếp cận năng lực : Sách chuyên khảo / Lê Văn Hải. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 255 tr. : minh họa ; 24 cm. - 230000đ. - 200b

Thư mục: tr. 240-255 s618647

676. Luyện đọc tăng cường - Kết nối : Rèn kĩ năng đọc trơn, đọc hiểu cho học sinh lớp 1 / Lan Anh Vietkids. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 80 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 60000đ. - 10000b s618310

677. Luyện Tập làm văn lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Cánh Diều / Lê Phương Nga (ch.b.), Nguyễn Thu Hà. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 91 tr. : minh họa ; 27 cm. - 99000đ. - 2500b s618172

678. Luyện Tập làm văn lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Cánh Diều / Lê Phương Nga (ch.b.), Nguyễn Thu Hà. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 98 tr. : minh họa ; 27 cm. - 99000đ. - 2500b s618173

679. Luyện Tập làm văn lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Cánh Diều / Lê Phương Nga (ch.b.), Nguyễn Thị Hòa. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 98 tr. : minh họa ; 27 cm. - 99000đ. - 2500b s618174

680. Luyện tập phát triển năng lực Tiếng Việt 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29800đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 56 tr. : minh họa s618360

681. Luyện tập phát triển năng lực Tiếng Việt 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29800đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 56 tr. : minh họa s618361

682. Luyện tập phát triển năng lực Tiếng Việt 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29800đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 56 tr. : minh hoạ s618362
683. Luyện tập Tiếng Việt 1 : Phát triển năng lực cho học sinh. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29800đ. - 1000b
Tên sách ngoài bìa: Luyện tập phát triển năng lực Tiếng Việt 1
T.2. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s618359
684. Luyện tập Toán 1 : Phát triển năng lực cho học sinh. Theo Chương trình và Sách giáo khoa mới / Nguyễn Việt An, Nguyễn Hải. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 29800đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 60 tr. : hình vẽ, bảng s618180
685. Luyện tập Toán 2 : Phát triển năng lực cho học sinh. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Việt An, Nguyễn Hải. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 29800đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 60 tr. : hình vẽ, bảng s618181
686. Luyện tập Toán 2 : Phát triển năng lực cho học sinh. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Việt An, Nguyễn Hải. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 29800đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 56 tr. : hình vẽ, bảng s618182
687. Luyện tập Toán 5 : Phát triển năng lực cho học sinh. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Việt An, Nguyễn Hải. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 29800đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 56 tr. : hình vẽ, bảng s618183
688. Luyện tập Toán 5 : Phát triển năng lực cho học sinh. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Việt An, Nguyễn Hải. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 29800đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 60 tr. : hình vẽ, bảng s618184
689. Luyện thực hành nâng cao Tập làm văn 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Trần Lê Thảo Linh, Trần Đức Niềm. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 78 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 42000đ. - 2000b s618207
690. Luyện viết chữ cái và chữ ghép : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 41 tr. ; 26 cm. - (Tủ sách Bút chì)(Độc thông viết thạo Tiếng Việt). - 38000đ. - 5000b s618499
691. Luyện viết chữ đẹp / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 13000đ. - 3000b s619210
692. Luyện viết chữ đẹp từ vựng Tiếng Anh Family and Friends : National edition 1 / Runkids. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 39 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 35000đ. - 5000b s618365
693. Luyện viết chữ đẹp từ vựng Tiếng Anh Family and Friends : National edition 3 / Runkids. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 51 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 3000đ. - 1900b s618366
694. Luyện viết tăng cường lớp 1 : Vở hạ cỡ chữ tròn li : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới - Kết nối tri thức với cuộc sống / Vũ Ngọc Hân. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 50000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 84 tr. s618393

695. Lưu Linh. Take note - Sổ tay học giỏi tiếng Anh tiểu học : Dễ học, dễ nhớ, dễ áp dụng... / Lưu Linh. - H. : Dân trí, 2025. - 80 tr. : bảng, tranh màu ; 21 cm. - 62000đ. - 1000b s619392

696. 50 năm giáo dục & đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh: Những thành tựu nổi bật = 50 years education & training Ho Chi Minh City: Notable successes / Lê Hồng Sơn, Quang Huy, Nghiêm Huê... ; B.s.: Nguyễn Thanh Tú (ch.b.)... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 537 tr. : minh họa ; 28 cm. - 650000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sở Giáo dục & Đào tạo Tp. Hồ Chí Minh - Tạp chí Giáo dục Tp. Hồ Chí Minh s618433

697. 508 câu hỏi rèn luyện tư duy cho trẻ tiền tiểu học : Học mà chơi, chơi mà học : Dành cho trẻ từ 3 - 4 tuổi / Hâm Âm, Lộ Lâm ; Diệu Thúy dịch. - H. : Tri thức. - 29 cm. - 88000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 84 tr. : tranh màu s618467

698. 508 câu hỏi rèn luyện tư duy cho trẻ tiền tiểu học : Học mà chơi, chơi mà học : Dành cho trẻ từ 4 - 5 tuổi / Hâm Âm, Lộ Lâm ; Diệu Thúy dịch. - H. : Tri thức. - 29 cm. - 88000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 84 tr. : tranh màu s618468

699. 508 câu hỏi rèn luyện tư duy cho trẻ tiền tiểu học : Học mà chơi, chơi mà học : Dành cho trẻ từ 5 - 6 tuổi / Hâm Âm, Lộ Lâm ; Diệu Thúy dịch. - H. : Tri thức. - 29 cm. - 88000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 84 tr. : tranh màu s618469

700. Nguyễn Lăng Bình. Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học / Nguyễn Lăng Bình (ch.b.), Đỗ Hương Trà. - In lần thứ 12. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 200 tr. : minh họa ; 27 cm. - 95000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 165-199. - Thư mục: tr. 200 s618192

701. Nguyễn Minh Giang. Dạy học khoa học theo định hướng tìm tòi - khám phá ở tiểu học : Sách dùng cho giáo viên và sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học / Nguyễn Minh Giang (ch.b.), Phạm Phương Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 135 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách ĐHSP TPHCM). - 125000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 129-135 s619412

702. Nguyễn Thu Phương. Chinh phục đề thi vào lớp 6 trường THCS chất lượng cao môn Tiếng Việt : Tổng ôn luyện 25 đề then chốt... / Nguyễn Thu Phương. - H. : Tri thức, 2025. - 219 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 119000đ. - 1100b s618476

703. Nguyễn Văn Hòa. Quyền lực mềm - Bí quyết để trở thành thầy cô giáo hạnh phúc / B.s.: Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Thị Hồng Minh, Hà Ngọc Thủy. - In lần thứ 4. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 192 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 65000đ. - 500b s619298

704. Ngữ pháp tiếng Anh tiểu học = English grammar for kids : Có đáp án / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Vân Anh, Nguyễn Minh Anh, Bùi Thị Thuý. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh). - 115000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 231 tr. : minh họa s619436

705. Những bài làm văn mẫu hay nhất lớp 4 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s618377

706. Ôn luyện môn Tiếng Việt lớp 1 : Sách dành cho học sinh lớp 1 / Phạm Thị Dân, Lại Vân Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 36000đ. - 3000b
Q.1. - 2025. - 84 tr. : minh hoạ s618232
707. Ôn luyện môn Tiếng Việt lớp 1 : Sách dành cho học sinh lớp 1 / Phạm Thị Dân, Lại Vân Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 36000đ. - 3000b
Q.2. - 2025. - 76 tr. : minh hoạ s618233
708. Ôn luyện môn Tiếng Việt lớp 2 : Sách dành cho học sinh lớp 2 / Lê Thị Hồng Gấm, Phạm Thị Dân, Lại Vân Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 32000đ. - 3000b
Q.1. - 2025. - 88 tr. : minh hoạ s618234
709. Ôn luyện môn Tiếng Việt lớp 2 : Sách dành cho học sinh lớp 2 / Lê Thị Hồng Gấm, Phạm Thị Dân, Lại Vân Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 32000đ. - 3000b
Q.2. - 2025. - 80 tr. : minh hoạ s618235
710. Ôn luyện môn Tiếng Việt lớp 3 : Sách dành cho học sinh lớp 3 / Trần Thị Thanh Thủy, Phạm Thị Dân, Lại Vân Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 36000đ. - 3000b
Q.1. - 2025. - 100 tr. : minh hoạ s618236
711. Ôn luyện môn Tiếng Việt lớp 3 : Sách dành cho học sinh lớp 3 / Trần Thị Thanh Thủy, Phạm Thị Dân, Lại Vân Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 36000đ. - 3000b
Q.2. - 2025. - 95 tr. : minh hoạ s618237
712. Ôn luyện môn Toán lớp 1 : Sách dành cho học sinh lớp 1 / Phạm Thị Dân, Lại Vân Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 32000đ. - 3000b
Q.1. - 2025. - 64 tr. : minh hoạ s618243
713. Ôn luyện môn Toán lớp 2 : Sách dành cho học sinh lớp 2 / Lê Thị Hồng Gấm, Phạm Thị Dân, Lại Vân Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 32000đ. - 3000b
Q.2. - 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng s618244
714. Ôn luyện môn Toán lớp 3 : Sách dành cho học sinh lớp 3 / Trần Thị Thanh Thủy, Phạm Thị Dân, Lại Vân Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 36000đ. - 3000b
Q.1. - 2025. - 100 tr. : hình vẽ, bảng s618245
715. Ôn luyện môn Toán lớp 3 : Sách dành cho học sinh lớp 3 / Trần Thị Thanh Thủy, Phạm Thị Dân, Lại Vân Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 36000đ. - 3000b
Q.2. - 2025. - 104 tr. : hình vẽ, bảng s618246
716. Ôn luyện môn Toán lớp 4 / Nguyễn Thị Vân, Lại Vân Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 38000đ. - 3000b
Q.2. - 2025. - 104 tr. : hình vẽ, bảng s618247
717. Ôn tập và nâng cao Tiếng Việt 1 / Thu Trang. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 95 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b s618660
718. Phạm Thanh Bình. Nhu cầu tham vấn tâm lý học đường của học sinh trung học cơ sở : Sách chuyên khảo / Phạm Thanh Bình. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 187 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 200000đ. - 200b

Thư mục: tr. 180-187 s618649

719. Phát triển năng lực Tiếng Việt 1 / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 35000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 40 tr. : minh hoạ s618220

720. Phát triển năng lực Tiếng Việt 1 / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 35000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 40 tr. : minh hoạ s618221

721. Phát triển năng lực Tiếng Việt 2 / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 35000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 56 tr. : minh hoạ s618222

722. Phát triển năng lực Tiếng Việt 2 / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 35000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 56 tr. : minh hoạ s618223

723. Phát triển năng lực Tiếng Việt 3 / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 35000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s618224

724. Phát triển năng lực Tiếng Việt 3 / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 35000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s618225

725. Phát triển năng lực Tiếng Việt 4 : Dành cho buổi học thứ hai / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 35000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s618257

726. Phát triển năng lực Tiếng Việt 4 : Dành cho buổi học thứ hai / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 35000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s618258

727. Phát triển năng lực Toán 3 / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 35000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 56 tr. : hình vẽ s618216

728. Phát triển năng lực Toán 3 / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 35000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 56 tr. : hình vẽ, bảng s618217

729. Phát triển năng lực Toán 4 : Dành cho buổi học thứ hai / Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 35000đ. - 2000b
Q.2. - 2025. - 56 tr. : minh hoạ s618256

730. Phát triển và nâng cao tư duy Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Huỳnh Bảo Châu. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 97 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 52000đ. - 2000b s618209

731. Phiếu bài tập củng cố Tiếng Việt theo tuần 4 : Sách dùng ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới... / Mai Thanh Hằng. - H. : Tri thức, 2025. - 131 tr. : tranh vẽ ; 30 cm. - 79000đ. - 2300b s618479

732. Phiếu bài tập củng cố Toán 3 theo tuần : Chương trình mới, phương pháp mới theo Bộ Giáo dục và Đào tạo / Vũ Thị Thúy Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 95 tr. : minh họa ; 30 cm. - 75000đ. - 2800b s618497

733. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Anh 1 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo : 35 tuần học / Thủy Dương. - H. : Tri thức, 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Global Success). - 68000đ. - 2800b s618488

734. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Anh 2 : 35 tuần học : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo : Sách theo Chương trình Global Success / Thủy Dương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 92 tr. : hình vẽ ; 30 cm. - 69000đ. - 3000b s619908

735. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Anh 3 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo : 35 tuần học / Thủy Dương. - H. : Tri thức, 2025. - 100 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Global Success). - 75000đ. - 2800b s618489

736. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Anh 4 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo : 35 tuần học / Thủy Dương. - H. : Tri thức, 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Global Success). - 68000đ. - 2600b s618490

737. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Anh 5 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo : 35 tuần học / Thủy Dương. - H. : Tri thức, 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Global Success). - 68000đ. - 2800b s618491

738. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Việt 2 : 35 tuần học : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 100 tr. : minh họa ; 30 cm. - 79000đ. - 3000b s619909

739. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Việt 4 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo : 35 tuần học / Trần Thị Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 100 tr. : minh họa ; 30 cm. - 75000đ. - 2600b s618480

740. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Việt 5 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo : 35 tuần học / Trần Thị Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 100 tr. : minh họa ; 30 cm. - 75000đ. - 2800b s618481

741. Phiếu bài tập cuối tuần Toán 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo : 35 tuần học / Trần Thị Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 69000đ. - 3000b s618494

742. Phiếu bài tập cuối tuần Toán 3 : 35 tuần học : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 30 cm. - 75000đ. - 2500b s619912

743. Phiếu bài tập cuối tuần Toán 4 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo : 35 tuần học / Trần Thị Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 30 cm. - 75000đ. - 2600b s618495

744. Phiếu bài tập cuối tuần Toán 5 : 35 tuần học : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 30 cm. - 75000đ. - 2800b s618496

745. Phiếu luyện Toán tư duy cùng gấu Kiki : Bộ phiếu học tập sẵn sàng cho bé vào lớp 1 / Trần Thị Hương. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Giúp con thích học Toán). - 32000đ. - 3200b

T.4: Tách gộp nhóm số lượng. Làm quen với so sánh. - 2025. - 32 tr. : hình vẽ s618445

746. Phiếu luyện Toán tư duy cùng gấu Kiki : Bộ phiếu học tập sẵn sàng cho bé vào lớp 1 / Trần Thị Hương. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Giúp con thích học Toán). - 32000đ. - 1000b

T.5: Làm quen với phép tính. - 2025. - 32 tr. : hình vẽ s618446

747. Phiếu luyện viết cùng gấu Kiki : Bộ phiếu học tập sẵn sàng cho bé vào lớp 1 / Trần Thị Hương. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Giúp con thành thạo và thích viết). - 29000đ. - 2500b

T.1: Luyện viết các nét cơ bản. - 2025. - 32 tr. s618444

748. Phiếu ôn hè Tiếng Việt lớp 2 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 3 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 30 cm. - 52000đ. - 3000b s619913

749. Phiếu ôn hè Toán lớp 1 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 2 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 52 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 45000đ. - 3300b s619910

750. Phiếu ôn hè Toán lớp 3 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 4 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 55 tr. : minh họa ; 30 cm. - 45000đ. - 2700b s619911

751. Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ Tiểu học : Tài liệu tham khảo dành cho sinh viên sư phạm / Phạm Thị Loan (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Tâm, Trần Thị Oanh... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 150 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 90000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Hải Dương. Khoa Công nghệ thông tin. - Thư mục: tr. 149-150 s618137

752. Primary grammar - Ngữ pháp Tiếng Anh theo chủ đề lớp 5 / Nguyễn Thị Thu Huế. - H. : Nxb. Hà Nội. - 29 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh). - 83000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 129 tr. : hình vẽ, bảng s618291

753. Quick Quick - Học nhanh toàn diện từ vựng Tiếng Anh theo chủ đề lớp 1 / Hoàng Thị Ngọc Tú. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 117 tr. : minh họa ; 30 cm. - (Tủ sách Con học tốt). - 89000đ. - 1200b s619842

754. Quốc gia như một trường đại học - Tầm nhìn về giáo dục đại học của Fidel Castro = La Nación entera convertida en una universidad - Fidel y la educación superior / Walter Baluja García, Román García Báez, Aurora Fernández González... Dịch: Đỗ Huyền Thanh, Dương Hồng Ngọc. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 377 tr. : ảnh ; 24 cm. - 7000b

Thư mục: tr. 359-377 s618969

755. Rèn kỹ năng giải Toán lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Phạm Thị Yến. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 90000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 215 tr. : minh họa s618318

756. Sổ tay Ngữ pháp và bài tập Tiếng Anh lớp 3 - 4 - 5 : Cuốn sổ tay thần kỳ giúp ôn luyện nhanh, tự học mọi lúc mọi nơi / Dương Hương. - H. : Hồng Đức, 2025. - 187 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 78000đ. - 2000b s619363

757. Sổ tay Sinh viên. - H. : Công Thương, 2025. - 265 tr. : bảng ; 21 cm. - 130000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Trường Đại học Kiểm sát. - Phụ lục: tr. 262-264 s618828

758. Standing, E. M. Maria Montessori - Cuộc đời và sự nghiệp : Câu chuyện về một nhà giáo dục vĩ đại mang đến một cuộc cách mạng thay đổi tiến trình giáo dục hiện đại / E. M. Standing ; Nguyễn Bảo Trung dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 622 tr. : ảnh ; 24 cm. - 200000đ. - 1000b

Dịch theo bản tiếng Anh: Maria Montessori her life and her work. - Phụ lục: tr. 601-620 s617854

759. Tài liệu hỗ trợ tiếng Anh lớp 5 / Trung tâm Ngoại ngữ Smart Horizon. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 75 tr. : minh họa ; 30 cm. - 105000đ. - 500b s618399

760. Tài liệu Luyện viết chữ đúng - đẹp / B.s.: Trần Thu Thủy, Trần Thị Thanh. - H. : Tri thức, 2025. - 12 tr. ; 30 cm. - 2200b s618498

761. Takenote kiến thức toán và dạng toán 4 / Lê Vũ Việt Anh. - H. : Tri thức, 2025. - 118 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 79000đ. - 3800b s618591

762. Takenote kiến thức toán và dạng toán 5 / Lê Vũ Việt Anh. - H. : Tri thức, 2025. - 92 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 68000đ. - 4000b s618592

763. Tập phiếu nhận biết, tô, đồ chữ cái : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 4 tuổi / Nguyên Vũ, Thùy Dương ; Minh họa: Nguyễn Hồng, Minh Tâm. - H. : Văn học, 2025. - 28 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 8000b s618141

764. Tập phiếu nhận biết, tô, đồ chữ cái : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 5 tuổi / Nguyên Vũ, Thùy Dương ; Minh họa: Nguyễn Hồng, Minh Tâm. - H. : Văn học, 2025. - 36 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 8000b s618140

765. Tập phiếu nhận biết, tô, đồ chữ số : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ mầm non / Nguyên Vũ, Thùy Dương ; Minh họa: Nguyễn Hồng, Minh Tâm. - H. : Văn học, 2025. - 22 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 8000b s618142

766. Tập tô - Tập viết : Hành trang giúp bé tự tin vào lớp 1 / Nguyễn Hữu Cao b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 11500đ. - 2000b

Q.1. - 2025. - 24 tr. s619463

767. Tập tô - Tập viết : Hành trang giúp bé tự tin vào lớp 1 / Nguyễn Hữu Cao b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 11500đ. - 2000b

Q.2. - 2025. - 24 tr. s619464

768. Tập tô - Tập viết chữ cái / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 24 cm. - (Hành trang cho bé vào lớp 1). - 13000đ. - 3000b

Q.1. - 2025. - 36 tr. : hình vẽ s619206

769. Tập tô - Tập viết chữ cái / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 13000đ. - 3000b

Q.2. - 2025. - 36 tr. : hình vẽ s619207

770. Tập tô - Tập viết chữ cái theo nhóm tương đồng / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào lớp 1). - 13000đ. - 3000b s619205

771. Tập tô - Tập viết chữ cái và chữ ghép / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 36 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào lớp 1). - 13000đ. - 3000b s619208

772. Tập tô - Tập viết chữ mẫu giáo / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào lớp 1). - 13000đ. - 3000b s619211

773. Tập tô - Tập viết chữ số / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào lớp 1). - 13000đ. - 3000b s619213

774. Tập tô - Tập viết nét cơ bản / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 36 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 13000đ. - 3000b s619212
775. Tập tô chữ : Luyện viết theo Chương trình mới : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Bé sẵn sàng vào Lớp 1). - 14000đ. - 5000đ
Q.1: Chữ cái. - 2025. - 23 tr. : hình vẽ s619457
776. Tập tô chữ : Luyện viết theo Chương trình mới : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Bé sẵn sàng vào Lớp 1). - 14000đ. - 5000b
Q.2: Chữ cái và chữ ghép. - 2025. - 23 tr. : hình vẽ s619458
777. Tập tô nét cơ bản : Luyện viết theo Chương trình mới : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Bé sẵn sàng vào Lớp 1). - 14000đ. - 5000b s619459
778. Tập viết : Dành cho bé 4 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 26 cm. - (Hành trang cho bé tự tin vào Lớp 1). - 27000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 48 tr. s619030
779. Tập viết : Dành cho bé 4 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 26 cm. - (Hành trang cho bé tự tin vào Lớp 1). - 27000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 48 tr. s619031
780. Tập viết chữ cái, chữ ghép / T-Books. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 44 tr. ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 32000đ. - 3000b s618046
781. Tập viết nét cơ bản / T-Books. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 32 tr. ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 26000đ. - 3000b s618044
782. Tập viết tiếng, từ / T-Books. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 40 tr. ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 32000đ. - 3000b s618045
783. Thanh Tâm. Sổ theo dõi sữa học đường / Thanh Tâm. - H. : Giáo dục, 2025. - 27 tr. : bảng ; 30 cm. - 9000đ. - 3000b s619229
784. Tiếng Anh 1 - Explore our world : Sách bài tập / Nguyễn Quốc Hùng (ch.b.), Đỗ Thị Kim Thanh. - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 37 tr. : minh họa ; 26 cm. - (Cánh Diều). - 49000đ. - 6000b s618248
785. Tiếng Anh 1 - Extra and Friends : Teacher's book / Võ Đại Phúc (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 100 tr. : minh họa ; 27 cm. - 130000đ. - 2000b s619713
786. Tiếng Anh 1 - Phonics-smart : Student's book / Nguyễn Thu Hiền (ch.b.), Quản Lê Duy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 63 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 51000đ. - 20000b s618218
787. Tiếng Anh 2 - Explore our world : Sách bài tập / Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Đỗ Thị Kim Thanh. - Tái bản lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 39 tr. : minh họa ; 26 cm. - (Cánh Diều). - 49000đ. - 6000b s618249
788. Tiếng Anh 2 - Explore our world : Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 709/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021 : Sách học sinh / Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Đỗ Thị Kim Thanh. - Tái bản lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 49 tr. : minh họa ; 26 cm. - (Cánh Diều). - 54800đ. - 2000b s618250

789. Tiếng Anh 2 - Phonics-smart : Activity book / Nguyễn Thu Hiền (ch.b.), Quản Lê Duy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 55 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 76000đ. - 20000b s618219

790. Tiếng Anh 4 - Explore our world : Sách bài tập / Đào Xuân Phương Trang (ch.b.), Nguyễn Thanh Bình, Phạm Nguyễn Huy Hoàng... - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 69 tr. : minh họa ; 26 cm. - (Cánh Diều). - 83000đ. - 4000b s618251

791. Tiếng Anh 4 - Explore our world : Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 4434/QĐ-BGDĐT ngày 21/12/2022 : Sách học sinh / Đào Xuân Phương Trang (ch.b.), Nguyễn Thanh Bình, Phạm Nguyễn Huy Hoàng... - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 150 tr., 5 tờ đề can : minh họa ; 26 cm. - (Cánh Diều). - 71100đ. - 5000b s618252

792. Tiếng Anh 4 - Macmillan next move : Workbook / Hoàng Tăng Đức (tổng ch.b.), Đặng Ngân Giang, Nguyễn Thị Thu Hoài. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 89 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 71118đ. - 5000b s618405

793. Tiếng Anh thông qua Khoa học lớp 1 - Smath Link. - H. : Văn học, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 30 cm. - 3000b

Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619746

794. Tiếng Anh thông qua Khoa học lớp 2 - Smath Link. - H. : Văn học, 2025. - 80 tr. : minh họa ; 30 cm. - 2500b

Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619742

795. Tiếng Anh thông qua Khoa học lớp 3 - Smath Link. - H. : Văn học, 2025. - 101 tr. : minh họa ; 30 cm. - 2500b

Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619743

796. Tiếng Anh thông qua Khoa học lớp 4 - Smath Link. - H. : Văn học, 2025. - 93 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1500b

Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619744

797. Tiếng Anh thông qua Khoa học lớp 5 - Smath Link. - H. : Văn học, 2025. - 114 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1500b

Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619745

798. Tiếng Anh thông qua Toán lớp 1 - Smath Link. - H. : Văn học, 2025. - 92 tr. : minh họa ; 30 cm. - 3000b

Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619747

799. Tiếng Anh thông qua Toán lớp 2 - Smath Link. - H. : Văn học, 2025. - 102 tr. : minh họa ; 30 cm. - 3000b

Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619748

800. Tiếng Anh thông qua Toán lớp 3 - Smath Link. - H. : Văn học, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 30 cm. - 3000b

Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619749

801. Tiếng Anh thông qua Toán lớp 4 - Smath Link. - H. : Văn học, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 30 cm. - 2000b

Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619750

802. Tiếng Anh thông qua Toán lớp 5 - Smath Link. - H. : Văn học, 2025. - 111 tr. : minh họa ; 30 cm. - 2000b

Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619751

803. Tiếng Trung Quốc 3 : Sách bài học / Châu Trí Cần (ch.b.), Quách Huệ Trân. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 167 tr. : bảng, tranh màu ; 28 cm. - 88000đ. - 2000b s619397

804. Tiếng Việt 1 : Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 4507/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2019 / Nguyễn Minh Thuyết (tổng ch.b.), Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Thị Ly Kha, Lê Hữu Tĩnh. - Tái bản lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - (Cánh Diều). - 27000đ. - 11000b

T.1: Học vắn. - 2025. - 172 tr. : ảnh, tranh màu s618238

805. Tính bằng cách thuận tiện siêu nhanh - Tính giá trị biểu thức siêu đúng 4 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. ; 27 cm. - 40000đ. - 3000b s619854

806. Tính bằng cách thuận tiện siêu nhanh - Tính giá trị biểu thức siêu đúng 5 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. ; 27 cm. - 40000đ. - 3000b s619855

807. Toán nâng cao và bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 2 : Nâng cao kiến thức ngoài chương trình trên lớp / Nguyễn Bảo Minh, Lê Yến Ngọc. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 131 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 57000đ. - 3000b s618307

808. Toán nâng cao và bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 4 : Nâng cao kiến thức ngoài chương trình trên lớp / Nguyễn Bảo Minh, Lê Yến Ngọc. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 135 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 57000đ. - 3000b s618308

809. Toán nâng cao và bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 5 : Nâng cao kiến thức ngoài chương trình trên lớp / Nguyễn Bảo Minh, Lê Yến Ngọc. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 143 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 60000đ. - 3000b s618309

810. Toán tiền Tiểu học - Cộng trừ trong phạm vi 20 / Wang Chao ; Hoàng Dương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 54 tr. : minh họa ; 21x29 cm. - 78000đ. - 3000b s618079

811. Toán tiền Tiểu học - Cộng trừ trong phạm vi 10 / Wang Chao ; Hoàng Dương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 55 tr. : minh họa ; 21x29 cm. - 78000đ. - 3000b s618078

812. Trải nghiệm kỹ năng sống 2 = Life skills experience : Dành cho học sinh tiểu học / Huỳnh Lâm Anh Chương, Hà Lê (ch.b.), Đặng Ánh Hồng... - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 59 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 65000đ. - 2000b s619714

813. Trải nghiệm kỹ năng sống 3 = Life skills experience : Dành cho học sinh tiểu học / Huỳnh Lâm Anh Chương, Hà Lê (ch.b.), Đặng Ánh Hồng... - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 59 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 65000đ. - 2000b s619715

814. Trải nghiệm kỹ năng sống 4 = Life skills experience : Dành cho học sinh tiểu học / Huỳnh Lâm Anh Chương, Hà Lê (ch.b.), Đặng Ánh Hồng... - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 59 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 65000đ. - 2000b s619716

815. Trải nghiệm kỹ năng sống 5 = Life skills experience : Dành cho học sinh tiểu học / Huỳnh Lâm Anh Chương, Hà Lê (ch.b.), Đặng Thị Kim Ngoan... - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 59 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 65000đ. - 2000b s619717

816. Trần Lam. Vì sao tôi lại bị bắt nạt? : 17+ / Trần Lam ; HaMi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 334 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 我们为什么被霸凌? s619423

817. Trần Thị Minh Thành. Giáo trình Quản lý hành vi của trẻ khuyết tật trí tuệ / Trần Thị Minh Thành (ch.b.), Nguyễn Nữ Tâm An. - Tái bản có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 207 tr. : minh họa ; 24 cm. - 75000đ. - 500b

Thư mục: tr. 207 s619297

818. Trọn bộ Tiếng Việt - Chính tả 4 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : minh họa ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s618371

819. Trọn bộ Tiếng Việt - Luyện từ và câu 4 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s618370

820. Trọn bộ Tiếng Việt - Mở rộng vốn từ 4 : Tổng hợp, giải nghĩa ca dao, tục ngữ, thành ngữ Việt Nam / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : minh họa ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s618373

821. Trọn bộ Tiếng Việt - Tập làm văn 4 : 49 bài văn mẫu trọn bộ cả năm / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s618374

822. Trọn bộ Tiếng Việt - Truyện đọc 4 : Đọc mở rộng / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s618372

823. Trọn bộ Toán lớp 1 - Chuyên đề Các số trong phạm vi 10 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s619871

824. Trọn bộ Toán lớp 1 - Chuyên đề Các số trong phạm vi 100 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s619870

825. Trọn bộ Toán lớp 1 - Chuyên đề Giải bài toán có lời văn : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s619873

826. Trọn bộ Toán lớp 1 - Chuyên đề Hình học và đo lường : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s619868

827. Trọn bộ Toán lớp 1 - Chuyên đề Phép cộng trong phạm vi 10 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s619869

828. Trọn bộ Toán lớp 1 - Chuyên đề Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s619874

829. Trọn bộ Toán lớp 1 - Chuyên đề Phép trừ trong phạm vi 10 : Theo Chương trình SGK mới nhất / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s619872

830. Tuyển chọn đề kiểm tra các trường - Tiếng Việt 1 : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s619861

831. Tuyển chọn đề kiểm tra các trường - Tiếng Việt 2 : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường... / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s618312

832. Tuyển chọn đề kiểm tra các trường - Tiếng Việt 3 : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s619862

833. Tuyển chọn đề kiểm tra các trường - Tiếng Việt 4 : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s619846

834. Tuyển chọn đề kiểm tra các trường - Tiếng Việt 5 : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường... / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s618313

835. Tuyển chọn đề kiểm tra các trường - Toán 1 : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường... / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s618311

836. Tuyển chọn đề kiểm tra các trường - Toán 3 : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 3000b s619859

837. Tuyển chọn đề kiểm tra các trường - Toán 5 : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường... / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s618314

838. Tuyển chọn đề ôn luyện và tự kiểm tra Toán 1 : Ôn tập lí thuyết và bổ sung bài tập ngoài giờ / Trần Thị Kim Cương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 215 tr. : minh họa ; 27 cm. - 85000đ. - 3000b s618302

839. Tuyển chọn đề ôn luyện và tự kiểm tra Toán 2 : Ôn tập lí thuyết và bổ sung bài tập ngoài giờ / Trần Thị Kim Cương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 215 tr. : minh họa ; 27 cm. - 85000đ. - 3000b s618303

840. Tuyển chọn đề ôn luyện và tự kiểm tra Toán 3 : Ôn tập lí thuyết và bổ sung bài tập ngoài giờ / Trần Thị Kim Cương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 215 tr. : minh họa ; 27 cm. - 85000đ. - 3000b s618304

841. Tuyển chọn đề ôn luyện và tự kiểm tra Toán 4 : Ôn tập lí thuyết và bổ sung bài tập ngoài giờ / Trần Thị Kim Cương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 227 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 90000đ. - 3000b s618305

842. Tuyển chọn đề ôn luyện và tự kiểm tra Toán 5 : Ôn tập lí thuyết và bổ sung bài tập ngoài giờ / Trần Thị Kim Cương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 238 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 95000đ. - 3000b s618306

843. Tuyển chọn những bài văn miêu tả 5 / S.t., tuyển chọn: Tạ Đức Hiền, Ngô Thu Yến, Nguyễn Minh Hòa... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 119 tr. ; 27 cm. - 55000đ. - 3000b s619845

844. Từ Ảnh. Kỹ năng phòng tránh bắt nạt và bạo lực học đường - Mình không thích bị cô lập : Dành cho trẻ em từ 4 - 12 tuổi / Từ Ảnh ; Khánh Bình dịch. - In lần thứ 3. - H. : Văn

học, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 38000đ. - 1000b s619171

845. Từ Ảnh. Kỹ năng phòng tránh bắt nạt và bạo lực học đường - Mình không thích bị cười nhạo : Dành cho trẻ em từ 4 - 12 tuổi / Từ Ảnh ; Khánh Bình dịch. - H. : Văn học, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 38000đ. - 1000b s619175

846. Từ Ảnh. Kỹ năng phòng tránh bắt nạt và bạo lực học đường - Mình không thích bị dọa nạt : Dành cho trẻ em từ 4 - 12 tuổi / Từ Ảnh ; Khánh Bình dịch. - H. : Văn học, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 38000đ. - 1000b s619176

847. Từ Ảnh. Kỹ năng phòng tránh bắt nạt và bạo lực học đường - Mình không thích bị đẩy ngã : Dành cho trẻ em từ 4 - 12 tuổi / Từ Ảnh ; Khánh Bình dịch. - H. : Văn học, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 38000đ. - 1000b s619173

848. Từ Ảnh. Kỹ năng phòng tránh bắt nạt và bạo lực học đường - Mình không thích bị đổ oan : Dành cho trẻ em từ 4 - 12 tuổi / Từ Ảnh ; Khánh Bình dịch. - H. : Văn học, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 38000đ. - 1000b s619174

849. Từ Ảnh. Kỹ năng phòng tránh bắt nạt và bạo lực học đường - Mình không thích bị trán lột đồ : Dành cho trẻ em từ 4 - 12 tuổi / Từ Ảnh ; Khánh Bình dịch. - In lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 38000đ. - 1000b s619172

850. Từ Ảnh. Kỹ năng phòng tránh bắt nạt và bạo lực học đường - Mình không thích bị trêu chọc : Dành cho trẻ em từ 4 - 12 tuổi / Từ Ảnh ; Khánh Bình dịch. - H. : Văn học, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 38000đ. - 1000b s619177

851. Từ điển đầu đời : Sách dành cho trẻ 3+ / Nguyễn Thị Thanh Trinh. - H. : Thế giới, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 15 cm. - 190000đ. - 2000b s620135

852. Từ vựng và cấu trúc Tiếng Anh lớp 1 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Tạ Thu Chi. - H. : Tri thức, 2025. - 107 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 69000đ. - 1000b s618486

853. Vở bài tập Tiếng Việt tăng cường lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Hân, Nguyễn Thị Hạnh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 120 tr. : minh họa s618353

854. Vở bài tập Tiếng Việt tăng cường lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Hân, Phạm Thị Nhã, Nguyễn Thị Thùy Linh, Trần Thị Thu Hà. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 116 tr. : minh họa s618354

855. Vở bài tập Tiếng Việt tăng cường lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Hân, Phạm Thị Nhã, Nguyễn Thị Thùy Linh, Trần Thị Thu Hà. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 120 tr. : minh họa s618355

856. Vở bài tập Toán tăng cường lớp 5 : Bổ trợ kiến thức hàng ngày : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nguyễn Thị Hạnh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Cánh Diều). - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 108 tr. : minh họa s618332

857. Vở bài tập Toán tăng cường lớp 5 : Bổ trợ kiến thức hàng ngày : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nguyễn Thị Hạnh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Cánh Diều). - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 104 tr. : minh họa s618333

858. Vở bài tập Toán tăng cường lớp 5 : Bổ trợ kiến thức hằng ngày : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nguyễn Thị Vân Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 120 tr. : minh họa s618334

859. Vở bồi dưỡng Tiếng Việt lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Hân, Nguyễn Thị Trang. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 108 tr. : minh họa s618395

860. Vở bồi dưỡng Tiếng Việt lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Hân, Nguyễn Thị Trang. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 108 tr. : hình vẽ, bảng s618396

861. Vở bồi dưỡng Tiếng Việt lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 116 tr. : hình vẽ, bảng s618397

862. Vở bồi dưỡng Tiếng Việt lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 116 tr. : hình vẽ, bảng s618398

863. Vở luyện viết 1 : Theo Chương trình mới / Nguyễn Hào b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 18000đ. - 5000b

Q.3. - 2025. - 40 tr. s619456

864. Vở luyện viết chính tả âm - vần - đoạn - chữ hoa lớp 1 / Trần Thị Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 59 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 39000đ. - 2000b s619824

865. Vở luyện viết vần - tiếng - từ - câu : Mức độ 3: Nâng cao : Biên soạn theo phương pháp tiên tiến học mới nhất hiện nay / Vũ Ngọc Hân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 68 tr. ; 27 cm. - (Tự tin bước vào Lớp 1). - 50000đ. - 5000b s618358

866. Vở ô li bài tập Tiếng Việt tăng cường lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Hân, Ngô Kim Hoa. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Cánh Diều). - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 112 tr. : minh họa s618356

867. Vở ô li bài tập Tiếng Việt tăng cường lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Hân, Ngô Kim Hoa. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Cánh Diều). - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 116 tr. : minh họa s618357

868. Vở ô li bài tập Tiếng Việt tăng cường lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Hân, Vũ Thị Thu. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 104 tr. : minh họa s618350

869. Vở ô li bài tập Tiếng Việt tăng cường lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Hân, Nguyễn Thị Nhã. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 120 tr. : minh họa s618351

870. Vở ô li bài tập Tiếng Việt tăng cường lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Hân, Nguyễn Thị Trang, Nguyễn Thị Ngọc. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 112 tr. : minh họa s618352

871. Vở ô li Bài tập Toán tăng cường lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Ngô Kim Hoa. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Cánh Diều). - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng s618324

872. Vở ô li Bài tập Toán tăng cường lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Ngô Kim Hoa. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Cánh Diều). - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 108 tr. : hình vẽ, bảng s618325

873. Vở ô li bài tập Toán tăng cường lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Cánh Diều). - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 120 tr. : minh họa s618326

874. Vở ô li bài tập Toán tăng cường lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 120 tr. : minh họa s618335

875. Vở ô li bài tập Toán tăng cường lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 120 tr. : minh họa s618327

876. Vở ô li bài tập Toán tăng cường lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 120 tr. : minh họa s618336

877. Vở ô li bài tập Toán tăng cường lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Cánh Diều). - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 120 tr. : minh họa s618328

878. Vở ô li bài tập Toán tăng cường lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 120 tr. : minh họa s618337

879. Vở ô li bài tập Toán tăng cường lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Cánh Diều). - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 120 tr. : minh họa s618329

880. Vở ô li bài tập Toán tăng cường lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Cánh Diều). - 60000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 120 tr. : minh họa s618330

881. Vở ô li bài tập Toán tăng cường lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Cánh Diều). - 60000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 120 tr. : minh họa s618331

882. Vở ô li bài tập Toán tăng cường lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Phiên bản đặc biệt 5.0 / Vũ Ngọc Hân, Nông Thị Vân Hương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 120 tr. : minh họa s618338

883. Vở ô li luyện viết tăng cường 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới - Chân trời sáng tạo / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 80 tr. s618391

884. Vở ô ly tập tô chữ số : Dành cho bé chuẩn bị vào lớp 1 / Chính An, Nhóm GV ĐHSPT Ngữ văn. - Tái bản lần thứ 8. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 32 tr. ; 24 cm. - 12500đ. - 10000b s618506

885. Vở ôn luyện bài tập Chính tả lớp 1 : Theo chương trình sách mới - Dùng cho các bộ sách / Vũ Ngọc Hân, Phạm Thị Ngọc Diệp. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 100 tr. : minh họa ; 27 cm. - 60000đ. - 5000b s618392

886. Vở rèn chữ cỡ nhỏ : Luyện chữ cỡ nhỏ chuẩn 3/4 li cho học sinh tiểu học và người yêu chữ : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Thúy Hà, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 64 tr. ; 27 cm. - 45000đ. - 5000b s618364

887. Vở tập tô chữ : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 17. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 31 tr. : hình vẽ s619300

888. Vui học an toàn giao thông (từ lớp 1 đến lớp 5) / Thanh Bình b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 21 cm. - 25000đ. - 1500b s618524

889. Vui học Toán - Nhìn tranh hoàn thành phép tính / Hoàng Vận Phương ; Hoàng Phúc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - (Toán tiền tiểu học). - 68000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 作品: 幼小衔接金牌天天练:看图列算式 s617952

890. Vui học Toán - Tách và gộp / Hoàng Vận Phương ; Hoàng Phúc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 76 tr. : hình vẽ ; 26 cm. - (Toán tiền tiểu học). - 68000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 作品: 幼小衔接金牌天天练:分解与组成 s617953

891. Vui học Toán - Tư duy giải quyết vấn đề / Hoàng Vận Phương ; Hoàng Phúc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - (Toán tiền tiểu học). - 68000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 作品: 幼小衔接金牌天天练:解决问题 s617954

THƯƠNG MẠI, CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG VÀ GIAO THÔNG VẬN TẢI

892. Giáo trình Lý thuyết kỹ năng giao tiếp bán hàng : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Dược / B.s.: Phan Thị Thanh Tâm (ch.b.), Nguyễn Văn Hưng, Hoàng Thị Nguyệt Phương... - H. : Y học, 2025. - 115 tr. : minh họa ; 27 cm. - 292000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 113-114 s619663

893. Giáo trình Thực hành Kỹ năng giao tiếp bán hàng : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Dược / B.s.: Nguyễn Văn Hưng (ch.b.), Phan Thị Thanh Tâm, Hoàng Thị Nguyệt Phương... - H. : Y học, 2025. - 91 tr. : minh họa ; 27 cm. - 238000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 88. - Phụ lục trong chính văn s619637

894. Logistics và vận tải quốc tế / B.s.: Trần Nguyễn Hợp Châu (ch.b.), Nguyễn Thị Cẩm Thủy, Nguyễn Thị Thanh Tân, Lương Văn Đạt. - H : Hồng Đức, 2025. - 456 tr. : minh họa ; 24 cm. - 150000đ. - 1500b

Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 371-456 s618777

895. Nghiên cứu giải pháp khuyến khích sử dụng xe điện tại một số thành phố ở Việt Nam hướng đến thực hiện mục tiêu phát triển bền vững : Sách tham khảo / Lê Thị Trâm Anh, Nguyễn Quỳnh Trang, Trần Việt Thảo... ; Ch.b.: Phan Hương Thảo, Trần Mai Trang. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 289 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100b

Thư mục: tr. 282-289 s619051

896. Phạm Thị Thanh Huyền. Kỷ nguyên thương mại của Tây Ban Nha ở các thuộc địa Mỹ Latinh (thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XIX) : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Thanh Huyền. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 247 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 180000đ. - 250b

Thư mục: tr. 199-209. - Phụ lục: tr. 210-247 s618909

897. Phương tiện giao thông = Vehicles - Les véhicules : Giúp trẻ nhận biết thế giới xung quanh thật trực quan và sinh động : Sách chuyển động thông minh đa ngữ Việt - Anh - Pháp : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Nathalie Choux ; Dịch: Phạm Nhân, Linh Chi. - In lần thứ 6. - H. : Thế giới, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 119000đ. - 1000b s620139

898. Thư viện hình ảnh đầu tiên cho bé - Phương tiện giao thông = My first picture encyclopedia - Transport : Song ngữ : Cho bé từ 0 - 6 tuổi / B.s.: Hải Minh, Jenny ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 12 cm. - 29000đ. - 5000b s620019

899. Triệu Đức Thanh. Những con đường / Triệu Đức Thanh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 156 tr. : bảng ; 21 cm. - 500b s618884

900. Vũ Đình Tâm. Hành trình 50 tỷ / Vũ Đình Tâm. - H. : Văn học, 2025. - 79 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 699000đ. - 5000b s619165

PHONG TỤC, NGHI LỄ VÀ VĂN HOÁ DÂN GIAN

901. Ai mua hành tôi : Truyện tranh / Kể: Búp Trên Cành ; Vẽ: Kim Duẩn. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 19 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện tranh cổ tích Việt Nam). - 26000đ. - 2000b s617998

902. Andersen, Hans Christian. Cô bé bán diêm : Tổng tập tác phẩm của bậc thầy truyện cổ tích thế giới Andersen / Minh họa: Hùng Lượng ; Dịch tiếng Trung: Nhậm Dung Dung ; Dịch tiếng Việt: Thu Giao. - H. : Văn học, 2025. - 271 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 249000đ. - 1000b s619131

903. Andersen, Hans Christian. Nàng tiên cá : Tổng tập tác phẩm của bậc thầy truyện cổ tích thế giới Andersen / Minh họa: Hùng Lượng ; Dịch tiếng Trung: Nhậm Dung Dung ; Dịch tiếng Việt: Hân Vũ. - H. : Văn học, 2025. - 295 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 249000đ. - 1000b s619132

904. Bách khoa Thần thánh Việt Nam / Sun Wolf Animation Studio, Đại Việt Kỳ Nhân. - H. : Hồng Đức. - 22 cm. - 239000đ. - 1500b
Q.1. - 2025. - 297 tr. : tranh màu s618789
905. Cây khế : Truyện tranh / Kể: Búp Trên Cành ; Vẽ: Kim Duẩn. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 19 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện tranh cổ tích Việt Nam). - 26000đ. - 2000b s618001
906. Chân Quang. Bộ quy tắc ứng xử / Chân Quang. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 160000đ. - 500b
T.1: Chương 1 - Chương 33. - 2025. - 364 tr. s618946
907. Cóc kiện trời : Truyện tranh / Kể: Búp Trên Cành ; Vẽ: Kim Duẩn. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 19 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện tranh cổ tích Việt Nam). - 26000đ. - 2000b s617999
908. Công chúa tóc mây = Rapunzel : Truyện tranh : Sách chuyển động : Dành cho trẻ em từ 0 - 3 tuổi / Minh họa: Dan Taylor ; Minh Trang dịch. - In lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 119000đ. - 1000b s619996
909. Dương Hoàng Lộc. Tín ngưỡng của cộng đồng ngư dân ven biển Đồng bằng sông Cửu Long : Sách chuyên khảo / Dương Hoàng Lộc. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 329 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 200b
Thư mục: tr. 314-329 s618708
910. Đồng dao cho bé / Trang Nguyễn b.s. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 29000đ. - 50000b s619170
911. Hải Minh. Đồng dao cho em / Hải Minh b.s. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 98000đ. - 2000b s617932
912. Mai Hương. Đồng dao tư duy hình ảnh cho bé tập nói, tập đọc / Mai Hương b.s. ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 119 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 98000đ. - 3000b s617923
913. Mai Hương. Thành ngữ Việt Nam bằng tranh / Mai Hương b.s. ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 69000đ. - 2000b s618004
914. Mai Hương. Truyện cổ tích thế giới cho bé tập đọc / Mai Hương b.s. ; Minh họa: Thương Thương, Vũ Phượng. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 111 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 98000đ. - 2000b s618438
915. Mai Hương. Vui học thành ngữ, tục ngữ, ca dao bằng tranh / Mai Hương b.s. ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 119 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 98000đ. - 2000b s618414
916. Nàng Bạch Tuyết = Snow white : Truyện tranh : Sách chuyển động : Dành cho trẻ em từ 0 - 3 tuổi / Minh họa: Dan Taylor ; Minh Trang dịch. - In lần thứ 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 119000đ. - 1000b s619995
917. Nghìn lẻ một đêm : Truyện cổ : Truyện kinh điển minh họa bằng tranh / Kể: Anna Milbourne ; Minh họa: Alida Massari ; Mai Loan dịch. - In lần thứ 6. - H. : Văn học, 2025. - 310 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Illustrated classics). - 168000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Illustrated Arabian nights s620323
918. Ngô Thị Thanh Tâm. 80 câu hỏi về trà? / Ngô Thị Thanh Tâm. - H. : Dân trí, 2025. - 119 tr. : ảnh ; 16 cm. - 149000đ. - 2000b s620388

919. Ngụ ngôn cho bé : Truyện tranh / Trang Nguyên b.s. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 29000đ. - 50000b s619168

920. Nguyễn Mạnh Linh. Văn khấn bách gia thực dụng / Nguyễn Mạnh Linh. - Tái bản, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Hồng Đức, 2025. - 351 tr. : minh họa ; 27 cm. - 168000đ. - 2000b s618163

921. Nguyễn Tuấn Vũ. Văn khấn gia tiên thông dụng / Nguyễn Tuấn Vũ s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 131 tr. ; 24 cm. - 98000đ. - 10000b s618604

922. Sarreal, Julia J. S. Câu chuyện Yerba Maté - Nước uống thảo mộc truyền thống vươn ra thế giới / Julia J. S. Sarreal ; Sophia Ngô dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 407 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Văn hóa ẩm thực). - 350000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Yerba Maté : The drink that shaped a nation s617861

923. Simpson Giles, Candace. Chuẩn mực quý cô : Cẩm nang về tác phong thanh lịch cho phái đẹp / Candice Simpson Giles ; Minh Châu dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 181 tr. : hình vẽ ; 18 cm. - 139000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: How to be a lady s620054

924. Sọ Dừa : Truyện tranh / Kể: Búp Trên Cành ; Vẽ: Kim Duẩn. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 19 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện tranh cổ tích Việt Nam). - 26000đ. - 2000b s618002

925. Sự tích cây nêu ngày Tết : Song ngữ Việt - Anh : Truyện tranh / Lời: Khánh Vân ; Minh họa: Bích Phượng. - In lần thứ 2. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 18000đ. - 2000b s618587

926. Sự tích con rồng cháu tiên = Descendants of fairy and dragon : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tranh truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s619441

927. Sự tích trầu cau : Song ngữ Việt - Anh : Truyện tranh / Lời: Khánh Vân ; Minh họa: Tuyết Hoàng. - In lần thứ 2. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 18000đ. - 2000b s618586

928. Tấm Cám : Truyện tranh / Kể: Búp Trên Cành ; Vẽ: Kim Duẩn. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện tranh cổ tích Việt Nam). - 40000đ. - 2000b s618000

929. Thánh Gióng : Truyện tranh / Lời, b.s.: Minh Long ; Tranh: Khánh Hoà. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Văn học, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam dành cho thiếu nhi). - 15000đ. - 3000b s619815

930. Trang Nguyên. Câu đố cho bé / Trang Nguyên b.s. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 29000đ. - 50000b s619169

931. Trang Nguyên. Cổ tích cho bé / Trang Nguyên. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 29000đ s619167

932. Trí khôn của ta đây = Here's my wisdom : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam = Vietnamese folk tales)(Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s619437

933. Trí khôn của ta đây : Truyện tranh / Kể: Búp Trên Cành ; Vẽ: Kim Duẩn. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 19 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện tranh cổ tích Việt Nam). - 26000đ. - 2000b s618003

934. Trương Văn Ánh. Truyện cổ tích bằng thơ Việt - Anh = Vietnamese - English folktales in verses / Trương Văn Ánh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 106 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 500b s618877

935. Tú Oanh. Bước vào thế giới trà / Tú Oanh, Thanh Huyền, Kim Quý. - H. : Công Thương, 2025. - 210 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - (Nhấn nha với trà). - 139000đ. - 1500b
Phụ lục: tr. 181- 204. - Thư mục: tr. 205-210 s618799

936. Tú Oanh. Oolong: Khám phá thế giới đầy hương - vị của rồng đen / Tú Oanh, Thanh Huyền, Kim Quý. - H. : Công Thương, 2025. - 225 tr. : minh họa ; 20 cm. - (Nhấn nha với trà). - 139000đ. - 1500b s618798

937. Văn học dân gian Huế : Những truyện kể dành cho thiếu nhi / Hoàng Hữu Phước, Trần Thị Ngọc Châu, Phan Ngọc Bảo, Trần Văn Dũng. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 55 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 250000đ. - 100b
Thư mục: tr. 55 s618211

NGÔN NGỮ

938. Alphabet adventure / Ling Lang, Alex Nguyễn, Ngọc Nguyễn. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 41000đ. - 2000b
Q.1: Verb – Động từ phiêu lưu ký. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s617973

939. Alphabet adventure / Ling Lang, Alex Nguyễn, Ngọc Nguyễn. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 41000đ. - 2000b
Q.2: Noun – Danh từ phiêu lưu ký. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s617974

940. Alphabet adventure / Ling Lang, Alex Nguyễn, Ngọc Nguyễn. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 41000đ. - 2000b
Q.3: Adjective – Tính từ phiêu lưu ký. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s617975

941. Bách khoa hình ảnh đầu tiên cho bé = My first picture encyclopedia : Song ngữ Anh - Việt : Dành cho bé từ 0 - 6 tuổi / B.s.: Mai Hương, Helen ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 45 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 138000đ. - 5000b s618409

942. Bài tập bổ trợ & nâng cao Tiếng Anh lớp 8 : Có đáp án / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Vân Anh, Nguyễn Thị Phương Anh. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt Tiếng Anh)(Global Success). - 115000đ. - 2500b
T.1. - 2025. - 199 tr. : minh họa s619827

943. Bài tập bổ trợ sách Link Together 3 - WW. - H. : Văn học, 2025. - 58 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic. Schools link English program s619739

944. Bài tập bổ trợ sách WW-VN 1. - H. : Văn học, 2025. - 49 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic. Schools link English program s619737

945. Bài tập bổ trợ sách WW-VN 2. - H. : Văn học, 2025. - 58 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic. Schools link English program s619738

946. Bài tập hoàn thành câu Tiếng Anh : Ôn thi vào lớp 10 & 10 chuyên... / Kim Cúc. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 107 tr. ; 24 cm. - 52000đ. - 1200b s619499

947. Bài tập Tiếng Anh 7 : Cơ bản và chuyên sâu : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới - Global Success / Lousis Phan, Lan Hương, Hương Giang... - H. : Thế giới. - 29 cm. - 89000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 112 tr. : minh họa s619919

948. Big 4 - Bộ đề tự kiểm tra 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết Tiếng Anh 9 : Cơ bản và nâng cao : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo : Sách theo Chương trình Global Success / Lê Thị Hồng Phúc, Nguyễn Thanh Hương, Thùy Dương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 30 cm. - 89000đ. - 2300b

T.1. - 2025. - 159 tr. : minh họa s619894

949. Big 4 - Bộ đề tự kiểm tra 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết Tiếng Anh 9 : Cơ bản và nâng cao : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo : Sách theo Chương trình Global Success / Lê Thị Hồng Phúc, Nguyễn Thanh Hương, Thùy Dương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 30 cm. - 89000đ. - 2300b

T.2. - 2025. - 171 tr. : minh họa s619895

950. Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Anh 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Hoàng Thanh, Minh Luận, Hồ Tấn Mẫn. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2024. - 144 tr. : bìa ; 24 cm. - 79000đ. - 1000b s618673

951. Bùi Thế Phương. IELTS cấp tốc 20 ngày speaking / Bùi Thế Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 179 tr. : bìa ; 27 cm. - 148000đ. - 700b s618270

952. Cáp Thị Phụng. Học tiếng Việt dễ dàng dành cho trẻ em quốc tế / Cáp Thị Phụng. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 115 tr. : minh họa ; 28 cm. - 110000đ. - 500b s618413

953. Chu Dũng. Luyện nói tiếng Trung trong thời đại mới : Sơ cấp = 汉语口语新时代 - 初级·上 / B.s.: Chu Dũng (ch.b.), Hứa Nặc, Trần Tuyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 350000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 220 tr. : minh họa s618260

954. Chu Dũng. Luyện nói tiếng Trung trong thời đại mới : Trung cấp = 汉语口语新时代 - 中级·上 / B.s.: Chu Dũng (ch.b.), Quế Tịnh, Trần Tuyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 330000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 206 tr. : minh họa s618262

955. Công Minh. Công phá IELTS writing với phương pháp One-for-all : Tự học IELTS writing với phương pháp đơn giản & hiệu quả. Được biên soạn theo chuẩn đề thi IELTS writing từ IDP và Hội Đồng Anh tại Việt Nam / Công Minh, Thùy Dung. - H. : Phụ nữ Việt nam, 2025. - 261 tr. : minh họa ; 24 cm. - 129000đ. - 2000b s617859

956. Cũng là "tiếng em" mà lạ lắm / Khotudien. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 279 tr. ; 12 cm. - 69000đ. - 1500b s620009

957. Cuốn sách đầu tiên của tớ về động vật : Song ngữ Anh - Việt / Roger Priddy ; Yến Thu dịch. - H. : Văn học, 2025. - 15 tr. : ảnh màu ; 21x23 cm. - 99000đ. - 2000b s619278

958. Cuốn sách đầu tiên của tớ về màu sắc : Song ngữ Anh - Việt / Roger Priddy ; Yến Thu dịch. - H. : Văn học, 2025. - 15 tr. : ảnh màu ; 21x23 cm. - 99000đ. - 2000b s619280

959. Cuốn sách đầu tiên của tớ về nông trại : Song ngữ Anh - Việt / Roger Priddy ; Yến Thu dịch. - H. : Văn học, 2025. - 15 tr. : ảnh màu ; 21x23 cm. - 99000đ. - 2000b s619277

960. Cuốn sách đầu tiên của tớ về phương tiện di chuyển : Song ngữ Anh - Việt / Roger Priddy ; Yên Thu dịch. - H. : Văn học, 2025. - 15 tr. : ảnh màu ; 21x23 cm. - 99000đ. - 2000b s619279

961. Cuốn sách đầu tiên của tớ về từ vựng : Song ngữ Anh - Việt / Roger Priddy ; Yên Thu dịch. - H. : Văn học, 2025. - 15 tr. : ảnh màu ; 21x23 cm. - 99000đ. - 2000b s619281

962. Đào Văn Tường. 214 bộ thủ / Đào Văn Tường. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 45 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 128000đ. - 1000b s619453

963. Đào Văn Tường. 660 Kanji phổ biến N5 - 1 / Đào Văn Tường. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 168 tr. : hình vẽ ; 25 cm. - 230000đ. - 1000b s619455

964. Đào Văn Tường. Tập viết chữ Hán / Đào Văn Tường. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 175 tr. : bảng ; 25 cm. - 38000đ. - 500b s619454

965. Đặng Thị Huệ. Tóm lược nhanh ngữ pháp tiếng Hàn theo cấp độ = 수준별 한국어 문법 : Sơ cấp - Trung cấp - Cao cấp / Đặng Thị Huệ. - H. : Thế giới, 2025. - 307 tr. ; 12 cm. - 120000đ. - 2000b s620124

966. Đề kiểm tra Tiếng Anh 6 : Global Success / Mai Lan Hương, Nguyễn Phạm Ngọc Phượng, Nguyễn Thị Kim Ngọc. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 176 tr. : bảng ; 27 cm. - 79000đ. - 5000b s618458

967. Đề kiểm tra Tiếng Anh 8 : Global Success / Mai Lan Hương, Nguyễn Phạm Ngọc Phượng, Nguyễn Thị Kim Ngọc. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 211 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 99000đ. - 5000b s618457

968. Đinh Thị La Giang. Tiếng Anh cho người đi làm / Đinh Thị La Giang. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 178000đ. - 5000b

T.1: Cơ bản. - 2025. - 165 tr. : hình vẽ, bảng s618032

969. Đoàn Trung Còn. Tam Tự Kinh : 三字經 : Trình bày Việt - Hán - Nôm / Đoàn Trung Còn b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 117 tr. ; 21 cm. - 78000đ. - 1000b s619360

970. Động từ bất quy tắc & ngữ pháp tiếng Anh căn bản / B.s.: Nguyễn Khoa Nhật Nam, Nguyễn Lê Quỳnh Như, Lê Hoàng Diệu My... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Thế giới, 2025. - 47 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 18000đ. - 2000b s619696

971. Edgar Huynh. Tiếng Anh giao tiếp thực chiến = Real-life English conversations : Dành cho đời sống hàng ngày / Edgar Huynh. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 328000đ. - 1000b

T.1: Trình độ cơ bản. - 2025. - 239 tr. s618954

972. Edgar Huynh. Tiếng Anh giao tiếp thực chiến = Real-life English conversations : Dành cho học sinh - sinh viên / Edgar Huynh. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 318000đ. - 1000b

T.1: Trình độ cơ bản. - 2025. - 228 tr. s618951

973. Edgar Huynh. Tiếng Anh giao tiếp thực chiến = Real-life English conversations : Dành cho người đi làm / Edgar Huynh. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 338000đ. - 1000b

T.1: Trình độ cơ bản. - 2025. - 248 tr. s618957

974. Edgar Huynh. Tiếng Anh giao tiếp thực chiến = Real-life English conversations : Dành cho đời sống hàng ngày / Edgar Huynh. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 358000đ. - 1000b

T.2: Trình độ trung cấp. - 2025. - 283 tr. s618955

975. Edgar Huynh. Tiếng Anh giao tiếp thực chiến = Real-life English conversations : Dành cho học sinh - sinh viên / Edgar Huynh. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 348000đ. - 1000b

T.2: Trình độ trung cấp. - 2025. - 287 tr. s618952

976. Edgar Huynh. Tiếng Anh giao tiếp thực chiến = Real-life English conversations : Dành cho người đi làm / Edgar Huynh. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 368000đ. - 1000b
T.2: Trình độ trung cấp. - 2025. - 284 tr. s618958
977. Edgar Huynh. Tiếng Anh giao tiếp thực chiến = Real-life English conversations : Dành cho đời sống hàng ngày / Edgar Huynh. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 389000đ. - 1000b
T.3: Trình độ nâng cao. - 2025. - 333 tr. s618956
978. Edgar Huynh. Tiếng Anh giao tiếp thực chiến = Real-life English conversations : Dành cho học sinh - sinh viên / Edgar Huynh. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 379000đ. - 1000b
T.3: Trình độ nâng cao. - 2025. - 332 tr. s618953
979. Edgar Huynh. Tiếng Anh giao tiếp thực chiến = Real-life English conversations : Dành cho người đi làm / Edgar Huynh. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 399000đ. - 1000b
T.3: Trình độ nâng cao. - 2025. - 368 tr. s618959
980. Giải chi tiết bộ đề luyện thi thử tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh : Theo cấu trúc đề thi mới 2025 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Hoàng Thái Dương (ch.b.), Lê Thị Mỹ Hà, Lê Phước Khoa, Nguyễn Thị Nga. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 392 tr. ; 27 cm. - 260000đ. - 1500b s619892
981. Giải thích chuyên đề thi vào 10 chuyên Tiếng Anh : Bộ sách trợ thủ cho hành trình vào 10 chuyên / Dương Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 207 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá). - 145000đ. - 1500b s619838
982. Giáo trình Chuẩn HSK 1 : Sách bài tập = HSK 标准教程 1 : 练习册 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Vương Phương, Vương Phong, Lưu Lê Bình ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 134 tr. : minh họa ; 29 cm. - 158000đ. - 5000b s618267
983. Giáo trình Thực hành biên dịch 1 : Dùng cho sinh viên, học viên các chuyên ngành tiếng Anh / Ngô Thị Thanh Huyền (ch.b.), Nguyễn Vũ Thu Hà, Hoàng Thị Vân Yên... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 287 tr. : minh họa ; 27 cm. - 229000đ. - 300b
Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 268-287 s618114
984. Giáo trình Tiếng Trung = 中文教程. - H. : Thế giới. - 29 cm. - 169000đ. - 2000b
ĐTTS ghi: Trung tâm Ngoại ngữ Hana
Q.2. - 2025. - 82 tr. : minh họa s619887
985. Global link grade 6 supplementary : Global success Tiếng Anh : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 30 cm. - 3500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619756
986. Global link grade 6 supplementary : Global success Tiếng Anh : Workbook / Timothy Joseph Brodersen. - H. : Văn học, 2025. - 60 tr. : minh họa ; 30 cm. - 3500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619759
987. Global link grade 7 supplementary : Global success Tiếng Anh : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 30 cm. - 3000b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619757
988. Global link grade 7 supplementary : Global success Tiếng Anh : Workbook. - H. : Văn học, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 3000b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619760
989. Global link grade 8 supplementary : Global success Tiếng Anh : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 80 tr. : minh họa ; 30 cm. - 3000b

ĐTTS ghi: Language Link Academic s619758

990. Global link grade 8 supplementary : Global success Tiếng Anh : Workbook / Timothy Joseph Brodersen. - H. : Văn học, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 3000b

ĐTTS ghi: Language Link Academic s619761

991. H Za Wut Buôn Yă. Tự học tiếng Êđê qua các tình huống hội thoại / H Za Wut Buôn Yă, Achan Phuong. - H. : Lao động, 2025. - 140 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 125000đ. - 500b s618556

992. Hà Anh. Kiểm soát nét bút chữ Hán / Hà Anh. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. ; 19x26 cm. - 30000đ. - 10000b s620350

993. Hà Anh. Luyện nét cơ bản chữ Hán / Hà Anh. - H. : Văn học. - 19x26 cm. - 30000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 38 tr. s620345

994. Hà Anh. Luyện nét cơ bản chữ Hán / Hà Anh. - H. : Văn học. - 19x26 cm. - 30000đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 38 tr. s620346

995. Hà Anh. Luyện viết 3000 từ vựng tiếng Trung thông dụng : Có phiên âm / Hà Anh. - H. : Thế giới, 2025. - 24 tr. ; 19x27 cm. - 70000đ. - 5000b s620137

996. Hà Anh. Luyện viết bộ thủ chữ Hán / Hà Anh. - H. : Văn học. - 19x26 cm. - 30000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 38 tr. s620347

997. Hà Anh. Luyện viết bộ thủ chữ Hán / Hà Anh. - H. : Văn học. - 19x26 cm. - 30000đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 38 tr. s620348

998. Hà Anh. Luyện viết bộ thủ chữ Hán / Hà Anh. - H. : Văn học. - 19x26 cm. - 30000đ. - 10000b

T.3. - 2025. - 38 tr. s620349

999. 25 chuyên đề ngữ pháp tiếng Anh trọng tâm : Bám sát Chương trình Sách giáo khoa mới. Theo định hướng thi mới / Trang Anh. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 225000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 426 tr. : bảng s618168

1000. 25 chuyên đề ngữ pháp tiếng Anh trọng tâm : Bám sát Chương trình Sách giáo khoa mới. Theo định hướng thi mới / Trang Anh. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 225000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 499 tr. : bảng s618169

1001. 201 hoạt động phát triển tư duy Tiếng Anh : Sách tương tác : Tuổi 5+. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 52 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 58000đ. - 2000b s618443

1002. Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : Sơ cấp / B.s.: Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ (ch.b.), Hứa Tịnh ; Dịch: Nguyễn Hoàng Anh... - H. : Thế giới. - 27 cm. - 188000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh

T.2. - 2025. - x, 139 tr. : minh họa s618131

1003. Hoàng Văn Phong. Bí quyết học tiếng Anh cho người mất gốc / Hoàng Văn Phong. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 153 tr. : minh họa ; 24 cm. - 86000đ. - 500b s619435

1004. Học tiếng Anh qua môn Toán 9 = Let's explore English in Maths 9 / Ngô Thụy Trâm Anh (ch.b.), Nguyễn Chí Công, Lê Gia Hòa... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 75000đ. - 5000b s618231

1005. Huy Khang. Tự học 3000 câu giao tiếp tiếng Tây Ban Nha thông dụng = Autoaprendizaje de comunicación en español para vietnamitas / Huy Khang b.s. ; Bích Phượng h.đ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 404 tr. : minh họa ; 21 cm. - 140000đ. - 2000b s617822

1006. Huyền Windy. Tiếng Anh cho người mất gốc = Easy English sentences in daily life / Huyền Windy ; Nguyễn Thanh Vân h.đ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 131 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 98000đ. - 5000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thu Huyền s619365

1007. Huyền Windy. Tiếng Anh cho người mới bắt đầu = Easy English sentences in daily life / Huyền Windy ; Nguyễn Thanh Vân h.đ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 131 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 86000đ. - 5000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thu Huyền s619366

1008. Huyền Windy. Tổng luyện ngữ pháp tiếng Anh = Basic English grammar in use / Huyền Windy ; Nguyễn Thanh Vân h.đ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 239 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 248000đ. - 5000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thu Huyền s619890

1009. Hướng dẫn ngữ pháp HSK 123: Học - Thi - Ứng dụng : Biên soạn theo Tiêu chuẩn đánh giá năng lực tiếng Trung quốc tế, 3 cấp độ 9 bậc, phiên bản HSK 3.0 = HSK 语法指南(1-3级): 学习-备-应用 : 根据《国际中文教育中文水平等级标准》3等9级编写, HSK 3.0版 / B.s.: Trương Gia Quyền (ch.b.), Hà Diễm Hồng, Huỳnh Thị Chiêu Uyên... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 431 tr. : bảng, tranh vẽ ; 28 cm. - 350000đ. - 1000b s618259

1010. IELTS writing journey from basic to band 6.0 : Hướng dẫn 4T: Tự học - Tự luyện - Tự đánh giá - Tự nâng band / Bùi Thành Việt, Đoàn Phương Anh, Nguyễn Thị Thu Trang, Đoàn Nguyễn Hạ Đan. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Thế giới, 2025. - 276 tr. : minh họa ; 27 cm. - 259000đ. - 5000b s619022

1011. Jung Hyo Jun. Chinh phục gốc từ tiếng Anh bằng hình / Jung Hyo Jun ; Minh họa: Noh Ah Yeon ; Nguyễn Thị Thu dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 224 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 159000đ. - 2300b s618278

1012. Kỳ thi năng lực Nhật ngữ - Sổ tay Hán tự N1 - 800 : 試験に出る漢字・語彙! = Kanji and vocabulary sure to appear on the test! = Chữ Hán và từ vựng xuất hiện trong đề thi!... / ASK. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 339 tr. : bảng ; 19 cm. - 140000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Nhật: はじめての日本語能力試験N1漢字 800 s620201

1013. Kỳ thi năng lực Nhật ngữ - Sổ tay Hán tự N2 - 550 : 試験に出る漢字・語彙! = Kanji and vocabulary sure to appear on the test! = Chữ Hán và từ vựng xuất hiện trong đề thi!... / ASK. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 250 tr. : bảng ; 19 cm. - 105000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Nhật: はじめての日本語能力試験N2漢字 550 s620202

1014. Kỳ thi năng lực Nhật ngữ - Sổ tay Hán tự N3 - 350 : 試験に出る漢字・語彙! = Kanji and vocabulary sure to appear on the test! = Chữ Hán và từ vựng xuất hiện trong đề thi!... / ASK. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 175 tr. : bảng ; 19 cm. - 75000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Nhật: はじめての日本語能力試験N3漢字 350 s620203

1015. Kỷ yếu Hội nghị tổng kết Đề án Đổi mới hoạt động giảng dạy tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội giai đoạn 2019 - 2025 / Hà Lê Kim Anh, Nguyễn Thúy Lan, Phạm Thị Thùy Vân... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 411 tr. : minh họa ; 24 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Ngoại ngữ. - Thư mục cuối mỗi bài s618662

1016. Lee Jun Bok. Chinh phục đề thi HSK 5 : Kèm giải thích ngữ pháp chi tiết / Lee Jun Bok, Seong Ryong ; Dịch: Trịnh Thị Hà... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 231 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 145000đ. - 900b s619901

1017. Lê Duy Hưng. Ghi nhớ ngữ pháp tiếng Nhật siêu tốc bằng mindmap = 日本語マスタ — : Trình độ sơ cấp / Lê Duy Hưng, Xuân Thu. - H. : Hồng Đức, 2025. - 271 tr. : minh họa ; 21 cm. - 165000đ. - 2000b s618628

1018. Lê Hồng Đăng. Speaking topics for IELTS - Luyện nói IELTS theo chủ đề / Lê Hồng Đăng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 271 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 2000b s618781

1019. Lê Thu Hà. Chinh phục đề thi VSTEP - Bậc năng lực từ B1 đến C1 : Kèm lời giải chi tiết : Ôn luyện đầy đủ 4 kỹ năng qua lời giải tự học / Lê Thu Hà. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 335 tr. : bảng ; 30 cm. - (Tủ sách VSTEP. Chinh phục mỗi ngày). - 185000đ. - 2800b s619837

1020. Liinh Liinh. Cẩm nang nâng cấp từ vựng tiếng Trung theo chủ đề / Liinh Liinh b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 18 cm. - 89000đ. - 1500b
T.2. - 2025. - 230 tr. s620028

1021. Link Together! - Tiếng Anh 3 : English discovery supplementary version : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619762

1022. Link Together! - Tiếng Anh 3 : English discovery supplementary version : Workbook. - H. : Văn học, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619765

1023. Link Together! - Tiếng Anh 3 : Global success supplementary version : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619774

1024. Link Together! - Tiếng Anh 3 : Global success supplementary version : Workbook. - H. : Văn học, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619777

1025. Link Together! - Tiếng Anh 3 : I-learn smart start supplementary version : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619780

1026. Link Together! - Tiếng Anh 3 : I-learn smart start supplementary version : Workbook. - H. : Văn học, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619783

1027. Link Together! - Tiếng Anh 3 : Wonderful world supplementary version : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 4000b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619768

1028. Link Together! - Tiếng Anh 3 : Wonderful world supplementary version : Workbook. - H. : Văn học, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 30 cm. - 4000b

- ĐTTS ghi: Language Link Academic s619771
1029. Link Together! - Tiếng Anh 4 : English discovery supplementary version : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619763
1030. Link Together! - Tiếng Anh 4 : English discovery supplementary version : Workbook. - H. : Văn học, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619766
1031. Link Together! - Tiếng Anh 4 : Global success supplementary version : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619775
1032. Link Together! - Tiếng Anh 4 : Global success supplementary version : Workbook. - H. : Văn học, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619778
1033. Link Together! - Tiếng Anh 4 : I-learn smart start supplementary version : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619781
1034. Link Together! - Tiếng Anh 4 : I-learn smart start supplementary version : Workbook. - H. : Văn học, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619784
1035. Link Together! - Tiếng Anh 4 : Wonderful world supplementary version : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 3500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619769
1036. Link Together! - Tiếng Anh 4 : Wonderful world supplementary version : Workbook. - H. : Văn học, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 30 cm. - 3500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619772
1037. Link Together! - Tiếng Anh 5 : English discovery supplementary version : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619764
1038. Link Together! - Tiếng Anh 5 : English discovery supplementary version : Workbook. - H. : Văn học, 2025. - 43 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619767
1039. Link Together! - Tiếng Anh 5 : Global success supplementary version : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619776
1040. Link Together! - Tiếng Anh 5 : Global success supplementary version : Workbook. - H. : Văn học, 2025. - 43 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619779
1041. Link Together! - Tiếng Anh 5 : I-learn smart start supplementary version : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619782
1042. Link Together! - Tiếng Anh 5 : I-learn smart start supplementary version : Workbook. - H. : Văn học, 2025. - 43 tr. : minh họa ; 30 cm. - 150b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619785

1043. Link Together! - Tiếng Anh 5 : Wonderful world supplementary version : Student book. - H. : Văn học, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 4500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619770
1044. Link Together! - Tiếng Anh 5 : Wonderful world supplementary version : Workbook. - H. : Văn học, 2025. - 43 tr. : minh họa ; 30 cm. - 4500b
ĐTTS ghi: Language Link Academic s619773
1045. Links 1 - SB : Sách học. - H. : Văn học, 2025. - 93 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b
Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619752
1046. Links 1 - WB : Sách bài tập. - H. : Văn học, 2025. - 56 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b
Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619754
1047. Links 2 - SB : Sách học. - H. : Văn học, 2025. - 93 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b
Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619753
1048. Links 2 - WB : Sách bài tập. - H. : Văn học, 2025. - 56 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b
Đầu bìa sách ghi: Language Link Academic s619755
1049. Luyện chuyên sâu ngữ pháp và bài tập Tiếng Anh 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo / Tổng Ngọc Huyền, Thùy Dương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Global Success). - 79000đ. - 3200b
T.2. - 2025. - 171 tr. : hình vẽ, bảng s619839
1050. Luyện chuyên sâu ngữ pháp và bài tập Tiếng Anh 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo / Tổng Ngọc Huyền, Thùy Dương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 30 cm. - (Global Success). - 89000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 187 tr. : minh họa s619840
1051. Luyện giải bộ đề bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Anh lớp 6 : Nội dung chuẩn theo Chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Dương Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 150 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá). - 89000đ. - 800b s618482
1052. Luyện giải bộ đề bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Anh lớp 7 : Nội dung chuẩn theo Chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Dương Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 158 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá). - 89000đ. - 1000b s618483
1053. Luyện giải bộ đề bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Anh lớp 8 : Nội dung chuẩn theo Chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo... / Dương Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 178 tr. : bảng ; 27 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá). - 99000đ. - 1500b s618484
1054. Luyện giải bộ đề bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Anh lớp 9 : Nội dung chuẩn theo chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Dương Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 202 tr. : bảng ; 27 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá). - 99000đ. - 1700b s618485
1055. Luyện nói tiếng Trung trong thời đại mới : Sơ cấp = 汉语口语新时代 - 初级·上 / B.s.: Chu Dũng (ch.b.), Trương Hải Anh, Tiết San... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 380000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 247 tr. : minh họa s618261
1056. Luyện nói tiếng Trung trong thời đại mới : Trung cấp = 汉语口语新时代 - 中级·上 / B.s.: Chu Dũng (ch.b.), Lại Tịnh Thanh, Hứa Nặc... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 350000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 220 tr. : minh họa s618263

1057. Luyện viết 214 bộ thủ chữ Hán / NHT Team. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 79 tr. ; 27 cm. - 150000đ. - 5000b s618363

1058. Luyện viết từ vựng tiếng Trung HSK 2 : Thiết kế khoa học... / NHT Team b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 61 tr. : bảng ; 21 cm. - 75000đ. - 20000b s619424

1059. Lưu Hiểu Vũ. Nhập môn tiếng Trung - Dành cho những "trang giấy trắng"! / Lưu Hiểu Vũ ; Phùng Thị Nga dịch. - H. : Văn học, 2025. - 46 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 88000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 中文入门 s619143

1060. Lý Hiểu Kỳ. Giáo trình Hán ngữ Boya - Trung cấp 1 : Phiên bản thứ hai = 博雅汉语. 准中级加速篇 1 : 第二版 / Ch.b.: Lý Hiểu Kỳ, Hoàng Lập, Tiền Húc Tinh. - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 188000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 223 tr. : minh họa s618161

1061. Mã Tiễn Phi. Giao tiếp cơ bản : Sách bài học = 学生用书 : 练习册 / Ch.b.: Mã Tiễn Phi, Tống Kế Hoa ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Ấn bản thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 248000đ. - 3000b

Dựa theo "Bộ tiêu chuẩn phân cấp trình độ giáo dục Trung văn quốc tế"

T.1. - 2025. - 151 tr. : minh họa s619731

1062. Mã Tiễn Phi. Giao tiếp cơ bản : Sách bài tập = 生存交际 : 练习册 / Ch.b.: Mã Tiễn Phi, Tống Kế Hoa ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Ấn bản thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 148000đ. - 3000b

Dựa theo "Bộ tiêu chuẩn phân cấp trình độ giáo dục Trung văn quốc tế"

T.1. - 2025. - 96 tr. : minh họa s619734

1063. Mã Tiễn Phi. Giao tiếp cơ bản : Sách bài học = 学生用书 : 练习册 / Ch.b.: Mã Tiễn Phi, Tống Kế Hoa ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Ấn bản thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 258000đ. - 3000b

Dựa theo "Bộ tiêu chuẩn phân cấp trình độ giáo dục Trung văn quốc tế"

T.2. - 2025. - 155 tr. : minh họa s619732

1064. Mã Tiễn Phi. Giao tiếp cơ bản : Sách bài tập = 生存交际 : 练习册 / Ch.b.: Mã Tiễn Phi, Tống Kế Hoa ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Ấn bản thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 148000đ. - 3000b

Dựa theo "Bộ tiêu chuẩn phân cấp trình độ giáo dục Trung văn quốc tế"

T.2. - 2025. - 96 tr. : minh họa s619735

1065. Mã Tiễn Phi. Giao tiếp cơ bản : Sách bài học = 学生用书 : 练习册 / Ch.b.: Mã Tiễn Phi, Tống Kế Hoa ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Ấn bản thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 238000đ. - 3000b

Dựa theo "Bộ tiêu chuẩn phân cấp trình độ giáo dục Trung văn quốc tế"

T.3. - 2025. - 142 tr. : minh họa s619733

1066. Mao Duyệt. Luyện nghe tiếng Trung Quốc cấp tốc cho người bắt đầu = 汉语听力速成入门篇 / B.s.: Mao Duyệt (ch.b.), Lương Phi, Trương Mỹ Hà. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 384 tr. : minh họa ; 26 cm. - (Bộ sách Học tiếng Trung Quốc cấp tốc dành cho người nước ngoài). - 288000đ. - 1000b s618268

1067. Marugoto - Ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản: Sơ cấp 1 A2 - Hiểu biết ngôn ngữ = まるごと : 日本のことばと文化 : 初級1 A2 : りかい / The Japan Foundation ; Dịch: Hà Thu Hiền, Lê Kim Thanh ; Nguyễn Văn Hào h.đ. - Tái bản lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 202 tr. : minh hoạ ; 29 cm. - 190000đ. - 2000b s618229

1068. Marugoto - Ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản: Sơ cấp 2 A2 - Hiểu biết ngôn ngữ = まるごと : 日本のことばと文化 : 初級2 A2 : りかい / The Japan Foundation ; Dịch: Hà Thị Thu Hiền, Vũ Hà Vy. - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 199 tr. : minh hoạ ; 29 cm. - 190000đ. - 1500b s618228

1069. Matsumoto Noriko. 500 câu hỏi luyện thi năng lực Nhật ngữ trình độ N4 - N5 trong 4 tuần / Matsumoto Noriko, Sasaki Hitoko ; Lê Lệ Thủy dịch. - In lần thứ 12. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 292 tr. ; 19 cm. - 90000đ. - 1000b s620267

1070. 1500 từ vựng dành cho kỳ thi năng lực Nhật ngữ N4 = はじめての日本語能力試験 N4 / ARC Academy ; Nguyễn Đỗ An Nhiên dịch. - In lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 198 tr. : bảng ; 19 cm. - 78000đ. - 1500b s620266

1071. 100 từ mới về cờ các nước : Dành cho trẻ 0 - 3 tuổi / Hoàng Tú b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 10 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Bách khoa thư đầu đời của tở). - 76000đ. - 1000b s617894

1072. Nguyễn Hoàng Ngân. Comprehensive vocabulary for IELTS - Từ vựng toàn diện luyện thi IELTS / Nguyễn Hoàng Ngân (ch.b.), Lê Thị Thu Hà. - H : Hồng Đức, 2025. - 367 tr. : bảng ; 24 cm. - 198000đ. - 2000b s618783

1073. Nguyễn Minh Anh. Vở tập viết 500 chữ Hán bạn nhất định phải biết : Luyện nét chữ, vững Hán ngữ với 2500 từ và câu phong phú. Theo bộ sách Bản đồ tư duy 500 chữ Hán bạn nhất định phải biết / Nguyễn Minh Anh b.s. - H. : Văn học. - 24 cm. - 72000đ. - 1000b

T.1-A: Với 27 chữ Hán cùng kho từ và câu tương ứng. - 2025. - 82 tr. s619257

1074. Nguyễn Quang. Từ điển Anh - Việt = English - Vietnamese dictionary / Nguyễn Quang, Minh Trí. - H. : Thế giới, 2025. - 734 tr. ; 13 cm. - (The pocket Oxford dictionary). - 89000đ. - 5000b s620125

1075. Nguyễn Quang. Từ điển Anh - Việt = English - Vietnamese dictionary : 145.000 từ / Nguyễn Quang, Minh Trí. - H. : Thế giới, 2025. - 1167 tr. ; 17 cm. - (The pocket Oxford dictionary). - 145000đ. - 5000b s620128

1076. Nguyễn Quang. Từ điển Anh - Việt = English - Vietnamese dictionary : 30.000 từ / Nguyễn Quang, Minh Trí. - H. : Thế giới, 2025. - 559 tr. ; 16 cm. - (The pocket Oxford dictionary). - 89000đ. - 5000b s620126

1077. Nguyễn Quang. Từ điển Anh - Việt = English - Vietnamese dictionary : 75.000 từ / Nguyễn Quang, Minh Trí. - H. : Thế giới, 2025. - 1167 tr. ; 17 cm. - (The pocket Oxford dictionary). - 145000đ. - 5000b s620127

1078. Nguyễn Quang Anh. Chat GPT: Ứng dụng trong phát triển năng lực tự học Tiếng Trung Quốc = Chat GPT: 汉语自学应用 / Nguyễn Quang Anh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 206 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 100b

Thư mục: tr. 195-205 s618719

1079. Nguyễn Quốc Hùng. Hướng dẫn kỹ thuật biên dịch Anh - Việt, Việt - Anh = Translation techniques English - Vietnamese, Vietnamese - English / Nguyễn Quốc Hùng. - Tái bản lần thứ 1 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 300 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 120000đ. - 1000b

Thư mục trong chính văn s617864

1080. Nguyễn Thanh Loan. Đối đáp tiếng Anh không cần nghĩ = Practice English everyday / Nguyễn Thanh Loan. - H. : Thế giới, 2025. - 327 tr. : minh họa ; 19 cm. - 139000đ. - 3000b s620142

1081. Nguyễn Thị Thuỳ Châu. Mind Map từ vựng tiếng Thái Lan = ผังคำศัพท์ภาษาไทย / Nguyễn Thị Thuỳ Châu. - H. : Hồng Đức, 2025. - 255 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 196000đ. - 2000b s619387

1082. Nguyễn Thị Tố Hoa. Phương tiện nói trong Tiếng Việt và Tiếng Anh / Nguyễn Thị Tố Hoa. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 207 tr. : bảng ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 90000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Quốc tế. - Thư mục: tr. 175-183. - Phụ lục: tr. 184-207 s618654

1083. Nguyễn Thức Thành Tín. Ngữ pháp tiếng Pháp cơ bản / Nguyễn Thức Thành Tín, Vũ Triết Minh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 295 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 198000đ. - 2000b s618785

1084. Nguyễn Văn Hà. Takenote từ vựng IELTS : Cung cấp 3000 từ vựng theo chủ đề : Band 5.5 / Nguyễn Văn Hà. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 89000đ. - 2800b

T.1. - 2025. - 56 tr. : bảng, tranh vẽ s618298

1085. Nguyễn Văn Hà. Takenote từ vựng IELTS : Cung cấp 3000 từ vựng theo chủ đề : Band 5.5 / Nguyễn Văn Hà. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 89000đ. - 2800b

T.2. - 2025. - 56 tr. : bảng, tranh vẽ s618299

1086. Ngữ pháp căn bản tiếng Anh - Trình độ A / Nguyễn Thị Quyết (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng, Lê Hoàng Hương... - Tái bản lần thứ 8, có chỉnh sửa bổ sung. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - 55000đ. - 5020b

Q.1. - 2025. - 104 tr. : bảng. - Phụ lục: tr. 99-102 s619042

1087. Ngữ pháp Tiếng Anh nâng cao 6 : Sách có đáp án và lời giải tự học / Thùy Dương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Global Success). - 79000đ. - 700b

T.2. - 2025. - 143 tr. : hình vẽ, bảng s619834

1088. Ngữ pháp Tiếng Anh nâng cao 8 : Sách có đáp án và lời giải tự học / Thùy Dương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Global Success). - 75000đ. - 1400b

T.1. - 2025. - 139 tr. : bảng, tranh vẽ s619835

1089. Nhã Lam. Học nhanh nhớ lâu - Giao tiếp tiếng Trung : Ứng dụng sơ đồ tư duy trong giao tiếp và luyện thi HSK / Nhã Lam ch.b. - H. : Hồng Đức, 2025. - 159 tr. : minh họa ; 24 cm. - 145000đ. - 1000b s618786

1090. Phạm Lê Thuỳ Anh. Chinh phục ngữ pháp tiếng Trung Quốc: Trình độ sơ - trung cấp = 初中级汉语实用语法 / Phạm Lê Thuỳ Anh, Tạ Văn Đạt. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 191 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Tủ sách Tự học tiếng Trung hiệu quả). - 119000đ. - 1800b

Phụ lục: tr. 151-166 s618284

1091. Phạm Ngọc Tuấn. Đối chiếu kết cấu mệnh lệnh tiếng Anh - tiếng Việt dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận : Sách chuyên khảo / Phạm Ngọc Tuấn. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 212 tr. : minh họa ; 24 cm. - 168000đ. - 200b

Thư mục: tr. 203-212 s619486

1092. Phan Phúc Thiên Phước. Tiếng Anh không công thức : Nhập vai nói không sai / Phan Phúc Thiên Phước. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 235 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 2000b s617824
1093. Phụng Shin. All in one Korean - Sổ tay Mind map từ vựng tiếng Hàn chuyên ngành : Dành cho người đi làm / Phụng Shin ch.b. - H. : Hồng Đức, 2025. - 203 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 118000đ. - 2000b s619364
1094. Sổ tay Kiến thức Tiếng Anh trung học cơ sở / Nguyễn Khánh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 303 tr. : bảng ; 18 cm. - 63000đ. - 3000b s619968
1095. Sổ tay Xây dựng trường học ESL - Bảng thuật ngữ theo môn học / Nhóm tác giả Trường THCS Ngoại ngữ (UMS). - H. : Thế giới, 2025. - 323 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 1500b s618936
1096. Stark, Donald. Vui học Hiragana : 200 từ vựng tiếng Nhật phổ thông cho người mới bắt đầu / Donald Stark ; Phương Thảo dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 35 tr. : minh họa ; 27 cm. - 57000đ. - 1000b s618275
1097. Takenote vào 10 - Ghi chú nhanh ôn thi cấp tốc vào lớp 10 Tiếng Anh / Vy Ngọc. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 311 tr. : bảng ; 30 cm. - 150000đ. - 1800b s618292
1098. Tập viết tiếng Nga cho người mới bắt đầu / Nguyễn Thị Lệ Quyên (ch.b.), Nhâm Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Đỗ Thị Hồng Nhung. - H. : Hồng Đức, 2025. - 106 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 89000đ. - 2000b s618165
1099. Thanh Hà. Tập viết chữ Hán dành cho người mới bắt đầu / Thanh Hà ch.b. - H. : Hồng Đức, 2025. - 123 tr. : bảng ; 27 cm. - 109000đ. - 2000b s618164
1100. Thanh Hằng. Cẩm nang nâng cấp từ vựng tiếng Trung theo chủ đề / Thanh Hằng b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 18 cm. - 89000đ. - 1500b
T.1. - 2025. - 238 tr. s620027
1101. Thanh Hằng. Luyện viết 214 bộ thủ Hán tự thông dụng : Dành cho người mới bắt đầu. Kèm giải nghĩa và phiên âm / Thanh Hằng b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 25 cm. - 68000đ. - 1500b
T.1. - 2025. - 129 tr. : bảng s617933
1102. Thanh Hằng. Luyện viết 214 bộ thủ Hán tự thông dụng : Dành cho người mới bắt đầu. Kèm giải nghĩa và phiên âm / Thanh Hằng b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 25 cm. - 68000đ. - 1500b
T.2. - 2025. - 118 tr. : bảng s617934
1103. Thiên Hương. Cẩm nang Tự học toàn diện ngữ pháp tiếng Anh = Perfect English grammar basic / Thiên Hương ch.b. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 199 tr. : bảng ; 27 cm. - (Bộ sách Tự học ngữ pháp tiếng Anh hiệu quả nhất). - 139000đ. - 2000b s618285
1104. Thư viện hình ảnh đầu tiên cho bé - Chữ cái = My first picture encyclopedia - Alphabet : Song ngữ : Cho bé từ 0 - 6 tuổi / B.s.: Hải Minh, Jenny ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 12 cm. - 29000đ. - 5000b s620013
1105. Tiếng Anh 10 - Explore new worlds : Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 442/QĐ-BGDĐT ngày 28/01/2022 : Sách học sinh / Nguyễn Thanh Bình (tổng ch.b.), Đinh Trần Hạnh Nguyên (ch.b.), Phạm Nguyễn Huy Hoàng... - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 170 tr. : minh họa ; 26 cm. - (Cánh Diều). - 71600đ. - 2000b s618253

1106. Tiếng Anh 12 - Explore new world : Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 88/QĐ-BGDĐT ngày 05/01/2024 : Sách học sinh / Nguyễn Thanh Bình (tổng ch.b.), Đinh Trần Hạnh Nguyên (ch.b.), Phạm Nguyễn Huy Hoàng... - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 162 tr. : ảnh, bảng ; 26 cm. - (Cánh Diều). - 67200đ. - 2000b s618254

1107. Tiếng Anh GenZ : Tiếng Anh vui vẻ cho người lười : Dành cho độc giả 16+ / Nguyễn Hằng Nga h.đ. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 30 tr. ; 13 cm. - 81000đ. - 1000b s619997

1108. Tiếng Trung GenZ : Bí kíp học nhanh, nói chất / Yangdixin Team. - H. : Dân trí, 2025. - 263 tr. ; 15 cm. - 99000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 263 s620386

1109. Tô Anh Hà. Le Du - Giáo trình môn Đọc hiểu tiếng Trung = 乐读 - 国际中文阅读 教学课本 / Tô Anh Hà ch.b. ; Biên dịch: Phạm Thị Duyên Hồng... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 90000đ. - 500b

T.1. - 2025. - 97 tr. : minh họa s618230

1110. Tô Cẩm Duy. Tiếng Việt cho người Trung Quốc = 中国人学越南语 / Tô Cẩm Duy. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 19 cm. - 65000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 204 tr. s620038

1111. Trang Anh. 30 chủ đề từ vựng Tiếng Anh : Bám sát Chương trình Sách giáo khoa mới. Theo định hướng thi mới / Trang Anh, Huỳnh Tài. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 145000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 302 tr. : bảng s618170

1112. Trang Anh. 30 chủ đề từ vựng Tiếng Anh : Bám sát Chương trình Sách giáo khoa mới. Theo định hướng thi mới / Trang Anh, Huỳnh Tài. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 145000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 295 tr. : bảng s618171

1113. Trần Hoàng Anh. Tên gọi tôm cá vùng Đồng bằng sông Cửu Long dưới góc nhìn ngôn ngữ - văn hóa : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Trần Hoàng Anh, Đặng Thanh Hải. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 151 tr. : bảng ; 21 cm. - 220000đ. - 200b

Thư mục: tr. 144-151 s618709

1114. Trần Mạnh Tường. 5500 từ vựng tiếng Anh thông dụng nhất / Trần Mạnh Tường, Nguyễn Thị Thu Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 371 tr. : minh họa ; 13 cm. - 73000đ. - 1000b s619967

1115. Trần Thủy Tiên. IELTS cấp tốc 20 ngày listening / Trần Thủy Tiên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 267 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 168000đ. - 800b s618269

1116. Trần Văn Lâm. Tiếng Việt cho người Trung Quốc = 中国人学越南语 / Trần Văn Lâm, Tô Cẩm Duy. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 19 cm. - 65000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 202 tr. : bảng s620037

1117. Trương Kỳ Tông. Tư duy học IELTS đúng từ đầu / Trương Kỳ Tông, Võ Thái Thảo Nhi. - H. : Thế giới, 2025. - 202 tr. : minh họa ; 24 cm. - 198000đ. - 6000b s618950

1118. Trương Trác. Giáo trình Tiếng Trung giao tiếp thương mại Kỷ nguyên mới: Tiếng Trung thực chiến trong kinh doanh quốc tế = 新时代 经贸汉语口语: 用汉语做贸易 / Trương Trác ch.b. ; Biên dịch: Phạm Thị Duyên Hồng... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 159 tr. : minh họa ; 29 cm. - 180000đ. - 1000b s619863

1119. Tư duy ngôn ngữ - Đánh vần Tiếng Anh : Oxford phonics world / Ngọc Mai. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 36 tr. : hình vẽ, bảng ; 20x29 cm. - 65000đ. - 3000b s618023

1120. Tự học tiếng Nga cho người mới bắt đầu / Nguyễn Thị Lệ Quyên (ch.b.), Nhâm Thị Vân Anh, Nguyễn Bích Ngọc, Đỗ Thị Hồng Nhung. - H. : Hồng Đức, 2025. - 259 tr. : bảng, hình vẽ ; 21 cm. - 158000đ. - 2000b s619348

1121. Võ Chí Thanh. Tự học giao tiếp tiếng Thái Lan cho người mới bắt đầu / Võ Chí Thanh, Trần Bích Trâm. - H. : Hồng Đức, 2025. - 327 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 198000đ. - 2000b s618784

1122. Vũ Chiến Công. Học tiếng Anh qua gốc từ : Đoán nghĩa siêu đơn giản. Nhớ nhanh nhớ bền vững / Vũ Chiến Công. - Tái bản có bổ sung, chỉnh lý. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 284 tr. : bảng ; 21 cm. - 139000đ. - 5000b

Phụ lục: tr. 282 s619422

1123. Vương Lỗi. Giáo trình Tiếng Trung giao tiếp thương mại Kỷ nguyên mới: Tiếng Trung thực chiến trong công sở = 新时代 经贸汉语口语: 用汉语来工作 / Vương Lỗi ch.b. ; Biên dịch: Phạm Thị Duyên Hồng... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 156 tr. : minh họa ; 29 cm. - 180000đ. - 1000b s619864

1124. Vương Nghiêu Mỹ. Giáo trình Tiếng Trung tăng cường : Giáo trình tổng hợp = 预科汉语强化教程系列 : 综合课本 / Tổng ch.b.: Vương Nghiêu Mỹ, Lý An ; Biên dịch: Phạm Thị Duyên Hồng... ; Trương Văn Giới h.đ. - Bản in lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 280000đ. - 500b

Q.2. - 2025. - 340 tr. : minh họa s618215

1125. Vương Trạch Á. Sổ luyện viết bộ thủ trong tiếng Trung = 控笔训练字帖:点阵偏旁练字入门 / Vương Trạch Á ch.b. ; Phùng Thị Nga dịch. - H. : Văn học, 2025. - 68 tr. ; 19x27 cm. - 168000đ. - 2000b s620352

1126. Vương Trạch Á. Sổ luyện viết nét bút trong tiếng Trung = 控笔训练字帖:点阵控笔练字入门 / Vương Trạch Á ch.b. ; Phùng Thị Nga dịch. - H. : Văn học, 2025. - 44 tr. ; 19x27 cm. - 168000đ. - 2000b s620351

1127. Vương Trạch Á. Sổ luyện viết nét chữ trong tiếng Trung = 控笔训练字帖:点阵笔画练字入门 / Vương Trạch Á ch.b. ; Phùng Thị Nga dịch. - H. : Văn học, 2025. - 64 tr. ; 19x27 cm. - 168000đ. - 2000b s620353

1128. Vy Ngọc. Cẩm nang tự học toàn diện ngữ pháp tiếng Anh = Perfect English grammar - Advanced : Dành cho đối tượng ôn luyện thi các cấp... / Vy Ngọc ch.b. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 191 tr. : bảng ; 27 cm. - (Bộ sách Tự học ngữ pháp tiếng Anh hiệu quả nhất). - 139000đ. - 900b s619829

1129. Yêu Tiếng Việt : Sách bài tập : Sách dành cho người nước ngoài và kiều bào Việt Nam - Bậc 1 / Trần Thị Lệ Quyên. - H. : Thế giới, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - 192000đ. - 1000b s618462

1130. Yêu Tiếng Việt : Sách học sinh : Sách dành cho người nước ngoài và kiều bào Việt Nam - Bậc 1 / Trần Thị Lệ Quyên. - H. : Thế giới, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - 264000đ. - 1000b s618461

KHOA HỌC TỰ NHIÊN

1131. Bồi dưỡng năng lực tự học môn Khoa học tự nhiên 8 / Nguyễn Văn Biên, Mai Văn Hưng, Trần Trung Ninh (ch.b.)... - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 204 tr. : minh họa ; 27 cm. - 104000đ. - 2000b s618123

1132. Giáo trình Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên ở trường Trung học cơ sở / Lê Chí Nguyên (ch.b.), Vũ Thị Thu Hoài, Mai Văn Hưng... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 223 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 90000đ. - 300b
Thư mục: tr. 219-221 s618656

1133. Hanazono Makoto. Gi gì gì gì cái gì cũng biết - 130 bí mật vui nhất cho tuổi tiểu học : Ehon minh họa dễ hiểu / Hanazono Makoto ; Quang Phú dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 159 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 145000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Nhật: 絵でよくわかる知ってたのしいみちかなぎもん
s619011

1134. Kỷ yếu 40 năm Giải thưởng Kovalevskaia Việt Nam (1985 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Kim Oanh, Nguyễn Hoàng Anh... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 239 tr., 8 tr. ảnh màu : ảnh, bảng ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Ủy ban Giải thưởng Kovalevskaia Việt Nam
s617862

1135. Nguyễn Diệu Hương. Phòng nghiên cứu Evergrin : Ứng dụng phương pháp STEAM và quy trình hoạt động của Viện nghiên cứu thu nhỏ vào chương trình giảng dạy khoa học cho trẻ / Nguyễn Diệu Hương, Uông Minh Quân, Nguyễn Thị Hồng. - H. : Nxb. Hà Nội. - 30 cm. - 150000đ. - 1000b

T.2: Khám phá vật chất & tương tác. - 2025. - 95 tr. : ảnh, tranh màu s618295

1136. Nhã Uyên. 101 bí ẩn thú vị về khoa học và cơ thể người / Nhã Uyên. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 122 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 95000đ. - 3000b s617842

1137. Rasmus Hoài Nam. Marie Curie - Nhà nữ khoa học kiệt xuất / Rasmus Hoài Nam b.s. - H. : Văn học, 2025. - 213 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Kể chuyện cuộc đời các thiên tài). - 75000đ. - 1000b s619188

1138. STEM plus for gen α : Ấn phẩm khoa học - công nghệ - kỹ thuật - nghệ thuật - toán học dành cho thế hệ Alpha / Mỹ Duyên, Việt Hà, Ngọc Khái... - H. : Lao động. - 28 cm. - (Tủ sách Kỹ năng và kiến thức của Báo TNT&NĐ). - 40000đ. - 5000b

ĐTTS ghi: Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng

T.6. - 2025. - 38 tr. : minh họa s618090

1139. STEM plus for gen α : Ấn phẩm khoa học - công nghệ - kỹ thuật - nghệ thuật - toán học dành cho thế hệ Alpha / Thu Nhiên, Mỹ Duyên, Thao Giang... - H. : Lao động. - 28 cm. - (Tủ sách Kỹ năng và kiến thức của Báo TVTP&NĐ). - 40000đ. - 4900b

ĐTTS ghi: Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng

T.7. - 2025. - 38 tr. : minh họa s618091

1140. Take note Khoa học tự nhiên: Lý - Hóa - Sinh 9 / Đào Thị Hoàng Ly. - H. : Tri thức, 2025. - 176 tr. : minh họa ; 21 cm. - 89000đ. - 3800b s618600

1141. Take note Khoa học tự nhiên: Lý - Hoá - Sinh 8 / Đào Thị Hoàng Ly. - H. : Tri thức, 2025. - 110 tr. : minh họa ; 21 cm. - 85000đ. - 2700b s618599

1142. Trác Khắc. Thế giới dưới lăng kính Khoa học : 20 sự thật có thể bạn chưa biết / Trác Khắc ; Nguyễn Hạnh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 239 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 我们脑中那些挥之不去的问题 s617828

1143. The young scientists - Level 1 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 1 - lớp 2 / Nguyễn Thị Nhật Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 10000b

T.16: Hành trình xuyên qua kỷ nguyên khủng long. - 2025. - 57 tr. : ảnh, tranh màu s617941

1144. The young scientists - Level 1 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 1 - lớp 2 / Nguyễn Thị Nhật Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 6000b

T.17: Hung thần diệt côn trùng đáng sợ!. - 2025. - 57 tr. : ảnh, tranh màu s617944

1145. The young scientists - Level 1 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 1 - lớp 2 / Nguyễn Thị Nhật Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 6000b

T.18: Truy tìm dấu vết kền kền. - 2025. - 57 tr. : ảnh, tranh màu s617947

1146. The young scientists - Level 2 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 3 - lớp 4 / Nguyễn Thị Nhật Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 10000b

T.16: Dơi là ma cà rồng?. - 2025. - 55 tr. : ảnh, tranh màu s617942

1147. The young scientists - Level 2 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 3 - lớp 4 / Nguyễn Thị Nhật Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 6000b

T.17: Cuộc chiến chống nấm mốc. - 2025. - 55 tr. : ảnh, tranh màu s617945

1148. The young scientists - Level 2 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 3 - lớp 4 / Nguyễn Thị Nhật Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 6000b

T.18: Ngọc trai kỳ diệu. - 2025. - 55 tr. : ảnh, tranh màu s617948

1149. The young scientists - Level 3 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 5 - lớp 6 / Trần Anh Khôi dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 6000b

T.16: Tiếng ồn bí ẩn trong đêm. - 2025. - 55 tr. : ảnh, tranh màu s617943

1150. The young scientists - Level 3 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 5 - lớp 6 / Trần Anh Khôi dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 6000b

T.17: Sức mạnh của đại dương. - 2025. - 55 tr. : ảnh, tranh màu s617946

1151. The young scientists - Level 3 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 5 - lớp 6 / Trần Anh Khôi dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 6000b

T.18: Tại sao các ngôi sao tỏa sáng rực rỡ?. - 2025. - 55 tr. : ảnh, tranh màu s617949

TOÁN HỌC

1152. Bài giảng chuyên Toán lớp 9 theo chuyên đề : Dành cho học sinh năng khiếu. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Tăng Vũ (ch.b.), Nguyễn Huy Hoàng, Lê Đình Hải... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 166 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 88000đ. - 1500b s618663

1153. Bài tập hằng ngày Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 65000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 92 tr. : minh họa s618341

1154. Bài tập hằng ngày Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 65000đ. - 5000b

- T.2. - 2025. - 88 tr. : minh họa s618340
1155. Bé chinh phục Toán học : 4 - 6 tuổi / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 96 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Hành trang đầu tiên vào Lớp 1). - 99000đ. - 5000b s618408
1156. Chinh phục hàm số THPT 2026 : Sách độc quyền dành cho học sinh Tư duy mở... / Nguyễn Đăng Ái. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 218 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 800b s619820
1157. Chinh phục không gian OXYZ THPT 2026 : Sách độc quyền dành cho học sinh Tư duy mở... / Nguyễn Đăng Ái. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 168 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 800b s619821
1158. Chinh phục tích phân THPT 2026 : Sách độc quyền dành cho học sinh Tư duy mở... / Nguyễn Đăng Ái. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 116 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 800b s619818
1159. Chinh phục Toán toàn diện dành cho học sinh lớp 11 : Sách độc quyền - Dành cho học sinh tư duy mở... / Nguyễn Đăng Ái. - H. : Giao thông vận tải. - 27 cm. - 1200b
T.2: Hình học không gian. - 2025. - 126 tr. : hình vẽ, bảng s618155
1160. Chinh phục Toán toàn diện dành cho học sinh lớp 11 : Sách độc quyền - Dành cho học sinh tư duy mở... / Nguyễn Đăng Ái. - H. : Giao thông vận tải. - 27 cm. - 1200b
T.3: Logarit - Xác suất thống kê. - 2025. - 126 tr. : hình vẽ, bảng s618156
1161. Chinh phục tổ hợp xác suất THPT 2026 : Sách độc quyền dành cho học sinh Tư duy mở... / Nguyễn Đăng Ái. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 200 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 240000đ. - 1200b s619819
1162. Dương Quốc Việt. Cơ sở lí thuyết module / Dương Quốc Việt. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 171 tr. ; 24 cm. - 65000đ. - 500b
Thư mục: tr. 170-171 s619299
1163. Đề kiểm tra Toán 6 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s618343
1164. Giải bài tập và học tốt Toán 6 : Theo sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Xuân Nam. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 85000đ. - 1500b
T.1. - 2025. - 171 tr. : hình vẽ, bảng s619832
1165. Giải bài tập và học tốt Toán 6 : Theo sách giáo khoa Chân trời sáng tạo / Nguyễn Xuân Nam. - H. : Tri thức. - 27 cm. - 79000đ. - 1400b
T.2. - 2025. - 147 tr. : hình vẽ, bảng s618493
1166. Giáo trình Đại số tuyến tính / Dương Ngọc Sơn (ch.b.), Bùi Xuân Quang, Phan Quang Sáng, Đỗ Quốc Tuấn. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 273 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 180000đ. - 500b
Đầu bìa sách ghi: Đại học Phenikaa. - Thư mục: tr. 269-270 s618653
1167. Giáo trình giảng dạy đại học: Toán thống kê với SPSS : Chuyên ngành Dược học / B.s.: Đào Hồng Nam (ch.b.), Nguyễn Anh Vũ, Huỳnh Thanh Toàn... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - x, 333 tr. : minh họa ; 27 cm. - 170000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Toán - Khoa học cơ bản. - Thư mục: tr. 320-322. - Phụ lục: tr. 323-332 s619603

1168. Giúp con giỏi Toán hình : Dành cho THCS / The Compass Brotherhood Team. - H. : Lao động, 2025. - 193 tr. : minh họa ; 30 cm. - 399000đ. - 3000b s618092

1169. Hướng dẫn ôn luyện thi đánh giá năng lực SPT môn Toán : Tra cứu đáp án chi tiết, tặng kèm đề tham khảo thi trên máy tính / Mai Anh Thư (ch.b.), Hoàng Minh Hà, Vũ Nam Sơn... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 211 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 195000đ. - 3000b s619581

1170. Luyện thi vào lớp 10 : Các chuyên đề trọng tâm theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Mạnh Tường, Phạm Văn Vượng, Trần Văn Lực... - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá. - 27 cm. - 135000đ. - 4020b

T.1: Đại số. - 2025. - 396 tr. : hình vẽ, bảng s619719

1171. Luyện thi vào lớp 10 : Các chuyên đề trọng tâm theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Mạnh Tường, Phạm Văn Vượng, Trần Văn Lực... - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 27 cm. - 125000đ. - 4020b

T.2: Hình học. - 2025. - 276 tr. : minh họa s619720

1172. Nguyễn Hữu Dư. Giáo trình Phương trình vi phân / Nguyễn Hữu Dư (ch.b.), Nguyễn Thu Hà, Trịnh Hoàng Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 147 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 75000đ. - 300b

Thư mục: tr. 147 s618655

1173. P.H.A.O - Toán : Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT ĐGNL / Lê Thúy Hiền, Trịnh Hoàng Anh, Nguyễn Thúy Hà, Phạm Thảo Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : hình vẽ ; 13 cm. - 65000đ. - 3000b s620384

1174. Phạm Văn Bằng. Giáo trình Đại số tuyến tính cho khoa học dữ liệu / Phạm Văn Bằng, Lê Lê Hằng (ch.b.), Cao Thị Thanh Xuân. - H. : Lao động, 2025. - 348 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 113000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Phụ lục: tr. 296-347. - Thư mục: tr. 348 s618851

1175. Phương pháp giải bài tập Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dành chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Võ Mộng Trình, Nguyễn Bình Dương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 68000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 140 tr. : hình vẽ, bảng s618672

1176. Rèn kỹ năng học tốt Toán 8 : Hỗ trợ phát triển năng lực giải toán / Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Yến Chi, Tạ Hoàng Đồng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 239 tr. : minh họa ; 27 cm. - 95000đ. - 3000b s618300

1177. Sổ tay Toán cấp 2 : Lí thuyết & công thức Đại số - Hình học lớp 6 - 7 - 8 - 9 / Phạm Hồng Phượng. - H. : Dân trí, 2025. - 177 tr. : hình vẽ, bảng ; 19 cm. - 59000đ. - 1000b s620394

1178. Step 2 - Kiến thức vận dụng Toán 12 : Season 2026 / Ngọc Huyền LB. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 415 tr. : hình vẽ, bảng ; 28 cm. - 10000b

Tên sách ngoài bìa: Step 2 - Vận dụng Toán 12. - Tên thật tác giả: Vũ Thị Ngọc Huyền s618115

1179. Sử dụng AI trong học tập môn Toán trung học phổ thông / Nguyễn Lê Chí Quyết, Nguyễn Thị Hương Lan (ch.b.), Lê Minh Triết, Đỗ Phúc Nhĩ Khang. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 211 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 140000đ. - 2500b

Phụ lục: tr. 181-211 s619415

1180. Take notes Toán - Văn 6 - Kết nối : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Thùy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 21 cm. - 50000đ. - 3000b s619425

1181. Take notes Toán - Văn 7 - Kết nối : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Thùy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 3000b s619426

1182. Take notes Toán - Văn 8 - Kết nối : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Thùy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 83 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 50000đ. - 3000b s619427

1183. Take notes Toán - Văn 9 - Kết nối : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới. Dễ nhớ - Dễ hiểu / Thùy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 99 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 50000đ. - 3000b s619428

1184. Takenote - Sổ tay kiến thức và dạng toán 6 / Lê Vũ Việt Anh. - H. : Tri thức, 2025. - 130 tr. : minh họa ; 21 cm. - 85000đ. - 4000b s618593

1185. Takenote - Sổ tay kiến thức và dạng toán 7 / Lê Vũ Việt Anh. - H. : Tri thức, 2025. - 116 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 85000đ. - 4000b s618594

1186. Takenote - Sổ tay kiến thức và dạng toán 8 / Lê Vũ Việt Anh. - H. : Tri thức, 2025. - 100 tr. : minh họa ; 21 cm. - 79000đ. - 3700b s618595

1187. Takenote - Sổ tay kiến thức và dạng toán 9 / Lê Vũ Việt Anh. - H. : Tri thức, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 21 cm. - 79000đ. - 3700b s618596

1188. Thư viện hình ảnh đầu tiên cho bé - Hình dạng = My first picture encyclopedia - Shapes : Song ngữ : Cho bé từ 0 - 6 tuổi / B.s.: Hải Minh, Jenny ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 12 cm. - 29000đ. - 5000b s620016

1189. Thư viện hình ảnh đầu tiên cho bé - Số đếm = My First picture encyclopedia - Numbers : Song ngữ : Cho bé từ 0 - 6 tuổi / B.s.: Hải Minh, Jenny ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 12 cm. - 29000đ. - 5000b s620014

1190. Thực chiến Toán 9 thi vào 10 : Theo Chương trình GDPT mới... / Nguyễn Tiến Mạnh. - H. : Hồng Đức. - 24 cm. - 300000đ. - 1000b

T.1: Đại số, xác suất và thống kê. - 2025. - 409 tr. : minh họa s619385

1191. Thực chiến Toán 9 thi vào 10 : Theo Chương trình GDPT mới... / Nguyễn Tiến Mạnh. - H. : Hồng Đức. - 24 cm. - 250000đ. - 1000b

T.2: Hình học và các bài toán tối ưu. - 2025. - 370 tr. : minh họa s619386

1192. Tinh hoa vận dụng cao tổ hợp xác suất / Nguyễn Đăng Ái. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 282 tr. : minh họa ; 27 cm. - 360000đ. - 1200b s618266

1193. Tổng hợp chuyên đề trọng tâm thi vào 10 chuyên & học sinh giỏi - Hình học 9 / Nguyễn Trung Kiên. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 311 tr. : hình vẽ ; 30 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá). - 159000đ. - 1800b s619841

1194. Tổng ôn lý thuyết trọng tâm theo định hướng đánh giá năng lực học sinh trung học phổ thông - Toán học / Lê Văn Hoa, Nguyễn Hồng Quân (ch.b.), Đỗ Xuân Thắng,,,. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 387 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 175000đ. - 3000b s619843

1195. Tớ là nhà toán học : Kiến thức toán học tóm tắt / Đức Khánh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 42 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Bách khoa thư cho bé). - 59000đ s618642

1196. Trần Trọng Toàn. Giải bài tập Toán cao cấp 1 / Trần Trọng Toàn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Tri thức, 2025. - 107 tr. ; 24 cm. - 60000đ. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Toán. - Thư mục: tr. 107 s618530

1197. Trần Trọng Toàn. Giáo trình Toán cao cấp 1 / Trần Trọng Toàn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Tri thức, 2025. - 127 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 60000đ. - 700b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Toán. - Thư mục: tr. 127 s618531

1198. Từ Văn. Lý thuyết trò chơi : Kẻ mạnh không phải lúc nào cũng thắng, kẻ yếu không phải lúc nào cũng thua / Từ Văn ; Hải Bình dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 156000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 一本书读懂博弈论 s618523

1199. Tự học - Nâng cao kiến thức Toán 6 : Cơ bản - nâng cao - ôn tập - tự luận và trắc nghiệm / Lê Hồng Đức (ch.b.), Đỗ Hoàng Hà, Lê Hoàng Nam... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 343 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 140000đ. - 3000b s618293

1200. Tự học nâng cao kiến thức Toán 7 : Theo bộ sách Kết nối tri thức / Lê Hải Trung, Nguyễn Công Trần Mạnh Linh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 82000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 164 tr. : hình vẽ, bảng s619825

1201. Tự học nâng cao kiến thức Toán 7 : Theo bộ sách Kết nối tri thức / Lê Hải Trung, Nguyễn Công Trần Mạnh Linh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 76000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 140 tr. : hình vẽ, bảng s619826

THIÊN VĂN HỌC

1202. Cuốn sách tranh đầu tiên về vũ trụ = My first space picture book : Dành cho trẻ từ 5 - 10 tuổi / Tranh, lời: Tezuka Akemi ; Lê Giang dịch. - Tái bản, in lần 3. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 50 tr. : tranh màu ; 28 cm. - (Ehon Nhật Bản). - 99000đ. - 2000b s618442

1203. Nguyễn Diệu Hương. Phòng nghiên cứu Evergrin : Ứng dụng phương pháp STEAM và quy trình hoạt động của Viện nghiên cứu thu nhỏ vào chương trình giảng dạy khoa học cho trẻ / Nguyễn Diệu Hương, Ưông Minh Quân, Phạm Hồng Sơn. - H. : Nxb. Hà Nội. - 30 cm. - 150000đ. - 1000b

T.1: Khám phá Vũ trụ & sự sống. - 2025. - 103 tr. : ảnh, tranh màu s618294

1204. Nhã Uyên. 101 bí ẩn thú vị về Vũ trụ / Nhã Uyên. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 122 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 95000đ. - 3000b s617843

1205. Pířala, Jan. Atlas vũ trụ : Khám phá vũ trụ bao la qua những trang gấp khổng lồ : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Jan Pířala, Jiří Dušek ; Minh họa: Pavla Kleinová, Tomáš Tůma ; Phạm Trang dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 228000đ. - 2000b s618982

VẬT LÝ

1206. Chinh phục kì thi tốt nghiệp THPT môn Vật lí : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Trần Văn Lượng (ch.b.), Huỳnh Hiếu Nhơn, Đồng Văn Chiến... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 387 tr. : minh họa ; 27 cm. - 260000đ. - 1500b s619891

1207. Einstein, Albert. Từ những năm sau của đời tôi = Out of my later years / Albert Einstein ; Đỗ Thị Thu Trà chuyển ngữ. - H. : Tri thức, 2025. - 386 tr. : ảnh ; 22 cm. - (Tủ sách Tinh hoa). - 290000đ. - 1000b s618526

1208. Giải thích và ôn luyện Vật lý 10 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất / Nguyễn Anh Văn, Lê Chí Hiếu, Nguyễn Trường Long. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 251 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Bộ sách Giúp học sinh tự học Vật lý tốt nhất). - 109000đ. - 1500b s619828

1209. Giáo trình giảng dạy đại học Vật lý đại cương : Sử dụng cho sinh viên ngành Dược học / Nguyễn Thành Vân (ch.b.), B.s.: Bùi Đức Ánh, Lê Thị Minh Huyền... - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 349 tr. : minh họa ; 27 cm. - 170000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Vật lý. - Thư mục: tr. 349 s619523

1210. Giáo trình Trường điện từ / Nguyễn Trung Nhân (ch.b.), Đỗ Khoa Thúy Kha, Đỗ Văn Năng... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 429 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 90000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 428-429 s619034

1211. Sổ tay Kiến thức Vật lý trung học cơ sở / Nguyễn Phú Đồng, Lê Thị Thu Hằng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 371 tr. : hình vẽ, bảng ; 18 cm. - 76000đ. - 3000b s619970

1212. Thư viện hình ảnh đầu tiên cho bé - Màu sắc = My first picture encyclopedia - Colours : Song ngữ : Cho bé từ 0 - 6 tuổi / B.s.: Hải Minh, Jenny ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 12 cm. - 29000đ. - 5000b s620015

1213. Tớ là nhà vật lý : Kiến thức vật lý tóm tắt / Đức Khánh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 42 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Bách khoa toàn thư cho bé). - 59000đ s618640

1214. Tuyển tập báo cáo Hội nghị Vật lý chất rắn và Khoa học Vật liệu toàn quốc lần thứ XIV : SPMS 2025. Trường Đại học Tây Nguyên, Đắk Lắk, 05-07/11/2025 / Bạch Thành Công, Nguyễn Quang Hòa, Trần Vĩnh Thắng... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - xxxiv, 914 tr. : minh họa ; 30 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Hội Vật lý Việt Nam... - Thư mục cuối mỗi chương s618135

1215. Tự học Vật lý 11 / Lại Đắc Hợp, Bùi Văn Đăng, Hoàng Quốc Hoàn, Nghiêm Xuân Tân. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 200000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 423 tr. : minh họa s619852

HOÁ HỌC

1216. Giáo trình giảng dạy đại học: Hóa học đại cương & hữu cơ / B.s.: Đặng Văn Hoài (ch.b.), Nguyễn Thị Tuyết Trinh, Nguyễn Thị Hoài Thu... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 306 tr. : minh họa ; 27 cm. - 170000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Hóa. - Thư mục: tr. 305 s619681

1217. Giáo trình Hóa phân tích : Dùng cho đào tạo cao đẳng ngành Dược / B.s.: Lê Thị Hải Yến (ch.b.), Nguyễn Thị Quyên, Nguyễn Thị Nga, Phạm Thị Hằng Nga. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 287 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 630000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 269 s619534

1218. Hóa đại cương : Giáo trình đào tạo đại học / B.s.: Lê Đình Quang (ch.b.), Hoàng Thị Tuyết Nhung, Nguyễn Thị Ngọc Hà... - H. : Y học, 2025. - 359 tr. : minh họa ; 27 cm. - 160000đ. - 600b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Dược Hà Nội. Khoa Khoa học cơ bản. Bộ môn Hóa đại cương - Vô cơ. - Thư mục: tr. 359 s619674

1219. Kiến thức tổng hợp và bài tập tự rèn Khoa học tự nhiên - Hoá học : Xây dựng theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Ngọc Trường. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 141 tr. : bảng ; 28 cm. - (Tự học là cách duy nhất để thành công). - 150000đ. - 1000b s618255

1220. Lê Thị Hải Yến. Giáo trình Thực hành hóa phân tích / B.s.: Lê Thị Hải Yến (ch.b.), Nguyễn Thị Quyên, Nguyễn Thị Nga. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 50 tr. : bảng ; 27 cm. - 340000đ. - 72b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội s619582

1221. Phân loại và phương pháp giải bài tập theo chủ đề Hóa học 11 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Phạm Thị Duyên. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 274 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 188000đ. - 100b

Thư mục: tr. 274 s618136

1222. Sổ tay học nhanh toàn diện kiến thức và dạng bài Hóa học lớp 8 - 9 / Trần Thị Yên. - H. : Tri thức, 2025. - 194 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 68000đ. - 2800b s618509

1223. Sổ tay học nhanh toàn diện kiến thức và dạng bài Hoá học lớp 10-11-12 : Cuốn sổ tay thần kỳ giúp ôn luyện nhanh kiến thức Hóa học : Giúp học sinh tự học mọi lúc mọi nơi / Trần Thị Yên. - H. : Tri thức, 2025. - 350 tr. : bảng ; 21 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá). - 119000đ. - 2500b s618520

1224. Sổ tay Kiến thức Hoá học trung học cơ sở / Nguyễn Hoàng Long, Nguyễn Văn Tín. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 325 tr. : hình vẽ, bảng ; 18 cm. - 65000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 311-315 s619969

1225. Tớ là nhà hóa học : Kiến thức hóa học tóm tắt / Đức Khánh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 42 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Bách khoa thư cho bé). - 59000đ s618641

KHOA HỌC VỀ TRÁI ĐẤT

1226. Lan Cook. 24 giờ dưới đại dương : Dành cho trẻ em từ 6 - 15 tuổi / Lời: Lan Cook ; Minh họa: Laurent Kling ; Minh Trang dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 64 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 119000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: 24 hours under the ocean s618608

1227. 10 vạn câu hỏi vì sao? - Thiên văn và địa lý / Yosbook ; Thanh Huệ dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 135 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Những điều trẻ em thích khám phá nhất). - 75000đ. - 3000b

Tên sách nguyên bản: 十万个为什么-天文与地理 s620064

1228. Nguyễn Hữu Hiệp. Giáo trình Địa chất biển đại cương / Nguyễn Hữu Hiệp (ch.b.), Ngô Thị Kim Chi, Bùi Thị Thu Hiền. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 172 tr. : minh họa ; 27 cm. - 299000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Mở - Địa chất. - Thư mục cuối mỗi chương s618160

1229. Nhã Uyên. 101 bí ẩn thú vị về Trái Đất / Nhã Uyên. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 122 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 95000đ. - 3000b s617841

SINH VẬT HOÁ THẠCH VÀ ĐỜI SỐNG TIỀN SỬ

1230. Các loài khủng long = Dinosaurs : Sách chuyển động : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Minh hoạ: Chorkung ; Thủy Dương dịch. - In lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 119000đ. - 1000b s620320

1231. Đồng Chi Minh. Bách khoa động vật dành cho trẻ nhỏ - Động vật tiền sử / Đồng Chi Minh ; Minh Thuận dịch. - In lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 121 tr. : minh hoạ ; 23 cm. - 80000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 走进大自然百科图鉴史前动物 s617979

1232. Đồng Chi Minh. Bách khoa động vật dành cho trẻ nhỏ - Khủng long / Đồng Chi Minh ; Minh Thuận dịch. - In lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 122 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 80000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 走进大自然百科图鉴恐龙 s617977

KHOA HỌC VỀ SỰ SỐNG, SINH VẬT HỌC

1233. 30 đề luyện thi tốt nghiệp THPT 2026 Sinh học / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Anh Thơ. - H. : Dân trí, 2025. - 263 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 189000đ. - 5000b s618094

1234. Bộ đề ôn thi vào lớp 10 THPT môn Sinh học : Dành cho học sinh lớp 9 : Theo Chương trình GDPT mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Phan Khắc Nghệ, Hồ Văn Thắng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 288 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 129000đ. - 1500b s619502

1235. Giáo trình Sinh học và di truyền : Dành cho sinh viên ngành Bác sĩ đa khoa Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Dược, Răng hàm mặt / B.s.: Cao Thị Tài Nguyên (ch.b.), Vũ Thị Nhuận, Phạm Thị Ngọc Nga, Đoàn Thị Thùy Trân. - Tái bản lần thứ 1. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 197 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 150000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Sinh học - Di truyền. - Thư mục cuối mỗi chương s618197

1236. Giáo trình Sinh học và di truyền : Dành cho sinh viên ngành cử nhân / B.s.: Phạm Thị Ngọc Nga (ch.b.), Vũ Thị Nhuận, Cao Thị Tài Nguyên, Đoàn Thị Thùy Trân. - Tái bản lần thứ 1. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 131 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 110000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Sinh học - Di truyền. - Thư mục cuối mỗi chương s618195

1237. Giáo trình Thực hành sinh học và di truyền : Đối tượng giảng dạy: Đại học / B.s.: Trần Đức Phấn (ch.b.), Trịnh Thị Hào, Đỗ Thị Tố Uyên... - H. : Y học, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 220000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Khoa Khoa học cơ bản. Bộ môn Sinh học và Di truyền. - Thư mục: tr. 79 s619623

1238. Nguyễn Trung Kiên. Giáo trình Sinh học phân tử ứng dụng trong y học : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Trung Kiên, Cao Thị Tài Nguyên (ch.b.), Phạm Thị Ngọc Nga. - H. : Y học, 2025. - 207 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 250000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Sinh học - Di truyền. - Thư mục: tr. 207 s619631

1239. Tổng ôn Sinh học / Phan Khắc Nghệ, Thịnh Văn Nam, Lữ Thị Đào. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 200000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 518 tr. : minh hoạ s619853

1240. Trần Thị Lành. Nghiên cứu thực chứng thí điểm trữ lượng carbon trong sinh khối trên bề mặt đất, rừng mưa nhiệt đới vùng Bắc Trung Bộ, Việt Nam = Pilot empirical research carbon stock in above-ground biomass tropical rainforests in North-central Vietnam / Trần Thị Lành. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2024. - 312 tr. : minh họa ; 24 cm. - 99000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu sinh thái chính sách xã hội. - Thư mục: tr. 115-120 - Phụ lục: tr. 131-156 s618671

THỰC VẬT

1241. Giáo trình giảng dạy đại học: Thực tập thực vật / B.s.: Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Ngọc Hương (ch.b.), Trương Thị Đẹp... - H. : Y học, 2025. - 118 tr. : hình vẽ, ảnh ; 27 cm. - 60000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Dược liệu - Dược học cổ truyền. - Thư mục: tr. 118 s619536

1242. Giáo trình Thực vật học / Trần Văn Ba, Nguyễn Thị Hồng Liên, Bùi Thu Hà (ch.b.)... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 303 tr. : minh họa ; 24 cm. - 95000đ. - 500b

Thư mục: tr. 297-300 s618736

1243. 10 vạn câu hỏi vì sao? -Thế giới thực vật / Yosbook ; Thanh Huệ dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 135 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Những điều trẻ em thích khám phá nhất). - 75000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 十万个为什么-植物乐园 s620063

1244. Thành phần hoá học và hoạt tính sinh học của cây húng chanh (*Plectranthus amboinicus*) và húng quế (*Ocimum Basilicum*) / B.s.: Tô Đạo Cường, Đàm Bích Hạnh (ch.b.), Lê Thị Thuý Loan, Vũ Đình Giáp. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 106 tr. : minh họa ; 24 cm. - 86000đ. - 60b

Thư mục: tr. 95-106 s619498

ĐỘNG VẬT

1245. Bật mí tí ti - Thế giới diệu kì: Sao la / Huyền Machi ; Minh họa: Funti Kidbooks. - H. : Hà Nội, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Khoa học hóm hỉnh). - 58000đ. - 2000b s619451

1246. Bật mí tí ti - Thế giới diệu kì: Tê tê / Huyền Machi ; Minh họa: Funti Kidbooks. - H. : Hà Nội, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Khoa học hóm hỉnh). - 58000đ. - 2000b s619450

1247. Cuốn sách khổng lồ về các loài động vật khổng lồ = Big book of big animals : Với 4 trang gấp khổng lồ : Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi / Hazel Maskell ; Tranh: Fabiano Fiorin ; Quách Cẩm Phương dịch. - In lần thứ 8. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 29 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 168000đ. - 1000b s618297

1248. Đồng Chi Minh. Bách khoa động vật dành cho trẻ nhỏ - Côn trùng / Đồng Chi Minh ; Minh Thuận dịch. - In lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 122 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 80000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 走进大自然百科图鉴昆虫 s617978

1249. Đồng Chi Minh. Bách khoa động vật dành cho trẻ nhỏ - Thú cưng / Đồng Chi Minh ; Minh Thuận dịch. - In lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 121 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 23 cm. - 80000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 走进大自然百科图鉴宠物 s617976

1250. 10 vạn câu hỏi vì sao? - Thế giới động vật / Yosbook ; Thanh Huệ dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 135 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Những điều trẻ em thích khám phá nhất). - 75000đ. - 3000b

Tên sách nguyên bản: 十万个为什么-动物世界 s620062

1251. Nguyễn Loan. 10 vạn câu hỏi vì sao? Bí ẩn về loài chim, động vật biển và đại dương / Nguyễn Loan b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 72 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - (Bách khoa toàn thư dành cho trẻ em). - 69000đ. - 2000b s619389

1252. Nhã Uyên. 101 bí ẩn thú vị về động vật / Nhã Uyên. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 122 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 95000đ. - 3000b s617840

1253. Smith, Miranda. Nếu thế giới chỉ có 100 động vật : Góc nhìn toàn diện về động vật trên Trái Đất : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Miranda Smith ; Minh họa: Aaron Cushley ; Phan Hạnh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 31 tr. : ảnh ; 23 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 39000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 4 s618989

1254. Thế giới động vật - Chuyển động ghép hình : = Animals - Slide and play : Song ngữ Việt - Anh cho bé : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Lời: Minh Quyên ; Minh họa: Nga Coca. - In lần thứ 4. - H. : Thế giới, 2025. - 9 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 119000đ. - 2000b s620140

1255. Thư viện hình ảnh đầu tiên cho bé - Động vật = My first picture encyclopedia - Animals : Song ngữ : Cho bé từ 0 - 6 tuổi / B.s.: Hải Minh, Jenny ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 12 cm. - 29000đ. - 5000b s620020

1256. Trịnh Diên Tuệ. 10 vạn câu hỏi vì sao dành cho thiếu nhi - Động vật trên cạn và dưới nước / Trịnh Diên Tuệ ; Tuệ Văn dịch. - Tái bản lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 127 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 60000đ. - 3000b s617916

CÔNG NGHỆ

1257. Hội nghị Khoa học Kỹ thuật Đo lường toàn quốc lần thứ VIII = The 8th National Metrology Conference 2025 : Tuyển tập báo cáo khoa học / Đỗ Đức Nguyên, Bùi Hoàng Minh, Đinh Thị Đoan Trang... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 848 tr. : minh họa ; 30 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Khoa học và Công nghệ. Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. - Thư mục cuối mỗi bài s618432

1258. Tóm tắt kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023 - 2024 / Nguyễn Văn Trường, Nguyễn Văn Yên, Nguyễn Văn Cường... - Lâm Đồng : S.n., 2025. - 99 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: UBND tỉnh Lâm Đồng. Sở Khoa học và Công nghệ s618194

Y HỌC

1259. Akiyoshi Horie. Phương pháp ăn uống cải thiện lưu thông máu / Akiyoshi Horie ; Như Nữ dịch. - In lần 11. - H. : Công Thương, 2025. - 209 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 3000b s618827

1260. Alexander, Skye. Tự chăm sóc cuộc sống yêu thương bản thân / Skye Alexander, Meera Lester, Carolyn Dean ; Lê Thành dịch. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2026. - 173 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 98000đ. - 1000b s620288

1261. An toàn bức xạ ion hóa trong X-quang chẩn đoán y tế : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Đặng Nguyễn Ngọc An, Ninh Đức Tuyên, Phan Hoài Phương, Hoàng Huy Long. - H. : Y học, 2025. - 119 tr. : minh họa ; 24 cm. - 126000đ. - 1000b s619519

1262. An toàn khi vui chơi / Ban Biên tập Giáo dục an toàn học sinh ; Phạm Hồng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 127 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Sách tranh Giáo dục an toàn cho học sinh). - 59000đ. - 2500b s617914

1263. An toàn trong sinh hoạt thường ngày / Ban Biên tập Giáo dục an toàn học sinh ; Phạm Hồng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 127 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Sách tranh Giáo dục an toàn cho học sinh). - 59000đ. - 2500b

Tên sách tiếng Trung: 学生安全教育漫画书: 生活安全 s617924

1264. Atlas phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ vú / B.s.: Trần Thiết Sơn, Bruant Rodier Catherine, Sekido Mitsuru (ch.b.)... - H. : Y học. - 28 cm. - 768000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 489 tr. : hình vẽ, ảnh. - Thư mục cuối mỗi bài s619691

1265. Atlas phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ vú / B.s.: Trần Thiết Sơn, Bruant Rodier Catherine, Sekido Mitsuru (ch.b.)... - H. : Y học. - 28 cm. - 728000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 425 tr. : hình vẽ, ảnh. - Thư mục cuối mỗi bài s619692

1266. Bài giảng Huyết học - Truyền máu : Dành cho sinh viên Y đa khoa / B.s.: Trần Thanh Tùng (ch.b.), Bùi Lê Cường, Trương Phạm Hồng Diễm... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 276 tr. : minh họa ; 24 cm. - 150000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Khoa Y. Module Huyết học. - Thư mục cuối mỗi bài s619497

1267. Bài giảng Sản phụ khoa : Sách dùng cho đào tạo bác sĩ Y khoa / B.s.: Nguyễn Xuân Huy (ch.b.), Trần Thị Thu Hương, Lê Quang Trung, Hà Thị Thanh Loan. - H. : Y học. - 27 cm. - 200000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. Bộ môn Sản

T.2. - 2025. - 154 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 151-154 s619554

1268. Bài giảng sau đại học Huyết học - Truyền máu / B.s.: Bạch Quốc Khánh, Nguyễn Hà Thanh, Phạm Quang Vinh (ch.b.)... - H. : Y học. - 27 cm. - 296000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Huyết học

T.2. - 2025. - 499 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s619669

1269. Bài giảng Thực hành Sản khoa : Dành cho giảng dạy tiền lâm sàng và lâm sàng Sản khoa, chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa / B.s.: Vương Thị Ngọc Lan, Âu Nhật Luân, Nguyễn Hồng Hoa (ch.b.)... - H. : Y học, 2025. - 179 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 180000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Phụ sản. - Thư mục trong chính văn. - Phụ lục: tr. 176-179 s619537

1270. Barkley, Russell A. Nuôi dạy trẻ mắc chứng rối loạn tăng động giảm chú ý ADHD / Russell A. Barkley ; Trâm Vũ dịch. - In lần 4. - H. : Công Thương, 2025. - 306 tr. : hình vẽ, bảng ; 23 cm. - 139000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: 12 principles for raising a child with ADHD. - Thư mục: tr. 293-305 s618829

1271. Bệnh cơ : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Hữu Công (ch.b.), Phan Đăng Anh Thư, Lê Trí Sĩ, Phan Hoàng Phương Khanh. - H. : Y học, 2025. - 254 tr. : minh họa ; 27 cm. - 190000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Hội Thần kinh học Việt Nam. - Thư mục: tr. 252-254 s619555

1272. Bệnh học : Dành cho đào tạo cao đẳng ngành Dược / B.s.: Nguyễn Minh An (ch.b.), Trần Thanh Tâm, Trần Thúy Liễu.... - H. : Y học, 2025. - 291 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 955000đ. - 58b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi bài s619533

1273. Bệnh học Nam học và Y học Giới tính : Giáo trình dành cho đào tạo sau đại học / Nguyễn Hoài Bắc, Trần Quốc Hòa, Phạm Minh Quân... ; B.s.: Nguyễn Hoài Bắc (ch.b.)... - H. : Y học. - 27 cm. - 350000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Ngoại

T.3. - 2025. - 255 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 246-255 s619690

1274. Biện pháp đảm bảo chất lượng trong phòng xét nghiệm y khoa : Sách dùng đào tạo đại học, sau đại học và cập nhật kiến thức y khoa liên tục / B.s.: Trần Hữu Tâm (ch.b.), Võ Ngọc Nguyên, Lê Thị Thùy Như... - H. : Y học, 2025. - 195 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Bộ sách Kỹ thuật y học chuyên ngành xét nghiệm & quản lý chất lượng xét nghiệm). - 260000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trung tâm Kiểm chuẩn Xét nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 188-195 s619594

1275. Bùi Huy Tùng. Giáo trình Lý thuyết vi sinh - Ký sinh trùng nâng cao : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học / B.s.: Bùi Huy Tùng (ch.b.), Hà Thị Nguyệt Minh, Nguyễn Thị Hồng Ngọc. - H. : Y học, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 27 cm. - 263000đ. - 100b

ĐTTS ghi: UBND thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 92-93 s619559

1276. Bùi Ngọc Minh. Cẩm nang thoát khỏi nicotine : Hướng dẫn thực hành cai nghiện thuốc lá / Bùi Ngọc Minh. - H. : Thế giới, 2025. - 138 tr. : minh họa ; 21 cm. - 139000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 121-138 s618768

1277. Bùi Quang Thắng. Sổ tay Cấp cứu, điều trị dự phòng một số bệnh nội khoa thường gặp : Dành cho y, bác sĩ tuyến cơ sở / Bùi Quang Thắng. - H. : Y học, 2025. - 83 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 145000đ. - 600b

Thư mục: tr. 83 s618630

1278. Bùi Quang Thắng. Sổ tay Điện tim : Dành cho bác sĩ đa khoa tuyến cơ sở / Bùi Quang Thắng. - H. : Y học, 2025. - 59 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 139000đ. - 200b

Phụ lục: tr. 57-58. - Thư mục: tr. 59 s618629

1279. Các vấn đề lâm sàng thiết yếu của chương trình đào tạo bác sĩ y khoa / Ch.b.: Vương Thị Ngọc Lan, Phùng Nguyễn Thế Nguyên, Huỳnh Nghĩa, Trần Công Thắng. - H. : Y học, 2025. - 245 tr. ; 27 cm. - 200000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 243 s619697

1280. Cao Minh Châu. Giáo trình Quá trình phát triển con người / B.s.: Cao Minh Châu (ch.b.), Nguyễn Hoàng Điệp. - H. : Y học, 2025. - 178 tr. : minh họa ; 24 cm. - 160000đ. - 500b
ĐTTS ghi: Đại học Phenikaa. - Thư mục: tr. 178 s618689

1281. Cao Văn Chính. Giáo trình Nguyên lý tạo ảnh và xử lý hình ảnh y học : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học / B.s.: Cao Văn Chính (ch.b.), Lê Thị Thanh Minh, Nguyễn Văn Bắc. - H. : Y học, 2025. - 143 tr. : minh họa ; 27 cm. - 377000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 143 s619655

1282. Cayoun, Bruno A. Trị liệu nhận thức hành vi tích hợp chánh niệm: Nguyên tắc và thực hành = Mindfulness integrated CBT: Principles and practice / Bruno A. Cayoun ; Thiện Nhân dịch ; Mai Thị Việt Thắng h.đ. - H. : Tri thức, 2025. - 492 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 369000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 399. - Phụ lục: tr. 437-480 s618535

1283. Cầm Bá Thước. Phục hồi chức năng chấn thương não = Traumatic brain injury rehabilitation / Cầm Bá Thước, Bùi Huy Mạnh. - H. : Y học, 2025. - 687 tr. : minh họa ; 27 cm. - 480000đ. - 800b

Thư mục cuối mỗi chương s619563

1284. Cẩm nang Cấp cứu / B.s.: Vũ Văn Đính, Đặng Quốc Tuấn (ch.b.), Nguyễn Thị Dụ... - Xuất bản lần thứ 7 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 714 tr. : bảng ; 21 cm. - 250000đ. - 1000b s618698

1285. Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên. - H. : Công Thương, 2025. - 69 tr. : hình vẽ, ảnh ; 15 cm. - 21099b

Đầu bìa sách ghi: Sở Y tế Hà Nội. Chi cục Dân số, Trẻ em và Phòng, chống tệ nạn xã hội s620264

1286. Chẩn đoán học và các nguyên tắc điều trị cơ bản Y học cổ truyền : Giáo trình đào tạo đại học / B.s.: Vũ Nam, Phạm Quốc Bình, Trần Thị Hồng Ngai (ch.b.) ... - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 198 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Khoa Y học lâm sàng. Bộ môn Y lý Y học cổ truyền. - Thư mục: tr. 198 s619520

1287. Chấn thương chỉnh hình chi dưới : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Thành Tấn (ch.b.), Nguyễn Lê Hoan, Nguyễn Tâm Từ... - H. : Y học, 2025. - viii, 374 tr. : minh họa ; 27 cm. - 400000đ. - 700b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Chấn thương chỉnh hình. - Thư mục cuối mỗi bài s619609

1288. Châu Nguyên. Tri thức cho một thai kỳ khỏe mạnh / Châu Nguyên b.s. - Tái bản lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 351 tr. : ảnh màu ; 23 cm. - 140000đ. - 3000b s617917

1289. Chuyên đề Tâm thần học / Nguyễn Thế Hùng, Trần Trương Khánh Linh, Nguyễn Hải Nhật Minh... ; B.s.: Nguyễn Đăng Khoa (ch.b.)... - H. : Y học. - 27 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Hội Tâm thần học Thành phố Hồ Chí Minh. Bệnh viện Tâm thần T.2. - 2025. - 119 tr. : minh họa. - Thư mục trong mỗi bài s619589

1290. Cơ thể người = The body = Le corps : Sách chuyển động thông minh đa ngữ Việt - Anh - Pháp : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Nathalie Choux ; Dịch: Phạm Nhân, Linh Chi. - In lần thứ 6. - H. : Văn học, 2025. - 10 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 119000đ. - 1000b s620319

1291. Dettmer, Philipp. Miễn dịch : Du hành thăm hệ thống bí ẩn giữ cho ta sống sót / Philipp Dettmer ; Biên dịch: Vân Nguyễn, Quý Tiến ; Huyền Trang h.đ. - H. : Lao động, 2025. - 375 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 399000đ. - 8000b

Tên sách tiếng Anh: Immune s618856

1292. Dịch tễ học nâng cao : Giáo trình đào tạo sau đại học / B.s.: Lê Minh Giang (ch.b.), Nguyễn Bích Diệp, Lê Vĩnh Giang... - H. : Y học, 2025. - 226 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 245000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Dịch tễ học. - Thư mục cuối mỗi chương . - Phụ lục: tr. 202-225 s619592

1293. Dịch tễ học Ký sinh trùng y học : Giáo trình giảng dạy sau đại học / B.s.: Hoàng Đình Cảnh (ch.b.), Phạm Ngọc Đính, Trần Thanh Dương... - H. : Y học, 2025. - 490 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng trung ương. - Thư mục trong chính văn s619685

1294. Dreyer, Dreyer. Chạy bộ khí công = Chirunning : Cách mạng chạy bộ không vất sức, không chấn thương trên những nguyên tắc cơ bản của bộ môn Thái Cực Quyền / Danny Dreyer, Katherine Drey ; Nguyễn Công dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 450 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 2000b s617792

1295. Đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng phòng xét nghiệm : Sách dùng đào tạo đại học, sau đại học và cập nhật kiến thức y khoa liên tục / Trần Hữu Tâm (ch.b.), Võ Ngọc Nguyên, Lê Thị Thùy Như, Vũ Thị Như Oanh. - H. : Y học, 2025. - 111 tr. : bảng ; 27 cm. - 180000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trung tâm Kiểm chuẩn Xét nghiệm Tp. Hồ Chí Minh. - Phụ lục: tr. 103-105. - Thư mục: tr. 110-111 s619612

1296. Đào Việt Hằng. Bệnh lý tự miễn - Dị ứng đường tiêu hóa : Sách tham khảo / Đào Việt Hằng, Đào Văn Long. - H. : Y học, 2025. - 309 tr. : minh họa ; 24 cm. - 636000đ. - 310b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Nội tổng hợp. - Thư mục: tr. 269-309 s618701

1297. Đặng Hoàng Minh. Tâm bệnh học : Sách chuyên khảo / Đặng Hoàng Minh (ch.b.), Hồ Thu Hà, Bahr Weiss. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 579 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 240000đ. - 700b

Thư mục: tr. 515-579 s618666

1298. Đặng Ngọc Hùng. Từ đối đầu sang hòa hợp : Bệnh thận mạn: Ăn đúng thay vì ăn kiêng / Đặng Ngọc Hùng. - H. : Thế giới, 2025. - 227 tr. : bảng ; 21 cm. - 195000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 198-227 s618937

1299. Điều dưỡng lão khoa : Dự án giới thiệu thí điểm, hỗ trợ đào tạo và thực hành điều dưỡng lão khoa, do Viện Công nghệ Kanagawa hỗ trợ và tổ chức JICA Nhật Bản tài trợ : Giáo trình đào tạo điều dưỡng hệ đại học và sau đại học / B.s.: Trần Thái Phúc (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Anh, Ngô Thanh Bình... - H. : Y học, 2025. - 282 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 210000đ. - 400b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Khoa Điều dưỡng. - Thư mục cuối mỗi bài. - Phụ lục: tr. 263-282 s619595

1300. Đoàn Thị Lâm. Cuộc hành trình : Chỉ dẫn từng bước đưa bạn tới sự tự do và bình yên trong tâm hồn / Đoàn Thị Lâm. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Hà Nội, 2025. - 161 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 200000đ. - 3000b s619419

1301. Đỗ Đức Ngọc. Sổ tay Tìm huyết / Đỗ Đức Ngọc ; Vương Văn Liêu b.s. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 159 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - (Khí công Y đạo). - 88000đ. - 1000b s618747

1302. Elias, Lorin J. Não trái - Não phải và cách chúng ảnh hưởng đến hành vi hằng ngày của chúng ta / Lorin J. Elias ; Tín Nghĩa dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 270 tr. : ảnh, sơ đồ ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b s618620

1303. Emma Phạm. Bếp xanh chữa lành : Dinh dưỡng cho người bệnh và phương pháp giúp cơ thể tự chữa lành; giới thiệu 100 công thức nấu ăn cho người bệnh nhẹ tới bệnh nặng (ung thư, tiểu đường, tuyến giáp, tim mạch, gan, dạ dày, xương khớp...) / Emma Phạm. - In lần 2. - H. : Công Thương, 2025. - 298 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 269000đ. - 1500b s618831

1304. Gates, Rolf. Thiền trong Yoga : Suy niệm mỗi ngày về con đường Yoga / Rolf Gates, Katrina Kenison ; Nguyễn Văn Dương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 347 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 230000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 343-345 s617929

1305. Geon Oh Kim. Mang thai, sinh nở và nuôi con khỏe mạnh : Tất cả những kiến thức chuẩn mực nhất về mang thai - sinh nở - nuôi con mà các bác sĩ chuyên khoa sản và nhi tiết lộ cho bạn / Geon Oh Kim ; Nguyễn Thuỷ Giang dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 292 tr. : minh họa ; 24 cm. - 299000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Hàn: 똑똑하고 건강한 첫 임신 출산 육아 s619388

1306. Giải phẫu hệ thống : Dành cho sinh viên cử nhân Y học / B.s.: Ngô Xuân Khoa, Trần Sinh Vương (ch.b.), Ngô Văn Đăng... - Xuất bản lần thứ 4, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 195 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 110000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Giải phẫu. - Thư mục: tr. 195 s619677

1307. Giải phẫu học / B.s.: Nguyễn Văn Lâm (ch.b.), Võ Huỳnh Trang, Phạm Việt Mỹ... - Xuất bản lần thứ 6. - H. : Y học. - 27 cm. - 185000đ. - 1300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Giải phẫu

T.1. - 2025. - vi, 265 tr. : hình vẽ, ảnh. - Thư mục: tr. 265 s619608

1308. Giáo trình Chăm sóc sơ sinh : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Quản Bích Diệp, Đặng Hương Giang (ch.b.), Thành Thị Bích Chi... - H. : Y học, 2025. - 95 tr. : minh họa ; 27 cm. - 265000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 95 s619561

1309. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe sinh sản : Đào tạo điều dưỡng trình độ sau đại học / B.s.: Việt Thị Minh Trang, Đặng Trần Ngọc Thanh (ch.b.), Trần Thị Ngọc Phượng... - H. : Y học, 2025. - ix, 245 tr. : minh họa ; 27 cm. - 160000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật Y học. - Thư mục cuối mỗi bài. - Phụ lục: tr. 239-243 s619613

1310. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn 2 : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / B.s.: Nguyễn Minh An, Nguyễn Thị Hoàng Thu (ch.b.), Nguyễn Văn Độ... - H. : Y học, 2025. - 245 tr. : minh họa ; 27 cm. - 488000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 243-244 s619538

1311. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ : Dành cho đối tượng cử nhân Điều dưỡng / Đỗ Thị Lan Anh, Hoàng Thị Oanh (ch.b.), Trần Thị Việt Phương.... - H. : Y học, 2025. - 211 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 112000đ. - 250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Khoa Điều dưỡng. Bộ môn Điều dưỡng Sản. - Thư mục cuối mỗi bài s619532

1312. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe tâm thần : Dành cho sinh viên cử nhân Điều dưỡng, cử nhân Hộ sinh / B.s.: Nguyễn Văn Thống, Nguyễn Văn Tuấn (ch.b.), Võ Cảnh Sinh... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 164 tr. : minh họa ; 27 cm. - 330000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Tâm thần. - Thư mục: tr. 164 s618198

1313. Giáo trình Châm cứu học : Dành cho sinh viên đại học ngành Y học cổ truyền / B.s.: Tôn Chi Nhân, Phạm Duy Đức (ch.b.), Nguyễn Ngọc Chi Lan... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 366 tr. : minh họa ; 27 cm. - 379000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Khoa Y học cổ truyền. - Thư mục cuối mỗi bài s619682

1314. Giáo trình Chẩn đoán hình ảnh nha khoa : Dành cho sinh viên ngành Răng Hàm Mặt / B.s.: Trương Nhật Khuê, Đỗ Diệp Gia Huân (ch.b.), Nguyễn Phúc Vinh, Nguyễn Hoàng Nam. - H. : Y học, 2025. - 112 tr. : minh họa ; 27 cm. - 500000đ. - 900b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Khoa Răng Hàm Mặt. Bộ môn Chữa răng - Nội nha. - Thư mục: tr. 111-112 s619556

1315. Giáo trình Chính hình răng mặt : Dành cho sinh viên Răng hàm mặt / B.s.: Lê Nguyên Lâm (ch.b.), Nguyễn Tuyết Nhung, Mai Như Quỳnh... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 309 tr. : hình vẽ, ảnh ; 27 cm. - 700000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Liên Bộ môn Răng trẻ em - Chính hình. - Thư mục: tr. 309 s619701

1316. Giáo trình Chính hình răng mặt cơ bản : Dành cho sinh viên ngành Răng hàm mặt / B.s.: Lê Nguyên Lâm (ch.b.), Trương Thị Bích Ngân, Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Mai Như Quỳnh. - H. : Y học, 2025. - 167 tr. : minh họa ; 27 cm. - 600000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Răng trẻ em - Chính hình. - Thư mục: tr. 167 s618200

1317. Giáo trình Da liễu cơ bản : Dành cho học viên bác sĩ chuyên khoa da liễu, chuyên khoa 1, cao học, bác sĩ nội trú / B.s.: Huỳnh Văn Bá (ch.b.), Nguyễn Thị Thùy Trang, Trần Gia Hưng... - H. : Y học, 2025. - 211 tr. : minh họa ; 27 cm. - 350000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. - Thư mục: tr. 210-211 s618185

1318. Giáo trình Dinh dưỡng trong chăm sóc sắc đẹp : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Nguyễn Khánh Chi (ch.b.), Nguyễn Thị Hiếu, Hà Diệu Linh... - H. : Y học, 2025. - 95 tr. : minh họa ; 27 cm. - 470000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 93 s619607

1319. Giáo trình Dinh dưỡng ứng dụng trong lâm sàng và y tế công cộng : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Phạm Thị Tâm, Trương Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Thị Hiền... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 134 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm. - Thư mục: tr. 132-134 s618201

1320. Giáo trình Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm : Dành cho trình độ đại học / B.s.: Phạm Thị Tâm (ch.b.), Trương Thành Nam, Nguyễn Thị Hiền, Phan Kim Huệ. - Tái bản lần thứ 1. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 200 tr. : minh họa ; 27 cm. - 75000đ. - 400b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm. - Thư mục: tr. 200 s618196

1321. Giáo trình Dược lý : Tài liệu dành cho sinh viên ngành Cao đẳng Dược / B.s.: Nguyễn Thị Kim Chi (ch.b.), Vũ Thị Phương Thảo, Phạm Thị Hương Lý... - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 307 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 800000đ. - 72b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 307 s619585

1322. Giáo trình Điều dưỡng bệnh truyền nhiễm : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / B.s.: Đinh Quốc Khánh (ch.b.), Trần Thanh Tâm, Nguyễn Thị Việt Hà... - H. : Y học, 2025. - 174 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 395000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 172. - Phụ lục: tr. 173-174 s619626

1323. Giáo trình Điều dưỡng cơ sở 1 : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / B.s.: Khúc Thị Hồng Anh, Đoàn Thị Vân (ch.b.), Hà Diệu Linh... - H. : Y học, 2025. - 363 tr. : minh họa ; 27 cm. - 700000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 363 s619621

1324. Giáo trình Giải phẫu bệnh : Đối tượng giảng dạy: Sinh viên hệ Bác sĩ / B.s.: Nguyễn Văn Chủ, Chu Văn Đức (ch.b.), Bùi Thị Quỳnh, Nguyễn Thị Như Quỳnh. - H. : Y học, 2025. - 199 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 300000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Khoa Khoa học Y sinh. Bộ môn Giải phẫu bệnh - Pháp y. - Thư mục: tr. 199 s619624

1325. Giáo trình giảng dạy đại học - Định hướng ngành điều dưỡng / B.s.: Thân Thị Thu Ba (ch.b.), Trần Thụy Khánh Linh, Cao Mạnh Hùng... - H. : Y học, 2025. - 189 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 150000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Điều dưỡng. - Thư mục cuối mỗi bài s619551

1326. Giáo trình giảng dạy đại học - Giáo trình Huyết học tế bào / B.s.: Ngô Thị Thảo (ch.b.), Nguyễn Thị Huyền, Phạm Minh Tuệ, Cao Văn Tuyền. - H. : Y học, 2025. - 139 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 105000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. Khoa Xét nghiệm. - Thư mục: tr. 139 s619529

1327. Giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học: Bệnh học nha chu / B.s.: Phạm Anh Vũ Thụy (ch.b.), Nguyễn Thị Mai Anh, Hồng Lê Ngọc Cẩm... - H. : Y học. - 27 cm. - 400000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Khoa Răng Hàm Mặt

T.1. - 2025. - 273 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 270-273 s619670

1328. Giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học: Bệnh học nha chu / B.s.: Phạm Anh Vũ Thụy (ch.b.), Nguyễn Thị Mai Anh, Hồng Lê Ngọc Cẩm... - H. : Y học. - 27 cm. - 400000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Khoa Răng Hàm Mặt

T.2. - 2025. - 263 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 263 s619671

1329. Giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học: Điều trị học nha chu / B.s.: Phạm Anh Vũ Thụy (ch.b.), Nguyễn Thị Mai Anh, Hồng Lê Ngọc Cẩm... - H. : Y học. - 27 cm. - 400000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Khoa Răng Hàm Mặt

T.1. - 2025. - 293 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 288-293 s619672

1330. Giáo trình giảng dạy đại học: Chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực / B.s.: Cao Văn Thịnh, Ngô Thanh Trúc (ch.b.), Trần Tú Trinh... - H. : Y học, 2025. - 223 tr. : minh họa ; 27 cm. - 165000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật Y học. Bộ môn Điều dưỡng lâm sàng. - Thư mục cuối mỗi bài s619566

1331. Giáo trình giảng dạy đại học: Dược xã hội học / B.s.: Phạm Đình Luyện, Nguyễn Thị Hải Yến (ch.b.), Đặng Thị Kiều Nga... - H. : Y học, 2025. - 363 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Quản lý Dược. - Thư mục: tr. 359-362 s619598

1332. Giáo trình giảng dạy đại học: Hoá Lý dược / B.s.: Trần Phi Hoàng Yến, Trần Lê Tuyết Châu (ch.b.), Trương Công Trị, Dương Phước An. - H. : Y học, 2025. - 249 tr. : minh họa ; 27 cm. - 180000đ. - 1200b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Công nghệ dược phẩm. - Thư mục: tr. 246-247 s619526

1333. Giáo trình giảng dạy đại học: Kỹ thuật gây tê cơ bản / B.s.: Nguyễn Văn Chính (ch.b.), Nguyễn Thị Mỹ Hiền, Lê Lưu Hoài Thu... - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 163 tr. : minh họa ; 26 cm. - 139000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Gây mê hồi sức. - Thư mục cuối mỗi bài s619822

1334. Giáo trình giảng dạy đại học: Thực tập công nghiệp dược / B.s.: Lê Hậu, Lê Minh Quân (ch.b.), Trần Phi Hoàng Yến... - H. : Y học, 2025. - 208 tr. : minh họa ; 27 cm. - 138000đ. - 1200b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Công nghệ Dược phẩm. - Thư mục: tr. 208. - Phụ lục cuối chính văn s619678

1335. Giáo trình giảng dạy đại học: Thực tập hóa sinh / B.s.: Trần Thanh Nhân, Ngô Kiến Đức (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Thuận... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 109 tr. : minh họa ; 27 cm. - 89000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Dược - Bộ môn Hoá sinh. - Thư mục: tr. 89 s619646

1336. Giáo trình giảng dạy đại học: Thực tập sản xuất dược phẩm / B.s.: Lê Minh Quân, Nguyễn Công Phi (ch.b.), Lê Quan Nghiệm... - H. : Y học, 2025. - 136 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 126000đ. - 700b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Công nghệ dược phẩm. - Thư mục cuối mỗi bài. - Phụ lục: tr. 134-136 s619567

1337. Giáo trình giảng dạy Vi sinh y học / B.s.: Hoàng Thị Phương Dung (ch.b.), Phạm Hiền Anh Thư, Phạm Minh Tuấn... - H : Y học. - 27 cm. - 250000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Khoa Khoa học cơ bản. Bộ môn Vi sinh y học

T.1. - 2025. - 433 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s619549

1338. Giáo trình giảng dạy Vi sinh y học / B.s.: Hoàng Thị Phương Dung (ch.b.), Phạm Hiền Anh Thư, Phạm Minh Tuấn... - H. : Y học. - 27 cm. - 225000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Khoa Khoa học cơ bản - Y học cơ sở. Bộ môn Vi sinh y học

T.2. - 2025. - 373 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s619649

1339. Giáo trình giảng dạy: Bệnh học ngoại khoa tiêu hoá / B.s.: Phan Minh Trí, Đỗ Đình Công (ch.b.), Nguyễn Văn Hải... - H. : Y học, 2025. - 553 tr. : minh họa ; 27 cm. - 390000đ. - 2500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Ngoại. - Thư mục cuối mỗi bài s619565

1340. Giáo trình Hóa dược : Dùng cho đào tạo cao đẳng ngành Dược / B.s.: Nghiêm Thị Minh (ch.b.), Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Lan Anh... - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 286 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 800000đ. - 72b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 286 s619583

1341. Giáo trình Huyết học cơ sở : Dành cho sinh viên Y khoa / B.s.: Đặng Thị Thu Hằng (ch.b.), Lê Thị Hồng Thúy, Nguyễn Thị Dung... - H. : Y học, 2025. - 250 tr. : minh họa ; 27 cm. - 180000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Module Huyết học. - Thư mục: tr. 248-250 s619610

1342. Giáo trình Kiểm nghiệm thuốc : Tài liệu giảng dạy dành cho cao đẳng ngành Dược / B.s.: Ma Thị Hồng Nga (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hằng, Nghiêm Thị Minh... - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 143 tr. : minh họa ; 27 cm. - 460000đ. - 70b

ĐTTS ghi: UBND thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 124. - Phụ lục: tr. 125-143 s619572

1343. Giáo trình Kỹ năng y khoa : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sĩ đa khoa / B.s.: Thành Thị Bích Chi (ch.b.), Trần Thanh Tâm, Phạm Thị Kim Hoàn... - H. : Y học, 2025. - 155 tr. : minh họa ; 27 cm. - 632000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 154 s619640

1344. Giáo trình Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học / B.s.: Bùi Huy Tùng (ch.b.), Hà Thị Nguyệt Minh, Nguyễn Thị Hà Giang, Nguyễn Thị Hồng Ngọc. - H. : Y học, 2025. - 233 tr. : bảng ; 27 cm. - 838000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 232 s619658

1345. Giáo trình Lý luận cơ bản Y học cổ truyền : Dành cho sinh viên đại học ngành Y học cổ truyền / B.s.: Lê Minh Hoàng, Lê Thị Mỹ Tiên (ch.b.), Châu Nhị Vân, Tạ Thanh Tịnh. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học. - 27 cm. - 169000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Y học cổ truyền

T.1. - 2025. - 128 tr. : bảng, biểu đồ. - Thư mục: tr. 128 s619680

1346. Giáo trình Lý thuyết cấu tạo và chức năng cơ thể : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng, Dược, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Hộ sinh / B.s.: Phạm Văn Tân (ch.b.), Hoàng Thị Đợi, Hoàng Anh Lâm... - H. : Y học, 2025. - 223 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 828000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 223 s619588

1347. Giáo trình Lý thuyết cấu tạo và chức năng cơ thể : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sĩ đa khoa / B.s.: Phạm Văn Tân (ch.b.), Hoàng Thị Đợi, Hoàng Anh Lâm... - H. : Y học, 2025. - 275 tr. : minh họa ; 27 cm. - 550000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 275 s619562

1348. Giáo trình Lý thuyết chăm sóc da nâng cao : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Trần Thúy Liễu (ch.b.), Nguyễn Thanh Huyền, Nguyễn Thị Hương, Lê Thị Thu Hà. - H. : Y học, 2025. - 91 tr. : minh họa ; 27 cm. - 456000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 88-89. - Phụ lục: tr. 91 s619661

1349. Giáo trình Lý thuyết Chăm sóc sức khỏe cộng đồng : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / B.s.: Phạm Thị Mỹ Dung (ch.b.), Hà Diệu Linh, Nguyễn Thị Hiếu... - H. : Y học, 2025. - 206 tr. : minh họa ; 27 cm. - 467000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 156-158. - Phụ lục: tr. 159-206 s619638

1350. Giáo trình Lý thuyết nghệ thuật phun xăm thẩm mỹ cơ bản : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc làm đẹp / B.s.: Nguyễn Thị Hương (ch.b.), Trần Thúy Liễu, Nguyễn Thanh Huyền... - H. : Y học, 2025. - 88 tr. : minh họa ; 27 cm. - 435000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 85 s619543

1351. Giáo trình Lý thuyết nghệ thuật phun xăm thẩm mỹ nâng cao : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Nguyễn Thanh Huyền (ch.b.), Trần Thúy Liễu, Nguyễn Thị Hương, Lê Thị Thu Hà. - H. : Y học, 2025. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - 347000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 58 s619540

1352. Giáo trình Lý thuyết phá thai an toàn và toàn diện : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Mã Thị Hồng Liên (ch.b.), Phạm Thị Kim Hoàn, Trần Mai Huyền, Lê Tùng Lâm. - H. : Y học, 2025. - 72 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 378000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 71-72 s619573

1353. Giáo trình Lý thuyết sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sĩ đa khoa / B.s.: Nguyễn Hồng Phúc (ch.b.), Bùi Thị Thu Hằng, Hà Thị Nguyệt Minh... - H. : Y học, 2025. - 273 tr. : minh họa ; 27 cm. - 550000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 272-273 s619620

1354. Giáo trình Ngoại bệnh lý 1 / B.s.: Phạm Văn Năng (ch.b.), Mai Văn Đợi, Nguyễn Văn Hiên... - Tái bản lần thứ 2 có chỉnh sửa, bổ sung. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 334 tr. : minh họa ; 27 cm. - 205000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Ngoại. - Tên sách ngoài bìa: Ngoại bệnh lý 1. - Thư mục cuối mỗi bài. - Phụ lục ảnh cuối chính văn s618199

1355. Giáo trình Ngoại khoa y học cổ truyền : Dành cho đối tượng chuyên ngành Y học cổ truyền trình độ đại học / B.s.: Nguyễn Thị Thu Hiền (ch.b.), Lê Ngọc Sơn, Vũ Thị Nhi, Nguyễn Thị Phượng. - H. : Y học, 2025. - 158 tr. : minh họa ; 27 cm. - 125000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Khoa Y học cổ truyền s619570

1356. Giáo trình Nhi khoa sau đại học: Hộ hạp - Nhi khoa xã hội : Dành cho học viên bác sĩ nội trú, thạc sĩ, chuyên khoa cấp I chuyên ngành Nhi khoa / B.s.: Bùi Quang Nghĩa, Trần Quang Khải (ch.b.), Trần Cao Thái... - H. : Y học, 2025. - 189 tr. : minh họa ; 27 cm. - 145000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Nhi. - Thư mục: tr. 188-189 s619632

1357. Giáo trình Nhi khoa sau đại học: Sơ sinh - Nội tiết : Dành cho học viên bác sĩ nội trú, thạc sĩ, chuyên khoa cấp I chuyên ngành Nhi khoa / B.s.: Trần Quang Khải, Lê Thị Thúy Loan (ch.b.), Trần Đức Long... - H. : Y học, 2025. - 278 tr. : minh họa ; 27 cm. - 175000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Nhi. - Thư mục: tr. 277-278 s619527

1358. Giáo trình Nhi khoa sau đại học: Tim mạch - Tâm thần nhi : Dành cho học viên bác sĩ nội trú, thạc sĩ, chuyên khoa cấp I chuyên ngành Nhi khoa / B.s.: Nguyễn Minh Phương, Trần Quang Khải (ch.b.), Phan Việt Hưng... - H. : Y học, 2025. - 255 tr. : minh họa ; 27 cm. - 180000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Nhi. - Thư mục: tr. 254-255 s619525

1359. Giáo trình Phân loại thiết bị y tế / B.s.: Nguyễn Hải Hà (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Thảo, Nguyễn Tử Hiếu... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 120 tr. : minh họa ; 27 cm. - 155000đ. - 1000b

Thư mục cuối mỗi bài s618273

1360. Giáo trình Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Văn Lâm (ch.b.), Lê Phi Long, Nguyễn Văn Thanh... - H. : Y học. - 27 cm. - 250000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ T.5: Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ chi thể. - 2025. - 287 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 275-287 s619627

1361. Giáo trình Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Văn Lâm, Trần Văn Dương (ch.b.), Nguyễn Thiện Khánh... - H. : Y học. - 27 cm. - 380000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ T.6. - 2025. - 276 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 264-276 s619628

1362. Giáo trình Phục hình tháo lắp : Dành cho sinh viên ngành Răng Hàm Mặt / B.s.: Trương Nhật Khuê, Trần Kim Định (ch.b.), Trần Hà Phương Thảo... - H. : Y học, 2025. - 417 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1270000đ. - 90b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phục hình. - Thư mục: tr. 411-412 s619679

1363. Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Đào Văn Dũng, Phan Hoàng Hiệp (ch.b.), Lê Đức Cường... - H. : Y học, 2022. - 459 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 670000đ. - 125b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Cửu Long. - Phụ lục: tr. 378-452. - Thư mục: tr. 453-459 s618679

1364. Giáo trình Phương tế học : Giáo trình đào tạo đại học / B.s.: Trần Thị Thu Vân (ch.b.), Phạm Quốc Sự, Nguyễn Thùy Dương... - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 247 tr. ; 27 cm. - 250000đ. - 350b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược cổ truyền Việt Nam. Khoa Y học Lâm sàng. Bộ môn Phương tế. - Thư mục: tr. 247 s619548

1365. Giáo trình Sức khỏe môi trường và dịch tế học : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật hình ảnh Y học, Kỹ thuật xét nghiệm Y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Hộ sinh, Y sĩ đa khoa / B.s.: Nguyễn Hải Yến (ch.b.), Hà Diệu Linh, Nguyễn Thị Hiếu,... - H. : Y học, 2025. - 120 tr. : minh họa ; 27 cm. - 306000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 116-117 s619518

1366. Giáo trình Thần kinh học : Dành cho sinh viên Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt / B.s.: Lê Văn Minh (ch.b.), Lương Thanh Điền, Nguyễn Hải Hà... - Xuất bản lần thứ 4. - H. : Y học, 2025. - viii, 175 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 100000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Thần kinh. - Thư mục: tr. 174 s619614

1367. Giáo trình Thần kinh học : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Phạm Kiều Anh Thơ, Lê Văn Minh (ch.b.), Nguyễn Văn Chương... - H. : Y học. - 27 cm. - 250000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Thần kinh

T.4. - 2025. - 421 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s619650

1368. Giáo trình Thiết bị trị liệu / Lê Thị Hà (ch.b.), Nguyễn Hải Long, Nguyễn Xuân Dương, Trịnh Xuân Hùng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 160 tr. : minh họa ; 27 cm. - 150000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 155 s618271

1369. Giáo trình Thực hành Bào chế : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Dược / B.s.: Nghiêm Thị Minh (ch.b.), Ma Thị Hồng Nga, Nguyễn Thị Lan Anh... - H. : Y học, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 27 cm. - 228000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 83 s619635

1370. Giáo trình Thực hành bào chế và sinh dược học : Dành cho đào tạo Dược sĩ đại học / B.s.: Nguyễn Thị Phương Thảo (ch.b.), Nguyễn Yên Hà, Đào Thị Thanh Thảo, Nguyễn Xuân Tú. - H. : Y học, 2025. - 45 tr. : bảng ; 27 cm. - 45000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 43.- Phụ lục: tr. 44-45 s619522

1371. Giáo trình Thực hành dược liệu : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Dược / B.s.: Nguyễn Thị Hoa Hiên (ch.b.), Ma Thị Hồng Nga, Lương Lê Uyên Trang, Nguyễn Văn Hưng. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 71 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 360000đ. - 72b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục: tr. 65-70. - Thư mục: tr. 71 s619574

1372. Giáo trình Thực hành dược lý : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Dược / B.s.: Vũ Thị Phương Thảo, Phạm Thị Hương Lý (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Chi... - H. : Y học, 2025. - 117 tr. : bảng ; 27 cm. - 288000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục: tr. 107-115. - Thư mục: tr. 116 s619514

1373. Giáo trình Thực hành hóa dược : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Dược / B.s.: Nghiêm Thị Minh (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Lan Anh... - H. : Y học, 2025. - 79 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 223000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 79 s619641

1374. Giáo trình Thực hành kiểm nghiệm : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Dược / B.s.: Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Lan Anh (ch.b.), Nghiêm Thị Minh... - H. : Y học, 2025. - 155 tr. : bảng ; 27 cm. - 372000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 112. - Phụ lục: tr. 113-154 s619539

1375. Giáo trình Thực hành mô học : Giáo trình đào tạo bác sĩ / B.s.: Trịnh Bình, Quách Thị Yến (ch.b.), Phạm Thị Thúy An... - H. : Y học, 2025. - 91 tr. : ảnh ; 27 cm. - 220000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Bộ môn Mô học - Phôi thai học. - Thư mục: tr. 91 s619625

1376. Giáo trình Thực hành nghệ thuật phun xăm thẩm mỹ cơ bản : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Nguyễn Thị Hương (ch.b.), Nguyễn Thanh Huyền, Trần Thúy Liễu... - H. : Y học, 2025. - 95 tr. : bảng ; 27 cm. - 466000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội s619662

1377. Giáo trình Thực hành Nghệ thuật phun xăm thẩm mỹ nâng cao : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Nguyễn Thanh Huyền (ch.b.), Trần Thúy Liễu, Nguyễn Thị Hương, Lê Thị Thu Hà. - H. : Y học, 2025. - 95 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 466000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 95 s619544

1378. Giáo trình Thực hành sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sỹ đa khoa / B.s.: Nguyễn Hồng Phúc (ch.b.), Bùi Thị Thu Hằng, Hà Thị Nguyệt Minh... - H. : Y học, 2025. - 115 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 545000đ. - 50b

ĐTTS ghi: UBND thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục: tr. 104-113. - Thư mục: tr. 115 s619557

1379. Giáo trình Thực hành thực vật dược : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Dược / B.s.: Lương Lê Uyên Trang (ch.b.), Nguyễn Thị Hoa Hiên, Phạm Thị Hương Lý... - H. : Y học, 2025. - 55 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 175000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 41. - Phụ lục: tr. 43-54 s619698

1380. Giáo trình Thực tập vi sinh y học : Giáo trình dành cho đào tạo đại học / B.s.: Lê Hữu Chiến, Bùi Thị Hồng Thanh (ch.b.), Nguyễn Thu Hường.... - H. : Y học, 2025. - 127 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 90000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Bộ môn Vi sinh. - Thư mục: tr. 127 s619535

1381. Giáo trình Tổ chức, quản lý khoa Chẩn đoán hình ảnh và bảo quản máy : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học / B.s.: Cao Văn Chính (ch.b.), Nguyễn Như Ước, Lê Thị Thanh Minh, Nguyễn Văn Bắc. - H. : Y học, 2025. - 115 tr. : minh họa ; 27 cm. - 535000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 115 s619515

1382. Gifford, Clive. Não bộ biết tuốt / Clive Gifford ; Minh họa: Anne Wilson ; Nguyễn Văn Hà dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Ươm mầm Khoa học). - 68000đ. - 2300b s618538

1383. Gương điển hình tiên tiến Ngành Y tế giai đoạn 2020 - 2025 / B.s.: Đào Hồng Lan (ch.b.), Đỗ Xuân Tuyên, Nguyễn Hồng Sơn... - H. : Y học, 2025. - 382 tr. : ảnh ; 28 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Bộ Y tế s619689

1384. Hà Minh. Cẩm nang tuổi dậy thì dành cho bạn gái / Hà Minh b.s. - In lần 10. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 287 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 100000đ. - 4000b s617798

1385. Hà Minh. Cẩm nang tuổi dậy thì dành cho bạn trai / Hà Minh b.s. - Tái bản lần 5. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 267 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 4000b s617799

1386. Hà Thị Nguyệt Minh. Giáo trình Lý thuyết bệnh học : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học / B.s.: Hà Thị Nguyệt Minh (ch.b.), Phạm Thị Kim Hoàn, Nguyễn Thị Hà Giang. - H. : Y học, 2025. - 163 tr. : minh họa ; 27 cm. - 658000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 161. - Phụ lục: tr. 162-163 s619664

1387. Hà Thị Nguyệt Minh. Giáo trình Lý thuyết và thực hành huyết học 2 : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học / B.s.: Hà Thị Nguyệt Minh (ch.b.), Nguyễn Thị Hà Giang. - H. : Y học, 2025. - 158 tr. : minh họa ; 27 cm. - 644000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 157 s619656

1388. Hào châm từ thủ pháp đến lâm sàng ứng dụng / B.s.: Phan Thị Kim Chi, Lý Thiết, Phan Hồng Ngọc (ch.b.)... - Xuất bản lần thứ 2 có sửa chữa. - H. : Y học, 2025. - 259 tr. : minh họa ; 24 cm. - 390000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 244-259 s618691

1389. Harry Yang. Khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và học máy trong phát triển thuốc / Harry Yang ch.b. ; Hoài Sơn dịch ; Lê Văn Truyền h.đ. - H. : Thế giới, 2025. - 481 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 399000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Data science, AI, and machine learning in drug development ist edition. - Thư mục cuối mỗi bài s618961

1390. Hideki Wada. Những thói quen ngăn ngừa lão hóa não bộ từ tuổi 40 : Bí mật tuổi 40 / Hideki Wada ; Võ Huy Cường dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 160 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 79000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Nhật: 歳から始める「脳の老化」を防ぐ習慣 s618612

1391. Hình ảnh học nội mạch trong can thiệp mạch vành qua da / Nguyễn Hữu Đức, Võ Thành Nhân, Đặng Duy Phương... ; Ch.b.: Nguyễn Văn Tân... - H. : Y học, 2025. - 718 tr. : minh họa ; 27 cm. - 850000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Lão khoa. - Thư mục cuối mỗi bài s619699

1392. Hiromi Shinya. Nhân tố enzyme / Hiromi Shinya ; Như Nữ dịch. - In lần 19. - H. : Thế giới. - 26 cm. - 99000đ. - 2000b

T.4: Minh họa. - 2025. - 97 tr. : tranh vẽ s619021

1393. Hoá sinh : Sách đào tạo bác sĩ y khoa / B.s.: Tạ Thành Văn, Đặng Thị Ngọc Dung (ch.b.), Trần Huy Thịnh... - In lần thứ 5 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 451 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 260000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. - Thư mục: tr. 451 s619686

1394. Hoàng Phủ Mật. Châm cứu giáp ất kinh : = 針灸甲乙經 / Hoàng Phủ Mật ; Dịch: Lê Quý Ngưu, Lương Tú Vân. - H. : Hồng Đức. - 19 cm. - 185000đ. - 1000b

Chính văn bằng 2 thứ tiếng: Việt - Trung

T.1 (Thượng = 上). - 2025. - 638 tr. s619393

1395. Hoàng Thị Kim Phụng. Câu chuyện của một người trở về / Hoàng Thị Kim Phụng, Nguyễn Thanh Hóa. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 253 tr. : ảnh ; 21 cm. - 310b

ĐTTS ghi: Bảo tàng Di sản các nhà khoa học Việt Nam s618751

1396. Hoàng Thị Nguyệt Phương. Giáo trình Lý thuyết quản lý tồn trữ thuốc : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Dược / B.s.: Hoàng Thị Nguyệt Phương (ch.b.), Phan Thị Thanh Tâm, Nguyễn Thị Lượng. - H. : Y học, 2025. - 71 tr. : bảng ; 27 cm. - 340000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 71 s619659

1397. Hồng Mậu. Con người biết nói dối nhưng vật chứng thì không / Hồng Mậu ; CTR Diệu Hòa dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 381 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Người Trẻ Việt). - 189000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 痕迹检验师 s618970

1398. Hứa Hoàng Oanh. Thực vật dược : Sách đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền / B.s.: Hứa Hoàng Oanh (ch.b.), Trần Thị Thúy Quỳnh, Nguyễn Thành Triết. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Y học, 2025. - 149 tr. : minh họa ; 27 cm. - 140000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Y học cổ truyền. - Thư mục cuối mỗi bài s619645

1399. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính : Bản cập nhật năm 2025 / B.s.: Ngô Quý Châu, Vũ Văn Giáp (ch.b.), Dương Quý Sỹ... - H. : Y học, 2025. - 143 tr. : minh họa ; 27 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Hội Hô hấp Việt Nam. - Phụ lục: tr. 78-139. - Thư mục: tr. 140-143 s619571

1400. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh trĩ = Guidelines on hemorrhoid management / B.s.: Lê Mạnh Cường, Hà Văn Quyết, Nguyễn Đức Chính... - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 35 tr. : bảng, sơ đồ ; 25 cm. - 180000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Hội Hậu môn trực tràng Việt Nam. - Thư mục: tr. 33-35 s618692

1401. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh da liễu : Ban hành kèm theo Quyết định số 75/QĐ-BYT ngày 13/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế / B.s.: Nguyễn Thị Xuyên, Trần Hậu Khang, Lương Ngọc Khuê (ch.b.)... - Xuất bản lần thứ 6. - H. : Y học, 2025. - 335 tr. : bảng ; 27 cm. - 175000đ. - 1200b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. - Thư mục: tr. 324-335 s618162

1402. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa : Ban hành kèm theo Quyết định số 315/QĐ-BYT ngày 29/01/2015 / B.s.: Nguyễn Việt Tiến (ch.b.), Vũ Bá Quyết, Nguyễn Đức Hình... - Xuất bản lần thứ 3. - H. : Y học, 2025. - 251 tr. : minh họa ; 27 cm. - 140000đ. - 1200b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. - Thư mục: tr. 246-251 s619521

1403. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh về thận - tiết niệu : Ban hành kèm theo Quyết định số 3931/QĐ-BYT ngày 21/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế / B.s.: Nguyễn Thị Xuyên, Nguyễn Quốc Anh, Đinh Thị Kim Dung (ch.b.)... - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa. - H. : Y học, 2025. - 167 tr. : bảng ; 27 cm. - 110000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. - Thư mục cuối mỗi bài s619547

1404. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị viêm phổi mắc phải cộng đồng ở người lớn : Bản cập nhật năm 2025 / B.s.: Ngô Quý Châu, Vũ Văn Giáp (ch.b.), Chu Thị Hạnh... - H. : Y học, 2025. - 95 tr. : bảng, sơ đồ ; 30 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Hội Hô hấp Việt Nam. - Thư mục: tr. 69-76. - Phụ lục: tr. 77-95 s619695

1405. Hướng dẫn dinh dưỡng trong điều trị bệnh nhân ung thư / B.s.: Bùi Diệu, Lưu Ngân Tâm (ch.b.), Phan Thị Hồng Đức... ; H.đ.: Bùi Diệu... - H. : Y học, 2025. - 82 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 900b

ĐTTS ghi: Hội Ung thư Việt Nam. Hội Nuôi dưỡng đường tĩnh mạch và đường tiêu hóa Việt Nam. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 73-82 s618699

1406. Khúc Lê Mẫn. Đạo của sinh mệnh và đời người / Khúc Lê Mẫn ; Lê Tiến Thành dịch. - H. : Hồng Đức. - 24 cm. - 218000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 生命沉思录2:人体文化解读

T.2: Giải mã cơ thể theo triết lý Đông y và Tây y. - 2025. - 327 tr. s618774

1407. Khuyến cáo chẩn đoán và điều trị nhiễm nấm xâm lấn : Bản cập nhật năm 2025 / Ngô Quý Châu, Nguyễn Gia Bình (ch.b.), Chu Thị Hạnh... - H. : Y học, 2025. - 291 tr. : hình ảnh ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Hội Hô hấp Việt Nam; Hội Hồi sức cấp cứu và chống độc Việt Nam s618676

1408. Khuyến cáo thực hành lọc màng bụng / B.s.: Võ Tam, Hà Phan Hải An (ch.b.), Nguyễn Bách... - H. : Y học, 2025. - 273 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1200b

ĐTTS ghi: Hội Tiết niệu - Thận học Việt Nam. - Thư mục: tr. 262-273 s619694

1409. Kranowitz, Carol Stock. Đứa trẻ khác biệt trưởng thành : Đối phó rối loạn xử lý cảm giác ở thanh thiếu niên và thanh niên trẻ / Carol Stock Kranowitz ; Trần Thị Việt Hà dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 290 tr. : bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 500b

Tên sách tiếng Anh: The out-of-sync child s618972

1410. Kurzweil, Ray. Điểm kỳ dị đã cận kề = The singularity is nearer : Khi con người hợp nhất với AI / Ray Kurzweil ; Dịch: Sơn Phạm, Vũ Hoàng Linh ; Đào Trung Thành h.d. - H. : Thế giới, 2025. - 75 tr. : hình vẽ, sơ đồ ; 24 cm. - 245000đ. - 2000b s618962

1411. Kỹ năng giao tiếp y khoa : Giáo trình giảng dạy đại học / B.s.: Nguyễn Sĩ Bảo (ch.b.), Nguyễn Hồ Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Thu Sương... - H. : Y học, 2025. - 164 tr. : minh họa ; 27 cm. - 162000đ. - 1250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Khoa Y. Bộ môn Kỹ năng y khoa s619617

1412. Kỹ năng thăm khám hệ ngoại : Giáo trình giảng dạy đại học / B.s.: Nguyễn Sĩ Bảo (ch.b.), Quang Thủy Tiên, Trần Văn Minh Tuấn... - H. : Y học, 2025. - vi, 296 tr. : minh họa ; 27 cm. - 290000đ. - 1250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Khoa Y. Bộ môn Kỹ năng y khoa s619615

1413. Kỹ năng thăm khám hệ nội : Giáo trình giảng dạy đại học / B.s.: Nguyễn Sĩ Bảo (ch.b.), Viên Vinh Phú, Quan Thủy Tiên... - H. : Y học, 2025. - 224 tr. : minh họa ; 27 cm. - 225000đ. - 1250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Khoa Y. Bộ môn Kỹ năng y khoa s619618

1414. Ký sinh trùng y học : Giáo trình đào tạo đại học ngành Cử nhân Dinh dưỡng và Y tế công cộng / Phạm Văn Thân, Nguyễn Thu Hương (ch.b.), Lê Trần Anh... - H. : Y học, 2025. - 251 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 333200đ. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y tế Công cộng. Bộ môn Ký sinh trùng s619584

1415. Lê Đình Chi. Một số kỹ thuật xử lý mẫu trong phân tích : Sách đào tạo sau đại học / B.s.: Lê Đình Chi (ch.b.), Trần Nguyên Hà, Tống Thị Thanh Vượng. - H. : Y học, 2025. - 175 tr. : minh họa ; 27 cm. - 90000đ. - 600b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Dược Hà Nội. Khoa Hóa phân tích và Kiểm nghiệm thuốc. - Thư mục: tr. 175 s619530

1416. Lê Minh Giang. Dịch tễ học và dự phòng HIV trong tình dục đồng giới nam : Sách chuyên khảo / Lê Minh Giang. - H. : Y học, 2025. - 199 tr. : minh họa ; 24 cm. - 350000đ. - 200b

Thư mục cuối mỗi chương s618688

1417. Lê Thị Hà. Giáo trình Máy điện não / Lê Thị Hà (ch.b.), Nguyễn Thị Bình. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 236 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 200000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 229 s618277
1418. Lê Thị Thúy. Giáo trình Hóa sinh : Dành cho sinh viên đại học ngành Điều dưỡng / B.s.: Lê Thị Thúy (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Yến. - H. : Y học, 2025. - 203 tr. : minh họa ; 27 cm. - 125000đ. - 500b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng. - Thư mục: tr. 202 s619648
1419. Lê Thị Thúy. Giáo trình Hóa sinh : Sách đào tạo chuyên khoa cấp I ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học / Lê Thị Thúy ch.b. - H. : Y học, 2025. - 183 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng. - Thư mục: tr. 182 s619591
1420. Lê Tùng Lâm. Giáo trình Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Lê Tùng Lâm, Phạm Thúy Quỳnh. - H. : Y học, 2025. - 93 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 500000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục: tr. 7-91. - Thư mục: tr. 93 s619666
1421. Lê Văn Quảng. Phẫu thuật nội soi tuyến giáp qua đường miệng : Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học / Ch.b.: Lê Văn Quảng, Nguyễn Xuân Hậu. - H. : Y học, 2025. - 239 tr. : minh họa ; 27 cm. - 500000đ. - 500b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Ung thư. - Thư mục: tr. 213-239 s619675
1422. Lê Thị Minh Huệ. Sổ tay "130 câu hỏi và đáp về bệnh lao" / B.s.: Lê Thị Minh Huệ, Lê Phan Hải Sơn. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 63 tr. ; 19 cm. - 2000b s620389
1423. Lý thuyết và thực hành Niệu động lực học / B.s.: Nguyễn Văn Ân (ch.b.), Đoàn Vương Kiệt, Phạm Huy Vũ, Lê Trương Tuấn Đạt. - H. : Y học, 2025. - 277 tr. : minh họa ; 24 cm. - 350000đ. - 350b
Thư mục cuối mỗi chương s618678
1424. Mã Thị Hồng Liên. Giáo trình Thực hành phá thai an toàn và toàn diện : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Mã Thị Hồng Liên (ch.b.), Phạm Thị Kim Hoàn, Trần Thị Mai Huyền. - H. : Y học, 2025. - 87 tr. : bảng ; 27 cm. - 435000đ. - 50b
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội s619654
1425. Mai Trọng Hưng. Chẩn đoán & điều trị các bệnh lý phụ khoa / B.s.: Mai Trọng Hưng (ch.b.), Lê Thị Anh Đào. - H. : Y học, 2025. - 210 tr. : minh họa ; 24 cm. - 390000đ. - 200b
Thư mục cuối mỗi bài s618682
1426. Masaru Emoto. Thông điệp của nước / Masaru Emoto ; Thanh Huyền dịch. - In lần 25. - H. : Công Thương, 2025. - 146 tr., 64 tr. ảnh ; 19 cm. - 109000đ. - 1500b s618812
1427. Masato Takeuchi. Lần đầu làm mẹ : Tổng hợp những kiến thức mới nhất về mang thai và sinh nở / Masato Takeuchi ; La Minh Nhật dịch. - In lần 19. - H. : Lao động, 2025. - 340 tr. : minh họa ; 23 cm. - 299000đ. - 2000b s618867
1428. Minh Nguyễn. Bé khỏe mẹ chill : Vững tâm xử trí các vấn đề sức khỏe của trẻ (0 - 6 tuổi) / Minh Nguyễn. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 114 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b
Sổ tay bác sĩ s617802

1429. Nehls, Micharel. Đẻ tuổi già không lú lẫn : Cẩm nang khoa học phòng ngừa, điều trị hiệu quả Alzheimer và các chứng sa sút trí tuệ / Micharel Nehls ; Đặng Kim Hoa dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 397 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 245000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Alzheimer ist heilbar s618960

1430. Ngọc Chi. Mẹ bầu thông thái hiểu rõ đúng sai : Giải đáp 60 ngộ nhận phổ biến khi mang thai / Ngọc Chi, Hạnh Trang. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 338 tr. : minh họa ; 21 cm. - 170000đ. - 1500b

Thư mục cuối chính văn s617778

1431. Nguyễn Hoàng Long. Tư duy phản biện và biện luận lâm sàng : Giáo trình đào tạo sau đại học / B.s.: Nguyễn Hoàng Long (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Chính. - H. : Y học, 2025. - 167 tr. : bảng ; 24 cm. - 175000đ. - 400b

ĐTTS ghi: Trường Đại học VinUni. Viện Khoa học Sức khỏe. - Thư mục: tr. 164-165 s618681

1432. Nguyễn Hữu Tư. Giáo trình Máy siêu âm màu 4D / Nguyễn Hữu Tư (ch.b.), Nguyễn Ngọc An. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 152 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 147 s618274

1433. Nguyễn Phương Hoa. Hãy nói rằng con cần mẹ : Cẩm nang đồng hành với người thân bị trầm cảm / Nguyễn Phương Hoa. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 411 tr. ; 21 cm. - 225000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 357-359. - Thư mục: tr. 360-411 s617796

1434. Nguyễn Thanh Phong. Giáo trình Đại cương hộ sinh : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Nguyễn Thanh Phong (ch.b.), Mã Thị Hồng Liên, Trần Mai Huyền. - H. : Y học, 2025. - 142 tr. : bảng ; 27 cm. - 607000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 142 s619586

1435. Nguyễn Thanh Phong. Giáo trình Lý thuyết chăm sóc sau đẻ : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Nguyễn Thanh Phong (ch.b.), Trần Thị Mai Huyền, Mã Thị Hồng Liên. - H. : Y học, 2025. - 99 tr. : minh họa ; 27 cm. - 435000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 97-98 s619667

1436. Nguyễn Thành Chung. Bố mẹ là thần y của tở : Thương con trọn vẹn - thấu hiểu khi con ốm bằng tri thức y khoa giản dị và gần gũi nhất / Nguyễn Thành Chung. - H : Thế giới, 2025. - 154 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 119000đ. - 1000b s618765

1437. Nguyễn Thị Bình. Giáo trình Máy theo dõi sản khoa / B.s.: Nguyễn Thị Bình (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Thảo, Trần Ngọc Dũng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 136 tr. : minh họa ; 27 cm. - 160000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 131 s618276

1438. Nguyễn Thị Hà Giang. Giáo trình Hoá sinh 1 : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sỹ đa khoa / B.s.: Nguyễn Thị Hà Giang, Hà Thị Nguyệt Minh. - H. : Y học, 2025. - 138 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 340000đ. - 100b

ĐTTS ghi: UBND thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 134. - Phụ lục: tr. 136-137 s619560

1439. Nguyễn Thị Hương. Giáo trình Lý thuyết nối mi thẩm mỹ : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc làm đẹp / B.s.: Nguyễn Thị Hương (ch.b.), Trần Thúy Liễu, Lê Thị Thu Hà. - H. : Y học, 2025. - 59 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 347000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục: tr. 58. - Thư mục: tr. 59 s619642

1440. Nguyễn Thị Hương. Giáo trình Thực hành nối mi thẩm mỹ : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc làm đẹp / B.s.: Nguyễn Thị Hương (ch.b.), Trần Thúy Liễu, Lê Thị Thu Hà. - H. : Y học, 2025. - 151 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 622000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục: tr. 151 s619676

1441. Nguyễn Thị Kim Liên. Sổ tay hướng dẫn Tập phục hồi bàn chân bẹt và vẹo cột sống ở trẻ : Những điều cha mẹ cần biết / Nguyễn Thị Kim Liên. - H. : Y học, 2025. - 58 tr. : hình vẽ, ảnh ; 20 cm. - 98000đ. - 2000b s618572

1442. Nguyễn Thị Kim Oanh. Thực hành bào chế : Sách dùng cho đào tạo Dược sĩ đại học / Ch.b.: Nguyễn Thị Kim Oanh, Bùi Thị Bình. - H. : Y học, 2025. - 123 tr. : bảng, sơ đồ ; 27 cm. - 90000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Khoa Dược - Bộ môn Bào chế - Công nghiệp Dược. - Thư mục: tr. 123 s619611

1443. Nguyễn Thị Minh Kiều. Chế độ ăn phòng ngừa và điều trị bệnh đái tháo đường / Nguyễn Thị Minh Kiều. - H. : Hồng Đức, 2025. - 215 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - (Tủ sách Ăn phòng ngừa và điều trị bệnh mãn tính). - 65000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 211 s619351

1444. Nguyễn Thị Như Hoa. Chẩn đoán và điều trị các bệnh cơ xương khớp / B.s.: Nguyễn Thị Như Hoa, Nguyễn Thị Ngọc Lan. - H. : Y học, 2025. - 438 tr. : minh họa ; 24 cm. - 295000đ. - 600b

Thư mục: tr. 435-438 s618684

1445. Nguyễn Thị Như Hoa. Sổ tay Chẩn đoán và điều trị một số bệnh cơ xương khớp thường gặp : Dành cho cán bộ y tế tuyến cơ sở / B.s.: Nguyễn Thị Như Hoa (ch.b.), Hoàng Thị Phương Thảo, Hà Thị Kim Khuyên. - H. : Y học, 2025. - 210 tr. : bảng ; 21 cm. - 110000đ. - 600b

Thư mục: tr. 205-210 s618580

1446. Nguyễn Thu Hương. Khỏe đẹp từ gốc : Bí mật giảm cân và làm chậm quá trình lão hóa thuận tự nhiên. 99 ngày gặp lại thanh xuân / Nguyễn Thu Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Tri thức, 2025. - 374 tr. : minh họa + 1 phụ bản ; 21 cm. - 499000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 340-371 s618508

1447. Nguyễn Tiến Dũng. Giáo trình Tim mạch học : Dành cho cao học, bác sĩ nội trú, chuyên khoa I chuyên ngành Nội khoa / B.s.: Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Trọng Hiếu, Đặng Đức Minh. - H. : Y học. - 27 cm. - 190000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Thái Nguyên. Trường Đại học Y - Dược

T.1. - 2025. - 351 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 332-333. - Phụ lục: tr. 334-351 s619590

1448. Nguyễn Văn Bắc. Giáo trình Kỹ thuật chụp X-quang : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hình ảnh y học / B.s.: Nguyễn Văn Bắc (ch.b.), Lê Thị Thanh Minh, Cao Văn Chính. - H. : Y học, 2025. - 279 tr. : minh họa ; 27 cm. - 959000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 278 s619542

1449. Nguyễn Văn Chiề. Sổ tay tuyến giáp: Ăn gì? Kiêng gì? / Nguyễn Văn Chiề. - H. : Hồng Đức, 2025. - 71 tr. : ảnh ; 21 cm. - 119000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 71 s619394

1450. Nguyễn Văn Lâm. Giải phẫu và ứng dụng vật trong tạo hình thẩm mỹ : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Lâm ch.b. - H. : Y học, 2025. - 341 tr. : minh họa ; 27 cm. - 459000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phẫu thuật tạo hình và Thẩm mỹ.
- Thư mục: tr. 338-341 s619524

1451. Nguyễn Văn Phùng. Chăm sóc và dinh dưỡng sau phẫu thuật thẩm mỹ / Nguyễn Văn Phùng. - H. : Y học, 2025. - 215 tr. : minh họa ; 24 cm. - 325000đ. - 200b

Phụ lục: tr. 203-212. - Thư mục: tr. 213-215 s618693

1452. Nguyễn Văn Tuấn. Giáo trình Kỹ thuật xét nghiệm ký sinh trùng (phần đơn bào và giun) : Đào tạo hệ cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học / B.s.: Nguyễn Văn Tuấn (ch.b.), Trần Huy Thọ. - H. : Y học, 2025. - 167 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Phenikaa. - Thư mục: tr. 167 s618686

1453. Nguyễn Văn Tuấn. Giác mơ Kangaroo : Hài hước / Nguyễn Văn Tuấn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 417 tr. : ảnh ; 24 cm. - 259000đ. - 1000b s618901

1454. Nhật Dương Pyky. Chinh phục sức khỏe người sắt : Lộ trình giúp bạn đạt được sức khỏe toàn diện thông qua thể thao sức bền / Nhật Dương Pyky. - H. : Tri thức, 2025. - 258 tr. : minh họa ; 21 cm. - 299000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Hoàng Phan Nhật Dương. - Phụ lục: tr. 234-257. - Thư mục: tr. 258 s618522

1455. Nội soi can thiệp bệnh lý đường tiêu hoá / B.s.: Georg Kähler, Martin Götz, Norbert Senninger (ch.b.)... ; Nguyễn Công Long biên dịch. - Ấn bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 254 tr. : hình vẽ, ảnh ; 28 cm. - 680000đ. - 1000b

Thư mục cuối mỗi bài s619688

1456. Phạm Anh Vũ Thụy. Giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học: Điều trị học nha chu / B.s.: Phạm Anh Vũ Thụy (ch.b.), Hồng Lê Ngọc Cẩm, Trần Thị Phương Thảo. - H. : Y học. - 27 cm. - 450000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Khoa Răng Hàm Mặt

T.2. - 2025. - 353 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 345-353 s619673

1457. Phạm Diệp Thùy Dương. Cùng bác sĩ nuôi con bằng sữa mẹ : Khoa học - Hiệu quả - An nhàn : Giọt vàng gắn kết yêu thương / Phạm Diệp Thùy Dương. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 246 tr. : minh họa ; 23 cm. - 195000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 240-246 s617837

1458. Phạm Thị Kim Hoàn. Giáo trình thực hành Chăm sóc chuyển dạ khó đẻ : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / B.s.: Phạm Thị Kim Hoàn (ch.b.), Mã Thị Hồng Liên, Trần Thị Mai Huyền. - H. : Y học, 2025. - 87 tr. : minh họa ; 27 cm. - 435000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 86 s619541

1459. Phạm Thị Ngọc Nga. Sinh học trong y học / Phạm Thị Ngọc Nga ch.b. - Tp. Hồ Chí Minh : Y học, 2025. - 183 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. - Thư mục: tr. 179-182 s618685

1460. Phan Thị Thanh Tâm. Giáo trình Marketing dược : Tài liệu dùng cho sinh viên ngành Cao đẳng Dược / B.s.: Phan Thị Thanh Tâm (ch.b.), Nguyễn Thị Lượng, Hoàng Thị Nguyệt Phương. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 89 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 380000đ. - 700b

ĐTTS ghi: UBND thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 89 s619576

1461. Phẫu thuật chỉnh hình nhi : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Võ Quang Đình Nam, Nguyễn Thành Tấn (ch.b.), Phan Đức Minh Mẫn... - H. : Y học, 2025. - 184 tr. : minh họa ; 27 cm. - 300000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Chấn thương chỉnh hình. - Thư mục cuối mỗi bài s619630

1462. Phẫu thuật nội soi ung thư thực quản : Sách chuyên khảo / B.s.: Phạm Văn Bình (ch.b.), Lê Văn Thành, Thái Đức An... - H. : Y học, 2025. - 295 tr. : minh họa ; 24 cm. - 399000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi chương s618694

1463. Phẫu thuật tạo hình và vi phẫu : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Trần Văn Dương, Nguyễn Thành Tấn (ch.b.), Ngô Quốc Hưng... - H. : Y học, 2025. - 215 tr. : minh họa ; 27 cm. - 300000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Chấn thương chỉnh hình. - Thư mục cuối mỗi bài s619629

1464. Phương pháp nghiên cứu khoa học / Nguyễn Hoàng Long (ch.b.), Nguyễn Thị Hoa Huyền, Hoàng Bảo Long... - H. : Y học, 2025. - 299 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - 350000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Vinuni. Viện Khoa học Sức khỏe. - Thư mục: tr. 295-298 s619599

1465. Phương thuốc cổ phương ứng dụng lâm sàng : Dành cho Bác sĩ đại học và sau đại học Y học cổ truyền, Dược sĩ đại học và sau đại học Dược liệu - Dược cổ truyền : Sách tham khảo / B.s.: Trần Thị Thu Vân (ch.b.), Trần Thị Thu Hiền, Nguyễn Tiến Chung... - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học. - 27 cm. - 220000đ. - 350b

ĐTTS ghi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Khoa Y học Lâm sàng. Bộ môn Phương tễ

T.1. - 2025. - 211 tr. : bảng. - Phụ lục: tr. 183-211 s619546

1466. Piven, Joshua. Cẩm nang sinh tồn = The worst-case scenario survival handbook / Joshua Piven, David Borgenicht ; Lê Vũ Tuệ Nương dịch. - H : Thế giới, 2025. - 326 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 169000đ. - 3200b s618771

1467. Quản Thị Ngát. Giáo trình Lý thuyết quản lý cơ sở chăm sóc sắc đẹp : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Quản Thị Ngát (ch.b.), Nguyễn Thị Hương, Lê Thị Thu Hà. - H. : Y học, 2025. - 162 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 373000đ. - 100b

ĐTTS ghi: UBND thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 159-160 s619587

1468. Sara, Greg. Chữa lành sau tổn thương : Để vượt qua sang chấn tâm lý, tìm lại sự bình yên và tự do nội tại : Tặng kèm sổ tay thực hành / Greg Sara ; Thanh Hằng dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 262 tr. ; 21 cm. - 165000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The guide to healing from past trauma: Real-world, personally tested strategies to heal your PTSD, calm your nervous system & regulate your emotions s618922

1469. Scott, Trudy. Dinh dưỡng cho người lo âu : Kiểm soát cân nặng một cách tự nhiên... / Trudy Scott ; Trần Văn Kha dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 358 tr. : bảng ; 19 cm. - (Tủ sách Sống xanh). - 189000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The antianxiety food solution : How the foods you eat help you calm your anxious mind, improve your mood, and cravings s620194

1470. Sinh lý bệnh và miễn dịch - Phần sinh lý bệnh học : Sách đào tạo bác sĩ đa khoa / B.s.: Văn Đình Hoa, Nguyễn Ngọc Lanh (ch.b.), Phan Thị Thu Anh... - Tái bản lần thứ 5 có sửa chữa. - H. : Y học, 2025. - 275 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 120000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch. - Thư mục: tr. 275 s619668

1471. Sinh lý học : Dành cho sinh viên khối ngành Khoa học sức khỏe / B.s.: Phạm Hoàng Khánh, Phạm Kiều Anh Thơ (ch.b.), Nguyễn Hồng Hà... - In lần thứ 6 có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 439 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 185000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Sinh lý học. - Thư mục: tr. 439 s619553

1472. Sinh lý học ứng dụng : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Trung Kiên, Trần Thái Thanh Tâm (ch.b.), Nguyễn Hồng Hà... - H. : Y học, 2025. - 183 tr. : minh họa ; 27 cm. - 135000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Sinh lý học. - Thư mục: tr. 181-183 s619633

1473. Snedaker, Susan T. Quản lý công nghệ thông tin trong y tế : Chiến lược, tầm nhìn và kỹ năng / Susan T. Snedaker ; Hoài Sơn dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 297 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Tủ sách Công nghệ trong y tế). - 300000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Leading healthcare IT. - Thư mục cuối mỗi chương s618132

1474. Sổ tay Chăm sóc sức khỏe : Dành cho người bệnh xơ cứng cột bên teo cơ (ALS) và gia đình / B.s.: Đào Thị Diệu Linh (ch.b.), Nguyễn Văn Anh, Trần Thị Thu Thủy... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 21 cm. - 100b s619494

1475. Sổ tay lâm sàng Đông Tây y kết hợp : Sách tham khảo / B.s.: Lê Minh Hoàng (ch.b.), Nguyễn Ngọc Chi Lan, Nguyễn Thị Hoài Trang... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Y học, 2025. - 167 tr. : minh họa ; 21 cm. - 79000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Khoa Y học cổ truyền. - Phụ lục: tr. 163-167 s618578

1476. Tạ Mạnh Cường. Đột quỵ não - Những điều thiết yếu trong thực hành lâm sàng / Tạ Mạnh Cường. - H. : Y tế, 2025. - 314 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 269000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 267-298. - Thư mục: tr. 299-305 s618677

1477. Tài liệu dạy - học Dinh dưỡng lâm sàng cơ bản / B.s.: Nguyễn Thùy Linh (ch.b.), Lê Mai Trà Mi, Dương Thị Phượng... - H. : Y học, 2025. - 439 tr. : minh họa ; 25 cm. - 420000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi bài s618700

1478. Tăng huyết áp - Cập nhật những vấn đề căn bản / B.s.: Nguyễn Thanh Xuân, Huỳnh Quang Thuận (ch.b.), Nguyễn Văn Luyến, Nguyễn Văn Thuận. - H. : Y học, 2025. - 98 tr. : minh họa ; 24 cm. - 90000đ. - 800b

Thư mục: tr. 94-97 s618690

1479. Thành Thị Bích Chi. Giáo trình Lý thuyết sức khỏe trẻ em : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sĩ đa khoa / B.s.: Thành Thị Bích Chi (ch.b.), Đặng Hương Giang, Quán Bích Diệp. - H. : Y học, 2025. - 208 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 445000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 206-207 s619575

1480. Thành Thị Bích Chi. Giáo trình Thực hành sức khỏe trẻ em : Tài liệu dành cho sinh viên : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sĩ đa khoa / B.s.: Thành Thị Bích Chi (ch.b.),

Đặng Hương Giang, Quán Bích Diệp. - H. : Y học, 2025. - 179 tr. : bảng ; 27 cm. - 718000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục: tr. 164-176. - Thư mục: tr. 177-178 s619600

1481. Thành Thị Bích Chi. Giáo trình Thực hành sức khỏe trẻ em : Sách dành cho giảng viên. Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sỹ đa khoa / B.s.: Thành Thị Bích Chi (ch.b.), Đặng Hương Giang, Quán Bích Diệp. - H. : Y học, 2025. - 203 tr. : minh họa ; 27 cm. - 775000đ. - 20b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Phụ lục: tr. 191-202. - Thư mục: tr. 203 s619619

1482. Thẩm mỹ vùng kín và các bệnh lý liên quan / B.s., h.đ.: Vũ Trọng Tiến (ch.b.), Mai Văn Viện, Vũ Quang Vinh... - H. : Y học, 2025. - 213 tr. : minh họa ; 27 cm. - 999000đ. - 200b
Thư mục: tr. 209-213 s619687

1483. Thẩm mỹ vùng kín và các bệnh lý liên quan / B.s.: Vũ Trọng Tiến (ch.b.), Mai Văn Viện, Vũ Quang Vinh... - H. : Y học, 2025. - 213 tr. : minh họa ; 27 cm. - 999000đ. - 200b
Thư mục: tr. 209-213 s619604

1484. Thủ thuật và phẫu thuật trong chuyên ngành Da liễu : Sách tham khảo / B.s.: Nguyễn Hoàng Bắc, Lê Thái Văn Thanh (ch.b.), Bùi Hồng Thiên Khanh... - H. : Y học, 2025. - 712 tr. : minh họa ; 27 cm. - 880000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s619684

1485. Thủ thuật y khoa cơ bản : Giáo trình giảng dạy đại học / B.s.: Nguyễn Sĩ Bảo (ch.b.), Trần Phương Nam, Đào Minh Nhật... - H. : Y học, 2025. - 212 tr. : minh họa ; 27 cm. - 190000đ. - 1010b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Khoa học sức khỏe. Khoa Y. Bộ môn Kỹ năng y khoa. - Thư mục cuối mỗi bài s619545

1486. Thủ thuật y khoa nâng cao : Giáo trình giảng dạy đại học / B.s.: Nguyễn Sĩ Bảo (ch.b.), Lý Minh Tùng, Nguyễn Ngọc Quỳnh Dung... - H. : Y học, 2025. - 213 tr. : minh họa ; 27 cm. - 225000đ. - 1250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Khoa Y. Bộ môn Kỹ năng y khoa s619616

1487. Thư viện hình ảnh đầu tiên cho bé - Cơ thể = My first picture encyclopedia - My body : Song ngữ : Cho bé từ 0 - 6 tuổi / B.s.: Hải Minh, Jenny ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 12 cm. - 29000đ. - 5000b s620017

1488. Thực hành Ayurveda : Yoga - Thiền định - Massage - Thực phẩm - Các phương pháp chữa trị tại nhà / Trung tâm Sivananda Yoga Vedanta. - H. : Thế giới, 2025. - 223 tr. : ảnh, hình vẽ ; 24 cm. - 385000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Practical Ayurveda: Find out who you are and what you need to bring balance to your life. - Phụ lục: tr. 215-220 s618979

1489. Thực hành Dược lý học : Giáo trình sử dụng cho dạy học chương trình Đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền và Bác sĩ Y học dự phòng / B.s.: Trần Thanh Tùng, Đậu Thùy Dung (ch.b.), Phạm Thị Vân Anh... - H. : Y học, 2025. - 101 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 129000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Dược lý. - Thư mục: tr. 101 s619528

1490. Thực hành ký sinh trùng y học : Dành cho sinh viên đại học / B.s.: Vũ Thị Bình Phương (ch.b.), Nguyễn Thị Nga, Hoàng Thị Út Trà, Trịnh Thị Thúy. - H. : Y học, 2025. - 183 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 97000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Bộ môn Ký sinh trùng. - Thư mục cuối mỗi chương s619593

1491. Thực hành lâm sàng Tâm thần học / B.s.: Bùi Quang Huy (ch.b.), Đỗ Xuân Tĩnh, Đinh Việt Hùng... - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 419 tr. ; 24 cm. - 225000đ. - 800b
Thư mục: tr. 418-419 s618683

1492. Tiếp cận lâm sàng ngoại khoa : Dành cho sinh viên ngành y khoa : Ấn bản tài liệu tham khảo / B.s.: Phạm Văn Thương (ch.b.), Nguyễn Ngọc Hùng, Trịnh Đình Thanh... - H. : Y học, 2025. - 571 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 600b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Bộ môn Ngoại và Phẫu thuật thực hành. - Thư mục: tr. 571 s619564

1493. Trách Quế Vinh. Thai giáo theo chuyên gia 280 ngày - Mỗi ngày đọc 1 trang / Trách Quế Vinh ; Hà Giang dịch. - Tái bản lần 23. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 255 tr. : minh họa ; 23 cm. - 115000đ. - 4000b

Tên sách tiếng Trung: 成功胎教一天一页. - Phụ lục: tr. 248-255 s617918

1494. Trần Bích Hà. Sức khỏe trong tay bạn / Trần Bích Hà. - In lần 16. - H. : Thế giới, 2025. - 230 tr. ; 24 cm. - 95000đ. - 1500b s619015

1495. Trần Bình Giang. Đồng thuận chuyên gia và lưu đồ về sàng lọc, đánh giá và can thiệp dinh dưỡng trong điều trị bệnh nhân ngoại khoa / Ch.b.: Trần Bình Giang, Lưu Ngân Tâm. - H. : Y học, 2025. - 8 tr. : sơ đồ ; 21 cm. - 3000b

ĐTTS ghi: Hội Ngoại khoa và Phẫu thuật nội soi Việt Nam (VASEL); Hội Nuôi dưỡng đường tĩnh mạch và đường tiêu hóa Việt Nam (VietSPEN). - Thư mục: tr. 6 s618675

1496. Trần Đỗ Hùng. Giáo trình Vi sinh y học : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Trần Đỗ Hùng, Nguyễn Thị Hải Yến (ch.b.), Nguyễn Thị Bé Hai. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ. - 27 cm. - 360000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Vi sinh

T.2. - 2025. - 239 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 236-239 s618202

1497. Trần Hữu Bình. Rối loạn tâm thần trong thực hành đa khoa : Sách tham khảo / Ch.b.: Trần Hữu Bình, Trần Nguyễn Ngọc. - H. : Y học, 2025. - 199 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200000đ. - 500b

Thư mục: tr. 184-193 s618702

1498. Trần Kiều Như. Thực hành kiểm soát trầm cảm - lo âu - stress / Trần Kiều Như ; Minh họa: Thanh Thảo... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 25 cm. - 139000đ. - 2000b s617930

1499. Trần Quý Thắng. Giáo dục giới tính - Bất mí bí mật - Tuổi dậy thì / Trần Quý Thắng b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 21 cm. - 50000đ. - 3000b s618519

1500. Trần Thanh Tâm. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe tâm thần : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Hộ sinh / Trần Thanh Tâm ch.b. - H. : Y học, 2025. - 91 tr. : bảng ; 27 cm. - 464000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 91 s619512

1501. Trần Thanh Tâm. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe tâm thần : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / Trần Thanh Tâm ch.b. - H. : Y học, 2025. - 71 tr. ; 27 cm. - 212000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 71 s619558

1502. Trần Thúy Liễu. Giáo trình Giải phẫu sinh lý : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Trần Thúy Liễu (ch.b.), Hoàng Anh Lâm, Nguyễn Thị Hồng Nhung. - H. : Y học, 2025. - 81 tr. : minh họa ; 27 cm. - 395000đ. - 58b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 81 s619601

1503. Trần Văn Phú. Hồi sức cấp cứu : Sách dành cho bác sỹ và sinh viên y khoa / Trần Văn Phú. - H. : Y học, 2025. - 431 tr. : bảng ; 27 cm. - 680000đ. - 500b

Thư mục: tr. 430-431 s619552

1504. Trần Văn Phú. Phương pháp hướng dẫn và đánh giá kỹ năng lâm sàng : Sách chuyên sâu dành cho bác sỹ và sinh viên y khoa / Trần Văn Phú. - H. : Y học, 2025. - 315 tr. : bảng ; 27 cm. - 680000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 262-312. - Thư mục: tr. 313-315 s619622

1505. Trịnh Diên Tuệ. 10 vạn câu hỏi vì sao - Sức khỏe và thói quen tốt : Dành cho thiếu nhi / Trịnh Diên Tuệ ; Tuệ Văn dịch. - Tái bản lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 128 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 60000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 幼儿十万个为什么 s617915

1506. Tư vấn kiến thức chăm sóc sức khỏe trước kết hôn. - H. : Công Thương, 2025. - 80 tr. : minh họa ; 15 cm. - 13783b

Đầu bìa sách ghi: Sở Y tế Hà Nội. Chi cục Dân số, Trẻ em và Phòng, chống tệ nạn xã hội s620255

1507. Ung thư dạ dày: Bệnh sinh, chẩn đoán, điều trị / B.s.: Trần Thiện Trung, Trần Anh Minh, Trần Trung Nam, Nguyễn Võ Vĩnh Lộc. - Xuất bản lần thứ 2, có bổ sung, cập nhật. - H. : Y học, 2025. - xxii, 345 tr. : minh họa ; 24 cm. - 520000đ. - 1000b

Thư mục cuối mỗi chương s618695

1508. Văn Công Khanh. Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược : Tài liệu dùng đào tạo học viên sau đại học / B.s.: Văn Công Khanh (ch.b.), Trần Bá Kiên, Ngô Nguyễn Quỳnh Anh. - H. : Y học, 2025. - 263 tr. : bảng ; 27 cm. - 175000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghệ miền Đông. Viện Sau đại học và Đào tạo ngắn hạn. - Thư mục: tr. 262-263 s619643

1509. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Lý thuyết vận động trị liệu : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng / B.s.: Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Nguyễn Thị Hương Lan, Đỗ Mạnh Hùng. - H. : Y học, 2025. - 115 tr. : ảnh ; 27 cm. - 430000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 113 s619651

1510. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Phục hồi chức năng : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Điều dưỡng / B.s.: Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Đỗ Mạnh Hùng. - H. : Y học, 2025. - 66 tr. : minh họa ; 27 cm. - 198000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 65 s619516

1511. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Thực hành Vận động điều trị : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng / B.s.: Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Nguyễn Thị Hương Lan, Đỗ Mạnh Hùng. - H. : Y học, 2025. - 195 tr. : minh họa ; 27 cm. - 740000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 195 s619639

1512. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Y học cổ truyền : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Y sĩ đa khoa / B.s.: Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Nguyễn Thị Hương Lan. - H. : Y học, 2025. - 143 tr. : minh họa ; 27 cm. - 607000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 142. - Phụ lục: tr. 143 s619602

1513. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Y học cổ truyền với chăm sóc sắc đẹp : Dành cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / Vũ Thị Minh Hiền ch.b. - H. : Y học, 2025. - 144 tr. : minh họa ; 27 cm. - 600000đ. - 50b

ĐTTS ghi: UBND thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 144 s619665

1514. Vương Thừa Ân. Thuốc quý ở quanh ta / Vương Thừa Ân. - H. : Hồng Đức, 2025. - 195 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 86000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 174-194. - Thư mục: tr. 195 s619369

1515. Whitcup, Scott M. Whitcup và Nussenblatt viêm màng bồ đào: Kiến thức cơ bản và thực tiễn lâm sàng / Scott M. Whitcup, H. Nida Sen, Alan Palestine ; Bộ môn Mắt & Khúc xạ nhãn khoa Trường Đại học Y Hà Nội biên dịch. - Ấn bản lần thứ 5. - H. : Y học, 2025. - 407 tr. : minh họa ; 28 cm. - 1290000đ. - 500b

Tên sách tiếng Anh: Whitcup and Nussenblatt's uveitis. - Thư mục cuối mỗi bài s619700

1516. Whitfield, Charles. Chữa lành đứa trẻ bên trong bạn : Quá trình khám phá và phục hồi dành cho những người trưởng thành gặp tổn thương từ gia đình / Charles Whitfield ; An Vi dịch. - In lần 15. - H. : Lao động, 2025. - 249 tr. : hình vẽ, bảng ; 23 cm. - 139000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Healing the child within : Discovery and recovery for adult children of dysfunctional families. - Phụ lục: tr. 235-237. - Thư mục: tr. 239-249 s618865

1517. Xác nhận giá trị sử dụng và thẩm định phương pháp xét nghiệm : Sách dùng đào tạo đại học, sau đại học và cập nhật kiến thức y khoa liên tục / B.s.: Trần Hữu Tâm (ch.b.), Võ Ngọc Nguyên, Lê Thị Thùy Như... - H. : Y học, 2025. - 147 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trung tâm Kiểm chuẩn Xét nghiệm Tp. Hồ Chí Minh. - Phụ lục: tr. 129-140. - Thư mục: tr. 143-147 s619596

1518. Xét nghiệm hóa sinh, huyết học trong chẩn đoán, tiên lượng bệnh COVID-19 : Sách chuyên khảo / B.s.: Lê Thị Thúy (ch.b.), Trần Văn Giang, Cao Văn, Nguyễn Thị Hoài Thu. - H. : Y học, 2025. - 143 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng. - Thư mục: tr. 137-143 s618687

1519. Y học sinh sản / Lê Thị Thu Hà, Trần Phương Thanh, Nguyễn Xuân Mỹ... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 2500b

Đầu bìa sách ghi: Hội Nội tiết sinh sản và vô sinh Thành phố Hồ Chí Minh

T.75: Tiền sản giật, sản giật. - 2025. - 182 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s618264

1520. Zimmer, Carl. Hành tinh của virus / Carl Zimmer ; Quý Tiến dịch ; Thanh Huyền h.đ. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 175 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 149000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: A planet of viruses s619974

KỸ THUẬT

1521. Bài giảng Nguyên lý máy và chi tiết máy : Dành cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Vũ Lê Huy, Nguyễn Chí Hưng, Vương Văn Thanh, Hoàng Văn Bạo. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 211 tr. : minh họa ; 27 cm. - 85000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 211 s619729

1522. Cẩm nang hướng dẫn kỹ thuật về hệ thống hơi công nghiệp nhằm tối ưu hóa sử dụng hiệu quả năng lượng trong các ngành Công nghiệp. - H. : Công Thương, 2025. - 247 tr. : minh họa ; 21 cm. - 550b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương... - Thư mục: tr. 129-130. - Phụ lục: tr. 131-247 s618801

1523. Cẩm nang hướng dẫn kỹ thuật về hệ thống khí nén công nghiệp nhằm tối ưu hóa sử dụng hiệu quả năng lượng trong các ngành công nghiệp. - H. : Công Thương, 2025. - 146 tr. : minh họa ; 21 cm. - 550b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương... - Thư mục: tr. 146 s618802

1524. Chẩn đoán, sửa chữa, bảo trì hệ thống điều khiển bằng máy tính trên ô tô : Lý thuyết - Thực hành / Trần Minh Sơn, Trần Thu Hà, Trịnh Hoài Ân, Phạm Quang Huy. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 432 tr. : minh họa ; 24 cm. - 205000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 2. - Phụ lục: tr. 429-438 s617866

1525. Cuốn sách không lò về tên lửa và các thiết bị vũ trụ = Big book of rockets and spacecraft : Với 4 trang gấp không lò : Dành cho trẻ từ 5 - 15 tuổi / Louie Stowell ; Tranh: Gabriele Antonini ; Thu Phong dịch. - In lần thứ 7. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 29 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 168000đ. - 1000b s619875

1526. Đào Văn Phượng. Điện tử ô tô - Sửa chữa, bảo trì ô tô với bộ quét lỗi và bộ đọc mã chuyên nghiệp / Đào Văn Phượng, Phạm Quang Huy. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 416 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200000đ. - 900b

Thư mục: tr. 2. - Phụ lục: tr. 413-414 s617865

1527. Điều khiển bằng máy tính trên ô tô Châu Âu và Châu Á : Chẩn đoán, sửa chữa / Trần Minh Sơn, Trần Thu Hà, Đào Văn Phượng, Phạm Quang Huy. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 440 tr. : minh họa ; 24 cm. - 205000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 2 s617867

1528. Hồ Văn Tú. Giáo trình Nhập môn truyền thông đa phương tiện / Hồ Văn Tú (ch.b.), Hoàng Minh Trí, Võ Hải Đăng. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 118 tr. : minh họa ; 28 cm. - 100000đ. - 50b

Thư mục: tr. 117-118 s619702

1529. Lê Thành Tới. Giáo trình CAD trong kỹ thuật điện tử / Lê Thành Tới (ch.b.), Trần Trọng Hiếu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 145 tr. : minh họa ; 21 cm. - 50000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. - Phụ lục: tr. 142-144. - Thư mục: tr. 145 s619376

1530. Lê Thành Tới. Giáo trình Thực hành Kỹ thuật số nâng cao / Lê Thành Tới. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 24 cm. - 40000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 71 s619153

1531. Thí nghiệm Kỹ thuật điều khiển tự động : Dành cho sinh viên Khoa Công nghệ điện / Hoàng Đình Khôi (ch.b.), Bùi Thị Cẩm Quỳnh, Nguyễn Ngọc Anh Tuấn, Nguyễn Thành Phúc. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 95 tr. : hình vẽ, bảng ; 28 cm. - 45000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 95 s619707

1532. Thực hành kỹ thuật đo điện tử / Lưu Thế Vinh (ch.b.), Võ Xuân Ân, Phạm Thị Phương Hồng, Trịnh Thị Sáng. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 90 tr. : minh họa ; 29 cm. - 50000đ. - 400b

Phụ lục: tr. 88-89. - Thư mục: tr. 90 s619708

1533. Trần Văn Hoàng. Giáo trình Hệ thống điều hoà và thiết bị tiện nghi trên ô tô / Trần Văn Hoàng (ch.b.), Phạm Văn Liệu, Đinh Văn Phương. - H. : Lao động, 2025. - 249 tr. : minh họa ; 24 cm. - 89000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 249 s618850

1534. Tuyển tập báo cáo Hội nghị Khoa học Công nghệ 2025 : Chào mừng 69 năm thành lập Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải / Bùi Ngọc Hưng, Nguyễn Quốc Bảo, Trần Ngọc Huy... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 495 tr. : minh họa ; 30 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Bộ Giao thông vận tải. Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải. - Thư mục cuối mỗi bài s618159

1535. Ưông Minh Quân. Phòng nghiên cứu Evergrin : Ứng dụng phương pháp STEAM và quy trình hoạt động của Viện nghiên cứu thu nhỏ vào chương trình giảng dạy khoa học cho trẻ / Ưông Minh Quân. - H. : Nxb. Hà Nội. - 30 cm. - 150000đ. - 1000b

T.3: Khám phá máy móc & công nghệ. - 2025. - 135 tr. : minh họa s618296

NÔNG NGHIỆP

1536. Giáo trình Kỹ thuật nuôi thức ăn tự nhiên / Nguyễn Thị Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Thành, Nguyễn Gia Hiền... - H. : Nông nghiệp, 2025. - xii, 212 tr. : minh họa ; 24 cm. - 219000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Đồng Tháp. - Thư mục: tr. 197-210 s619059

1537. Hoàng Thị Thêm. Công cụ trồng lúa nước của người Việt ở Đồng bằng Bắc Bộ : Sách chuyên khảo / Hoàng Thị Thêm. - H. : Văn học, 2025. - 339 tr. : ảnh ; 24 cm. - 218000đ. - 300b

Thư mục: tr. 300-314. - Phụ lục: tr. 315-339 s619203

1538. Hướng dẫn phục hồi cây trồng bị ngập úng vùng Đồng bằng sông Cửu Long / B.s.: Văn phòng Điều phối NNNT vùng ĐBSCL, Trung tâm Khuyến nông quốc gia. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 8 tr. : minh họa ; 21 cm. - 6100b

Đầu bìa sách ghi: Trung tâm Khuyến nông quốc gia s618631

1539. Kỹ thuật gây trồng một số loài cây lâm sản ngoài gỗ làm dược liệu / Nguyễn Huy Sơn (ch.b.), Phạm Quang Tuyến, Phan Văn Thắng, Nguyễn Thị Chuyền. - H. : Nông nghiệp, 2025. - iii, 167 tr. : ảnh ; 27 cm. - 400000đ. - 315b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam. - Thư mục: tr. 163-167 s619880

1540. Lê Đức Nam. Làm chủ tư duy - Định hình tác phẩm Bonsai : Mỗi "siêu phẩm" là một câu chuyện... / Lê Đức Nam. - H. : Lao động, 2025. - 169 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - (Tinh hoa cây cảnh). - 249000đ. - 8000b s618868

1541. Lê Thị Bảo Châu. Giáo trình Cây ăn quả / Lê Thị Bảo Châu (ch.b.), Châu Trùng Dương, Tô Thị Mộng Cầm. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 168 tr. : minh họa ; 24 cm. - 120000đ. - 500b

Thư mục: tr. 160-166 s619058

1542. 80 năm Ngành Nông nghiệp và Môi trường - Hành trình cùng đất nước (1945 - 2025) / B.s.: Hoàng Thị Phương, Lê Quang Huy, Nguyễn Hoàng Long... - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2025. - 646 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường s619877

QUẢN LÝ NHÀ CỬA VÀ GIA ĐÌNH

1543. An Khánh Nhung. Bắt âm những từ đầu tiên : Những từ vựng đầu tiên giúp bé nhanh biết nói. Giúp giáo viên, phụ huynh dạy trẻ trong giai đoạn đầu tiên khi bắt đầu tập nói / An Khánh Nhung. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 90 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - (Tủ sách phát triển ngôn ngữ ThanhDat). - 178000đ. - 2000b s617836

1544. Avalon, Carey. Nước ép giảm cân / Carey Avalon ; Ngọc Minh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 222 tr. : ảnh, bảng ; 19 cm. - (Tủ sách Sống xanh). - 159000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Green juicing recipe book : 75 recipes for weight loss, glowing skin, and boosted energy s619971

1545. 365 chủ đề trò chuyện cùng con / TinyBooks. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 352 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 333000đ. - 10000b s617889

1546. Babić, Violeta. Cẩm nang con trai = A book for every boy : Dành cho độc giả từ 9 tuổi đến 18 tuổi / Violeta Babić ; Minh họa: Ana Grigorjev ; Ánh Tuyết dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 135 tr. : bảng, tranh màu ; 21 cm. - 68000đ. - 5000b s619508

1547. Bí kíp luyện rồng - Cùng rồng nhỏ học điều hay: Biết cảm ơn : Truyện tranh : Dành cho trẻ tuổi 3+ / Minh họa: Anna Láng ; Chung Quý dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 36000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: How to teach your dragon to say thank you s617972

1548. Bí kíp luyện rồng - Cùng rồng nhỏ học điều hay: Biết chào hỏi : Truyện tranh : Dành cho trẻ tuổi 3+ / Minh họa: Anna Láng ; Chung Quý dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 36000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: How to teach your dragon to say hello s617969

1549. Bí kíp luyện rồng - Cùng rồng nhỏ học điều hay: Biết chia sẻ : Truyện tranh : Dành cho trẻ tuổi 3+ / Minh họa: Anna Láng ; Chung Quý dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 36000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: How to teach your dragon to share s617970

1550. Bí kíp luyện rồng - Cùng rồng nhỏ học điều hay: Biết chờ đợi : Truyện tranh : Dành cho trẻ tuổi 3+ / Minh họa: Anna Láng ; Chung Quý dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 36000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: How to teach your dragon to wait s617968

1551. Bí kíp luyện rồng - Cùng rồng nhỏ học điều hay: Biết cư xử : Truyện tranh : Dành cho trẻ tuổi 3+ / Minh họa: Anna Láng ; Chung Quý dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 36000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: How to teach your dragon to please s617967

1552. Bí kíp luyện rồng - Cùng rồng nhỏ học điều hay: Biết giúp đỡ : Truyện tranh : Dành cho trẻ tuổi 3+ / Minh họa: Anna Láng ; Chung Quý dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 36000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: How to teach your dragon to help s617965

1553. Bí kíp luyện rồng - Cùng rồng nhỏ học điều hay: Biết lắng nghe : Truyện tranh :
Dành cho trẻ tuổi 3+ / Minh họa: Anna Láng ; Chung Quý dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025.
- 22 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 36000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: How to teach your dragon to listen s617966

1554. Bí kíp luyện rồng - Cùng rồng nhỏ học điều hay: Biết xin lỗi : Truyện tranh : Dành
cho trẻ tuổi 3+ / Minh họa: Anna Láng ; Chung Quý dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 22
tr. : tranh màu ; 21 cm. - 36000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: How to teach your dragon to say sorry s617971

1555. Cẩm nang Làm đẹp - Oriflame : Tri ân và tôn vinh người truyền cảm hứng. - H. :
Văn học, 2025. - 90 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 15000đ. - 100000b s619239

1556. Con không bao giờ đi cùng người lạ! : Truyện tranh : 5+ / Dagmar Geisler ; Bùi Thị
Phương Nhung dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 30 cm. - (Bộ sách
Con có thể tự bảo vệ mình). - 75000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Đức: Ich geh doch nicht mit jedem mit! s619885

1557. Con không bao giờ đi lạc! : Truyện tranh : 5+ / Dagmar Geisler ; Bùi Thị Phương
Nhung dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 30 cm. - (Bộ sách Con có thể
tự bảo vệ mình). - 75000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Đức: Ich geh doch nicht verloren! s619886

1558. Cơ thể con là của con! : Truyện tranh : Bảo vệ chống lại vấn nạn lạm dụng trẻ em,
dành cho các em thiếu nhi từ 5 tuổi trở lên : 5+ / Dagmar Geisler ; Bùi Thị Phương Nhung dịch.
- Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 30 cm. - (Bộ sách Con có thể tự bảo vệ
mình). - 75000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Đức: Mein körper gehört mir! s619884

1559. Diệu Hoa. Nghe mẹ nói này con gái : Những điều mẹ nên dạy con gái từ tuổi 13 /
Diệu Hoa ; Tuệ Văn dịch. - In lần 11. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 206 tr. : ảnh ; 23 cm. -
(Mẹ không nói, con không hiểu). - 85000đ. - 4000b

Tên sách tiếng Trung: 妈妈不说, 女儿不懂 s617844

1560. Doãn Kiến Lợi. Người mẹ tốt hơn là người thầy tốt : Ấn bản 2025 chỉnh sửa bổ
sung / Doãn Kiến Lợi ; Trần Quỳnh Hương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 595 tr. ; 24
cm. - 168000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 578-595 s617853

1561. Dzoãn Vân. Hơi thở của gia vị trong gian bếp Việt / Dzoãn Vân, Bi. - H. : Phụ nữ
Việt Nam, 2025. - 102 tr. : minh họa ; 26 cm. - 179000đ. - 3000b s618505

1562. Đào Duy An. Dưỡng & dạy măng con, cách măng mẹ ươm từ trong bụng : Bác sĩ
gia đình Đào Duy An bàn về nuôi dạy trẻ trước 6 tuổi / Đào Duy An. - H. : Phụ nữ Việt Nam,
2025. - 68 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 2500b

Thư mục cuối chính văn s617821

1563. Đinh Phương. Lớn lên cùng con : Ươm mầm tự tin, nuôi dưỡng chính trực / Đinh
Phương. - H. : Thế giới, 2025. - 203 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 190000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 179-201. - Thư mục: tr. 202-203 s618941

1564. Đồng Niên. Dạy con bằng kể chuyện - Tớ có thói quen tốt / Đồng Niên b.s. ; Doãn
Nguyên dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 53 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Telling stories is better than reasoning 8 s619378

1565. Đồng Niên. Dạy con bằng kể chuyện - Tớ không tức giận / Đồng Niên b.s. ; Doãn
Nguyên dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 53 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Telling stories is better than reasoning 3 s619379

1566. Giáo trình Lý thuyết tạo mẫu tóc : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Lê Thị Thu Hà (ch.b.), Trần Thúy Liễu, Quản Thị Ngát, Nguyễn Thị Hương. - H. : Y học, 2025. - 139 tr. : ảnh ; 27 cm. - 489000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 137 s619657

1567. Giáo trình Thực hành Chăm sóc da cơ bản : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Trần Thúy Liễu (ch.b.), Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thanh Huyền... - H. : Y học, 2025. - 187 tr. : minh họa ; 27 cm. - 722000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 185 s619634

1568. Giáo trình Thực hành chăm sóc da nâng cao : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Trần Thúy Liễu (ch.b.), Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thanh Huyền... - H. : Y học, 2025. - 91 tr. : bảng ; 27 cm. - 456000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 90 s619660

1569. Giáo trình Thực hành Trang điểm cơ bản : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Lê Thị Thu Hà (ch.b.), Trần Thúy Liễu, Nguyễn Thị Hương, Quản Thị Ngát. - H. : Y học, 2025. - 115 tr. : minh họa ; 27 cm. - 430000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 114 s619636

1570. Hoàng Ngân. Ảnh hưởng của cha tới cuộc đời con / Hoàng Ngân soạn dịch. - H. : Văn học, 2025. - 198 tr. ; 21 cm. - 86000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 198 s619090

1571. Hoàng Ngân. Cảm xúc của mẹ quyết định tương lai của con / Hoàng Ngân soạn dịch. - H. : Văn học, 2025. - 198 tr. ; 21 cm. - 86000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 198 s619091

1572. Hoefle, Vicki. Nuôi dạy con kiểu "băng dính" = Duct tape parenting : Trẻ tự lập, có trách nhiệm, cha mẹ bớt mệt mỏi, mối quan hệ ít căng thẳng hơn / Vicki Hoefle ; Khánh Vi dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 295 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 149000đ. - 1000b s619345

1573. Huyền Linh. Bách khoa thư hình ảnh cho bé - Mẹ ơi con nên làm sao? / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 83 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 69000đ. - 3000b s619198

1574. Khen ngợi thay la mắng : 1 câu khen vượt 1000 lời nói... - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 98 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 245000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Kita Books s619439

1575. Khi thấy khó chịu, kiên quyết nói không! : Cho trẻ 3 - 8 tuổi / Tam Tam, Đinh Bằng ; Khánh Nguyên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Giáo dục giới tính nhi đồng). - 68000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 东方儿童生理启蒙绘本 s619480

1576. Lam Phương. Kỹ năng sống giúp trẻ phát triển - Học cách giải quyết vấn đề / Lam Phương. - H. : Văn học, 2025. - 95 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 92000đ. - 3000b s619260

1577. Lam Phương. Kỹ năng sống giúp trẻ phát triển - Học cách tự bảo vệ bản thân / Lam Phương. - H. : Văn học, 2025. - 95 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 92000đ. - 3000b s619261

1578. Lam Phương. Kỹ năng sống giúp trẻ phát triển - Học cách tự lập / Lam Phương. - H. : Văn học, 2025. - 95 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 92000đ. - 3000b s619262

1579. Laudan, Rachel. Ẩm thực và đế chế : Nền văn minh ẩm thực: Mối quan hệ quyền lực với chính trị, tôn giáo và công nghệ / Rachel Laudan ; Nhã Phong dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 478 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Văn hóa ẩm thực). - 390000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Cuisine and empire : Cooking in world history s617849

1580. Lê Rin. Việt Nam miền ngon = Vietnam delicious : Food illustration artbook / Lê Rin ; Thanh Mai dịch. - In lần thứ 11. - H. : Lao động, 2025. - 129 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 169000đ. - 1500b s618869

1581. Lê Thị Thu Hà. Giáo trình Thực hành tạo mẫu tóc : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Lê Thị Thu Hà (ch.b.), Trần Thúy Liễu, Nguyễn Thị Hương. - H. : Y học, 2025. - 111 tr. : bảng ; 27 cm. - 415000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 110 s619652

1582. Lý Hoài Nam. Giáo trình Quản trị quầy bar - Quản trị thức uống : Cách tiếp cận thực tế / Lý Hoài Nam ch.b. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 355 tr. : minh họa ; 21 cm. - 230000đ. - 415b

Thư mục: tr. 355 s619329

1583. Lý Hoài Nam. Nghiệp vụ quầy bar - Quản trị thức uống : Cách tiếp cận thực tế / Lý Hoài Nam. - H. : Công an nhân dân. - 21 cm. - 200000đ. - 415b

Q.1. - 2025. - 359 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 357-358. - Phụ lục: tr. 359 s619330

1584. Lý Hoài Nam. Nghiệp vụ quầy bar - Quản trị thức uống : Cách tiếp cận thực tế / Lý Hoài Nam. - H. : Công an nhân dân. - 21 cm. - 230000đ. - 415b

Q.2. - 2025. - 551 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 547-548. - Phụ lục: tr. 549-551 s619331

1585. Mẹ hỏi con trả lời - Khả năng không gian : Tương tác đa dạng giữa cha mẹ và con cái nâng cao khả năng tập trung của trẻ : Dành cho trẻ 0 - 3 tuổi / Phương Lê Minh ; Lục Bích dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 58 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Cuốn sách vỡ lòng đầu tiên của tó). - 59000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 妈妈问,宝宝说 s618009

1586. Mẹ hỏi con trả lời - Khả năng logic : Tương tác đa dạng giữa cha mẹ và con cái nâng cao khả năng tập trung của trẻ : Dành cho trẻ 0 - 3 tuổi / Phương Lê Minh ; Lục Bích dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 58 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Cuốn sách vỡ lòng đầu tiên của tó). - 59000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 妈妈问,宝宝说 s618010

1587. Mẹ hỏi con trả lời - Khả năng ngôn ngữ : Tương tác đa dạng giữa cha mẹ và con cái nâng cao khả năng tập trung của trẻ : Dành cho trẻ 0 - 3 tuổi / Phương Lê Minh ; Lục Bích dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 58 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Cuốn sách vỡ lòng đầu tiên của tó). - 59000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 妈妈问,宝宝说 s618006

1588. Mẹ hỏi con trả lời - Khả năng nhận thức : Tương tác đa dạng giữa cha mẹ và con cái nâng cao khả năng tập trung của trẻ : Dành cho trẻ 0 - 3 tuổi / Phương Lê Minh ; Lục Bích dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 58 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Cuốn sách vỡ lòng đầu tiên của tó). - 59000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 妈妈问,宝宝说 s618007

1589. Mẹ hỏi con trả lời - Khả năng quan sát : Tương tác đa dạng giữa cha mẹ và con cái nâng cao khả năng tập trung của trẻ : Dành cho trẻ 0 - 3 tuổi / Phương Lê Minh ; Lục Bích dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 58 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Cuốn sách vỡ lòng đầu tiên của tở). - 59000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 妈妈问,宝宝说 s618005

1590. Mẹ hỏi con trả lời - Khả năng toán học : Tương tác đa dạng giữa cha mẹ và con cái nâng cao khả năng tập trung của trẻ : Dành cho trẻ 0 - 3 tuổi / Phương Lê Minh ; Lục Bích dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 58 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Cuốn sách vỡ lòng đầu tiên của tở). - 59000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 妈妈问,宝宝说 s618008

1591. Nana Hatano. Những trò chơi giúp trẻ 0 - 2 tuổi phát triển toàn diện thể chất và tâm hồn / Nana Hatano ; Tranh: Mochico ; Chi Anh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 173 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 98000đ. - 2000b s620060

1592. Nguyễn Bích Ngọc. Smart parenting : Đọc, viết, tranh biện thời AI / Nguyễn Bích Ngọc, Nguyễn Thị Tuyết. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 158 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 298000đ. - 500b s617928

1593. Nguyễn Hồng Ngọc. Nghề làm cha mẹ - Giúp con vượt qua khủng hoảng tuổi dậy thì / Nguyễn Hồng Ngọc. - H. : Công Thương, 2025. - 198 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 236000đ. - 1000b s618804

1594. Nguyễn Trọng Dân. Phát triển kỹ năng giao tiếp của cha mẹ với trẻ rối loạn phổ tự kỷ : Lý luận, thực tiễn và giải pháp / Nguyễn Trọng Dân (ch.b.), Mai Thị Phương, Hà Thị Như Quỳnh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 287 tr. : minh họa ; 21 cm. - 88000đ. - 500b
Thư mục: tr. 271-287 s619493

1595. Nhi Đỗ. Giáo dục chuyển hóa - Ứng dụng trong hành trình nuôi dạy trẻ / Nhi Đỗ. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 215000đ. - 1000b

Q.1: Sự chuyển hóa. - 2025. - 320 tr. - Thư mục: tr. 319-320 s618948

1596. Nhi Đỗ. Giáo dục chuyển hóa - Ứng dụng trong hành trình nuôi dạy trẻ / Nhi Đỗ. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 215000đ. - 1000b

Q.2: Am hiểu trẻ. - 2025. - 344 tr. - Thư mục: tr. 343 s618947

1597. Nosrat, Samin. Mặn béo chua nóng / Samin Nosrat ; Minh họa: Wendy MacNaughton ; Thanh Yên dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 451 tr. : hình vẽ, bảng ; 28 cm. - 550000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Salt, fat, acid, heat: Mastering the elements of good cooking. - Thư mục: tr. 447-449 s618450

1598. Osage, Vanessa. Giáo dục giới tính cho con gái : Lời khuyên thiết thực về tuổi dậy thì, giới tính và các mối quan hệ / Vanessa Osage ; Hải Phong dịch. - In lần 5. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 232-245 s617800

1599. Perry, Philippa. Cuốn sách bạn ước cha mẹ mình từng đọc (và con bạn sẽ vui nếu bạn đọc nó) / Philippa Perry ; Dịch: Cao Việt, Mai Huyền. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 339 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: The book you wish your parents had read (and your children will be glad that you did) s617791

1600. Phùng Hồng. Nói để con nghe, nghe để con nói : Để giao tiếp với con không còn là cuộc chiến / Phùng Hồng ; Phương Nguyễn dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 简单沟通: 陪孩子走过青春期 s618517

1601. Sách âm thanh - Bé học nói : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Lời: Minh Trang ; Tranh: Thu Nấm. - In lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 28 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 399000đ. - 2000b s618139

1602. Sách âm thanh - Thế giới động vật : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Lời: Minh Trang ; Tranh: Thu Nấm. - In lần thứ 3. - H. : Thế giới, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 28 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 399000đ. - 1500b s619888

1603. Sách chuyển động trượt - đây: Học đếm số : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Elizabeth Golding ; Minh Trang dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 10 tr. : hình vẽ ; 25 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 138000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: One by one. Count to ten s619025

1604. Sách chuyển động trượt - đây: Học màu sắc : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Anton Poitier ; Minh Trang dịch. - In lần thứ 2. - H. : Thế giới, 2025. - 12 tr. : hình vẽ ; 25 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 138000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: One by one. Colours s619026

1605. Sách kích thích thị giác - Động vật : Dành cho trẻ em từ 0 - 3 tuổi / Minh họa: Grace Habib ; Nguyễn Đăng dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 10 tr. : tranh vẽ ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 68000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Usborne baby's black & white books - Animals s620006

1606. Sách kích thích thị giác - Giờ đi ngủ : Dành cho trẻ em từ 0 - 3 tuổi / Minh họa: Grace Habib ; Nguyễn Đăng dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 10 tr. : tranh vẽ ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 68000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Usborne baby's black & white books - Bedtime s620007

1607. Sách kích thích thị giác - Lời chào : Dành cho trẻ em từ 0 - 3 tuổi / Minh họa: Grace Habib ; Nguyễn Đăng dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 10 tr. : tranh vẽ ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 68000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Usborne baby's black & white books - Hello! s620004

1608. Sách kích thích thị giác - Ngoài trời : Dành cho trẻ em từ 0 - 3 tuổi / Minh họa: Grace Habib ; Nguyễn Đăng dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 10 tr. : tranh vẽ ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 68000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Usborne baby's black & white books - Outdoors s620005

1609. Tại sao không được kén ăn? : Truyện tranh / Thời Dương Văn Hóa ; Vũ Thiên dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Nhật ký nuôi dưỡng thói quen tốt cho trẻ). - 36000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 为什么不能挑食 s618559

1610. Tại sao không được nói dối? : Truyện tranh / Thời Dương Văn Hóa ; Hạ Vũ dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Nhật ký nuôi dưỡng thói quen tốt cho trẻ). - 36000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 为什么不能撒谎 s618561

1611. Tại sao không được trì hoãn? / Thời Dương Văn Hóa ; Hạ Vũ dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Nhật ký nuôi dưỡng thói quen tốt cho trẻ). - 36000đ. - 5000b s618555

1612. Tại sao không nên đến muộn? : Truyện tranh / Thời Dương Văn Hóa ; Vũ Thiên dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Nhật ký nuôi dưỡng thói quen tốt cho trẻ). - 36000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 为什么不能迟到 s618560

1613. Tại sao không nên xem ti vi quá lâu? : Truyện tranh / Thời Dương Văn Hóa ; Hạ Vũ dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Nhật ký nuôi dưỡng thói quen tốt cho trẻ). - 36000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 为什么要刷牙 s618557

1614. Tại sao phải đánh răng? : Truyện tranh / Thời Dương Văn Hóa ; Vũ Thiên dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Nhật ký nuôi dưỡng thói quen tốt cho trẻ). - 36000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 为什么要刷牙 s618558

1615. Tại sao phải giữ vệ sinh? : Truyện tranh / Thời Dương Văn Hóa ; Hạ Vũ dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Nhật ký nuôi dưỡng thói quen tốt cho trẻ). - 36000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 为什么要讲卫生 s618563

1616. Tại sao phải ngủ đủ giấc? : Truyện tranh / Thời Dương Văn Hóa ; Vũ Thiên dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Nhật ký nuôi dưỡng thói quen tốt cho trẻ). - 36000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 为什么不能撒谎 s618562

1617. Thiều Hường. Giáo trình Dạy nghề may rèm - màn - đệm / Thiều Hường. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 206 tr. : minh họa ; 26 cm. - 860000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Thiều Thị Hường s619028

1618. Thuận Nguyễn. 7 ngày học kinh doanh F&B : Để bạn làm đúng mọi thứ ngay từ đầu / Thuận Nguyễn. - H. : Thế giới, 2025. - 238 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 199000đ. - 5000b s618918

1619. Tớ giỏi thật! - Tớ ăn không mè nheo : Dành cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên / Angela Sbandelli ; Quỳnh Hương dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 28000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Kitten learns to eat s618583

1620. Tớ giỏi thật! - Tớ biết cách chia sẻ : Dành cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên / Alena Razumova ; Quỳnh Hương dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 28000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Bunny learns to share s618581

1621. Tớ giỏi thật! - Tớ biết tự đi bô : Dành cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên / Angela Sbandelli ; Quỳnh Hương dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 28000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Bear's potty time s618582

1622. Tớ giỏi thật! - Tớ đi ngủ đúng giờ : Dành cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên / Angela Sbandelli ; Quỳnh Hương dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 28000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Time for bed, Puppy s618585

1623. Tớ giỏi thật! - Tớ là người bạn tốt : Dành cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên / Samara Hardy ; Quỳnh Hương dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 28000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Unicorn makes friends s618584

1624. Vera Hà Anh. Nữ hoàng quyền rũ : Kiến thức tiền hôn nhân và tuyệt chiêu chọn bạn đời / Vera Hà Anh. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 342 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Nữ hoàng hạnh phúc; T.1). - 225000đ. - 2000b s617834

1625. Vera Hà Anh. Nữ hoàng yêu thương : Bí quyết giữ gìn hạnh phúc gia đình / Vera Hà Anh. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 290 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - (Nữ hoàng hạnh phúc; T.2). - 225000đ. - 1000b s617835

1626. Vũ Thị Huệ. Cha mẹ gen Y : Đồng hành cùng con, bắt đầu từ việc hiệu chỉnh mình / Vũ Thị Huệ. - H. : Công Thương, 2025. - 165 tr. ; 19 cm. - 115000đ. - 1000b s620196

1627. Vũ Thị Minh Hiền. Giáo trình Vật lý trị liệu trong chăm sóc sắc đẹp : Dùng cho đào tạo cao đẳng - Ngành Chăm sóc sắc đẹp / B.s.: Vũ Thị Minh Hiền (ch.b.), Đỗ Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Hương Lan. - H. : Y học, 2025. - 91 tr. : minh họa ; 27 cm. - 456000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 91 s619653

1628. Walsh, Joseph M. Tất tần tật về cà phê / Joseph M. Walsh ; Dịch: Trương Hoàng Uyên Phương, Khuê Mộc Lang. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 302 tr. : bảng ; 24 cm. - 210000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Coffee: Its history, classification and description s617876

1629. WOW. Tiệm cà phê tại nhà / WOW. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 183 tr. : ảnh ; 18 cm. - 98000đ. - 1000b s620033

QUẢN LÝ VÀ QUAN HỆ CÔNG CỘNG

1630. Abraham, Mark. Chiến lược cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng trong kỷ nguyên AI / Mark Abraham, David C. Edelman. - H. : Hồng Đức, 2025. - 515 tr. : minh họa ; 21 cm. - 249000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 497-506 s619355

1631. An Đặng. Brand flow: Chạm. Cháy. Lan tỏa : Tư duy của nước trong xây dựng thương hiệu / An Đặng. - H. : Công Thương, 2025. - 261 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 250000đ. - 1000b s618805

1632. Appelo, Jurgen. Lãnh đạo giỏi phải biết tạo niềm vui : Đổi mới tư duy quản trị trong thời đại 4.0 / Jurgen Appelo ; Dịch: Việt Hưng... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Công Thương, 2025. - 279 tr. : minh họa ; 19x24 cm. - 299000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Managing for happiness s618838

1633. Bùi Thị Ngọc. Giáo trình Chuẩn mực kế toán / Ch.b.: Bùi Thị Ngọc, Tạ Thị Thúy Hằng. - H. : Công Thương, 2025. - 382 tr. : bảng ; 21 cm. - 99000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục: tr. 379-382 s618823

1634. Bút Chì. Làm bạn với hình làm tình với chữ / Bút Chì ; Minh hoạ: Đốc Tờ Ti. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 217 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 140000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 204-216 s617781

1635. Cardone, Grant. Kỹ năng bán hàng tuyệt đỉnh : Bí quyết sinh tồn trong ngành sales / Grant Cardone ; Bùi Thị Ngọc Hương dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Thế giới, 2025. - 294 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Sell or be sold : How to get your way in business and in life s619002

1636. Chu Vân. Kiểm soát chi phí mua hàng và quản lý nhà cung cấp / Chu Vân ; Thanh Thúy dịch ; Nguyễn Văn Hà h.đ. - Tái bản lần 2. - H : Hồng Đức, 2025. - 591 tr. : bảng ; 23 cm. - 220000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 采购成本控制与供应商管理 s618776

1637. Drucker, Peter F. Đổi mới hay là chết : Tư duy chiến lược, tái cấu trúc tổ chức và hành động sống còn trong thế giới không ngừng biến động / Peter F. Drucker ; Phạm Trúc Quỳnh dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 447 tr. ; 21 cm. - (Bộ sách Tinh hoa quản lý). - 219000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Peter F. Drucker on the globalization s618794

1638. Drucker, Peter F. Kinh tế dưới góc nhìn quản trị : Những phân tích kinh điển về rủi ro, chiến lược và tương lai doanh nghiệp / Peter F. Drucker ; Hoài Đức Thái dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 422 tr. ; 21 cm. - (Bộ sách Tinh hoa quản lý). - 219000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Peter F. Drucker on economic threats s618795

1639. Drucker, Peter F. Tư duy hệ thống trong nền kinh tế kết nối : Lập kế hoạch và xây dựng chiến lược tư duy kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong kỷ nguyên biến động và cạnh tranh / Peter F. Drucker ; Nguyễn Oanh dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 443 tr. ; 21 cm. - (Bộ sách Tinh hoa quản lý). - 229000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Peter F. Drucker on the network economy s618793

1640. Du Lượng. Top sales - Công thức thành công của người bán hàng xuất sắc / Du Lượng ; Đỗ Thu Thủy dịch. - H : Hồng Đức, 2025. - 271 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 120000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 一看就懂!超級業務員的80大成交秘招. - Tên thật tác giả: Tưởng Y Đình s618780

1641. Đặng Văn Thanh. Giáo trình Kế toán chủ đầu tư / Ch.b.: Đặng Văn Thanh, Trần Hương Nam. - H. : Tài chính, 2025. - ix, 118 tr. : bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. - Thư mục: tr. 118 s619044

1642. Đỗ Thanh Tùng. Truyền thông marketing = Marketing communication / Đỗ Thanh Tùng (ch.b.), Vũ Thị Anh Thư, Phan Thị Minh Châu ; Nguyễn Thị Quỳnh Nga h.đ. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2025. - 446 tr. : minh họa ; 25 cm. - 186000đ

Thư mục: tr. 443-446 s618750

1643. Fauvet, Jean-Christian. Nước cờ lãnh đạo : Tư duy chiến lược từ bàn cờ vây đến quản trị doanh nghiệp / Jean-Christian Fauvet, Marc Smia ; Phạm Việt Khôi dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 215 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 119000đ. - 2000b

Tên sách nguyên bản: Le manager joueur de go s620198

1644. Frei, Frances. Lãnh đạo không xiềng xích : Nghệ thuật trao quyền đúng lúc / Frances Frei, Anne Morriss ; Phó Minh Châu dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 287 tr. : hình vẽ, sơ đồ ; 21 cm. - 158000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Unleashed : The Unapologetic Leader's Guide to Empowering Everyone Around You. s619339

1645. Giáo trình Kế toán tổ chức tài chính / B.s.: Đặng Văn Thanh, Hà Thị Tường Vy (ch.b.), Nguyễn Hà Lê... - H. : Tài chính, 2025. - xi, 193 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. - Thư mục: tr. 192 s619046

1646. Giáo trình Khởi sự kinh doanh / B.s.: Trần Văn Trang (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Tâm, Đào Thị Phương Mai... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 419 tr. : minh họa ; 24 cm. - 207500đ. - 250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục: tr. 407-418 s619050

1647. Giáo trình Kỹ năng giao tiếp bán hàng : Dành cho đào tạo cao đẳng ngành Dược / B.s.: Vũ Trí Dũng, Phan Thị Thanh Tâm (ch.b.), Nguyễn Văn Hưng, Hoàng Thị Nguyệt Phương. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 92 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 380000đ. - 62b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 92 s619579

1648. Hà Thúy Quỳnh. Áo thuật tài chính : Từ mơ hồ tài chính đến nhà đầu tư lão luyện, bậc thầy phân tích, chiến lược gia / Hà Thúy Quỳnh. - H. : Tri thức, 2025. - 511 tr. : minh họa ; 24 cm. - 699000đ. - 1000b s618540

1649. Hà Thúy Quỳnh. Kế toán - Tài chính - Kho seller / Hà Thúy Quỳnh. - H. : Tri thức. - 24 cm. - 299000đ. - 1000b

T.2: Tài chính vững chãi - Thu lãi vững bền. - 2025. - 235 tr. : minh họa s618537

1650. Hill, Napoleon. Nghĩ giàu & làm giàu = Think and grow rich : Phiên bản mới / Napoleon Hill ; Hoàng Yến dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 376 tr. ; 21 cm. - 118000đ. - 30000b s619238

1651. Hill, Napoleon. Nghĩ giàu & làm giàu : 5 nguyên tắc vàng nghĩ giàu làm giàu, đánh thức khao khát làm giàu trong bạn / Napoleon Hill ; Lưu Đình biên dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 317 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: The 5 essential principles of think & grow rich s619349

1652. Inamori Kazuo. Tâm = 心 : Sức mạnh khiến cuộc đời như mình mong muốn / Inamori Kazuo ; Thanh Huyền dịch. - In lần 9. - H. : Công Thương, 2025. - 203 tr. ; 19 cm. - 89000đ. - 3000b s618809

1653. Khởi nghiệp kinh doanh online - Bán hàng hiệu quả trên TikTok / Giver b.s. - H. : Thế giới, 2025. - 224 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 199000đ. - 5000b s618923

1654. Kỹ năng mềm thiết yếu - Chìa khóa thành công : Sách tham khảo / Lê Thị Hồng Nhung, Lê Việt Linh, Dương Ngọc Phước (ch.b.)... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 366 tr. : bảng ; 21 cm. - 180000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Nông Lâm. - Thư mục: tr. 364-366 s618716

1655. Lập và phân tích báo cáo quản trị : Cách tạo ra báo cáo quản trị và thông tin nội bộ mà doanh nghiệp mong muốn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Thế giới, 2025. - 434 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách TACA). - 350000đ. - 2000b s619012

1656. Lê Bảo Toàn. Quản trị rủi ro doanh nghiệp theo Khung COSO 2017 tích hợp chiến lược và hiệu suất / Lê Bảo Toàn. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 317 tr. : minh họa ; 24 cm. - 220000đ. - 200b

Thư mục: tr. 310-317 s618726

1657. Lê Văn Thương. Làm giàu từ những gì đang có : Cẩm nang khởi nghiệp từ làng quê / Lê Văn Thương. - H. : Tri thức, 2025. - 118 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 68000đ. - 1000b s620021

1658. Lilley, Roy. Làm việc với người khó chịu / Roy Lilley ; Nguyễn Xuân Thảo dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 240 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 125000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Dealing with difficult people. - Thư mục: tr. 239 s618610

1659. Mai Quốc Bình. Khác biệt để vươn tầm / Mai Quốc Bình. - H. : Thế giới, 2025. - 319 tr. : minh họa ; 21 cm. - 252000đ. - 3000b s619006

1660. Mai Xuân Đạt. Đội trưởng : Cẩm nang thực chiến cho quản lý cấp trung / Mai Xuân Đạt. - H. : Công Thương, 2025. - 290 tr. : minh họa ; 24 cm. - 429000đ. - 300b

Phụ lục: tr. 281-290 s618836

1661. Mai Xuân Đạt. Tổ chức và đám đông : Hiệu suất cao - Hỗn loạn / Mai Xuân Đạt. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Công Thương, 2025. - 342 tr. : minh họa ; 24 cm. - 499000đ. - 300b

Phụ lục: tr. 333-342 s618833

1662. Marquardt, Michael J. Lãnh đạo bằng câu hỏi : Tìm giải pháp và lãnh đạo hiệu quả thông qua câu hỏi = Leading with questions : How leaders find the right solutions by knowing what to ask / Michael J. Marquardt ; Trần Thị Bích Nga dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Thế giới, 2025. - 308 tr. : bảng ; 21 cm. - 160000đ. - 1500b s619007

1663. Nghiêm Văn Lợi. Giáo trình Tổ chức kế toán / Nghiêm Văn Lợi ch.b. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Công Thương, 2025. - 435 tr. : bảng ; 21 cm. - 112000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Lao động - Xã hội. Khoa Kế toán. - Thư mục: tr. 434-435 s618818

1664. Nguyễn Minh Tuấn. Giáo trình Quản trị học / Nguyễn Minh Tuấn (ch.b.), Nguyễn Thị Bích Ngọc, Nguyễn Thị Hương. - Tái bản lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 199 tr. : minh họa ; 24 cm. - 65000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 199 s619036

1665. Nguyễn Thị Hồng Vân. Đào tạo thực chiến : Bí quyết để có đội ngũ nhân sự tinh nhuệ / Nguyễn Thị Hồng Vân. - H. : Công Thương, 2025. - 287 tr. : minh họa ; 19 cm. - 299000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 242. - Phụ lục: tr. 243-287 s620195

1666. Nhậm Học Minh. Triết lý làm giàu của người Do Thái / Nhậm Học Minh ; Dịch: Thành Khang, Thanh Nhân. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 342 tr. ; 21 cm. - 178000đ. - 1000b s618746

1667. Pease, Allan. Câu hỏi là câu trả lời = Questions are the answers : Hỏi đúng - Bán được / Allan Pease ; Phương Võ dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 119 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 62000đ. - 3000b s618791

1668. Phân tích báo cáo tài chính. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Thế giới, 2025. - 347 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách TACA). - 315000đ. - 2000b s619013

1669. Roach, Geshe Michael. Quản lý nghiệp : Khai mở thành công cá nhân và thịnh vượng tài chính dưới góc nhìn Phật giáo / Geshe Michael Roach, Lama Christie McNally, Michael Gordon ; Dịch: Thủy Hương, Hoàng Tùng. - In lần 25. - H. : Lao động, 2025. - 159 tr. : bảng, sơ đồ ; 20 cm. - 69000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Karmic management : What goes around comes around in your business and your life s618191

1670. Sinek, Simon. Bắt đầu câu hỏi tại sao : Nghệ thuật truyền cảm hứng trong kinh doanh / Simon Sinek ; Hoàng Việt dịch. - In lần 21. - H. : Công Thương, 2025. - 346 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Start with why s618826

1671. Sinek, Simon. Lý thuyết trò chơi trong kinh doanh : Khai mở tư duy, kiểm soát tâm trí và nắm bắt cơ hội để làm chủ cuộc chơi / Simon Sinek ; Hoàng Thị Minh Phúc dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 359 tr. : ảnh ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The infinite game s618814

1672. Trần Quang Phú. Giáo trình Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp vận tải : Dành cho ngành Khai thác vận tải / Trần Quang Phú (ch.b.), Nguyễn Hoàng Phương, Trần Thị Anh Thơ. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 272 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 276000đ. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 269-271 s618158

1673. Trần Quang Sang. Khởi nghiệp kinh doanh Food Apps : Công thức bán hàng thành công trên các nền tảng giao đồ ăn / Trần Quang Sang. - H. : Thế giới, 2025. - 253 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 199000đ. - 5000b s618919

1674. Trần Thị Thu Hương. Điểm tựa của thành công : Hành trình từ một người "làm thuê" trở thành người sáng lập điều hành doanh nghiệp IPO / Trần Thị Thu Hương. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 227 tr. ; 21 cm. - 368000đ. - 2000b s617815

1675. Trở thành chuyên gia : Hành trình chinh phục 12 thử thách - Kiến tạo bản thân & nâng tầm ảnh hưởng / Yumi Vân Anh, Huệ Yose, Diệp Thúy... - H. : Thế giới, 2025. - 357 tr. : ảnh ; 24 cm. - 368000đ. - 5000b s618967

1676. Verster, Peter. Khoa học cấp tốc về AI : Dành cho chủ doanh nghiệp tương lai / Peter Verster ; Phan Quốc Dũng dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 189 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 119000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: AI for business s620191

KỸ THUẬT HOÁ HỌC

1677. Giáo trình Công nghệ chế biến dầu và chất béo / Mai Huỳnh Cang (ch.b.), Nguyễn Bảo Việt, Phùng Võ Cẩm Hồng... - H. : Nông nghiệp, 2025. - 192 tr. : minh họa ; 24 cm. - 75000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 183-191 s619053

1678. Hội nghị khoa học toàn quốc về công nghệ sinh học 2025 = National biotechnology conference 2025 / Nguyen Huynh Phuong Tram, Pham Hoang Tinh, Tran Van Hieu... - H. : Nông nghiệp. - 29 cm. - 150b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

T.1. - 2025. - x, 694 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s619878

1679. Hội nghị khoa học toàn quốc về công nghệ sinh học 2025 = National biotechnology conference 2025 / Nguyễn Ngọc Tấn, Nguyễn Thanh Ngân, Phan Hữu Hương Trinh... - H. : Nông nghiệp. - 29 cm. - 150b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

T.2. - 2025. - x, 692 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s619879

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

1680. Gỗ & nội thất : Ấn phẩm của Hội Mỹ nghệ & chế biến gỗ Tp. Hồ Chí Minh (HAWA) / Ngô Viết Nam Sơn, Hiệp Ca, Phạm Đặng... - H. : Thông tấn. - 30 cm. - 2000b

T.106. - 2025. - 75 tr. : ảnh màu s619728

1681. Huỳnh Văn Trí. Giáo trình Đại cương công nghệ dệt may / Ch.b.: Huỳnh Văn Trí, Trần Thị Anh Đào. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 295 tr. : minh họa ; 24 cm. - 70000đ. - 300b

Thư mục: tr. 293-295 s619033

SẢN XUẤT CHUYÊN DỤNG

1682. Nguyễn Minh Phương. Thủ công nghiệp Quảng Nam - Đà Nẵng (1885 - 1945) : Sách chuyên khảo / Nguyễn Minh Phương. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 263 tr. : bảng ; 24 cm. - 230000đ. - 200b

Thư mục: tr. 235-253. - Phụ lục: tr. 254-263 s618914

NHÀ VÀ XÂY DỰNG

1683. Hướng dẫn xây dựng, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh thích ứng với biến đổi khí hậu : Tài liệu tham khảo. - H. : Y học, 2025. - 70 tr. : minh họa ; 30 cm. - 350b

ĐTTS ghi: Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường; Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc. - Thư mục: tr. 37. - Phụ lục: tr. 38-69 s618119

NGHỆ THUẬT, MỸ THUẬT VÀ NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ

1684. Adams, Sean. Tư duy màu sắc trong thiết kế : Hướng dẫn dùng màu sắc trong thiết kế đồ họa / Sean Adams ; Tuấn Anh dịch ; Thái Uyên h.đ. - H. : Thế giới, 2025. - 240 tr. : minh họa ; 22 cm. - 500000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: A real world guide to using color in graphic design s618991

1685. Ades, Dawn. Nghệ thuật Photomontage / Dawn Ades ; Phạm Minh Quân dịch ; Phạm Long h.đ. - H. : Thế giới, 2025. - 231 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Thế giới nghệ thuật). - 495000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 225-226 s618975

1686. Baby Three - Bữa tiệc bốn mùa : Bóc dán stickers sáng tạo / Minh họa: Hà Thì. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 7 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Rainbow). - 35000đ. - 3800b s620087

1687. Baby Three - Căn phòng bí mật : Bóc dán stickers sáng tạo / Minh họa: Hà Thì. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 7 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Rainbow). - 35000đ. - 3800b s620089

1688. Baby Three - Cửa hàng cảm xúc : Bóc dán stickers sáng tạo / Minh họa: Hà Thì. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 7 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Rainbow). - 35000đ. - 3800b s620088

1689. Baby Three và những người bạn : Sách tô màu. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - (Little Angel). - 68000đ. - 8000b s620115

1690. Bạn ở đâu, hạnh phúc ở đó : Sổ tô màu / HHJelly. - H. : Văn học, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 99000đ. - 2000b s620343
1691. Bé tập tô màu - Các loài chim / T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Quà cho bé). - 15000đ. - 3000b s618051
1692. Bé tập tô màu - Các nàng công chúa / T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Quà cho bé). - 15000đ. - 3000b s618052
1693. Bé tập tô màu - Đồ dùng gia đình / T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Quà cho bé). - 15000đ. - 3000b s618054
1694. Bé tập tô màu - Động vật dưới nước / T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Quà cho bé). - 15000đ. - 3000b s618060
1695. Bé tập tô màu - Động vật hoang dã / T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Quà cho bé). - 15000đ. - 3000b s618055
1696. Bé tập tô màu - Động vật nuôi / T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Quà cho bé). - 15000đ. - 3000b s618056
1697. Bé tập tô màu - Khủng long / T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Quà cho bé). - 15000đ. - 3000b s618057
1698. Bé tập tô màu - Phương tiện giao thông / T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Quà cho bé). - 15000đ. - 3000b s618059
1699. Bé tập tô màu - Rau củ / T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Quà cho bé). - 15000đ. - 3000b s618053
1700. Bé tập tô màu - Trái cây / T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Quà cho bé). - 15000đ. - 3000b s618058
1701. Bé tô màu : 0 - 3 tuổi / Beijing Little Red Flower Studio, Bảo Ngân. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 25000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 24 tr. : hình vẽ s618069
1702. Bé tô màu : 0 - 3 tuổi / Beijing Little Red Flower Studio, Bảo Ngân. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 25000đ. - 5000b
T.6. - 2025. - 24 tr. : hình vẽ s618070
1703. Bé tô màu - Các loại quả : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé học mẫu giáo / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cầu vồng). - 12000đ. - 5000b
Chính văn bằng 2 thứ tiếng: Việt - Anh s619471
1704. Bé tô màu - Đồ chơi của bé : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé học mẫu giáo / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cầu vồng). - 12000đ. - 5000b
Chính văn bằng 2 thứ tiếng: Việt - Anh s619472
1705. Bé tô màu - Động vật hoang dã : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé học mẫu giáo / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cầu vồng). - 12000đ. - 5000b
Chính văn bằng 2 thứ tiếng: Việt - Anh s619473
1706. Bé tô màu - Vật nuôi của bé : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho bé học mẫu giáo / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cầu vồng). - 12000đ. - 5000b

Chính văn bằng 2 thứ tiếng: Việt - Anh s619474

1707. Bé tô màu - Vương quốc xe hơi. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 27 cm. - 12000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s618214

1708. Bé tô màu - Wild Dinos! / Abbooks. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s619726

1709. Bí mật của công chúa Aurora - Công viên gần nhà : Dán hình thông minh : Hơn 200 sticker đáng yêu / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 16x22 cm. - 38000đ. - 5000b s619945

1710. Bí mật của công chúa Aurora - Cuộc sống ở nông thôn : Dán hình thông minh : Hơn 200 sticker đáng yêu / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 16x22 cm. - 38000đ. - 500b s619946

1711. Bí mật của công chúa Aurora - Cửa hàng phụ kiện lắp ráp : Dán hình thông minh : Hơn 200 sticker đáng yêu / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 16x22 cm. - 38000đ. - 500b s619947

1712. Bí mật của công chúa Aurora - Phố ẩm thực nổi tiếng : Dán hình thông minh : Hơn 200 sticker đáng yêu / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 16x22 cm. - 38000đ. - 5000b s619944

1713. Bí mật của công chúa Aurora - Tiệm nail xinh đẹp : Dán hình thông minh : Hơn 200 sticker đáng yêu / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 16x22 cm. - 38000đ. - 500b s619948

1714. Bóc dán decal thông minh sticker công chúa / Nam Thuận. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 38000đ. - 3000b s618213

1715. Bóc dán sử dụng nhiều lần: Phương tiện giao thông : Thỏa sức sáng tạo trên nhiều bề mặt : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Khánh Vân ; Minh họa: Nga Coca. - H. : Lao động, 2025. - 1 tr. : hình vẽ + 1 tờ đề can ; 28 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 79000đ. - 2000b s618093

1716. Capybara - Du lịch chữa lành : 100+ stickers ngộ nghĩnh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Angel). - 35000đ. - 6000b s620090

1717. Capybara - Du lịch trải nghiệm : Bóc dán stickers sáng tạo / Minh họa: Hà Thì. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Rainbow). - 35000đ. - 6000b s620096

1718. Capybara - Đầu bếp tài ba : 100+ stickers ngộ nghĩnh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Angel). - 35000đ. - 6000b s620091

1719. Capybara - Góc nhỏ hạnh phúc : 100+ stickers ngộ nghĩnh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Angel). - 35000đ. - 6000b s620093

1720. Capybara - Kinh doanh nhà hàng : Bóc dán stickers sáng tạo / Minh họa: Hà Thì. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Rainbow). - 35000đ. - 6000b s620095

1721. Capybara - Kỳ nghỉ ở nhà : Bóc dán stickers sáng tạo / Minh họa: Hà Thì. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Rainbow). - 35000đ. - 6000b s620094

1722. Capybara - Lễ hội bốn mùa : 100+ stickers ngộ nghĩnh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Angel). - 35000đ. - 6000b s620097

1723. Capybara - Thành phố vui nhộn : 100+ stickers ngộ nghĩnh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Angel). - 35000đ. - 6000b s620092
1724. Capybara & hành trình về tuổi thơ : Sách tô màu. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - (Little Angel). - 68000đ. - 5000b s620117
1725. Capybara funny time - Thời gian vui vẻ / @LANT, Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 95 tr. : tranh vẽ ; 19x24 cm. - 86000đ. - 10000b s620102
1726. Chibi fashion - Công chúa cánh tiên : 100+ stickers dễ thương / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 15 cm. - 28000đ. - 6000b s620079
1727. Chibi fashion - Công chúa cổ tích : 100+ stickers dễ thương / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 15 cm. - 28000đ. - 6000b s620074
1728. Chibi fashion - Công chúa hiện đại : 100+ stickers dễ thương / Minh họa: Lê Ánh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 15 cm. - (Little Rainbow). - 28000đ. - 6000b s620081
1729. Chibi fashion - Công chúa nghệ sĩ : 100+ stickers dễ thương / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 15 cm. - 28000đ. - 6000b s620078
1730. Chibi fashion - Công chúa tiên cá : 100+ stickers dễ thương / Minh họa: Lê Ánh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 15 cm. - (Little Rainbow). - 28000đ. - 6000b s620080
1731. Con tô màu - Thám hiểm rừng nhiệt đới / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 32000đ. - 1500b s618454
1732. Cuốn sách tô màu đầu tiên của tớ - Côn trùng : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Kirsteen Robson ; Minh họa: Jenny Brown ; Minh Trang dịch. - In lần thứ 4. - H. : Văn học, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 25000đ. - 1000b s619224
1733. Cuốn sách tô màu đầu tiên của tớ: Giáng sinh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Kirsteen Robson ; Minh họa: Jenny Brown ; Minh Trang dịch. - In lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 25000đ. - 1000b s619221
1734. Cuốn sách tô màu đầu tiên của tớ: Khu vườn xinh đẹp : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Kirsteen Robson ; Minh họa: Jenny Brown ; Minh Trang dịch. - In lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 25000đ. - 1000b s619222
1735. Cuốn sách tô màu đầu tiên của tớ: Khủng long : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Kirsteen Robson ; Minh họa: Jenny Brown ; Minh Trang dịch. - In lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 25000đ. - 1000b s619223
1736. Dán hình công chúa - Trang phục dạ hội : Bóc dán sử dụng nhiều lần. Thỏa sức sáng tạo trên nhiều bề mặt : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Khánh Vân ; Minh họa: Phạm Lê Thu Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 3 tr. : tranh màu ; 31 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 79000đ. - 2000b s618400
1737. Dán hình công chúa - Trang phục duyên dáng : Bóc dán sử dụng nhiều lần. Thỏa sức sáng tạo trên nhiều bề mặt : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Khánh Vân ; Minh họa: Phạm Lê Thu Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 3 tr. : tranh màu ; 31 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 79000đ. - 2000b s618401
1738. Dán hình công chúa - Trang phục sành điệu : Bóc dán sử dụng nhiều lần. Thỏa sức sáng tạo trên nhiều bề mặt : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Khánh Vân ; Minh họa: Phạm Lê Thu Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 3 tr. : tranh màu ; 31 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 79000đ. - 2000b s618403

1739. Dán hình công chúa - Trang phục và mẫu tóc : Bóc dán sử dụng nhiều lần. Thỏa sức sáng tạo trên nhiều bề mặt : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Khánh Vân ; Minh họa: Phạm Lê Thu Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 3 tr. : tranh màu ; 31 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 79000đ. - 2000b s618404

1740. Dán hình công chúa - Trang phục và phụ kiện : Bóc dán sử dụng nhiều lần. Thỏa sức sáng tạo trên nhiều bề mặt : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Khánh Vân ; Minh họa: Phạm Lê Thu Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 3 tr. : tranh màu ; 31 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 79000đ. - 2000b s618402

1741. Đi khắp Việt Nam - Tô màu đất nước : Sách tô màu / Tranh: Lê Đức Hùng ; Lời: Mai Chi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 64 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 88000đ. - 6000b s620120

1742. Em tập tô màu - Chủ đề Các loài hoa / Chính Bình. - Tái bản lần 2. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s619725

1743. Em tập tô màu - Chủ đề Các loại rau, củ / Chính Bình. - Tái bản lần 2. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s619723

1744. Em tập tô màu - Chủ đề Các phương tiện giao thông / Chính Bình. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s619722

1745. Em tập tô màu - Chủ đề Côn trùng và các loài bò sát / Chính Bình. - Tái bản lần 2. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s619724

1746. Fashion show - Baby Three : 100+ sticker siêu đáng yêu / Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 15 cm. - 32000đ. - 10000b s620326

1747. Fashion show - Bé tập làm stylist : 100+ sticker siêu đáng yêu / Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 11 tr. : hình vẽ ; 15 cm. - 32000đ. - 10000b s620324

1748. Fashion show - Công chúa mùa đông : 100+ sticker siêu đáng yêu / Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 15 cm. - 32000đ. - 10000b s620329

1749. Fashion show - Công chúa mùa thu : 100+ sticker siêu đáng yêu / Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 15 cm. - 32000đ. - 10000b s620328

1750. Fashion show - Công chúa mùa xuân : 100+ sticker siêu đáng yêu / Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 15 cm. - 32000đ. - 10000b s620330

1751. Fashion show - Công chúa tóc mây : 100+ sticker siêu đáng yêu / Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 15 cm. - 32000đ. - 10000b s620325

1752. Fashion show - Nàng tiên cá : 100+ sticker siêu đáng yêu / Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 15 cm. - 32000đ. - 10000b s620327

1753. Ghép hình sticker 3D - Đại dương 01 / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 18 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 45000đ. - 2800b s618071

1754. Ghép hình sticker 3D - Đại dương 02 / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 18 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 45000đ. - 2800b s618072

1755. Ghép hình sticker 3D - Đại dương 03 / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 18 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 45000đ. - 2800b s618073

1756. Girl holiday - Traveling diary coloring book / Mito Hapi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 87 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 68000đ. - 3700b s618083

1757. Góc nhỏ có nắng / Minh họa: Thanh Nhã. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 60 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - (Little Rainbow). - 68000đ. - 2000b s620116
1758. Hạnh phúc nhỏ của Capybara : Sách tô màu. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - (Little Angel). - 68000đ. - 5000b s620114
1759. Họa tiết hạnh phúc - Tô màu sáng tạo / DHoan. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 25 cm. - 68000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 72 tr. : tranh vẽ s618081
1760. Họa tiết hạnh phúc - Tô màu sáng tạo / DHoan. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 25 cm. - 68000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 70 tr. : tranh vẽ s618082
1761. Khu vườn nhỏ có hoa cỏ bình yên : Sách tô nét / Minh họa: Nar. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 60 tr. : tranh màu ; 19x27 cm. - (Little rainbow). - 78000đ. - 5700b s620121
1762. Massey, Anne. Thiết kế nội thất từ 1900 / Anne Massey ; Phạm Minh Quân dịch ; Phạm Long h.đ. - H. : Thế giới, 2025. - 271 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Thế giới nghệ thuật). - 495000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 259-263 s618976
1763. McCloud, Scott. Giải mã truyện tranh: Một nghệ thuật vô hình / Scott McCloud ; Dịch: Linh Uyên, Quỳnh Như ; Phương Huyền h.đ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 232 tr. : tranh vẽ ; 29 cm. - 199000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Understanding comics: The invisible art s618439
1764. McCloud, Scott. Sáng tác truyện tranh : Bí quyết chinh phục comics, manga và graphic novel / Scott McCloud ; Quacakidieu dịch ; Thành Phong h.đ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - vi, 266 tr. : tranh vẽ ; 29 cm. - 199000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Making Comics: Storytelling secrets of comics, manga and graphic novels s618440
1765. Mini fashion - Baby Three : 100+ stickers dễ thương / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 15 cm. - 32000đ. - 5700b s620075
1766. Mini fashion - Lucky Meow : 100+ stickers dễ thương / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 15 cm. - 32000đ. - 5700b s620073
1767. Mini fashion - Mèo Catty : 100+ stickers dễ thương / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 15 cm. - 32000đ. - 5700b s620076
1768. Mini fashion - Yooki : 100+ stickers dễ thương / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 15 cm. - 32000đ. - 5700b s620072
1769. Mini fashion show - Baby Three : 100+ stickers dễ thương. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 16 cm. - (Little Angel). - 29000đ. - 5000b s620083
1770. Mini fashion show - Cún Poodle : 100+ stickers dễ thương. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 16 cm. - (Little Angel). - 29000đ. - 5000b s620082
1771. Mini fashion show - Gấu Teddy : 100+ stickers dễ thương. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 16 cm. - (Little Angel). - 29000đ. - 5000b s620084
1772. Mini fashion show - Thỏ Bunny : 100+ stickers dễ thương. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 16 cm. - (Little Angel). - 29000đ. - 5000b s620085
1773. Một ngày bình thường, một ngày hạnh phúc / Chao. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 135 tr. : tranh vẽ ; 19x21 cm. - 155000đ. - 1000b s620106

1774. Neufert, Ernst. Sổ tay các loại công trình xây dựng - Dữ liệu kiến trúc sư / Ernst Neufert ; Đinh Đức Hậu dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - xiv, 433 tr. : hình vẽ, bảng ; 29 cm. - 215000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 413-428 s618418

1775. Nghệ thuật Phật giáo & Hindu giáo qua sưu tập hiện vật văn hóa Óc Eo tại Bảo tàng An Giang / Nguyễn Thị Tú Anh, Nguyễn Hoàng Bách Linh, Phạm Ngọc Uyên, Hồ Thị Hồng Chi. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 244 tr. : minh họa ; 24 cm. - 299b

Thư mục: tr. 201-241 s618725

1776. Nguyễn Thị Ngọc Dung. Giáo trình Phương pháp dạy học âm nhạc (Dalcroze, Kodály, Orff-Schulwerk) / Nguyễn Thị Ngọc Dung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 175 tr. : minh họa ; 30 cm. - 150000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Sài Gòn. - Thư mục: tr. 174-175 s619710

1777. Nhật ký của Cappybara : Sách tô màu. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - (Little Angel). - 68000đ. - 5000b s620118

1778. Nối số và tô màu - Những con vật dễ thương : Song ngữ Anh - Việt / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 27000đ. - 5000b s618144

1779. Nối số và tô màu - Những con vật ngộ nghĩnh : Song ngữ Anh - Việt / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 27000đ. - 5000b s618145

1780. Nối số và tô màu - Những con vật thân thiện : Song ngữ Anh - Việt / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 27000đ. - 5000b s618143

1781. Nối số và tô màu - Những con vật tinh nghịch : Song ngữ Anh - Việt / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 27000đ. - 5000b s618146

1782. Phan Thư Hiền. Những người neo giữ hồn quê xứ Nghệ / Phan Thư Hiền. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 471 tr. : ảnh ; 24 cm. - 250000đ. - 500b

Thư mục: tr. 464-465 s619408

1783. Rasmus Hoài Nam. Beethoven - Nhà soạn nhạc cổ điển vĩ đại thế giới / Rasmus Hoài Nam b.s. - H. : Văn học, 2025. - 165 tr. ; 21 cm. - (Kể chuyện cuộc đời các thiên tài). - 60000đ. - 1000b s619187

1784. Sách bóc dán giúp phát triển toàn diện cho trẻ - Các hoạt động thú vị : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Youyoushu ; Thu Ngân dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 29000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 世界经典专注力贴纸游戏0-3岁 s619217

1785. Sách bóc dán giúp phát triển toàn diện cho trẻ - Cuộc sống muôn màu : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Youyoushu ; Thu Ngân dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 29000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 世界经典专注力贴纸游戏0-3岁 s619216

1786. Sách bóc dán giúp phát triển toàn diện cho trẻ - Động thực vật quanh em : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Youyoushu ; Thu Ngân dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 29000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 世界经典专注力贴纸游戏0-3岁 s619214

1787. Sách bóc dán giúp phát triển toàn diện cho trẻ - Khám phá cuộc sống : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Youyoushu ; Thu Ngân dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 29000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 世界经典专注力贴纸游戏0-3岁 s619219

1788. Sách bóc dán giúp phát triển toàn diện cho trẻ - Nhận biết các hình dạng, sự vật : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Youyoushu ; Thu Ngân dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 29000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 世界经典专注力贴纸游戏0-3岁 s619218

1789. Sách bóc dán giúp phát triển toàn diện cho trẻ - Những sự vật đáng yêu : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Youyoushu ; Thu Ngân dịch. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 29000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 世界经典专注力贴纸游戏0-3岁 s619220

1790. Sách bóc dán giúp phát triển toàn diện cho trẻ - Những trò chơi vui nhộn : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Youyoushu ; Thu Ngân dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 29000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 世界经典专注力贴纸游戏0-3岁 s619215

1791. Sách bóc dán giúp phát triển toàn diện cho trẻ - Thế giới diệu kỳ : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Youyoushu ; Thu Ngân dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 29000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 世界经典专注力贴纸游戏0-3岁 s619282

1792. Sách bóc dán phát triển ngôn ngữ và nhận biết - Giáng sinh : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Langue au Chat ; Dịch: Phạm Nhân, Thành Đạt. - H. : Thế giới, 2025. - 16 tr. : ảnh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Pháp: Mon bel imagier à compléter - Mon joyeux Noël s619024

1793. Sách dán hình - Capy & chuyến du hành vũ trụ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 15x22 cm. - (Little Angel). - 42000đ. - 5000b s620109

1794. Sách dán hình - Capy & công viên giải trí. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 15x22 cm. - (Little Angel). - 42000đ. - 5000b s620108

1795. Sách dán hình - Capy đi mua sắm. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 15x22 cm. - (Little Angel). - 42000đ. - 5000b s620107

1796. Sách mặt nạ: Cắt + tô màu động vật : Thoả sức sáng tạo chiếc mặt nạ của riêng em : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Emma Smith ; Tranh: Holly McRowan ; Ngọc Anh dịch. - In lần thứ 2. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 28 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 39000đ. - 1000b s619799

1797. Sách mặt nạ: Cắt + tô màu khủng long : Thoả sức sáng tạo chiếc mặt nạ của riêng em : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Emma Smith ; Tranh: Holly McRowan ; Ngọc Anh dịch. - In lần thứ 2. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 28 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 39000đ. - 1000b s619797

1798. Sách mặt nạ: Cắt + tô màu ngựa một sừng : Thoả sức sáng tạo chiếc mặt nạ của riêng em : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Lời: Emma Smith ; Tranh: Holly McRowan ; Ngọc Anh dịch. - In lần thứ 2. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 28 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 39000đ. - 1000b s619798

1799. Sách tô màu - Muôn nơi én tới / Koi, Nguyễn Mạnh Phúc, Vương Diệu... - H. : Hồng Đức, 2025. - 66 tr. : tranh màu ; 19x24 cm. - 109000đ. - 5000b s619960

1800. Sách trang điểm - Công chúa cá tính : IQ - EQ - CQ : Sticker trong suốt lấp lánh / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 18 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 44000đ. - 3000b s619939
1801. Sách trang điểm - Công chúa kiều diễm : IQ - EQ - CQ : Sticker trong suốt lấp lánh / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 18 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 44000đ. - 3000b s619943
1802. Sách trang điểm - Công chúa sắc màu : IQ - EQ - CQ : Sticker trong suốt lấp lánh / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 18 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 44000đ. - 3000b s619941
1803. Sách trang điểm - Công chúa thông minh : IQ - EQ - CQ : Sticker trong suốt lấp lánh / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 18 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 44000đ. - 3000b s619940
1804. Sách trang điểm - Công chúa tình nghịch : IQ - EQ - CQ : Sticker trong suốt lấp lánh / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 18 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 44000đ. - 3000b s619942
1805. Sách trang điểm công chúa Hàn Quốc - Mina : Thỏa sức sáng tạo cùng sticker trong suốt / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 45000đ. - 3500b s618453
1806. Sách trang điểm Hana - Công chúa Hàn Quốc : Phát triển tư duy, màu sắc, thỏa sức sáng tạo / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr., 2 tr. đề can : tranh vẽ ; 27 cm. - 45000đ. - 5500b s618451
1807. Sách trang điểm ngôi sao Hàn Quốc : IQ - EQ - CQ. Sticker hình dán trang sức. Thỏa sức sáng tạo cho các ngôi sao / Khánh Huyền. - H. : Văn học. - 27 cm. - 44000đ. - 5000b T.1. - 2025. - 18 tr. : tranh vẽ s618148
1808. Sách trang điểm ngôi sao Hàn Quốc : IQ - EQ - CQ. Sticker hình dán trang sức. Thỏa sức sáng tạo cho các ngôi sao / Khánh Huyền. - H. : Văn học. - 27 cm. - 44000đ. - 5000b T.2. - 2025. - 18 tr. : tranh vẽ s618149
1809. Sách trang điểm ngôi sao Hàn Quốc : IQ - EQ - CQ. Sticker hình dán trang sức. Thỏa sức sáng tạo cho các ngôi sao / Khánh Huyền. - H. : Văn học. - 27 cm. - 44000đ. - 5000b T.3. - 2025. - 18 tr. : tranh vẽ s618150
1810. Sách trang điểm ngôi sao Hàn Quốc : IQ - EQ - CQ. Sticker hình dán trang sức. Thỏa sức sáng tạo cho các ngôi sao / Khánh Huyền. - H. : Văn học. - 27 cm. - 44000đ. - 5000b T.4. - 2025. - 18 tr. : tranh vẽ s618151
1811. Sách trang điểm ngôi sao Hàn Quốc : IQ - EQ - CQ. Sticker hình dán trang sức. Thỏa sức sáng tạo cho các ngôi sao / Khánh Huyền. - H. : Văn học. - 27 cm. - 44000đ. - 5000b T.5. - 2025. - 18 tr. : tranh vẽ s618153
1812. Sách trang điểm ngôi sao Hàn Quốc : IQ - EQ - CQ. Sticker hình dán trang sức. Thỏa sức sáng tạo cho các ngôi sao / Khánh Huyền. - H. : Văn học. - 27 cm. - 44000đ. - 5000b T.6. - 2025. - 18 tr. : tranh vẽ s618152
1813. Sách trò chơi đồ hàng - Du lịch biển : Sách sticker an toàn siêu đáng yêu / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 8 tr., 2 tr. đề can : tranh màu ; 25 cm. - 35000đ. - 2200b s618452
1814. Sách trò chơi đồ hàng - Đi siêu thị : Sách sticker an toàn siêu đáng yêu / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 8 tr., 2 tr. đề can : tranh màu ; 25 cm. - 35000đ. - 2200b s618080

1815. Secret corner - Baby Three coloring : Góc bí mật Baby Three / Minh họa: Lan Anh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 62 tr. : tranh vẽ ; 19x20 cm. - (Little rainbow). - 65000đ. - 5700b s620122
1816. Sổ tô màu Chibi: Lạc vào thế giới cổ tích / Lê Phạm Diễm Quỳnh. - H. : Lao động, 2025. - 56 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 88000đ. - 2000b s620169
1817. Sticker cờ các quốc gia trên thế giới - Châu Á : Dán hình phát triển IQ - EQ - CQ / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr., 2 tr. đề can : tranh vẽ ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s619787
1818. Sticker cờ các quốc gia trên thế giới - Châu Âu : Dán hình phát triển IQ - EQ - CQ / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 23 tr., 2 tr. đề can : tranh vẽ ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s619789
1819. Sticker cờ các quốc gia trên thế giới - Châu Mỹ và châu Đại Dương : Dán hình phát triển IQ - EQ - CQ / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr., 2 tr. đề can : tranh vẽ ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s619788
1820. Sticker cờ các quốc gia trên thế giới - Châu Phi : Dán hình phát triển IQ - EQ - CQ / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr., 2 tr. đề can : tranh vẽ ; 27 cm. - 50000đ. - 3000b s619786
1821. Sticker princess - Dán hình thời trang: Công chúa Ariel : Các bé phát huy óc thẩm mỹ thời trang : Sticker bóc dán trong suốt / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 19 tr., 4 tờ đề can : tranh màu ; 19 cm. - 45000đ. - 5000b s619246
1822. Sticker princess - Dán hình thời trang: Công chúa Belle : Các bé phát huy óc thẩm mỹ thời trang : Sticker bóc dán trong suốt / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 19 tr., 4 tờ đề can : tranh màu ; 19 cm. - 45000đ. - 5000b s619247
1823. Tập tô theo nét - Động vật biển / Hoàng Sơn. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 5000b s619683
1824. Thị trấn nhỏ hạnh phúc : Sách tô màu. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - (Little Angel). - 68000đ. - 6000b s620119
1825. Tiệm làm nail - Công chúa Biển Xanh / Minh họa: Thanh Huyền. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Rainbow). - 45000đ. - 5700b s620100
1826. Tiệm làm nail - Công chúa Cổ tích / Minh họa: Thanh Huyền. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Rainbow). - 45000đ. - 5700b s620101
1827. Tiệm làm nail - Công chúa Hoạt hình / Minh họa: Hồ Anh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Rainbow). - 45000đ. - 5700b s620098
1828. Tiệm làm nail - Công chúa Kẹo Ngọt / Minh họa: Hồ Anh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Little Rainbow). - 45000đ. - 5700b s620099
1829. Tô màu Baby Three / Bachakids. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b T.1. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s618066
1830. Tô màu Baby Three / Bachakids. - In lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b T.1. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s618048
1831. Tô màu Baby Three / Bachakids. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b T.2. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s618067

1832. Tô màu Baby Three / Bachakids. - In lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s618049
1833. Tô màu Baby Three / Bachakids. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.3. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s618068
1834. Tô màu Baby Three / Bachakids. - In lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.3. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s618050
1835. Tô màu công chúa dạ tiệc / Mật Đào ; Huyền Linh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 14 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 3000b s619810
1836. Tô màu công chúa huyền bí / Mật Đào ; Huyền Linh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 14 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 3000b s619813
1837. Tô màu công chúa kiêu sa / Mật Đào ; Huyền Linh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 14 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 3000b s619812
1838. Tô màu công chúa mắt biếc / Mật Đào ; Huyền Linh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 14 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 3000b s619814
1839. Tô màu công chúa mộng mơ / Mật Đào ; Huyền Linh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 14 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 3000b s619811
1840. Tô màu Kuromi và những người bạn / Bachakids. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s618047
1841. Tô màu Kuromi và những người bạn / Bachakids. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s618062
1842. Tô màu Kuromi và những người bạn / Bachakids. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.3. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s618063
1843. Tô màu Kuromi và những người bạn / Bachakids. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.4. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s618064
1844. Tô màu Kuromi và những người bạn / Bachakids. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.5. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s618065
1845. Tô màu Ta ta ta ta Sahur / Bachakids. - H. : Tri thức. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s618541
1846. Tô màu Ta ta ta ta Sahur / Bachakids. - H. : Tri thức. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s618542
1847. Tô màu Ta ta ta ta Sahur / Bachakids. - H. : Tri thức. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.3. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s618543
1848. Tô màu trải nghiệm - Khám phá nghề nghiệp / Hồng Trang b.s. ; Minh họa: Trung Nghĩa. - H. : Văn học, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 15x23 cm. - 30000đ. - 2000b s620340
1849. Tô màu trải nghiệm - Phương tiện giao thông / Hồng Trang b.s. ; Minh họa: Trung Nghĩa. - H. : Văn học, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 15x23 cm. - 30000đ. - 5000b s620341

1850. Tô màu trải nghiệm - Sắc màu quốc kì / Hồng Trang b.s. ; Minh họa: Trung Nghĩa. - H. : Văn học, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 15x23 cm. - 30000đ. - 50000b s620342
1851. Tô màu trải nghiệm - Thế giới xe / Hồng Trang b.s. ; Minh họa: Trung Nghĩa. - H. : Văn học, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 15x23 cm. - 30000đ. - 50000b s620339
1852. Tô màu trải nghiệm - Thiên hà thời trang / Hồng Trang b.s. ; Minh họa: Châm Anh. - H. : Văn học, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 15x23 cm. - 30000đ. - 20000b s620338
1853. Tô màu trải nghiệm - Vũ trụ rực rỡ / Hồng Trang b.s. ; Minh họa: Bảo Trân. - H. : Văn học, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 15x23 cm. - 30000đ. - 5000b s620337
1854. Tô màu tự do - Em tô tuổi thơ, vẽ nụ cười / Hoàng Sơn. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 48 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 48000đ. - 5000b s620289
1855. Trò chơi bóc dán stickers (IQ - EQ - CQ) - Siêu xe / Thùy Linh. - H. : Văn học, 2025. - 12 tr. : ảnh ; 21 cm. - 35000đ. - 2000b s619273
1856. Trò chơi bóc dán stickers (IQ - EQ - CQ) - Xe công trình / Thùy Linh. - H. : Văn học, 2025. - 12 tr. : ảnh ; 21 cm. - 35000đ. - 2000b s619272
1857. Trò chơi bóc dán stickers (IQ - EQ - CQ) - Xe thể thao / Thùy Linh. - H. : Văn học, 2025. - 12 tr. : ảnh ; 21 cm. - 35000đ. - 2000b s619271
1858. Trò chơi bóc dán stickers (IQ - EQ - CQ) - Xe thông dụng / Thùy Linh. - H. : Văn học, 2025. - 12 tr. : ảnh ; 21 cm. - 35000đ. - 2000b s619274
1859. Trò chơi trang trí stickers - Bé chơi thể thao / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 6 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s619292
1860. Trò chơi trang trí stickers - Bé đi cắm trại : Sách dán hình sáng tạo : 100++ stickers siêu dễ thương / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 5 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s619286
1861. Trò chơi trang trí stickers - Bé đi mua sắm : Sách dán hình sáng tạo : 100++ stickers siêu dễ thương / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 5 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s619287
1862. Trò chơi trang trí stickers - Bé đi siêu thị / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 6 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s619291
1863. Trò chơi trang trí stickers - Bé đi tham quan : Sách dán hình sáng tạo : 100++ stickers siêu dễ thương / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 5 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s619290
1864. Trò chơi trang trí stickers - Bé đi thủy cung : Sách dán hình sáng tạo : 100++ stickers siêu dễ thương / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 5 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s619284
1865. Trò chơi trang trí stickers - Bé làm vườn : Sách dán hình sáng tạo : 100++ stickers siêu dễ thương / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 5 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s619288
1866. Trò chơi trang trí stickers - Bé tham gia bữa tiệc : Sách dán hình sáng tạo : 100++ stickers siêu dễ thương / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 5 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s619289
1867. Trò chơi trang trí stickers - Bé vui chơi lễ hội : Sách dán hình sáng tạo : 100++ stickers siêu dễ thương / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 5 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s619285

1868. Trò chơi trang trí stickers - Công viên khủng long / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 6 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s619293

1869. Vé khứ hồi của mùa hè / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 70 tr. ; 19x25 cm. - 76000đ. - 5000b s620344

1870. Whitford, Frank. Bauhaus / Frank Whitford ; Phạm Long dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 215 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Thế giới nghệ thuật). - 495000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 208-210 s618977

THỂ THAO, NGHỆ THUẬT VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ BIỂU DIỄN

1871. 365 ngày siêu trí tuệ nhí : Phát triển tư duy logic IQ cho trẻ em : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / StarKids. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - (Tủ sách Cùng con vui học mỗi ngày). - 35000đ. - 1700b

T.2. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s617927

1872. 365 ngày siêu trí tuệ nhí : Phát triển tư duy logic IQ cho trẻ em : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / StarKids. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - (Tủ sách Cùng con vui học mỗi ngày). - 35000đ. - 1400b

T.3. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s617895

1873. 365 ngày siêu trí tuệ nhí : Phát triển tư duy logic IQ cho trẻ em : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / StarKids. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - (Tủ sách Cùng con vui học mỗi ngày). - 35000đ. - 1800b

T.4. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s617896

1874. 365 ngày siêu trí tuệ nhí : Phát triển tư duy logic IQ cho trẻ em : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / StarKids. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - (Tủ sách Cùng con vui học mỗi ngày). - 35000đ. - 1400b

T.5. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s617897

1875. Bowman, Lucy. Chơi cờ vua cùng bé - Ván cờ hoàn chỉnh = Chess book : Sách tương tác tuổi 3+ / Lucy Bowman ; BabyChess dịch ; Lương Nhật Linh h.đ. ; Minh họa: Candice Whatmore. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 78000đ. - 1000b s617939

1876. Chương trình Thể dục thể thao ngoại khóa cho học sinh phổ thông các tỉnh miền Bắc Việt Nam : Sách chuyên khảo / B.s.: Đinh Quang Ngọc (ch.b.), Nguyễn Đại Dương, Nguyễn Văn Phúc, Mai Thị Bích Ngọc. - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 147 tr. : bảng ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh. - Thư mục: tr. 138-145 s619055

1877. Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển bền vững thể dục thể thao cho học sinh, sinh viên : Sách chuyên khảo : Dành cho sinh viên đại học và sau đại học Thể dục thể thao / B.s.: Nguyễn Thu Nga, Trần Thị Nhu, Ngô Xuân Đức, Bùi Quang Hải. - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 216 tr. : bảng ; 21 cm. - 225000đ. - 120b

Thư mục: tr. 200-211 s619054

1878. Cuốn sách không lò về trò chơi tư duy - Big pencil & paper games pad : Sách tương tác tuổi 5+ / Simon Tudhope ; Thu Thảo dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 56000đ. - 1000b s618423

1879. Cuốn sách không lò về trò chơi tư duy - Big puzzle pad : Sách tương tác tuổi 5+ / Sam Smith, Kirsteen Robson ; Thu Thảo dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 56000đ. - 1000b s618424

1880. Cuốn sách không lò về trò chơi tư duy - Holiday activity pad : Sách tương tác tuổi 5+ / Sam Smith, Kirsteen Robson ; Thu Thảo dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 56000đ. - 1000b s618421

1881. Cuốn sách không lò về trò chơi tư duy - Maps activity pad : Sách tương tác tuổi 5+ / Sam Smith ; Thu Thảo dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 56000đ. - 1000b s618422

1882. Dalby, Elizabeth. Cờ vua - Những bước đi đầu tiên của kiện tướng = Complete book of chess / Elizabeth Dalby ; Ngân Hạnh dịch ; Lương Nhật Linh h.đ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 24 cm. - 92000đ. - 1500b s617937

1883. Daynes, Katie. Chơi cờ vua cùng bé - Trò chơi phát triển toàn diện = My first chess book : Sách tương tác tuổi 3+ / Katie Daynes ; BabyChess dịch ; Lương Nhật Linh h.đ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 39 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 58000đ. - 1000b s617938

1884. Đặng Thúy. Hỏi đáp nhanh trí - Vô địch hải hươc : 8+ / Đặng Thúy b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 123 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Intellectual development series). - 78000đ. - 2000b s618024

1885. Giáo trình Pickleball / B.s.: Cao Hoàng Khuyến, Đào Thị Thu, Lê Vũ Kiều Hoa (ch.b.)... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 164 tr. : minh họa ; 24 cm. - 98000đ. - 100b s619452

1886. Hoàng Kim Dung. Nghệ thuật múa rối Việt Nam - Con đường phát triển / Hoàng Kim Dung. - H. : Sân khấu, 2025. - 419 tr. ; 21 cm. - 210b
Thư mục: tr. 412-416 s619400

1887. Hội thảo DANAFF III: Tiêu điểm điện ảnh Hàn Quốc và phát triển tài năng trẻ / Hoàng Dạ Vũ, Nguyễn Hoàng Quý Hà, Hồ Khánh Vân... ; Ngô Phương Lan ch.b. ; Dịch: Trịnh Vũ Hiệp... - H. : Văn học, 2025. - 499 tr. : ảnh màu ; 19 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Hiệp hội Xúc tiến phát triển Điện ảnh Việt Nam s620322

1888. Hương Hương. Hỏi đáp nhanh trí - Nâng cấp IQ : 8+ / Hương Hương b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 123 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Intellectual development series). - 78000đ. - 2000b s618027

1889. Lương Anh Hùng. Lý thuyết môn Bóng chuyền / Lương Anh Hùng (ch.b.), Nguyễn Huy Thông, Chu Thị Hồng Hạnh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Hồng Đức, 2025. - 30 tr. : minh họa ; 24 cm. - 23000đ. - 1000b s618639

1890. Lý thuyết môn Điền kinh / Đỗ Tiến Thiết (ch.b.), Lê Viết Tuấn, Lã Ngọc Linh, Vũ Thị Hương Giang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Hồng Đức, 2025. - 30 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 23000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 29 s618638

1891. Mê cung phát triển tư duy = My first maze book : Càng chơi càng thông minh : Sách tương tác 3+ / Viết: Kirsteen Robson ; Phác họa: Emily Golden Twomey, Mattia Cerato ; Hoàng Việt dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 25 cm. - 48000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 31 tr. : tranh màu s617940

1892. Mê cung phát triển tư duy : Càng chơi càng thông minh : Sách tương tác 3+ / Viết: Philip Clarke ; Phác họa: Mattia Cerato... ; Hoàng Việt dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 31 cm. - 86000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Second big maze book

T.2. - 2025. - 64 tr. : tranh màu s618425

1893. Người giải mã cuối cùng Sherlock Holmes - Arthur Conan Doyle : Câu đố trò chơi và hoạt động cho người yêu văn học / Il Cartavolante ; Kiều Anh Tú dịch. - H. : Văn học, 2025. - 111 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 139000đ. - 3000b s619792

1894. Những sai lầm thường gặp và biện pháp khắc phục trong quá trình học tập bóng chuyền cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng : Sách chuyên khảo / Phạm Mạnh Hùng (ch.b.), Chu Vương Thìn, Nguyễn Thiện Tín... - H. : Thế giới, 2025. - 170 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 195000đ. - 200b

Thư mục: tr. 157-161 s619010

1895. Phát triển IQ - Rèn luyện tư duy não bộ : Khả năng quan sát và ghi nhớ : 2 - 4 tuổi / Hoàng Dương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 44 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 78000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Brain training activity book s618448

1896. Phát triển IQ - Rèn luyện tư duy não bộ : Khả năng tư duy logic : 2 - 4 tuổi / Hoàng Dương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 44 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 78000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Brain training activity book s618449

1897. Rèn luyện khả năng tập trung - Đố vui đoán tài / Dolphin Media ; Hoàng Phúc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 47 tr. : tranh màu ; 22 cm. - 58000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 专注力大挑战-猜一猜 s617961

1898. Rèn luyện khả năng tập trung - Mê cung kỳ thú / Dolphin Media ; Hoàng Phúc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 47 tr. ; 22 cm. - 58000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 专注力大挑战 - 迷宫 s617959

1899. Rèn luyện khả năng tập trung - Nối số thông minh / Dolphin Media ; Hoàng Phúc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 47 tr. : tranh màu ; 22 cm. - 58000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 专注力大挑战-连线 s617962

1900. Rèn luyện khả năng tập trung - Tìm điểm khác nhau / Dolphin Media ; Hoàng Phúc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 47 tr. : tranh màu ; 22 cm. - 58000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 专注力大挑战-找不同 s617963

1901. Rèn luyện khả năng tập trung - Trốn tìm hack não / Dolphin Media ; Hoàng Phúc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 47 tr. : tranh màu ; 22 cm. - 58000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 专注力大挑战 - 图画抓迷藏 s617964

1902. Rèn luyện khả năng tập trung - Tư duy sáng tạo / Dolphin Media ; Hoàng Phúc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 47 tr. : tranh màu ; 22 cm. - 58000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 专注力大挑战 - 思维训练 s617960

1903. Sân chơi trí tuệ cho trẻ : Rèn luyện tư duy não trái + phát triển sáng tạo não phải : 5 - 6 tuổi / Đức Thành, Hải Yến. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 29 cm. - 48000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 48 tr., 1 tờ đề can : tranh màu s618436

1904. Sân chơi trí tuệ cho trẻ : Rèn luyện tư duy não trái + phát triển sáng tạo não phải : 4 - 5 tuổi / Đức Thành, Hải Yến. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 29 cm. - 48000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 48 tr., 1 tờ đề can : tranh màu s618435

1905. Thanh Bình. Đỉnh tuyết / Thanh Bình. - H. : Văn học, 2025. - 403 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 286000đ. - 1000b s619115

1906. Thùy Dương. Hỏi đáp nhanh trí - Bí kíp gây cười : 8+ / Thùy Dương b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 123 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Intellectual development series). - 78000đ. - 2000b s618025

1907. Thùy Dương. Hỏi đáp nhanh trí - Câu đố xoắn não : 8+ / Thùy Dương b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 123 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Intellectual development series). - 78000đ. - 2000b s618030

1908. Thùy Dương. Hỏi đáp nhanh trí - Đố vui hại não : 8+ / Thùy Dương b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 123 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Intellectual development series). - 78000đ. - 2000b s618028

1909. Thùy Dương. Hỏi đáp nhanh trí - Phát tán bom cười : 8+ / Thùy Dương b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 123 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Intellectual development series). - 78000đ. - 2000b s618029

1910. Thùy Dương. Hỏi đáp nhanh trí - Thử thách cho não : 8+ / Thùy Dương b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 123 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Intellectual development series). - 78000đ. - 2000b s618026

1911. Tìm kiếm thông minh phát triển khả năng tập trung - Phương tiện giao thông = Baby focus training book : Dành cho trẻ 2 - 6 tuổi / Dolphin Media ; Hoàng Dương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 42000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 宝宝专注力培养大书 - 交通大搜索 s618077

1912. Tìm kiếm thông minh phát triển khả năng tập trung - Thế giới đại dương = Baby focus training book : Dành cho trẻ 2 - 6 tuổi / Dolphin Media ; Hoàng Dương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 25x26 cm. - 42000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 宝宝专注力培养大书 - 海洋大搜索 s618074

1913. Tìm kiếm thông minh phát triển khả năng tập trung - Thế giới động vật = Baby focus training book : Dành cho trẻ 2 - 6 tuổi / Dolphin Media ; Hoàng Dương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 25x26 cm. - 42000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 宝宝专注力培养大书 - 动物大搜索 s618075

1914. Tìm kiếm thông minh phát triển khả năng tập trung - Thế giới khủng long = Baby focus training book : Dành cho trẻ 2 - 6 tuổi / Dolphin Media ; Hoàng Dương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 25x26 cm. - 42000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 宝宝专注力培养大书 - 恐龙大搜索 s618076

1915. Trò chơi rèn luyện khả năng chú ý : 3 - 6 tuổi / Lời, tranh: Thời đại truyền kỳ ; Hải Minh dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 18x19 cm. - (Sân chơi trí tuệ của chim Đa Đa). - 30000đ. - 3000b s620068

1916. Trò chơi rèn luyện khả năng ghi nhớ : 3 - 6 tuổi / Lời, tranh: Thời đại truyền kỳ ; Hải Minh dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 18x19 cm. - (Sân chơi trí tuệ của chim Đa Đa). - 30000đ. - 4000b s620065

1917. Trò chơi rèn luyện khả năng nhận thức : 3 - 6 tuổi / Lời, tranh: Thời đại truyền kỳ ; Hải Minh dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 18x19 cm. - (Sân chơi trí tuệ của chim Đa Đa). - 30000đ. - 3000b s620069

1918. Trò chơi rèn luyện khả năng quan sát : 3 - 6 tuổi / Lời, tranh: Thời đại truyền kỳ ; Hải Minh dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 71 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 18x19 cm. - (Sân chơi trí tuệ của chim Đa Đa). - 30000đ. - 4000b s620070

1919. Trò chơi rèn luyện khả năng tư duy : 3 - 6 tuổi / Lời, tranh: Thời đại truyền kỳ ; Hải Minh dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 71 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 18x19 cm. - (Sân chơi trí tuệ của chim Đa Đa). - 30000đ. - 4000b s620066

1920. Trò chơi rèn luyện khả năng tưởng tượng : 3 - 6 tuổi / Lời, tranh: Thời đại truyền kỳ ; Hải Minh dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 71 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 18x19 cm. - (Sân chơi trí tuệ của chim Đa Đa). - 30000đ. - 3000b s620067

1921. Vũ Đình Công. Cờ vua cơ bản / Vũ Đình Công. - H. : Thế giới, 2025. - 110 tr. : tranh vẽ, bảng ; 24 cm. - 195000đ. - 200b
Thư mục: tr. 110 s619018

1922. Vũ Việt Hùng. Phát triển năng lực dạy học phân hóa cho sinh viên ngành Giáo dục Thể chất các trường đại học sư phạm : Sách chuyên khảo / Vũ Việt Hùng. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 178 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 125000đ. - 250b
Thư mục: tr. 158-169. - Phụ lục: tr. 170-178 s618916

1923. Xuân Hinh. Xuân Hinh - "Kẻ chọc cười dân dã" / Chắp bút: Thanh Thủy, Như Hoa. - H. : Văn học, 2025. - 271 tr. ; 18 cm. - 229000đ. - 500b s620321

VĂN HỌC, TU TỪ HỌC VÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

1924. Ai đang ở đó nhỉ? = Who is there? : Sách tranh phát triển tư duy cho bé 0 - 6 tuổi : Ehon song ngữ Việt - Anh / Tiên Phong Books ; Nguyễn Lâm Tùng dịch ; Minh họa: Nam Phạm. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 36000đ. - 50000b s618546

1925. Ai ở sau lưng bạn thế? : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Lời: Toshio Fukuda ; Tranh: Akiko Fukuda ; Trần Bảo Ngọc dịch. - Tái bản, in lần 17. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Ehon Nhật Bản). - 39000đ. - 5000b s617898

1926. Ai ở sau lưng bạn thế? - Những người bạn bên bờ hồ : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Lời: Toshio Fukuda ; Tranh: Akiko Fukuda ; Trần Bảo Ngọc dịch. - Tái bản, in lần 17. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Ehon Nhật Bản). - 39000đ. - 5000b s617901

1927. Ai ở sau lưng bạn thế? - Những người bạn dưới biển : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Lời: Toshio Fukuda ; Tranh: Akiko Fukuda ; Trần Bảo Ngọc dịch. - Tái bản lần 17. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Ehon Nhật Bản). - 39000đ. - 5000b s617899

1928. Ai ở sau lưng bạn thế? - Những người bạn ở hòn đảo phía Nam Nhật Bản : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Lời: Toshio Fukuda ; Tranh: Akiko Fukuda ; Trần Bảo Ngọc dịch. - Tái bản, in lần 17. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Ehon Nhật Bản). - 39000đ. - 5000b s617902

1929. Ai ở sau lưng bạn thế? - Những người bạn trên cánh đồng : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Lời: Toshio Fukuda ; Tranh: Akiko Fukuda ; Trần Bảo Ngọc dịch. - Tái bản lần 17. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Ehon Nhật Bản). - 39000đ. - 5000b s617900

1930. Ai ở sau lưng bạn thế? - Những người bạn trên hoang mạc : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Lời: Toshio Fukuda ; Tranh: Akiko Fukuda ; Trần Bảo Ngọc dịch. - Tái bản, in lần 17. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Ehon Nhật Bản). - 39000đ. - 5000b s617903

1931. Albert Tam. Người họ Tư Vũ đều phải chết / Albert Tam ; Hồng Hạnh dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 473 tr. ; 21 cm. - 230000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 姓司武的都得死; Tên sách tiếng Anh: The clan must die s618885

1932. Albus D. Hoàng. Lớp học cuối cùng : Khi máy móc ngừng dạy và con người bắt đầu học / Albus D. Hoàng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 203 tr. ; 19 cm. - 168000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Hoàng Anh Đức s620272

1933. All you need is kill - Cuộc chiến luân hồi : Truyện tranh / Nguyên tác: Hiroshi Sakurazaka ; Tranh vẽ: Takeshi Obata ; Vũ Anh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 211 tr. : tranh vẽ s619978

1934. All you need is kill - Cuộc chiến luân hồi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Hiroshi Sakurazaka ; Tranh vẽ: Takeshi Obata ; Vũ Anh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 210 tr. : tranh vẽ s619979

1935. An. Tạm biệt tôi của nhiều năm về trước = 수년 전의 나에게 안녕 / An ; Phương Anh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 157 tr. ; 18 cm. - 88000đ. - 1000b s620049

1936. An. Tạm biệt tôi của nhiều năm về trước = 再见了, 多年前的我 / An ; ZIC dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 158 tr. ; 18 cm. - 79000đ. - 1000b s620040

1937. An Giang - Đất và người : Tuyển tập thơ thất ngôn bát cú / Trần Văn Đông, Võ Thanh Tùng, Nguyễn Thắng Cảnh... - H. : Sân khấu. - 19 cm. - 200b

T.11. - 2025. - 240 tr. s620189

1938. Anh em bình thường - Bài kiểm tra mức độ tình cảm : Truyện tranh / Lời : Baek Nan Do ; Minh họa : Yoo Nan Hee ; Hải Yến dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 175 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 흔한남매 7 s617806

1939. Anh em bình thường - Cuộc sống miền đồng quê : Truyện tranh / Lời : Baek Nan Do ; Minh họa : Yoo Nan Hee ; Hải Yến dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 191 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 흔한남매 11 s617804

1940. Anh em bình thường - Để có ngày Halloween thú vị : Truyện tranh / Lời : Baek Nan Do ; Minh họa : Yoo Nan Hee ; Thu Hưng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 179 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 흔한남매 6 s617810

1941. Anh em bình thường - Hai anh em ở sân chơi : Truyện tranh / Lời : Baek Nan Do ; Minh họa : Yoo Nan Hee ; Thu Hưng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 171 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 흔한남매 4 s617812

1942. Anh em bình thường - Khoảnh khắc anh em hoà thuận : Truyện tranh / Lời : Baek Nan Do ; Minh họa : Yoo Nan Hee ; Thu Hưng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 163 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 흔한남매 1 s617808

1943. Anh em bình thường - Món quà sinh nhật siêu khổng lồ : Truyện tranh / Lời : Baek Nan Do ; Minh họa : Yoo Nan Hee ; Thu Hưng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 167 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 흔한남매 3 s617807

1944. Anh em bình thường - Những câu chuyện kinh dị "bình thường" : Truyện tranh / Lời : Baek Nan Do ; Minh họa : Yoo Nan Hee ; Hải Yến dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 171 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 흔한남매 8 s617811

1945. Anh em bình thường - Sân trượt tuyết vui nhộn : Truyện tranh / Lời : Baek Nan Do ; Minh họa : Yoo Nan Hee ; Hải Yến dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 192 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 흔한남매 9 s617814

1946. Anh em bình thường - Trận chiến đi trước một bước : Truyện tranh / Lời : Baek Nan Do ; Minh họa : Yoo Nan Hee ; Hải Yến dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 191 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 흔한남매 10 s617813

1947. Anh em bình thường - Trận đối đáp nảy lửa : Truyện tranh / Lời : Baek Nan Do ; Minh họa : Yoo Nan Hee ; Thu Hưng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 171 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 흔한남매 2 s617805

1948. Anh em bình thường - Vui chơi ở công viên nước : Truyện tranh / Lời : Baek Nan Do ; Minh họa : Yoo Nan Hee ; Thu Hưng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 169 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 흔한남매 5 s617809

1949. Ánh sao bên tôi : Truyện tranh / Khuyển Nhất ; Nguyễn Thảo Nguyên dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 175000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 星辰于我

T.3. - 2025. - 203 tr. : tranh vẽ s619139

1950. Ánh xạ chiến tranh trong văn học Việt Nam hiện đại : Lý luận - Phê bình / Trịnh Đăng Nguyên Hương (ch.b.), Nguyễn Đăng Điệp, Trần Khánh Thành... - H. : Văn học, 2025. - 345 tr. ; 20 cm. - 700b

Thư mục: tr. 337-345 s619060

1951. Anohana - Đoá hoa ngày ấy : Truyện tranh : 13+ / Nguyên tác: Cho Heiwa Busters ; Minh họa: Mitsu Izumi ; Hoàng Anh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 70000đ. - 1000b
T.1. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s619999

1952. Anohana - Đoá hoa ngày ấy : Truyện tranh : 13+ / Nguyên tác: Cho Heiwa Busters ; Minh họa: Mitsu Izumi ; Hoàng Anh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 70000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s620000

1953. Anohana - Đoá hoa ngày ấy : Truyện tranh : 13+ / Nguyên tác: Cho Heiwa Busters ; Minh họa: Mitsu Izumi ; Hoàng Anh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 70000đ. - 1000b
T.3. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s620001

1954. Archer, Jeffrey. Hai số phận = Kane & Abel / Jeffrey Archer ; Nguyễn Việt Hải dịch. - H. : Văn học, 2025. - 767 tr. ; 21 cm. - 255000đ. - 2000b s619233
1955. Archer, Jeffrey. Hai số phận = Kane & Abel / Jeffrey Archer ; Nguyễn Việt Hải dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học, 2025. - 767 tr. ; 21 cm. - 295000đ. - 3000b s619248
1956. Austen, Jane. Lý trí và tình cảm / Jane Austen ; Đỗ Ngọc Huyền dịch. - H. : Văn học, 2025. - 532 tr. : hình vẽ, sơ đồ ; 21 cm. - 179000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Sense and sensibility s619109
1957. 365 truyện kể cho bé trước khi ngủ : Những câu chuyện phát triển trí thông minh IQ : Dành cho trẻ từ 2 - 12 tuổi / Hải Yến b.s. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 115 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 65000đ. - 3000b s617803
1958. Bà của Bà Phí Quá = Mottainai grandma : Truyện tranh : 3+ / Mariko Shinju ; Lê Hiền dịch ; Tống Linh h.đ. - H. : Thế giới, 2025. - 36 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 55000đ. - 5000b s618464
1959. Bà Phí Quá - Hãy ăn với lòng biết ơn = Mottainai grandma : Truyện tranh : 3+ / Mariko Shinju ; Lê Hiền dịch ; H.đ.: Tống Linh, Tazaki Hirono. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 36 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 55000đ. - 5000b s618463
1960. Bạch Thị Ái. Lá rụng sân trường : Hồi ký / Bạch Thị Ái. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 173 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 1000b
Bút danh tác giả: Ái Văn s618875
1961. Bailey, Carolyn Sherwin. Cô Hồ Đào : Câu chuyện giúp em yêu thiên nhiên, văn chương và yêu chính mình / Carolyn Sherwin Bailey ; Ngô Thu Hà dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 163 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 62000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Miss Hickory s620051
1962. Ballantyne, R. M. Đương đầu với lửa / R. M. Ballantyne ; Ngô Thế Vinh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 349 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 1500b s617794
1963. Bát Nguyệt Trường An. Điều tuyệt vời nhất của thanh xuân / Bát Nguyệt Trường An ; Nhóm KQH dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 175000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 最好的我. - Tên thật tác giả: Lưu Uyển Hội
T.1. - 2025. - 491 tr. s617783
1964. Bát Nguyệt Trường An. Điều tuyệt vời nhất của thanh xuân / Bát Nguyệt Trường An ; Nhóm KQH dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 175000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 最好的我. - Tên thật tác giả: Lưu Uyển Hội
T.2. - 2025. - 469 tr. s617784
1965. Bay cùng Penli : Truyện tranh / Thảo Mi ; Minh họa: Thùy Dương. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 19x25 cm. - (Em dám tự lớn). - 59000đ. - 3000b s620112
1966. Bé ơi, bắt chước nào! : Truyện tranh : Sách Ehon chuyển động / Satoshi Iriyama ; Education Solutions Việt Nam dịch. - H. : Văn học, 2025. - 10 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Chơi cùng gà con Piyo!). - 98000đ. - 3000b s620332
1967. Bé Thông / Thanh Tâm ; Minh họa: Windy Trúc Hoàng. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 34 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 129000đ. - 1000b s618040
1968. Bóp bo bóp bo! : Ehon cho bé từ 0 - 3 tuổi / Tiên Phong Books b.s. ; Minh họa: Nam Phạm. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 32000đ. - 30000b s618565

1969. Black, Holly. Hoàng tử tàn nhẫn : Tiểu thuyết kỳ ảo / Holly Black ; Phi Yến dịch. - H. : Văn học, 2025. - 413 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 239000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The cruel prince s619161
1970. Bố ở đâu được nhỉ? = Where could dad go? : Truyện tranh / Lời: Dương Thị Yến ; Tranh: Nga Phan. - H. : Văn học, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 2000b s619793
1971. Bố ơi! Mình cùng chơi nhé! : Truyện tranh : Sách Ehon chuyển động : Dành cho bé từ 0 tuổi / Satoshi Iriyama ; Education Solutions Việt Nam dịch. - H. : Văn học, 2025. - 10 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Chơi cùng gà con Piyo!). - 89000đ. - 3000b s620331
1972. Bố và con gái = Daddy and I : Truyện tranh : Sách tranh song ngữ : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Lời: Lou Treleaven ; Minh họa: Sophie Burrows ; Mẹ Múp dịch. - Tái bản, in lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 58 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Picture book song ngữ). - 99000đ. - 2000b s618022
1973. Bồi dưỡng học sinh giỏi Ngữ văn 9 / Nguyễn Thị Diệu, Nguyễn Thị Hoài An, Vũ Thùy Dung, Ngô Thanh Hải. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 279 tr. : bìa ; 27 cm. - 155000đ. - 3000b s618118
1974. Bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng đọc hiểu Ngữ văn 7 : Phương pháp đầy đủ chuyên sâu... / Trần Bằng Cư, Đoàn Thị Như Ý. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 195 tr. : bìa ; 27 cm. - 109000đ. - 2800b s619893
1975. Bùi Minh Vũ. Người thổi hồn : Trường ca / Bùi Minh Vũ. - H. : Văn học, 2025. - 121 tr. ; 20 cm. - 700b s619066
1976. Bùi Thị Như Lan. Sương mận : Tiểu thuyết / Bùi Thị Như Lan. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 391 tr. ; 21 cm. - 700b s619321
1977. Bùi Thuý. Thoát kén : Thơ / Bùi Thuý. - H. : Văn học, 2025. - 84 tr. ; 21 cm. - 88000đ. - 1000b s619145
1978. Bùi Tuấn Minh. Phía Tây đã bình minh : Tiểu thuyết / Bùi Tuấn Minh. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 700b s619304
1979. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Harukawa Sango ; Thanh Trà dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 1000b T.9. - 2025. - 172 tr. : tranh vẽ s620159
1980. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc: Dazai, Chuya, tuổi 15 : Truyện tranh / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Hoshikawa Shiwasu ; Ocharaketa dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 70000đ. - 5000b T.1. - 2025. - 170 tr. : tranh vẽ s620160
1981. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc: Dazai, Chuya, tuổi 15 : Truyện tranh / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Hoshikawa Shiwasu ; Ocharaketa dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 70000đ. - 5000b T.2. - 2025. - 172 tr. : tranh vẽ s620161
1982. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc: Dazai, Chuya, tuổi 15 : Truyện tranh / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Hoshikawa Shiwasu ; Ocharaketa dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 70000đ. - 5000b T.3. - 2025. - 141 tr. : tranh vẽ s620162
1983. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc: Gô! : Truyện tranh / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Kanai Neco ; Tuyết Mai dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 4000b T.1. - 2025. - 173 tr. : tranh vẽ s620163

1984. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc: Gâu! : Truyện tranh / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Kanai Neco ; Tuyệt Mai dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 4000b
T.2. - 2025. - 156 tr. : tranh vẽ s620164
1985. Bussi, Michel. Chuyến bay tử thần / Michel Bussi ; Nguyễn Thị Tươi dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 518 tr. ; 24 cm. - 265000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Pháp: Un avion sans elle s618890
1986. Cá nhiệt đới mong ngày tuyết rơi : Truyện tranh : 18+ / Hagino Makoto ; Quế Đan dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 65000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 168 tr. : tranh vẽ s619986
1987. Cao Mai Vân. Mười năm tuổi hai mươi / Cao Mai Vân. - H. : Văn học, 2025. - 210 tr. ; 19 cm. - 119000đ. - 1000b s619926
1988. Cao Thị Hào. Văn học dân tộc Tày dưới góc nhìn văn hóa : Chuyên khảo / Cao Thị Hào. - H. : Văn học, 2025. - 299 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 300b
Thư mục: tr. 261-275. - Phụ lục: tr. 276-299 s619197
1989. Cao Tiên Sĩ. Gió đa tình : Thơ / Cao Tiên Sĩ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 79 tr. ; 22 cm. - 68000đ. - 1000b
Bút danh tác giả: Lâm Viên s618898
1990. Cáp Tử Phi Thăng. Năm thứ năm sau khi rời cung / Cáp Tử Phi Thăng. - H. : Lao động, 2025. - 539 tr. ; 24 cm. - 229000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 出宫后的第五年 s618855
1991. Căn hộ ma chưa ám : Truyện tranh : 17+ / Yasuki Tanaka ; Anh Huỳnh dịch. - H. : Lao động, 2025. - 155 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 58000đ. - 8000b
Tên sách tiếng Anh: Summer time render s620158
1992. Câu chuyện bốn mùa / Lời kể: Stefania Leonardi Harley ; Minh Thùy dịch ; Minh họa: Alida Massari... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 123 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Vàng cho con). - 150000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Stories for all seasons s618417
1993. Chào buổi sáng! = Good morning! : Sách tranh phát triển tư duy cho bé 0 - 6 tuổi : Ehon song ngữ Việt - Anh / Tiên Phong Books ; Nguyễn Lâm Tùng dịch ; Minh họa: Nấm Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 36000đ. - 50000b s618554
1994. Chân Vĩ. Hán sở tranh hùng / Chân Vĩ ; Mộng Bình Sơn dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 557 tr. ; 24 cm. - 190000đ. - 1500b s619266
1995. Chekhov, Anton Pavlovich. Tuyển tập Chekhov / Đào Tuấn Ảnh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 582 tr. ; 24 cm. - (Tao Đàn). - 450000đ. - 2000b s618039
1996. Chíp Chíp! Ai vậy nhỉ? : Truyện tranh : Sách có khuôn cắt và gương / Satoshi Iriyama ; Education Solutions Việt Nam dịch. - H. : Văn học, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Chơi cùng gà con Piyo!). - 89000đ. - 3000b s620333
1997. Chiến tranh, ký ức & đối thoại văn chương : Tiểu luận, phê bình văn học / Nguyễn Đức Toàn (ch.b.), Bùi Việt Thắng, Hoàng Thị Duyên... - H. : Văn học, 2025. - 373 tr. ; 20 cm. - 700b s619069
1998. Chinh phục bài nghị luận xã hội : Viết văn không bấn khoản : Ver 2 / Phạm Thị Bích Lộc, Trần Thục Vi. - H. : Văn học, 2025. - 203 tr. : bảng ; 15 cm. - 99000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 170-201. - Thư mục: tr. 202-203 s620310

1999. Chơi cùng Giri chú bé cơm nắm - Không phải trái cây đâu! : Truyện tranh : 0 - 6 tuổi / Fuku Mitsu ; Minh họa: Tigeru Ao. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 1000b s619449

2000. Chơi cùng Giri chú bé cơm nắm - Quả lê là nhà của tớ! : Truyện tranh : 0 - 6 tuổi / Fuku Mitsu ; Minh họa: Tigeru Ao. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 1000b s619448

2001. Chơi cùng Giri chú bé cơm nắm - Xe của ai đây nhỉ? : Truyện tranh : 0 - 6 tuổi / Fuku Mitsu ; Minh họa: Tigeru Ao. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 26 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 1000b s619447

2002. Chu Ngọc. Đạo tình : Tiểu thuyết / Chu Ngọc ; Greenrosetq dịch. - Tái bản, in lần 10. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 139000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 盜情

T.1. - 2025. - 479 tr. s617855

2003. Chu Ngọc. Đạo tình : Tiểu thuyết / Chu Ngọc ; Greenrosetq dịch. - Tái bản, in lần 10. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 139000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 盜情

T.2. - 2025. - 463 tr. s617856

2004. Chung Cận. Gặp anh của thời niên thiếu : Tiểu thuyết / Chung Cận ; Sunny Nguyễn dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 199000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 423 tr. s619227

2005. Chung Cận. Gặp anh của thời niên thiếu : Tiểu thuyết / Chung Cận ; Sunny Nguyễn dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 199000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 455 tr. s619228

2006. Chuyến đi của Gấu Nâu : Truyện tranh / Gấu Mẹ ; Minh họa: Nhã Uyên. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 89000đ. - 1000b s618021

2007. Chuyến xe buýt hạnh phúc nhất thế giới : Truyện tranh / Lời: Đào Trung Uyên ; Tranh: Cimi Phạm. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 42 cm. - 20

Tên sách tiếng Anh: The happiest bus ride in the world s619801

2008. Chuyện kể rằng có nàng và tôi / Nun, Nei, Âu Lăng... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 149 tr. ; 17 cm. - 72000đ. - 1000b s620022

2009. Chuyện kỳ diệu từ cửa hàng thú nhồi bông : Truyện tranh / Hồng Đào ; Minh họa: Lulurabbit. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh màu ; 19x25 cm. - 89000đ. - 3000b s620110

2010. Chuyện xóm gà - Đàn gà con sợ mất mật : Truyện tranh / Christian Jolibois, Christian Heinrich ; Anh Vũ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 48 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 65000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Pháp: Les cocottes ont les chocottes s619994

2011. Chuyện xóm gà - Lễ hội khủng điên : Truyện tranh / Christian Jolibois, Christian Heinrich ; Anh Vũ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 48 tr. ; 19 cm. - 65000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Pháp: La fête des fous s619993

2012. Claymore : Truyện tranh : 18+ / Norihiro Yagi ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 40000đ. - 3700b

T.20: Tàn tích của móng vuốt quỷ dữ. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s620205

2013. Claymore : Truyện tranh : 18+ / Norihiro Yagi ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 40000đ. - 4000b
T.21: Hải cốt phù thủy. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s620206
2014. Claymore : Truyện tranh : 18+ / Norihiro Yagi ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 40000đ. - 3700b
T.21: Nanh vuốt địa ngục. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s620207
2015. Có người lạ gõ cửa - Tự lập : Picture book : Truyện tranh / Tống Hiền Khuê ; Phạm Thị Hậu dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bồi dưỡng tính cách. Phát triển tư duy cho trẻ). - 35000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 麦克小奎暖心陪伴绘本系列:陌生人来敲门 s618013
2016. Có thứ muốn ăn thịt tôi : Truyện tranh : 18+ / Naekawa Sai ; Trần Yang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 60000đ. - 5000b
T.10. - 2025. - 158 tr. : tranh vẽ s619983
2017. Con giữ bình tĩnh và kiểm soát cảm xúc / Dương Hợp Kỳ ; Diệu Thúy dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Quản lý cảm xúc và phát triển tính cách cho bé 3+). - 42000đ. - 30000b
Tên sách tiếng Trung: 我真的很生气 s618573
2018. Con không phải là đứa trẻ hay khóc nhè : Truyện tranh / Dương Hợp Kỳ ; Diệu Thúy dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Quản lý cảm xúc và phát triển tính cách cho bé 3+). - 42000đ. - 30000b
Tên sách tiếng Trung: 我不是爱哭鬼 s618579
2019. Con là người cừ nhất lớp : Truyện tranh / Dương Hợp Kỳ ; Diệu Thúy dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Quản lý cảm xúc và phát triển tính cách cho bé 3+). - 42000đ. - 30000b
Tên sách tiếng Trung: 我才是班上最棒的 s618568
2020. Con nhất định sẽ làm được : Truyện tranh / Dương Hợp Kỳ ; Diệu Thúy dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Quản lý cảm xúc và phát triển tính cách cho bé 3+). - 42000đ. - 30000b
Tên sách tiếng Trung: 慢慢来 我能行 s618570
2021. Cô Nương Đùng Khóc. Đầu xuân tươi sáng / Cô Nương Đùng Khóc ; Bảo Ngọc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 305000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Trung: 早春晴朗
T.2. - 2025. - 638 tr. s617884
2022. Cô Thắm. Bên dòng sông soi bóng / Cô Thắm. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 163 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 19 cm. - 115000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thắm s620043
2023. Craven, M. W. Vỡ diễn rồi máu : 18+ / M. W. Craven ; Dịch: Hồng Vân, Hồng Thái. - H. : Văn học, 2025. - 396 tr. ; 21 cm. - 166000đ. - 1500b s619129
2024. Cú đấm phúc âm : Truyện tranh : 16+ / Rumiko Takahashi ; Quỳnh Hương dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b
T.3. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s620237
2025. Cục đá. Hoa tàn rục rở / Cục đá. - H. : Văn học, 2025. - 131 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 99000đ. - 500b s620300

2026. Cùng đánh răng nào : Truyện tranh : Dành cho bé từ 1 - 5 tuổi / Hiroshi Saito. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Ehon kỹ năng sống. Để con yêu tự lập). - 39000đ. - 1000b s617958

2027. Cùng giúp đỡ mọi người nhé! = Let's help everyone! : Sách tranh phát triển tư duy cho bé 0 - 6 tuổi : Ehon song ngữ Việt - Anh / Tiên Phong Books ; Nguyễn Lâm Tùng dịch ; Minh họa: Paunchy Nu. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 36000đ. - 50000b s618552

2028. Cùng nói cảm ơn nào! = Let's say "Thank you"! : Sách tranh phát triển tư duy cho bé 0 - 6 tuổi : Ehon song ngữ Việt - Anh / Tiên Phong Books ; Nguyễn Lâm Tùng dịch ; Minh họa: Beso. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 36000đ. - 50000b s618553

2029. Cuồng Thượng Gia Cuồng. Kiêu tàng / Cuồng Thượng Gia Cuồng ; Tổ Hình dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 310000đ. - 1000b T.1. - 2025. - 494 tr. s617886

2030. Dạ Ngân. Gia đình bé mọn : Tiểu thuyết / Dạ Ngân. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 272 tr. ; 24 cm. - 200000đ. - 1000b s617880

2031. Daken. Ai đã giết anh hùng / Daken ; Minh họa: Toi8 ; Ngọc Trâm dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 120000đ. - 4000b T.1. - 2025. - 266 tr. : tranh vẽ s620145

2032. Death note short stories : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Tsugumi Ohba ; Minh họa: Takeshi Obata ; Quang Minh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 207 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 60000đ. - 1000b s620002

2033. Deaver, Jeffery. Kẻ tầm xương / Jeffery Deaver ; Phạm Hồng Anh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 500 tr. ; 24 cm. - 229000đ. - 3000b Tên sách tiếng Anh: The bone collector s619250

2034. Deaver, Jeffery. Vũ điệu của thần chết / Jeffery Deaver ; Đỗ Tuấn Anh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 558 tr. ; 24 cm. - 229000đ. - 3000b Tên sách tiếng Anh: The coffin dance s619256

2035. Diệp Lạc Vô Tâm. Sự cám dỗ cuối cùng : Tiểu thuyết / Diệp Lạc Vô Tâm ; Greenrosetq dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Văn học, 2025. - 623 tr. ; 21 cm. - 146000đ. - 1000b s619237

2036. Diệu Vi. Lặng một dòng trôi : Tập thơ / Diệu Vi. - H. : Văn học, 2025. - 286 tr. ; 21 cm. - 198000đ. - 1000b Tên thật tác giả: Phạm Thị Vi s619080

2037. Doãn Hải. Phố xưa : Thơ / Doãn Hải. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 93 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b Tên thật tác giả: Nguyễn Doãn Hải s618891

2038. Dreams on! : Truyện tranh / Plasma, Lâm Hoàng Trúc, Dr. Smiley... - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 25 cm. - 260000đ. - 1000b T.1. - 2025. - 271 tr. : tranh vẽ s617935

2039. Du An. Quảng đen quảng trắng : Tiểu thuyết / Du An. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - 700b s619316

2040. Dương Hữu Nam. Đôi dòng tâm sự : Kỷ niệm 115 ngày sinh thần của cụ Dương Hữu Nam... / Dương Hữu Nam. - H. : Văn học, 2025. - 279 tr. ; 21 cm. - 200b s619086

2041. Dương Xuân Linh. Danh giá làm người : Thơ / Dương Xuân Linh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 142 tr. : ảnh ; 19 cm. - 150000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Dương Văn Linh s619959
2042. Dy Duyên. Nhật ký ở thư viện / Dy Duyên ; Hoạ sĩ: Slim.illus, Phan Quỳnh Trang. - H. : Văn học, 2025. - 105 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 2000b s619164
2043. Đại Duy. Trăng lặn cửa sông : Thơ / Đại Duy. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 203 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 500b
Tên thật tác giả: Phan Đại Duy s618876
2044. Đám trẻ ở vùng đất sương mù : Truyện tranh / Sáng tác, minh họa: Xuân Như Ý. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Bộ sách Khi trẻ là tác giả. Ô của sách). - 59000đ. - 1000b s617956
2045. Đào Bích Mươi. Giọt nắng thu : Thơ / Đào Bích Mươi. - H. : Văn học, 2025. - 279 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 500b s619186
2046. Đào Sỹ Quang. Liên minh ma quỷ và tình bạn : Tiểu thuyết / Đào Sỹ Quang. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 246 tr. ; 21 cm. - 700b s619314
2047. Đào Thị Yến Phi. Hoạ bức chân dung của một ngày : Tập thơ / Đào Thị Yến Phi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 115 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 110000đ. - 500b s617838
2048. Đào Thị Yến Phi. Ngụ ngôn về những giọt nước mắt : Tập truyện ngắn / Đào Thị Yến Phi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 168 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 120000đ. - 1000b s617839
2049. Đào Thu Hà. Ẩn trong màu lá : Tiểu thuyết / Đào Thu Hà. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 224 tr. ; 21 cm. - 700b s619301
2050. Đăng Ngọc. Giếng đá ong & chim Bồng chanh : Tản văn / Đăng Ngọc. - H. : Văn học, 2025. - 213 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Bùi Ngọc Đăng s619082
2051. Đặng Huỳnh Thái. Mẹ về trời : 50 truyện ngắn mini / Đặng Huỳnh Thái. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 159 tr. ; 14 cm. - 69000đ. - 300b s619963
2052. Đặng Lê Hùng. Cuộc đời tôi phá án : Truyện ký / Đặng Lê Hùng. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 271 tr. ; 21 cm. - 700b s619318
2053. Đặng Uyên Thúy. Mũi tên mềm : Một câu chuyện về nỗi đau, sự thật và niềm hy vọng = Soft arrow : A story about pain, truth and hope / Đặng Uyên Thúy. - H. : Văn học, 2025. - 96 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 500b s619147
2054. Điều Thị Tú Uyên. Giáo trình Văn học : Dành cho ngành Giáo dục tiểu học / Điều Thị Tú Uyên, Nguyễn Huyền Anh (ch.b.), Kiều Thanh Thảo. - H. : Văn học, 2025. - 348 tr. ; 24 cm. - 268000đ. - 300b
Thư mục cuối mỗi chương s619152
2055. Điều nhảy của Hippie : Truyện tranh / Hồng Đào, Thảo Mi ; Minh họa: Thùy Dương. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 19x25 cm. - (Em dám tự lớn). - 59000đ. - 3000b s620111
2056. Đinh Đức Lâm. Nhớ đêm công bạn lạc rừng / Đinh Đức Lâm ; Đặng Vương Hưng b.s., giới thiệu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 237 tr. ; 19 cm. - (Tủ sách Mỗi mỗi tuổi 20)(Trái tim người lính). - 120000đ. - 500b
Tên thật tác giả: Đinh Văn Sai s619972

2057. Đinh Ngọc Diệp. Hành trình 8 : Thơ / Đinh Ngọc Diệp. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 103 tr. ; 21 cm. - 108000đ. - 1000b s618880

2058. Đinh Văn Sùng. Nón quê và tâm tình hạt thóc / Đinh Văn Sùng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 255 tr. ; 19 cm. - 1000b s619953

2059. Đoàn Hữu Nam. Nỗi niềm xứ sở : Tiểu thuyết / Đoàn Hữu Nam. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 240 tr. ; 21 cm. - 700b s619312

2060. Đồ Dạng Tiên Sâm. Cô ấy và vị trí đứng đầu là của tôi! / Đồ Dạng Tiên Sâm ; Tô Ngọc Hà dịch. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - 468000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 她和年级第一我都要

T.1. - 2025. - 579 tr. : tranh vẽ s619491

2061. Đồ Dạng Tiên Sâm. Cô ấy và vị trí đứng đầu là của tôi! / Đồ Dạng Tiên Sâm ; Tô Ngọc Hà dịch. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - 468000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 她和年级第一我都要

T.2. - 2025. - 552 tr. : tranh vẽ s619492

2062. Đỗ Đình Linh Vũ. Ký ức và chấn thương trong tiểu thuyết Anh ngữ Ấn Độ từ góc nhìn phê bình hậu thuộc địa : Sách chuyên khảo / Đỗ Đình Linh Vũ. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 238 tr. : bìa ; 24 cm. - 240000đ. - 200b

Thư mục: tr. 165-174. - Phụ lục: tr. 175-238 s618644

2063. Đỗ Hà Cừ. Màu của hy vọng : Tự truyện của Đỗ Hà Cừ / Đỗ Hà Cừ. - In lần thứ 3. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 347 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s617790

2064. Đỗ Hải Dũng. Vô tình : Thơ / Đỗ Hải Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 103 tr. ; 19 cm. - 80000đ. - 1000b s619951

2065. Đỗ Nguyên Thương. Tìm về miền ký ức : Thơ 1-2-3 / Đỗ Nguyên Thương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 79 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 16 cm. - 180000đ. - 500b s619956

2066. Đỗ Quang Hân. Đèo mây : Tản văn và chân dung / Đỗ Quang Hân. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 371 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 268000đ. - 1000b

Bút danh tác giả: Quang Hân, Đỗ Anh Thư s618893

2067. Đỗ Tiến Thụy. Con chim Joong bay từ A đến Z : Tiểu thuyết / Đỗ Tiến Thụy. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 372 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 1000b s617786

2068. Đỗ Tiến Thụy. Màu rừng ruộng : Tiểu thuyết / Đỗ Tiến Thụy. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 377 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 180000đ. - 1000b s617777

2069. Đỗ Xuân Thu. Định danh : Tiểu thuyết / Đỗ Xuân Thu. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 295 tr. ; 21 cm. - 700b s619325

2070. Đông Sơn Hồ Hữu Vinh. Nhớ và quên / Đông Sơn Hồ Hữu Vinh. - H. : Văn học. - 19 cm. - 500b

Tên thật tác giả: Hồ Hữu Vinh

T.1. - 2025. - 125 tr. s620301

2071. Đồng dao - Thơ - Truyện cho bé tập nói : Giúp bé phát triển ngôn ngữ, khả năng nghe hiểu, khả năng nhận biết... : Dành cho trẻ 0 - 6 tuổi / Hải Minh b.s. ; Minh họa: T-Books. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 128 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 98000đ. - 3000b s618437

2072. Đức Sơn Thái Trọng. Hứng giọt sương mai : Trải nghiệm cùng thơ Haiku / Đức Sơn Thái Trọng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 311 tr. ; 14 cm. - 99000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thái Trọng s619962

2073. Emma Hạ My. Trò chơi giải mã ác mộng / Emma Hạ My. - H. : Thế giới, 2025. - 382 tr. : bìa, tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Kinh dị). - 179000đ. - 3000b s618944
2074. Endou Asari. Ma pháp thiếu nữ : 16+ / Endou Asari ; Minh họa: Marui No ; Như Nữ dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 19 cm. - 159000đ. - 2000b
T.9. - 2025. - 390 tr. : tranh vẽ s620058
2075. Endou Asari. Ma pháp thiếu nữ : 16+ / Endou Asari ; Minh họa: Marui No ; Như Nữ dịch. - H. : Thế giới. - 19 cm. - 159000đ. - 2000b
T.10. - 2025. - 350 tr. : tranh vẽ s619975
2076. Erdrich, Louise. Người giữ bóng đêm / Louise Erdrich ; Hoài Anh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 475 tr. ; 23 cm. - 229000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The night watchman s617857
2077. Féray, Yveline. Vạn xuân : Tiểu thuyết lịch sử / Yveline Féray ; Nguyễn Khắc Dương dịch. - Tái bản, có hiệu đính, bổ sung. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 275000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Pháp: Dix mille printemps
T.1. - 2025. - 530 tr. s617846
2078. Féray, Yveline. Vạn xuân : Tiểu thuyết lịch sử / Yveline Féray ; Nguyễn Khắc Dương dịch. - Tái bản, có hiệu đính, bổ sung. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 299000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Pháp: Dix mille printemps
T.2. - 2025. - 586 tr. s617847
2079. Fisher, Dorothy Cafield. Người xây tổ ấm / Dorothy Cafield Fisher ; Thanh Mai dịch. - H. : Văn học, 2025. - 336 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 158000đ. - 1000b s619138
2080. Forster, E. M. Nông trang Howards - End / E. M. Forster ; Hàn Băng Vũ dịch. - H. : Văn học, 2025. - 480 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 230000đ. - 1000b s619108
2081. Fuminori Teshima. Ma vương tôi đây nên yêu cô dâu ELF của mình như thế nào? / Fuminori Teshima ; Minh họa: COMTA ; Touno Shi dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 18 cm. - 145000đ. - 1500b
T.5. - 2025. - 356 tr. : tranh vẽ s620053
2082. Fuse. Về chuyện tôi chuyển sinh thành Slime / Fuse ; Minh họa: Mitz Vah ; Thùy Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 18 cm. - 205000đ. - 1500b
T.6. - 2025. - 594 tr. : tranh vẽ s620046
2083. Gà con Piyo - Chúc mừng Giáng sinh : Truyện tranh / Satoshi Iriyama ; Education Solutions Việt Nam biên dịch. - H. : Văn học, 2025. - 10 tr. : tranh màu ; 17 cm. - 155000đ. - 3000b s620336
2084. Gà và vịt : Tranh truyện thiếu nhi = The chicken and the duck : Children's comics / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 1000b s619438
2085. Gallico, Paul. Cậu chuột xứ Manx không sợ hãi / Paul Gallico ; Nguyễn Hoàn Vũ dịch ; Minh họa: Trần Lê Nguyên Hà. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 239 tr. ; 18 cm. - 89000đ. - 1500b s620030
2086. García Márquez, Gabriel. Trăm năm cô đơn / Gabriel García Márquez ; Dịch: Nguyễn Trung Đức... - H. : Văn học, 2025. - 492 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 199000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Tây Ban Nha: Cien años de soledad s619254

2087. Gặp khó khăn, con sẽ mở lòng và chia sẻ : Truyện tranh / Dương Hợp Kỳ ; Diêu Thuý dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Quản lý cảm xúc và phát triển tính cách cho bé 3+). - 42000đ. - 30000b

Tên sách tiếng Trung: 不开心的事要说出来 s618569

2088. Giá Oản Chúc. Sơn trà nở muộn : Tiểu thuyết / Giá Oản Chúc ; Thu Trang dịch. - In lần thứ 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 647 tr. ; 24 cm. - 248000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 绊橙 s617852

2089. Giang Hải Yến. Cậu là ánh bình minh của tôi / Giang Hải Yến. - H. : Văn học, 2025. - 270 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 200b s619135

2090. Giúp em viết đoạn và bài văn hay Ngữ văn 6 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Sách tham khảo cho 3 bộ sách giáo khoa hiện hành / Nguyễn Phước Lợi (ch.b.), Trịnh Đình Hồng Trang, Tiêu Thị Lan... - H. : Tri thức, 2025. - 95 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Tủ sách Em yêu Ngữ văn). - 69000đ. - 2800b s618472

2091. Giúp em viết đoạn và bài văn hay Ngữ văn 7 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Sách tham khảo cho 3 bộ sách giáo khoa hiện hành / Nguyễn Phước Lợi (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hằng, Tiêu Thị Lan... - H. : Tri thức, 2025. - 131 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Tủ sách Em yêu Ngữ văn). - 75000đ. - 2800b s618473

2092. Giúp em viết đoạn và bài văn hay Ngữ văn 7 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Sách tham khảo cho 3 bộ sách giáo khoa hiện hành / Nguyễn Phước Lợi (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hằng, Tiêu Thị Lan... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 131 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Tủ sách Em yêu Ngữ văn). - 75000đ. - 2200b s619830

2093. Giúp em viết đoạn và bài văn hay Ngữ văn 8 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Sách tham khảo cho 3 bộ sách giáo khoa hiện hành / Nguyễn Phước Lợi (ch.b.), Trịnh Đình Hồng Trang, Tiêu Thị Lan... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 94 tr. ; 27 cm. - (Tủ sách Em yêu Ngữ văn). - 69000đ. - 2800b s619831

2094. Greene, Graham. Người Mỹ trầm lặng / Graham Greene ; Quân Khuê dịch. - H. : Văn học, 2025. - 321 tr. ; 21 cm. - 165000đ. - 2500b

Tên sách tiếng Anh: The quiet American s619105

2095. Gửi cậu lời từ biệt thứ hai : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Tanaka Tomo ; Họa sĩ: Takogawa Takomaru ; Ngọc Trâm dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 99000đ. - 2000b T.1. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s619976

2096. Gương mặt thời gian 5 : Tuyển tập thơ các thế hệ cán bộ và sinh viên khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế / Phan Thị An, Trần Xuân An, Trương Lan Anh... - Huế : Đại học Huế, 2025. - 183 tr. ; 21 cm. - 500b s619344

2097. Hà Nhi. Truyện hay cho bé : Những truyện kể thú vị là món điểm tâm ngọt ngào trong thời thơ ấu : 0 - 6 tuổi / Hà Nhi ; An Lạc Group dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 118000đ. - 1000b

T.3. - 2025. - 139 tr. : tranh màu s618019

2098. Hà Nhi. Truyện hay cho bé : Những truyện kể thú vị là món điểm tâm ngọt ngào trong thời thơ ấu : 0 - 6 tuổi / Hà Nhi ; An Lạc Group dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 118000đ. - 1000b

T.4. - 2025. - 139 tr. : tranh màu s618020

2099. Hạ Mer. Có người đợi cơm / Hạ Mer. - H. : Văn học, 2025. - 196 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Người trẻ Việt). - 109000đ. - 2000b
 Tên thật tác giả: Trịnh Ngọc Mai s619113
2100. Hải Đình. Hoàng hôn hai mươi / Hải Đình. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 166 tr. ; 19 cm. - 121000đ. - 2000b s620057
2101. Haig, Rudi. Kể chuyện Hành trình viết sáng tạo : Tuổi 7+ / Rudi Haig ; Minh họa: Kim Hankinson ; Hoàng Anh Đức dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 47 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 69000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Anh: Telling tales: Journeys in creative writing s617950
2102. Hành trình của kiến nhỏ : Một câu chuyện về hạnh phúc : Truyện tranh / Thuần Niệm ; Họa sĩ: Chita. - H. : Văn học, 2025. - 71 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 98000đ. - 1000b s619927
2103. Hannah, Kristin. Sơn ca vằn hót = The nightingale / Kristin Hannah ; Dịch: Đinh Thanh Vân, Hoàng Anh. - Tái bản lần 1. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 479 tr. ; 24 cm. - 255000đ. - 1000b s618033
2104. Haruki Murakami. Thành phố và những bức tường bất định / Haruki Murakami ; Uyên Thiễm dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 538 tr. ; 24 cm. - 310000đ. - 4000b
 Tên sách tiếng Nhật: 街とその不確かな壁 s618902
2105. Henry, Emily. Miền hạnh phúc / Emily Henry ; Miel G. dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 414 tr. ; 24 cm. - 215000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Anh: Happy place s617879
2106. Hén. Mượn em một lần yêu / Hén. - H. : Văn học, 2025. - 260 tr. ; 19 cm. - 153000đ. - 1000b
 Tên thật tác giả: Nguyễn T. Thu Hậu s620309
2107. Hình gì vậy nhĩ? = What shape is that? : Sách tranh phát triển tư duy cho bé 0 - 6 tuổi : Ehon song ngữ Việt - Anh / Tiên Phong Books ; Nguyễn Lâm Tùng dịch ; Minh họa: Nấm Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 36000đ. - 50000b s618545
2108. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 3000b
 T.1. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s620214
2109. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 2000b
 T.2. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s620215
2110. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 3000b
 T.3. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s620216
2111. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 3000b
 T.4. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s620217
2112. Hoa thơm kiêu hãnh : Flower edition : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 138000đ. - 5000b
 T.5. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s620263
2113. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 5000b

- T.5. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s620218
2114. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 7000b
- T.6. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s620219
2115. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 10000b
- T.7. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s620220
2116. Hoà bình là gì? : Truyện tranh / John Lasack ; Tranh: Kat Yao. - H. : Văn học, 2025. - 37 tr. : tranh màu ; 21x30 cm. - 2000b
- Tên sách tiếng Anh: What is peace? s619180
2117. Hoàng Dữ. Huyền diệu tình người : Tiểu thuyết / Hoàng Dữ. - H. : Văn học, 2025. - 133 tr. ; 20 cm. - 700b s619067
2118. Hoàng Kim Dung. Trang văn tình đời : Tiểu luận & phê bình / Hoàng Kim Dung. - H. : Văn học, 2025. - 303 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 300b s619189
2119. Hoàng Thị Ngọc Mai. Mẹ ơi con nhớ mẹ : Thơ / Hoàng Thị Ngọc Mai. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 95 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 120000đ. - 1000b s618870
2120. Hoàng Việt Quân. Bác Hồ trong lòng dân : Bút ký / Hoàng Việt Quân. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 352 tr. ; 19 cm. - 150000đ. - 500b s619965
2121. Horimiya : Truyện tranh : 13+ / Hero, Hagiwara Daisuke ; Đinh Thị Nhung dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 50000đ. - 1000b
- T.2. - 2025. - 168 tr. : tranh vẽ s620314
2122. Horimiya : Truyện tranh : 13+ / Hero, Hagiwara Daisuke. - H. : Văn học. - 18 cm. - 50000đ. - 1000b
- T.8. - 2025. - 168 tr. : tranh vẽ s620313
2123. Hồ Mậu Thanh. Thăm thăm bóng người : Thơ / Hồ Mậu Thanh. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 159 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 500b s619403
2124. Hồ sơ mật = The top secret season 0 : Truyện tranh : 18+ / Shimizu Reiko ; Ukato Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b
- T.10. - 2025. - 325 tr. : tranh vẽ s620225
2125. Hồ sơ mật = The top secret season 0 : Truyện tranh : 18+ / Shimizu Reiko ; Ukato Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b
- T.11. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s620226
2126. Hồ sơ mật = The top secret season 0 : Truyện tranh : 18+ / Shimizu Reiko ; Ukato Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b
- T.12. - 2025. - 199 tr. : tranh vẽ s620227
2127. Hồ Thanh Hải. Giai điệu quê hương / Hồ Thanh Hải. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 201 tr. ; 19 cm. - 135000đ. - 300b s619955
2128. Hồng Hạnh. Bút phá 8+ Ngữ văn : Theo bí kíp học sinh giỏi Quốc gia : Dành cho học sinh THPT / Hồng Hạnh. - H. : Văn học, 2025. - 279 tr. ; 12 cm. - 99000đ. - 2000b s620298
2129. Huỳnh Viết Lệnh. Cuốn lưu bút : Truyện ngắn dành cho mọi lứa tuổi / Huỳnh Viết Lệnh. - In lần thứ 4. - H. : Văn học, 2025. - 146 tr. ; 20 cm. - 80000đ. - 3000b s619077
2130. Hướng dẫn ôn luyện bộ đề thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT môn Ngữ văn : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Văn Tấn, Nguyễn Văn Nhượng, Trần Thị Ngọc

Lam... - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 288 tr. ; 27 cm. - 139000đ. - 1000b s618117

2131. Inako. Chiêu thánh chiêu thánh / Inako. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 371 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b s617785

2132. Jang Kều. Tuổi thơ lắm chuyện buồn cười / Jang Kều. - H. : Văn học, 2025. - 228 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b s619089

2133. Kafka, Franz. Vụ án / Franz Kafka ; Lê Chu Cầu dịch ; Minh họa: George Salter. - H. : Văn học, 2025. - 318 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Đức: Der prozeß. - Phụ lục: tr. 269-315 s619236

2134. Kagurabachi : Truyện tranh : 18+ / Takeru Hokazono ; Uyên Hồng dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 8000b

T.1: Điều phải làm. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s620315

2135. Kagurabachi : Truyện tranh : 18+ / Takeru Hokazono ; Uyên Hồng dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 8000b

T.2: Enten vs Kuregumo. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s620316

2136. Khắp nơi đều có nước! = There is water everywhere! : Sách tranh phát triển tư duy cho bé 0 - 6 tuổi : Ehon song ngữ Việt - Anh / Tiên Phong Books ; Nguyễn Lâm Tùng dịch ; Minh họa: Nam Phạm. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 36000đ. - 50000b s618549

2137. Khiêm tốn tiếp thu lời phê bình : Truyện tranh / Dương Hợp Kỳ ; Diệu Thúy dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Quản lý cảm xúc và phát triển tính cách cho bé 3+). - 42000đ. - 30000b

Tên sách tiếng Trung: 虚心接受批 s618574

2138. Khoảng trống hình thỏ : Truyện tranh / John Dougherty, Thomas Docherty ; Cua dịch ; Thụy Anh h.đ. - H. : Văn học, 2025. - 34 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 108000đ. - 1000b s619181

2139. Khu rừng trên mây = Cloud forest : Truyện tranh : Song ngữ Anh - Việt / Victoria Turnbull ; Gấu Tím dịch. - H. : Văn học, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 98000đ. - 1000b s619182

2140. Khúc danh đề biển cả : Truyện tranh : 16+ / John Tarachine ; Luci dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 55000đ. - 5000b

T.3. - 2025. - 150 tr. : tranh vẽ s620157

2141. Kinney, Jeff. Nhật ký chú bé nhút nhát / Jeff Kinney ; Vân Khánh dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Văn học. - 21 cm. - 55000đ. - 3500b

Tên sách tiếng Anh: Diary of a wimpy kid: The long haul

T.9: Kỳ nghỉ thảm khốc. - 2025. - 223 tr. : tranh vẽ s619240

2142. Kinney, Jeff. Nhật ký chú bé nhút nhát / Jeff Kinney ; Quý Dương dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học. - 21 cm. - 55000đ. - 3500b

Tên sách tiếng Anh: Diary of a wimpy kid: The getaway

T.12: Chuyến đi bão táp. - 2025. - 221 tr. : tranh vẽ s619241

2143. Kinney, Jeff. Nhật ký chú bé nhút nhát / Jeff Kinney ; Jean dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 55000đ. - 8000b

Tên sách tiếng Anh: Diary of a wimpy kid: Party pooper

T.20: Chúa tế tiệc tùng. - 2025. - 221 tr. s619123

2144. Kinney, Jeff. Nhật ký chú bé nhút nhát = Diary of a wimpy kid : Song ngữ Việt - Anh / Jeff Kinney ; Jean dịch. - H. : Văn học. - 22 cm. - 96000đ. - 5000b
 Tên sách tiếng Anh: Diary of a wimpy kid: Party pooper
 T.20: Chúa tể tiệc tùng. - 2025. - 339 tr. : tranh vẽ s619148
2145. Klune, T. J. Đâu đó ngoài khơi xa / T. J. Klune ; Minh hoạ: Red Nose Studio ; Jack Frogg dịch. - H. : Văn học, 2025. - 702 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 229000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Anh: Somewhere beyond the sea. -Tên thật tác giả: Travis John Klune s619116
2146. László, Krasznahorkai. Vũ điệu quỷ Satan / Krasznahorkai László ; Giáp Văn Chung dịch. - H. : Văn học, 2025. - 374 tr. ; 21 cm. - 158000đ. - 2000b
 Dịch từ nguyên bản tiếng Hungary: Sátántangó s619242
2147. Lạc Lâm Lang. Người tìm xác / Lạc Lâm Lang ; Thú Lạ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 179000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 寻尸人
 T.4. - 2025. - 325 tr. s619468
2148. Lách ca lách cách! : Ehon cho bé từ 0 - 3 tuổi / Tiên Phong Books b.s. ; Minh hoạ: Thùy Lê. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 32000đ. - 30000b s618564
2149. Lại may hỏng rồi! : Truyện tranh / Tranh, lời: Phạm Quang Phúc. - H. : Văn học, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 42 cm. - 2000b
 Tên sách tiếng Anh: Tiger's trouble with sewing s619800
2150. Lam. Đi vòng thế giới vẫn quanh một người / Lam. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 238 tr. ; 19 cm. - 96000đ. - 1000b
 Tên thật tác giả: Hồ Dương Mộng Tuyền s620035
2151. Lam Kiều. Cát bụi ca : Thơ / Lam Kiều. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 115 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 200b s619402
2152. Làm chủ kỹ năng các dạng bài thi vào lớp 10 môn Ngữ văn : Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Vũ Thị Hải Yến, Ngô Thị Thu Hiền. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 311 tr. : bảng ; 27 cm. - 198000đ. - 1000b s618104
2153. Lắng nghe tiếng nắng : Truyện tranh / Fumino Yuki ; Quế Đan dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b
 T.1. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s619984
2154. Lắng nghe tiếng nắng : Truyện tranh / Fumino Yuki ; Quế Đan dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 60000đ. - 1000b
 T.2: Kể về hạnh phúc. - 2025. - 303 tr. : tranh vẽ s619985
2155. Lee D. Tước đoạt = Steal away / Lee D. - H. : Thế giới, 2025. - 318 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 1000b s618925
2156. Lê Hoài Việt. Có một lòng phở ở trong lòng mình / Lê Hoài Việt. - H. : Văn học, 2025. - 320 tr. ; 20 cm. - 118000đ. - 5000b s619111
2157. Lê Mậu Lâm. Giông bão, mùa vàng : Tập truyện & ký / Lê Mậu Lâm. - H. : Văn học, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 500b s619106
2158. Lê Thị Huệ. Lời ru Tháp Mười : Hồi ký / Lê Thị Huệ. - H. : Văn học, 2025. - 121 tr. : ảnh màu ; 20 cm. - 700b s619063

2159. Lê Thị Kim Sơn. Xoáy thời gian : Tiểu thuyết / Lê Thị Kim Sơn. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 700b

Tác phẩm tham dự cuộc thi Sáng tác tiểu thuyết, truyện và ký về đề tài "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống" Lần thứ V, giai đoạn 2022 - 2025 s619323

2160. Lê Thị Thùy. Tư tưởng thẩm mỹ của Nguyễn Du trong tác phẩm Truyện Kiều : Sách chuyên khảo / Lê Thị Thùy. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 136 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 200b
Thư mục: tr. 130-135 s618711

2161. Lịch sử văn học Việt Nam thời kì 1945 - 1985 / Trịnh Bá Đình (ch.b.), Trần Hoài Anh, Đoàn Ánh Dương... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 526 tr. ; 24 cm. - 168000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Văn học. - Thư mục: tr. 511-526 s618905

2162. Liêm Thập Lý. Pháo hoa ngày hè / Liêm Thập Lý ; Thanh Thiên dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 235000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 夏日焰火

T.1. - 2025. - 477 tr. : tranh vẽ s617850

2163. Liêm Thập Lý. Pháo hoa ngày hè / Liêm Thập Lý ; Thanh Thiên dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 245000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 夏日焰火

T.2. - 2025. - 501 tr. : tranh vẽ s617851

2164. Lindgren, Astrid. Lotta búống như lửa / Astrid Lindgren ; Nguyễn Bích Lan dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 92 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 59000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Thụy Điển: Lotta sayss no - Barnen på Bråmakargatan s620031

2165. Lindgren, Astrid. Lotta quây / Astrid Lindgren ; Nguyễn Bích Lan dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 52 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 32000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Thụy Điển: Lotta makes a mess - Lotta på Bråmakargatan s620032

2166. Lindgren, Astrid. Lũ trẻ làng Õn Õo = The children of Noisy village / Astrid Lindgren ; Chuyển ngữ tiếng Anh: Susan Beard ; Nguyễn Bích Lan dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 138 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 54000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Thụy Điển: Alla vi barn i Bullerbyn s620047

2167. Lindgren, Astrid. Những ngày hạnh phúc ở làng Õn Õo = Happy times in Noisy village : Bản song ngữ Việt - Anh / Astrid Lindgren ; Chuyển ngữ tiếng Anh: Susan Beard ; Nguyễn Bích Lan dịch. - In lần thứ 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 299 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 163000đ. - 300b

Tên sách tiếng Thụy Điển: Mera om oss barn i Bullerbyn s620048

2168. Lindgren, Astrid. Ronja, con gái của tướng cướp / Astrid Lindgren ; Nguyễn Bích Lan dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 298 tr. ; 18 cm. - (Tủ sách Thiếu nhi kinh điển). - 128000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Ronja, the robber's daughter; Tên sách tiếng Thụy Điển: Ronja rövardotter s620050

2169. Lindgren, Astrid. Ronja, con gái của tướng cướp / Astrid Lindgren ; Nguyễn Bích Lan dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 298 tr. ; 18 cm. - (Tủ sách Thiếu nhi kinh điển). - 128000đ. - 2000b s620041

2170. Linh Chi. Ru thơ : Thơ / Linh Chi. - H. : Văn học, 2025. - 103 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 98000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Trọng Thắng s619150

2171. Little stories to have a nice day / Stacey Riches. - H. : Thế giới, 2025. - 192 p. : ill. ; 18 cm. - (Learn English and have fun). - 65000đ. - 2000 copies s620138
2172. London, Jack. Nanh trắng / Jack London ; Dịch: Bảo Hưng, Trung Dũng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 267 tr. ; 21 cm. - 73000đ. - 2000b s619231
2173. Lovecraft, H. P. Âm vọng từ đêm đen : Tuyển tập truyện / H. P. Lovecraft ; G. Nguyễn dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 438 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 1000b s617819
2174. Luxemburg, Rosa. Những bức tình thư Rosa Luxemburg / Lê Hồng Hoa dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 404 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 2000b
Dịch từ nguyên tác tiếng Đức: Rosa Luxemburg die liebesbriefe. - Phụ lục: tr. 348-377 s617936
2175. Lương Hạnh. Lệ Chi Viên : Tiểu thuyết lịch sử / Lương Hạnh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 296 tr. ; 24 cm. - 159000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Tiến Dũng s617874
2176. Lương Tử Miên. Đi qua cơn gió mùa : 100 bài thơ chọn / Lương Tử Miên. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 138 tr. ; 22 cm. - 150000đ. - 1000b s618887
2177. Lưu Chấn Vân. Tôi là Lưu Nhảy Vọt / Lưu Chấn Vân ; Trung Nghĩa dịch. - H. : Lao động, 2025. - 471 tr. ; 21 cm. - 230000đ. - 1000b
Dịch từ bản tiếng Hoa: 我叫刘跃进 s618853
2178. Lycoris Recoil : Tuyển tập ngoại truyện "phản hồi" : Truyện tranh : 17+ / Nguyên tác: Spider Lily ; Thế Đăng dịch. - H. : Lao động, 2025. - 124 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 55000đ. - 4000b s620165
2179. Lycoris recoil : Tuyển tập ngoại truyện "nhắc lại" : Truyện tranh : 17+ / Nguyên tác: Spider Lily ; Thế Đăng dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 55000đ. - 4000b
T.3. - 2025. - 142 tr. : tranh vẽ s620166
2180. Lycoris Recoil : Tuyển tập ngoại truyện "tiếp nối" : Truyện tranh : 17+ / Nguyên tác: Spider Lily ; Thế Đăng dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 55000đ. - 4000b
T.3. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s620167
2181. Mã Thiện Đồng. Chị em sinh đôi : Truyện kí / Mã Thiện Đồng. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 187 tr. ; 21 cm. - 700b s619313
2182. Mai Du. Nghìn lẻ một trang : Truyện thiếu nhi : 15+ / Mai Du ; Thúy Hạnh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 182 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 79000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Trung: 一千零一页 s617793
2183. Malot, Hector. Không gia đình / Hector Malot ; Huỳnh Lý dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Văn học, 2025. - 663 tr. ; 21 cm. - 175000đ. - 2000b s619230
2184. Malot, Hector. Không gia đình = Sans famille : Tiểu thuyết / Hector Malot ; Như Phong dịch. - H. : Văn học, 2025. - 613 tr. ; 24 cm. - 175000đ. - 1500b s619253
2185. Malot, Hector. Không gia đình / Hector Malot ; Huỳnh Lý dịch. - H. : Văn học. - 19 cm. - 84000đ. - 1000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: Sans famille
T.1. - 2025. - 366 tr. s620364
2186. Malot, Hector. Không gia đình / Hector Malot ; Huỳnh Lý dịch. - H. : Văn học. - 19 cm. - 84000đ. - 1000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: Sans famille

T.2. - 2025. - 410 tr. s620365

2187. Mạn Tây. Siêu cấp cung chiêu / Mạn Tây ; 5CE dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 199000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 致命偏宠

T.6. - 2025. - 542 tr. s618862

2188. Màu của tớ là đẹp nhất! = I'm the prettiest color! : Sách tranh phát triển tư duy cho bé 0 - 6 tuổi : Ehon song ngữ Việt - Anh / Tiên Phong Books ; Nguyễn Lâm Tùng dịch ; Minh họa: Beso. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 36000đ. - 50000b s618551

2189. Máy bay mang yêu thương : Truyện tranh : Bản dịch được lựa chọn từ các tác phẩm đoạt giải "Chuyên tàu chuyển ngữ", hoạt động do Vụ Giáo dục tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Room to Read tổ chức / Wafa T. Qusous ; Tranh: Kamil Adil ; Phạm Minh Quân dịch. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: A plane that brings love s619178

2190. Măm măm, ngon ời là ngon! : Ehon cho bé từ 0 - 3 tuổi / Tiên Phong Books b.s. ; Minh họa: Nấm Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 32000đ. - 30000b s618567

2191. Mắt sáng gìn giữ tinh hoa : Tập truyện ngắn / Trần Bá Kiên, Trần Đức Chánh, Phan Anh Hoàng... - H. : Văn học, 2025. - 232 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 2000b s619126

2192. Mẫu giáo đại chiến : Truyện tranh : 18+ / You Chiba ; Ocharaketa dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 60000đ. - 6000b

T.3. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s620154

2193. Mẫu giáo đại chiến : Truyện tranh : 18+ / You Chiba ; Ocharaketa dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 6000b

T.10. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s620312

2194. Mẫu giáo đại chiến : Truyện tranh : 18+ / You Chiba ; Ocharaketa dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 60000đ. - 6000b

T.10. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s620311

2195. Mẹ có phải là mẹ của con? = Are you my mother? : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / P. D. Eastman ; Ngân Huyền dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 65 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Picture book song ngữ). - 69000đ. - 2000b s617904

2196. Mễ Hoa. Đường Mộc vẫn thế : Tiểu thuyết / Mễ Hoa ; Hoàng Diệp Hằng dịch. - H. : Văn học, 2025. - 356 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 176000đ. - 1500b s619117

2197. Mike muốn đi xe đạp - Chia sẻ : Picture book : Truyện tranh / Tổng Hiên Khuê ; Phạm Thị Hậu dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bồi dưỡng tính cách. Phát triển tư duy cho trẻ). - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 麦克小奎暖心陪伴绘本系列: 麦克想骑自行车 s618015

2198. Mike sợ bóng tối - Giải quyết vấn đề : Picture book : Truyện tranh / Tổng Hiên Khuê ; Phạm Thị Hậu dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bồi dưỡng tính cách. Phát triển tư duy cho trẻ). - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 麦克小奎暖心陪伴绘本系列: 怕黑的麦克 s618014

2199. Miko selection : Top 10 của Eriko Ono : Truyện tranh : 6+ / Eriko Ono ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 13. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 188 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 25000đ. - 3000b s620256

2200. Minh Quế Tái Tửu. Rung động khó kiểm soát : Tiểu thuyết / Minh Quế Tái Tửu ; Nana Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 399000đ. - 1000b
 Tên sách tiếng Trung: 我就想蹭你的气运
 T.1. - 2025. - 517 tr. s617831
2201. Minh Quế Tái Tửu. Rung động khó kiểm soát : Tiểu thuyết / Minh Quế Tái Tửu ; Nana Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 399000đ. - 1000b
 Tên sách tiếng Trung: 我就想蹭你的气运
 T.2. - 2025. - 549 tr. s617832
2202. Mitchell, Margaret. Cuốn theo chiều gió = Gone with the wind / Margaret Mitchell ; Vũ Kim Thư dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Văn học, 2025. - 1070 tr. ; 24 cm. - 395000đ. - 1000b s619265
2203. Miya Kazuki. Cuộc nổi dậy của cô nàng mọt sách : Tôi sẽ làm mọi cách để trở thành thủ thư! / Miya Kazuki ; Minh họa: You Shiina ; Hạt Đậu dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 18 cm. - 179000đ. - 1500b
 Ph.2: Vu nữ tập sự của Thần Điện I. - 2025. - 542 tr. : tranh vẽ s620045
2204. Mochi Ở Đây. Vì còn có những ngày mai / Mochi Ở Đây. - H. : Văn học, 2025. - 221 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 2000b s619079
2205. Món quà đặc biệt - Sáng tạo : Picture book : Truyện tranh / Tống Hiên Khuê ; Phạm Thị Hậu dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 34 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bồi dưỡng tính cách. Phát triển tư duy cho trẻ). - 35000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 麦克小奎暖心陪伴绘本系列: 特别的礼物 s618012
2206. Monster #8 : Bản đặc biệt : Truyện tranh : 16+ / Naoya Matsumoto ; Trần Yang dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 72000đ. - 3000b
 T.11. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s620152
2207. Monster #8 : Truyện tranh : 16+ / Naoya Matsumoto ; Trần Yang dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 58000đ. - 7000b
 T.11. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s620153
2208. Mornštajnová, Alena. Bác Hana : Tiểu thuyết / Alena Mornštajnová ; Bình Slavická dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 338 tr. ; 24 cm. - 109000đ. - 1500b
 Dịch từ nguyên bản tiếng Séc: Hana s617848
2209. Morrison, Toni. Mắt nào xanh nhất / Toni Morrison ; Thiên Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 254 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 165000đ. - 1000b
 Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The bluest eye s617826
2210. Mộc Diễm. Qua mùa thu : Tiểu thuyết / Mộc Diễm ; Giang Hạ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 389 tr. ; 21 cm. - 196000đ. - 1500b
 Tên sách tiếng Trung: 过秋天 s619420
2211. Mộc Hề Nương. Truyện ma không hồi kết : 18+ / Mộc Hề Nương ; Sam Lương dịch. - H. : Hà Nội, 2025. - 470 tr. ; 24 cm. - 219000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 无尽诡事 s619469
2212. Mộc Phù Sinh. Cũng chỉ là hạt bụi : Tiểu thuyết / Mộc Phù Sinh ; Sahara Vương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 469 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 世界微尘里 s619107

2213. Một ngày của Mike - Quản lý cảm xúc : Picture book : Truyện tranh / Tổng Biên Khuê ; Phạm Thị Huệ dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 34 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 麦克小奎暖心陪伴绘本系列: 麦克的一天 s618011

2214. Mở ra nào! Ồ oà! : Truyện tranh : Kèm pop-up đặc biệt / Satoshi Iriyama ; Education Solutions Việt Nam dịch. - H. : Văn học, 2025. - 9 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Chơi cùng gà con Piyo!). - 96000đ. - 3000b s620334

2215. Mùa đông Đà Lạt : Dành cho độ tuổi 0 - 6 tuổi / Tree ; Minh họa: Hoàng Lan. - H. : Thế giới, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bốn mùa đất nước). - 48000đ. - 1500b s618983

2216. Mùa hạ Đà Nẵng : Dành cho độ tuổi 0 - 6 tuổi / Tree ; Minh họa: Hoàng Lan. - H. : Thế giới, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bốn mùa đất nước). - 48000đ. - 1500b s618984

2217. Mùa thu Hà Nội : Dành cho độ tuổi 0 - 6 tuổi / Tree ; Minh họa: Hoàng Lan. - H. : Thế giới, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bốn mùa đất nước). - 48000đ. - 1500b s618985

2218. Mùa xuân Mộc Châu : Dành cho độ tuổi 0 - 6 tuổi / Tree ; Minh họa: Hoàng Lan. - H. : Thế giới, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Bốn mùa đất nước). - 48000đ. - 1500b s618986

2219. 13 giờ sáng - Khung giờ vô thực cho những câu chuyện bất thường : Truyện tranh giả tưởng : Dành cho lứa tuổi 18+ / Lương Minh Quang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 176 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 88000đ. - 3000b s619988

2220. 10 chú ếch - Cùng nhau ngắm trăng : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Lời: Hisako Madokoro ; Tranh: Michiko Nakagawa ; Phạm Quỳnh Nga dịch. - Tái bản, in lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản; T.17). - 39000đ. - 2000b s617996

2221. 10 chú ếch - Cùng tới biển chơi : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Lời: Hisako Madokoro ; Tranh: Michiko Nakagawa ; Phạm Quỳnh Nga dịch. - Tái bản, in lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản; T.12). - 39000đ. - 2000b s617991

2222. 10 chú Ếch - Cuộc thi hát hay : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Lời: Hisako Madokoro ; Tranh: Michiko Nakagawa ; Phạm Quỳnh Nga dịch. - Tái bản, in lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản; T.7). - 39000đ. - 2000b s617986

2223. 10 chú ếch - Đi picnic : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Lời: Hisako Madokoro ; Tranh: Michiko Nakagawa ; Phạm Quỳnh Nga dịch. - Tái bản, in lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản; T.14). - 39000đ. - 2000b s617993

2224. 10 chú ếch - Lần đầu đi cắm trại : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Lời: Hisako Madokoro ; Tranh: Michiko Nakagawa ; Phạm Quỳnh Nga dịch. - Tái bản, in lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản; T.16). - 39000đ. - 2000b s617995

2225. 10 chú ếch - Lễ hội mùa thu : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Lời: Hisako Madokoro ; Tranh: Michiko Nakagawa ; Phạm Quỳnh Nga dịch. - Tái bản, in lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản; T.18). - 39000đ. - 3000b s617997

2226. 10 chú ếch - Lễ hội sao vui vẻ : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Lời: Hisako Madokoro ; Tranh: Michiko Nakagawa ; Phạm Quỳnh Nga dịch. - Tái bản, in lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản; T.10). - 39000đ. - 2000b s617989

2227. 10 chú ếch - Món quà đặc biệt : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Lời: Hisako Madokoro ; Tranh: Michiko Nakagawa ; Phạm Quỳnh Nga dịch. - Tái bản, in lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản; T.13). - 39000đ. - 2000b s617992

2228. 10 chú ếch - Mở cửa bể bơi : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Lời: Hisako Madokoro ; Tranh: Michiko Nakagawa ; Phạm Quỳnh Nga dịch. - Tái bản, in lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản; T.15). - 39000đ. - 2000b s617994

2229. 10 chú ếch - Mùa Xuân đến rồi! : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Lời: Hisako Madokoro ; Tranh: Michiko Nakagawa ; Phạm Quỳnh Nga dịch. - Tái bản, in lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản; T.8). - 39000đ. - 2000b s617987

2230. 10 chú ếch - Ngày hội thể thao : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Lời: Hisako Madokoro ; Tranh: Michiko Nakagawa ; Phạm Quỳnh Nga dịch. - Tái bản, in lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản; T.9). - 39000đ. - 2000b s617988

2231. 10 chú ếch - Tới núi Rào Rào : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Lời: Hisako Madokoro ; Tranh: Michiko Nakagawa ; Phạm Quỳnh Nga dịch. - Tái bản, in lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản; T.11). - 39000đ. - 2000b s617990

2232. 10 phút truyện kể cho bé trước giờ đi ngủ - Dạy trẻ thói quen tốt : Song ngữ Anh - Việt : Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi / Phó Trại Nam ; Minh họa: Thư Trùng ; Hà Linh dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 83 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 60000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Teach your kids cultivate good habits s620071

2233. Mỹ vị hầm ngục = Delicious in dungeon : Truyện tranh : 16+ / Kui Ryoko ; Ngô Quế Đan dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 58000đ. - 1000b
T.8. - 2025. - 199 tr. : tranh vẽ s620318

2234. N. Henry Hoang T.P.B. Lá thư cha gửi con gái / N. Henry Hoang T.P.B. - H. : Thế giới, 2025. - 165 tr. ; 18 cm. - 129000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Hoàng Ngọc Minh Toàn s620134

2235. Nagira Yuu. Trăng lãng du / Nagira Yuu ; Lam Ngọc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 393 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Nhật: 流浪の月 s617795

2236. Nam Cao. Chí Phèo : Tập truyện ngắn / Nam Cao. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Văn học, 2025. - 195 tr. ; 18 cm. - 50000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Trần Hữu Tri s620358

2237. Nam Cao. Đôi mắt : Tuyển tập truyện ngắn / Nam Cao. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 283 tr. ; 18 cm. - 70000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Trần Hữu Tri s620362

2238. Nam Cao. Sống mòn : Tiểu thuyết / Nam Cao. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 303 tr. ; 18 cm. - 73000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Trần Hữu Tri s619226

2239. Nam Cao. Tuyển tập Nam Cao. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Văn học, 2025. - 667 tr. ; 21 cm. - 155000đ. - 2000b s619243

2240. Nam Trần. Đi dưới bóng làng : Thơ / Nam Trần. - H. : Văn học, 2025. - 131 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 88000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Trần Văn Nam s620308

2241. 5 phút truyện kể cho bé trước khi ngủ - Ham học : Truyện tranh / Lưu Kính Dư ; Phạm Hồng dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 84 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 60000đ. - 2000b

Tên sách nguyên bản: 睡前5分钟故事 - 彩虹卷 s618016

2242. 5 phút truyện kể cho bé trước khi ngủ - Hiếu thảo : Truyện tranh / Lưu Kính Dư ; Phạm Hồng dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 84 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 60000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 睡前5分钟故事-星星卷 s617957

2243. Ngày đầu đi học : Truyện tranh màu / Phan Ngọc Thư Hà. - H. : Thế giới, 2025. - 51 tr. : tranh màu ; 18x26 cm. - 49000đ. - 500b s620136

2244. Ngọc May. Chuyến phiêu lưu đến Vương quốc Háu Ăn / Ngọc May ; Minh họa: Vĩnh Lộc. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 63 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 168000đ. - 5000b s618018

2245. Ngọc Trần. Chuyện của mặt trời / Ngọc Trần. - H. : Văn học, 2025. - 197 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b s619103

2246. Ngô Đức Hành. Gọi đồng : Thơ / Ngô Đức Hành. - H. : Văn học, 2025. - 127 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 145000đ. - 300b s619191

2247. Ngô Tất Tố. Vua Tây Chúa Nguyễn / Ngô Tất Tố. - H. : Văn học, 2025. - 203 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 2000b s619098

2248. Ngô Thanh Hòa. Thi / Ngô Thanh Hòa. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 239 tr. ; 15 cm. - 198000đ. - 500b s619961

2249. Ngô Thừa Ân. Tây du ký : Tiểu thuyết chương hồi / Ngô Thừa Ân ; Thụy Đình dịch ; Chu Thiên h.đ. - Tái bản. - H. : Văn học. - 24 cm. - 131000đ. - 500b

T.1. - 2025. - 442 tr. s619267

2250. Ngô Thừa Ân. Tây du ký : Tiểu thuyết chương hồi / Ngô Thừa Ân ; Thụy Đình dịch ; Chu Thiên h.đ. - Tái bản. - H. : Văn học. - 24 cm. - 131000đ. - 500b

T.2. - 2025. - 470 tr. s619268

2251. Ngô Thừa Ân. Tây du ký : Tiểu thuyết chương hồi / Ngô Thừa Ân ; Thụy Đình dịch ; Chu Thiên h.đ. - H. : Văn học. - 24 cm. - 131000đ. - 500b

T.3. - 2025. - 438 tr. s619269

2252. Ngô Thừa Ân. Tây du ký : Tiểu thuyết chương hồi / Ngô Thừa Ân ; Thụy Đình dịch ; Chu Thiên h.đ. - H. : Văn học. - 24 cm. - 131000đ. - 500b

T.4. - 2025. - 430 tr. s619270

2253. Ngô Trung Kiên. Xế bóng dạo chơi : Thơ / Ngô Trung Kiên. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 111 tr. : ảnh ; 21 cm. - 250b s619507

2254. Ngô Văn Duyên. Tình yêu người lính : Thơ / Ngô Văn Duyên. - H. : Văn học, 2025. - 214 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 500b s619081
2255. Ngô Vĩnh Bình. Hà Nội đến... và thấy : Tập tản văn về Hà Nội / Ngô Vĩnh Bình. - H. : Văn học, 2025. - 226 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b s619094
2256. Nguyên Hồng. Bỉ vỏ : Tiểu thuyết / Nguyên Hồng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 231 tr. ; 18 cm. - 58000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Nguyên Hồng s620360
2257. Nguyên Hồng. Những ngày thơ ấu / Nguyên Hồng. - H. : Văn học, 2025. - 109 tr. ; 21 cm. - 32000đ. - 2000b s619232
2258. Nguyên Hồng. Những ngày thơ ấu : Hồi ký / Nguyên Hồng. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học, 2025. - 115 tr. ; 18 cm. - 34000đ. - 2000b s620359
2259. Nguyễn Chí Dũng. Con nhà văn - Cầm bút / Nguyễn Chí Dũng. - H. : Lao động, 2025. - 402 tr. ; 23 cm. - 195000đ. - 2000b
Phụ lục trong chính văn s618848
2260. Nguyễn Công Đức. Gió thổi qua rừng : Tiểu thuyết / Nguyễn Công Đức. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 351 tr. ; 21 cm. - 700b s619307
2261. Nguyễn Công Hoan. Bước đường cùng : Tiểu thuyết / Nguyễn Công Hoan. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 255 tr. ; 18 cm. - 65000đ. - 2000b s620361
2262. Nguyễn Công Huy. Bâng khuâng : Thơ / Nguyễn Công Huy, Nguyễn Thị Hồng Yên. - H. : Văn học, 2025. - 38 tr. ; 19 cm. - 99000đ. - 1000b s619925
2263. Nguyễn Công Huy. Những chuyện ít kể : Tập truyện ký / Nguyễn Công Huy. - H. : Văn học, 2025. - 180 tr. ; 20 cm. - 700b s619062
2264. Nguyễn Diệu Liên. Gõ cửa bình yên : Thơ và tản văn / Nguyễn Diệu Liên. - H. : Văn học, 2025. - 187 tr. : ảnh ; 21 cm. - 188000đ. - 300b s619192
2265. Nguyễn Du. Dịch thơ chữ Hán của thi hào Nguyễn Du / Chu Văn Minh dịch. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 215 tr. : bảng ; 24 cm. - 100b s619411
2266. Nguyễn Du. Kiều truyện dẫn giải / Nguyễn Du ; Hồ Đắc Hàm dẫn giải. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 459 tr. ; 19 cm. - 133000đ. - 5000b s620380
2267. Nguyễn Du. Kim Vân Kiều chú thích / Nguyễn Du ; Bùi Khánh Diễm chú thích. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 279 tr. ; 19 cm. - 88000đ. - 5000b s620377
2268. Nguyễn Du. Kim, Vân, Kiều truyện / Nguyễn Du ; Trương Vĩnh Ký phiên âm, chú giải. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 252 tr. ; 19 cm. - 81000đ. - 5000b s620379
2269. Nguyễn Du. Truyện Kiều / Nguyễn Du ; Đào Duy Anh hiệu khảo, chú giải. - H. : Văn học, 2025. - 185 tr. ; 21 cm. - 59000đ. - 1000b s619074
2270. Nguyễn Du. Truyện Kiều : Đoạn trường tân thanh / Nguyễn Du ; Nông Sơn Nguyễn Can Mộng h.d., chú thích. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 203 tr. ; 19 cm. - 70000đ. - 5000b s620376
2271. Nguyễn Du. Truyện Thúy Kiều : Đoạn trường tân thanh / Nguyễn Du ; Hiệu khảo: Bùi Kỳ, Trần Trọng Kim. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 292 tr. ; 19 cm. - 91000đ. - 5000b s620378
2272. Nguyễn Duy Đồng. Hoa nở trên đỉnh dốc : Tập tự truyện / Nguyễn Duy Đồng. - H. : Văn học, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b s619119

2273. Nguyễn Duy Khương. Dấu ấn thương nhân : Câu chuyện về bản lĩnh và niềm tin trên thương trường / Nguyễn Duy Khương. - H. : Thế giới, 2025. - 296 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 255000đ. - 1000b s618943
2274. Nguyễn Duy Liễm. Điệp vụ hoa anh túc : Tiểu thuyết / Nguyễn Duy Liễm. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 263 tr. ; 21 cm. - 700b s619308
2275. Nguyễn Đắc Hiền. Sóng dậy đồng nước : Tập truyện ký / Nguyễn Đắc Hiền. - H. : Văn học, 2025. - 233 tr. ; 20 cm. - 700b s619065
2276. Nguyễn Đình San. Góc khuất những mảnh đời : Tập truyện ngắn / Nguyễn Đình San. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 472 tr. ; 20 cm. - 300000đ. - 500b s618895
2277. Nguyễn Đức Hạnh. Bão : Tiểu thuyết / Nguyễn Đức Hạnh. - H. : Văn học, 2025. - 195 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 2000b s619078
2278. Nguyễn Đức Linh. Về lại Gành Dầu : Tập truyện ngắn / Nguyễn Đức Linh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 161 tr. ; 19 cm. - 200000đ. - 300b s619964
2279. Nguyễn Hiệp. Bông cỏ giêng và những truyện ngắn khác / Nguyễn Hiệp. - H. : Văn học, 2025. - 238 tr. ; 24 cm. - 168000đ. - 1000b s619163
2280. Nguyễn Hiệp. Thương khúc : Tiểu thuyết / Nguyễn Hiệp. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 183 tr. ; 21 cm. - 130b s619310
2281. Nguyễn Hoàng Diệu Thúy. Tình yêu bọt xít / Nguyễn Hoàng Diệu Thúy ; Minh họa: Thư Cao. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 234 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 130000đ. - 1500b s618878
2282. Nguyễn Hoàng Trung Hiếu. Bình minh ở phía con đi : Tùy bút về hành trình trưởng thành / Nguyễn Hoàng Trung Hiếu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 180 tr. ; 20 cm. - 98000đ. - 1000b s618871
2283. Nguyễn Hữu Quách. Những năm tháng cuộc đời : Hồi ký / Nguyễn Hữu Quách. - H. : Văn học, 2025. - 127 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 200b s619184
2284. Nguyễn Minh Tâm. Ga xép : Thơ / Nguyễn Minh Tâm. - H. : Văn học, 2025. - 111 tr. ; 19 cm. - 55000đ. - 500b s619928
2285. Nguyễn Ngọc Lợi. Mấy nẻo đi về : Bút ký & tản văn / Nguyễn Ngọc Lợi. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 247 tr. : ảnh ; 21 cm. - 120000đ. - 200b s619410
2286. Nguyễn Nhật Ánh. Bàn có năm chỗ ngồi : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 69. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 187 tr. ; 15 cm. - 38000đ. - 3000b s620246
2287. Nguyễn Nhật Ánh. Cô gái đến từ hôm qua : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 69. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 177 tr. ; 15 cm. - 35000đ. - 3000b s620247
2288. Nguyễn Nhật Ánh. Thằng quý nhỏ : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 60. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 233 tr. ; 15 cm. - 43000đ. - 3000b s620357
2289. Nguyễn Nhuận Hồng Phương. Bảo vật để đời : Tiểu thuyết / Nguyễn Nhuận Hồng Phương. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 527 tr. ; 24 cm. - 700b s619332
2290. Nguyễn Phát. Ký ức thời gian : Thơ / Nguyễn Phát. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 144 tr. ; 21 cm. - 420b s619200
2291. Nguyễn Phụ Du. Viết trên các dòng sông / Nguyễn Phụ Du. - Tái bản, có bổ sung. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 121 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1000b s618883

2292. Nguyễn Phước Hải Trung. Thơ hoàng đế Thiệu Trị - Đỉnh cao nghệ thuật ngôn từ / Nguyễn Phước Hải Trung. - H. : Văn học, 2025. - 427 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 299000đ. - 1000b
Chính văn bằng 2 thứ tiếng: Việt - Hán. - Phụ lục: tr. 340-423.- Thư mục: tr. 424-427
s619157
2293. Nguyễn Phước Hải Trung. Thơ hoàng đế Thiệu Trị - Đỉnh cao nghệ thuật ngôn từ / Nguyễn Phước Hải Trung. - H. : Văn học, 2025. - 427 tr. : ảnh ; 24 cm. - 250000đ. - 500b
Chính văn bằng 2 thứ tiếng: Việt - Hán. - Phụ lục: tr. 340-423.- Thư mục: tr. 424-427
s619156
2294. Nguyễn Phương Nhã. Một mùa hoa gọi tên "Hoa trò số 1" / Nguyễn Phương Nhã. - H. : Văn học, 2025. - 242 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 40b s619125
2295. Nguyễn Quốc Vương. Cuộc phiêu lưu của Dũng sĩ áo vàng / Nguyễn Quốc Vương. - H. : Văn học, 2025. - 234 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Buồm trắng). - 160000đ. - 1000b s619073
2296. Nguyễn Thành Trung. Yếu tố kỳ ảo trong truyện ngắn Gabriel García Márquez : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thành Trung. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 187 tr. : bìa, sơ đồ ; 24 cm. - 200000đ. - 200b
Thư mục: tr. 136-140. - Phụ lục: tr. 141-187 s618907
2297. Nguyễn Thế Thụy. Khúc ản : Tập truyện ngắn / Nguyễn Thế Thụy. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 115 tr. : ảnh ; 21 cm. - 89000đ. - 1000b s618874
2298. Nguyễn Thế Thụy. Ngẫu khúc đời : Thơ / Nguyễn Thế Thụy. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 98 tr. ; 21 cm. - 89000đ. - 1000b s618873
2299. Nguyễn Thế Thụy. Thơ & đời : Phê bình - Tiểu luận / Nguyễn Thế Thụy. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 93 tr. ; 21 cm. - 89000đ. - 500b s618899
2300. Nguyễn Thị Khánh Ly. Bóng người trong đêm : Tiểu thuyết / Nguyễn Thị Khánh Ly. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 700b s619319
2301. Nguyễn Thị Loan. Miền xa xanh thắm : Truyện ngắn / Nguyễn Thị Loan. - H. : Văn học, 2025. - 169 tr. ; 20 cm. - 700b s619061
2302. Nguyễn Thị Minh Thìn. Da cam : Tập truyện ngắn / Nguyễn Thị Minh Thìn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 208 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 200b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Thìn s618897
2303. Nguyễn Thị Mỹ Dung. Dặm ngắn dặm dài / Nguyễn Thị Mỹ Dung. - H. : Văn học, 2025. - 463 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 263000đ. - 500b s619110
2304. Nguyễn Thị Ngọc Minh. Sống như một dòng sông / Nguyễn Thị Ngọc Minh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 290 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 2000b s617787
2305. Nguyễn Thị Toán. Hà Nội ngày con xa : Thơ và văn xuôi / Nguyễn Thị Toán. - H. : Văn học, 2025. - 195 tr. ; 21 cm. - 196000đ. - 300b s619193
2306. Nguyễn Thị Việt Nga. Đêm trắng Thăng Long : Truyện ngắn lịch sử / Nguyễn Thị Việt Nga. - H. : Văn học, 2025. - 237 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s619124
2307. Nguyễn Thị Xuân Ánh. Tuyển tập thơ Xuân Ánh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 42 tr. : ảnh ; 19 cm. - 200b s620059
2308. Nguyễn Thu Hằng. Chiều qua thị trấn : Tiểu thuyết / Nguyễn Thu Hằng. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - 700b s618760
2309. Nguyễn Trí. Giang hồ gãy cánh : Tiểu thuyết / Nguyễn Trí. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 239 tr. ; 21 cm. - 700b s619317

2310. Nguyễn Trí Dũng. Con nhà văn - Nhập môn / Nguyễn Trí Dũng. - Tái bản lần 2. - H. : Lao động, 2025. - 245 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 160000đ. - 500b
Phụ lục: tr. 227-245 s618846
2311. Nguyễn Trí Dũng. Con nhà văn - Thiếu nhi / Nguyễn Trí Dũng. - H. : Lao động, 2025. - 163 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 150000đ. - 2000b s618849
2312. Nguyễn Trọng Văn. Chim lợn : Tiểu thuyết / Nguyễn Trọng Văn. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 335 tr. ; 21 cm. - 700b s619327
2313. Nguyễn Văn Cự. Mùa hoa tam giác mạch : Tiểu thuyết / Nguyễn Văn Cự. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 415 tr. ; 21 cm. - 700b s619315
2314. Nguyễn Văn Học. Mã độc báo thù : Tiểu thuyết / Nguyễn Văn Học. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 311 tr. ; 21 cm. - 700b s619328
2315. Nguyễn Văn Nhượng. Ngữ văn những hướng tiếp cận mới : Nghiên cứu - Phê bình / Nguyễn Văn Nhượng. - H. : Văn học, 2025. - 200 tr. : bảng ; 24 cm. - 138000đ. - 300b s619196
2316. Nguyễn Văn Thơ. Đạo làm người : Thơ / Nguyễn Văn Thơ. - H. : Văn học, 2025. - 107 tr. ; 21 cm. - 106000đ. - 200b s619195
2317. Nguyễn Việt Anh. Chậm chậm trưởng thành, thông dong rực rỡ : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Việt Anh ; Khuất Việt Anh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 238 tr. : hình vẽ ; 17 cm. - 109000đ. - 2000b s620299
2318. Nguyễn Việt Anh. Phiên bản ánh sáng = The edition of light : Thơ song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Việt Anh ; Phạm Minh Quân chuyển ngữ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 149 tr. ; 16x18 cm. - 180000đ. - 1000b s620061
2319. Nguyễn Xuân Tư. Tin, yêu : Thơ / Nguyễn Xuân Tư. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 76 tr. ; 19 cm. - 100000đ. - 1000b s619950
2320. Nguyễn Xuân Tường. Phiên dịch cho người tù trẻ : Truyện ký / Nguyễn Xuân Tường. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 700b s619303
2321. Nguyễn Xuân Vượng. Rừng trắng : Thơ / Nguyễn Xuân Vượng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 75 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b s618881
2322. Ngữ liệu đọc hiểu mở rộng Ngữ văn 6 / Phan Thanh Thảo. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 265 tr. : bảng ; 24 cm. - 186000đ. - 1000b s619495
2323. Ngữ liệu đọc hiểu mở rộng Ngữ văn 9 / Phan Thanh Thảo. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 278 tr. : bảng ; 24 cm. - 186000đ. - 1000b s619496
2324. Ngữ văn 6 : Làm văn dễ dàng - Viết văn tự tin : Văn kể chuyện - Văn thuyết minh - Nghị luận xã hội - Nghị luận văn học / Lê Trần Diệu Thu. - H. : Văn học, 2025. - 135 tr. ; 24 cm. - 349000đ. - 2000b s619258
2325. Ngữ văn 9 : Làm văn dễ dàng - Viết văn tự tin : Văn kể chuyện - Văn thuyết minh - Nghị luận văn học / Lê Trần Diệu Thu. - H. : Văn học, 2025. - 204 tr. ; 24 cm. - 349000đ. - 1000b s619259
2326. Ngựa Đỏ và Lạc Đà = The Red Horse and the Camel : Song ngữ Việt - Anh / Nguyễn Như Quỳnh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Truyện kể mầm non). - 12000đ. - 1000b s619442
2327. Người bà tài giỏi vùng Saga : Truyện tranh / Nguyên tác: Yoshichi Shimada ; Minh họa: Saburo Ishikawa ; Bảo Lam Anh dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 52000đ. - 1000b

- T.5. - 2025. - 195 tr. : tranh vẽ s620141
2328. Nhan Thanh. Niềm tin : Chìa khóa dẫn tới điều kỳ diệu : Dựa trên câu chuyện có thật / Nhan Thanh. - H. : Công Thương, 2025. - 244 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 129000đ. - 1000b s620197
2329. Nhật ký ngày chung đôi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Usui Shio ; Chu Tuyết Sa dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 85000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s620393
2330. Nhị Bát Giang. Ba năm rồi lại ba năm : Tiểu thuyết / Nhị Bát Giang ; Tạ Thu Ngân dịch. - In lần thứ 2. - H. : Văn học, 2025. - 439 tr. ; 24 cm. - 249000đ. - 500b
Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 小船三年又三年 s619251
2331. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh dành cho thiếu nhi : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 19. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s620249
2332. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh dành cho thiếu nhi : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 16. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.13. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s620250
2333. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh dành cho thiếu nhi : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 19. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.19. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s620251
2334. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh dành cho thiếu nhi : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 18. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.20. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s620252
2335. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 15. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.27. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s620253
2336. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 14. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.33. - 2025. - 167 tr. : tranh vẽ s620254
2337. Những câu chuyện giảng sinh nhiệm màu / Stefania Leonardi Hartley, L. Frank Baum, Charles Dickens... ; Minh họa: Alessandra Fusi... ; Minh Thùy dịch. - Tái bản lần 1. - H. : Văn học, 2025. - 123 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Vàng cho con). - 150000đ. - 2000b s619816
2338. Những câu chuyện phiêu lưu li kì nhất / Lời kể: Stefania Leonardi Harley ; Ngọc Hà dịch ; Minh họa: Fabiano Fiorin... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 123 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Vàng cho con). - 150000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Adventure stories s618415
2339. Những câu chuyện thần thoại và truyền thuyết hay nhất / Lời kể: Stefania Leonardi Harley ; Phương Anh dịch ; Minh họa: Elisa Bellotti... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 123 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách Vàng cho con). - 150000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Myths and legends s618416
2340. Những mẫu chuyện vụn vặt của Maru - Maru đi vệ sinh : Truyện tranh : 2 - 8 tuổi / Suzuki Mio ; Tranh: Michiko Kaito ; Lời: Ngọc Trâm. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 39000đ. - 1000b
Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé s619445

2341. Niffenegger, Audrey. Vợ người du hành thời gian / Audrey Niffenegger ; An Chi dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 511 tr. ; 24 cm. - 278000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: The time traveler's wife s617858
2342. Nodame Cantabile - Khúc ngẫu hứng của Nodame : Truyện tranh : 13+ / Tomoko Ninomiya ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 115000đ. - 5000b
T.9. - 2025. - 358 tr. : tranh vẽ s619982
2343. Nơi phi thuyền tở rơi : Truyện tranh / Lời: Nguyễn Hoàng Vũ ; Tranh: Nguyễn Hà Trang. - H. : Văn học, 2025. - 41 tr. : tranh màu ; 42 cm. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The yard where my spaceship landed s619802
2344. Nữ binh thần tốc : Truyện tranh : 16+ / Kozueko Morimoto ; Hoàng Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s620212
2345. Nữ binh thần tốc : Truyện tranh : 16+ / Kozueko Morimoto ; Hoàng Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s620213
2346. Ong mật và tía tô đất = Honeybee & lemonbalm : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Jil Hashikura ; Nu dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 90000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 168 tr. : tranh vẽ s620391
2347. Ong mật và tía tô đất = Honeybee & lemonbalm : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Jil Hashikura ; Nu dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 90000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 159 tr. : tranh vẽ s620392
2348. Ostrovsky, Nikolai Alekseyevich. Thép đã tôi thế đấy / Nikolai A. Ostrovsky ; Dịch: Thép Mới, Huy Vân. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Văn học, 2025. - 554 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Nga: Как закалялась сталь s619234
2349. Otsuichi. Calling you / Otsuichi ; Mỹ Chi dịch ; Hằng Nguyễn h.đ. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 182 tr. ; 21 cm. - 75000đ. - 1000b s619429
2350. Otsuichi. Zoo / Otsuichi ; Ngô Thị Vân dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 343 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s619418
2351. Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc. Cổ học tinh hoa : Minh triết xử thế của người xưa / Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Tử An Trần Lê Nhân. - H. : Văn học, 2025. - 433 tr. ; 21 cm. - 158000đ. - 2000b s619194
2352. Ông chú nhà quê trở thành kiếm thánh - Đám đệ tử thành danh không cho tôi yên ỏn dạy kiếm dưới quê : Truyện tranh : 17+ / Nguyên tác: Shigeru Sagazaki, Tetsuhiro Nabeshima ; Minh họa: Kazuki Sato ; Tuyết Mai dịch. - H. : Văn học. - 18 cm. - 55000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s620317
2353. Ông tớ = My grandpa : Sách tranh song ngữ : Dành cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Marta Altés ; Trần Thị Minh dịch. - Tái bản, in lần 3. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 22 cm. - 49000đ. - 2000b s617955
2354. Ở Đây Zui Nè. Một cuốn sách buồn... cười : Vui vẻ không quạu nha 2 / Ở Đây Zui Nè. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 278 tr. : tranh vẽ ; 12 cm. - 79000đ. - 1500b s620008
2355. Ở Đây Zui Nè. Vui vẻ không quạu nha / Ở Đây Zui Nè. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 278 tr. : tranh vẽ ; 12 cm. - 69000đ. - 1500b s620010

2356. P.H.A.O - Ngữ văn : Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT ĐGNL / Trần Lan Hương, Nguyễn Hải Anh, Trần Thị Hương Ly. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : minh họa ; 13 cm. - 65000đ. - 5000b s620385

2357. Phạm Huy Lưu. Tập thơ của Phạm Huy Lưu. - H. : Thế giới, 2025. - 238 tr. ; 19 cm. - 100000đ. - 200b s619823

2358. Phạm Huỳnh Công. Đám cháy : Tập kịch bản sân khấu / Phạm Huỳnh Công. - H. : Sân khấu, 2025. - 158 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 300b s618738

2359. Phạm Hữu Khánh. Cảm ơn cuộc đời / Phạm Hữu Khánh. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 320 tr. : ảnh ; 27 cm. - 200b s619736

2360. Phạm Quang Long. Đôi mắt : Tiểu thuyết / Phạm Quang Long. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 527 tr. ; 24 cm. - 700b s618753

2361. Phạm Quốc Toàn. Tầm nhìn : Truyện ký / Phạm Quốc Toàn. - H. : Văn học, 2025. - 270 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1000b
Phụ lục: tr. 257-270 s619099

2362. Phạm Xuân Quý. Hơi ấm : Thơ / Phạm Xuân Quý. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 100 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 215b s619481

2363. Phan Hồng Thanh. Một trời thương nhớ : Thơ / Phan Hồng Thanh. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 175 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 300b s619409

2364. Phan Thái. Điệp vụ Z20 : Tiểu thuyết / Phan Thái. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 319 tr. ; 21 cm. - 700b s619320

2365. Phan Xuân Thủy. Tình thơ / Phan Xuân Thủy. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 119 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 100b s619401

2366. Phát triển năng khiếu viết văn theo đặc trưng thể loại 7 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dành cho các bộ SGK hiện hành / Thái Quang Vinh, Nguyễn Phước Lợi. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 167 tr. : ảnh ; 27 cm. - 85000đ. - 2000b s618206

2367. Phát triển và đánh giá năng lực Ngữ văn 9 / Đặng Thị Hào Tâm (ch.b.), Lương Thị Hiền, Nguyễn Thị Hiền... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 172 tr. : bảng ; 27 cm. - 55000đ. - 1000b s618319

2368. Phát Uy. Tội mô phỏng / Phát Uy ; Lương Ngân dịch. - H. : Văn học, 2025. - 517 tr. ; 24 cm. - 288000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 模仿罪. - Tên thật tác giả: Kim Hiểu Húc s619151

2369. Phép so sánh diệu kỳ - Cao thấp : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 2 tuổi / Yamaguchi Tatsu ; Minh họa: Quỳnh Nga. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 39000đ. - 1000b s619446

2370. Phillips, Jennifer. Tám thiệp mời : Truyện tranh : Bản dịch được lựa chọn từ các tác phẩm đoạt giải "Chuyến tàu chuyển ngữ", hoạt động do Vụ Giáo dục tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Room to Read tổ chức / Jennifer Phillips ; Tranh: Ruthie Lafond ; Nguyễn Xuân Hòa dịch. - H. : Văn học, 2025. - 36 tr. : tranh màu ; 21x30 cm. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The invitation s619179

2371. Phùng Gia Thế. Văn học thời tôi : Tiểu luận - Phê bình / Phùng Gia Thế. - H. : Văn học, 2025. - 344 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s619140

2372. Phùng Kiến Bình. Đồi sông : Tiểu thuyết / Phùng Kiến Bình. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 343 tr. ; 21 cm. - 700b s619305
2373. Phùng Phương Nga. Văn học từ các điểm nhìn văn hóa : Sách chuyên khảo / Phùng Phương Nga. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 347 tr. : bảng ; 21 cm. - 195000đ. - 200b
Thư mục: tr. 320-337. - Phụ lục: tr. 338-347 s618721
2374. Phùng Quán. Vượt Côn Đảo : Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam (1954-1955), Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật (2007) : Tiểu thuyết / Phùng Quán. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 227 tr. ; 20 cm. - 99000đ. - 3000b s619509
2375. Phùng Văn Khai. Hư thực : Tiểu thuyết / Phùng Văn Khai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Văn học, 2025. - 299 tr. : bảng, hình vẽ ; 24 cm. - 340000đ. - 1000b s619155
2376. Phương Bùi. Dear Sunny : Những bức thư trao gửi yêu thương và trí tuệ / Phương Bùi. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 19 cm. - 99000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 209 tr. : tranh vẽ s620036
2377. Poe, Edgar Allan. Sự sụp đổ của nhà Usher / Edgar Allan Poe ; Ngô Thế Vinh dịch. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa. - H. : Văn học, 2025. - 549 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Văn học kinh điển). - 288000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: The fall of the house of Usher and other stories s619255
2378. Praenath. Quý ngài Ronaphee / Praenath ; Cẩm Thúy dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 438 tr. ; 21 cm. - 175000đ. - 2000b s617788
2379. Quả trứng diệu kì = Magical egg : Sách tranh phát triển tư duy cho bé 0 - 6 tuổi : Ehon song ngữ Việt - Anh / Tiên Phong Books ; Nguyễn Lâm Tùng dịch ; Minh họa: Nấm Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 36000đ. - 50000b s618547
2380. Quang Thị Hoàn. Đối chiếu ẩn dụ ý niệm về giấc mơ trong các tác phẩm văn chương tiếng Anh - tiếng Việt : Sách chuyên khảo / Quang Thị Hoàn. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 320 tr. : minh họa ; 24 cm. - 199000đ. - 200b
Thư mục: tr. 200-209. - Phụ lục: tr. 211-319 s619487
2381. Quân Ước. Thức tỉnh / Quân Ước ; Thu Hà dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 454 tr. ; 24 cm. - 220000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Trung: 将醒 s617881
2382. Quê hương của tớ : Truyện tranh / Lời: Nguyễn Thùy Dương ; Tranh: Nguyễn Thị Như Quỳnh. - H. : Văn học, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: My hometown s619795
2383. Quốc Thái. Thanh xuân ấy tôi đã thương một người : Tản văn / Quốc Thái. - H. : Hồng Đức, 2025. - 238 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 118000đ. - 1000b s619337
2384. Quỳnh Hương. Tớ là người Việt Nam / Quỳnh Hương, Hoàng Anh ; Họa sĩ: Maru. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 45 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 129000đ. - 5000b s618017
2385. Rắc rối đáng yêu : Truyện tranh : 12+ / Aya Nakahara ; Fiona dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 50000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 181 tr. : tranh vẽ s620211
2386. Reki Kawahara. Sword art online / Reki Kawahara ; Minh họa: Abec ; Mỹ Trinh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 125000đ. - 5000b
T.28: Unital Ring VII. - 2025. - 343 tr. : tranh vẽ s619987

2387. Rie Qudan. Tháp đồng cảm Tokyo / Rie Qudan ; Xuân Sinh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 175 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 2000b s619118
2388. Rồng và tắc kè hoa : Truyện tranh : 16+ / Ryo Ishiyama ; Tài Thịnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s620233
2389. Rồng và tắc kè hoa : Truyện tranh : 16+ / Ryo Ishiyama ; Tài Thịnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 199 tr. : tranh vẽ s620234
2390. Rồng và tắc kè hoa : Truyện tranh : 16+ / Ryo Ishiyama ; Tài Thịnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b
T.3. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s620235
2391. Rừng xanh thân yêu : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Xuân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Những truyện hay cho bé - Để Trái đất mãi tươi xanh). - 8000đ. - 1000b s619606
2392. Sa vào lưới tình với Shiina : Truyện tranh : 17+ / Ameko ; Châu Tuyết Sa dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 86000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 205 tr. : tranh vẽ s619990
2393. Sa vào lưới tình với Shiina : Truyện tranh : 17+ / Ameko ; Châu Tuyết Sa dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 86000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 212 tr. : tranh vẽ s619991
2394. Sa vào lưới tình với Shiina : Truyện tranh : 17+ / Ameko ; Châu Tuyết Sa dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 86000đ. - 3000b
T.3. - 2025. - 198 tr. : tranh vẽ s619992
2395. Sakamoto days : Truyện tranh : 18+ / Yuto Suzuki ; Anh Huỳnh dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b
T.15: Triển lãm sát thủ của thế kỷ. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s620257
2396. Sakamoto days : Truyện tranh : 18+ / Yuto Suzuki ; Anh Huỳnh dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b
T.16: Không hẹn mà gặp. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s620258
2397. Sakamoto days : Truyện tranh : 18+ / Yuto Suzuki ; Anh Huỳnh dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b
T.17: Entry. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s620259
2398. Sakamoto days : Truyện tranh : 18+ / Yuto Suzuki ; Anh Huỳnh dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b
T.18: Hỗn chiến. - 2025. - 199 tr. : tranh vẽ s620260
2399. Sakamoto days : Truyện tranh : 18+ / Yuto Suzuki ; Anh Huỳnh dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b
T.19: Đóng cửa. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s620261
2400. Sakamoto days : Truyện tranh : 18+ / Yuto Suzuki ; Anh Huỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 5000b
T.20: Mái nhà. - 2025. - 199 tr. : tranh vẽ s620262
2401. Sasaki và Miyano : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Shou Harusono ; Dịch: Miju, Kiyoshi. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 69000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 123 tr. : tranh vẽ s620003

2402. Schlessner, Thomas. Đôi mắt của Mona / Thomas Schlessner ; Châu Anh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 478 tr. ; 24 cm. - 338000đ. - 2000b s617885
2403. Sharma, Robin. Người thầy vĩ đại : Câu chuyện đặc biệt về cách sống theo những gì mình mong muốn / Robin Sharma ; Nguyễn Xuân Hồng dịch. - In lần 28. - H. : Lao động, 2025. - 330 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Anh: The saint, the surfer, and the CEO s618864
2404. Shearer, Eleanor. Khúc hát ru bên bờ tự do / Eleanor Shearer ; Mai VQ dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 390 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Anh: River sing me home s617818
2405. So bì không phải là đứa trẻ ngoan : Truyện tranh / Dương Hợp Kỳ ; Diệu Thúy dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Quản lý cảm xúc và phát triển tính cách cho bé 3+). - 42000đ. - 30000b
 Tên sách tiếng Trung: 攀比不是好孩子 s618576
2406. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b
 T.6. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s620208
2407. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b
 T.7. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s620209
2408. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b
 T.8. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s620210
2409. Song Phát. Song sinh bạch hạc thần mộc / Song Phát. - H. : Thế giới, 2025. - 351 tr. ; 21 cm. - (Dạ Vũ Lai Hương - Võ thần hoàng đế; Bộ 2). - 219000đ. - 300b
 Thư mục: tr. 351 s618773
2410. Sốt soát sốt soát! : Ehon cho bé từ 0 - 3 tuổi / Tiên Phong Books b.s. ; Minh hoạ: Nấm Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 32000đ. - 30000b s618566
2411. Spyri, Johanna. Heidi : Cuốn sách dành cho trẻ em và những ai yêu trẻ em / Johanna Spyri ; Nguyễn Bích Lan dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 335 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Thiếu nhi kinh điển). - 118000đ. - 2000b s617789
2412. Steinbeck, John. Chùm nho phần nộ = The grapes of wrath / John Steinbeck ; Phạm Thuỷ Ba dịch. - H. : Văn học, 2025. - 726 tr. ; 24 cm. - 245000đ. - 3000b s619252
2413. Stevenson, Robert Louis. Đảo giấu vàng = Treasure island : Phiên bản minh họa màu đặc biệt : Song ngữ Anh - Việt / R. L. Stevenson ; Jackie Nguyễn dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 417 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 140000đ. - 2000b s618601
2414. Take note - Sổ tay học nhanh Ngữ văn 6 / Nguyễn Thị Thanh Hoa. - H. : Tri thức, 2025. - 122 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 79000đ. - 2700b s618597
2415. Take note - Sổ tay học nhanh Ngữ văn 7 / Nguyễn Thị Thanh Hoa. - H. : Tri thức, 2025. - 92 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 75000đ. - 3800b s618598
2416. Take note! Văn 6 : Theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, dạng bài yêu cầu với học sinh lớp 6 : Dùng cho cả 3 bộ SGK mới: Cánh Diều, Kết nối tri thức, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thị Thuỷ Anh (ch.b.), Phùng Thị Minh Nguyệt. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 78 tr. : minh họa ; 21 cm. - 70000đ. - 10000b s619466

2417. Tạm biệt Eri : Truyện tranh : 16+ / Tatsuki Fujimoto ; Ili Tenjou dịch. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 201 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 50000đ. - 3000b s620265
2418. Tạm biệt Puti : Truyện tranh / Tác giả, họa sĩ: Jomike Tejido ; Hoàng Diệp Chi dịch. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Goodbye Puti s619796
2419. Tan Twan Eng. Ngôi nhà muôn cánh cửa / Tan Twan Eng ; Tuấn Việt dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 366 tr. ; 24 cm. - 308000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: The house of doors s617878
2420. Tanukoi - Mùa xuân của Tanuki : Truyện tranh : 15+ / Uraroji ; Lyn Lê dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 71000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 173 tr. : tranh vẽ s619980
2421. Tanukoi - Mùa xuân của Tanuki : Truyện tranh : 15+ / Uraroji ; Lyn Lê dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 71000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 173 tr. : tranh vẽ s619981
2422. Tào Văn Hiên. Thôn Anh Đào / Tào Văn Hiên ; Lâm Ngọc Kiều Trâm dịch. - H. : Lao động, 2025. - 427 tr. ; 21 cm. - 210000đ. - 1000b
Dịch từ bản tiếng Hoa: 櫻桃小庄 s618842
2423. Tên bạn là gì thế? = What is your name? : Sách tranh phát triển tư duy cho bé 0 - 6 tuổi : Ehon song ngữ Việt - Anh / Tiên Phong Books ; Nguyễn Lâm Tùng dịch ; Minh họa: Nam Phạm. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 36000đ. - 50000b s618548
2424. Thánh địa khủng long : Truyện tranh : 12+ / Itaru Kinoshita ; Hồng Mỹ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 2700b
T.4. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s620236
2425. Thảo Trang. Tết ở làng địa ngục 2 : U hồn tượng đất / Thảo Trang. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 559 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 5000b s617829
2426. Thảo Trang. Tết ở làng địa ngục 2 : U hồn tượng đất / Thảo Trang. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 559 tr. ; 21 cm. - 319000đ. - 5000b s617830
2427. Thất bại con sẽ cố gắng làm lại : Truyện tranh / Dương Hợp Kỳ ; Diệu Thúy dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Quản lý cảm xúc và phát triển tính cách cho bé 3+). - 42000đ. - 30000b
Tên sách tiếng Trung: 输了我再来 s618577
2428. Thế Đức. Chuyện tình thời hậu chiến : Tiểu thuyết / Thế Đức. - H. : Văn học, 2025. - 393 tr. ; 20 cm. - 700b s619068
2429. Thiên Sơn. Cuộc phân tranh : Tiểu thuyết / Thiên Sơn. - : Văn học, 2025. - 439 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 1000b s619158
2430. Thiên thai thi phẩm / Vũ Khiêu, Nguyễn Minh Ngọc, Nguyễn Anh Thuận... ; Tuyển chọn: Bùi Hữu Cải... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 174 tr. ; 19 cm. - 105000đ. - 500b s619966
2431. Thu Hằng. Lạc bước nhân gian sống đời yên lành / Thu Hằng, Kevin Chang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 151 tr. ; 17 cm. - 75000đ. - 2000b s620366
2432. Thù địch truyện : Truyện kỳ ảo trung đại Hàn Quốc / Kim Ki Hyun dịch ; H.đ.: Lê Văn Tấn... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 286 tr. ; 24 cm. - 338000đ. - 200b

Phụ lục: tr. 120-286 s617872

2433. Thùy Linh. Giữa những lần sinh ra / Thùy Linh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 161 tr. ; 18 cm. - 89000đ. - 3000b s620034

2434. Thủy Vũ. Chẳng ai thuộc nổi khúc tình ca / Thủy Vũ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 182 tr. ; 17 cm. - 89000đ. - 2000b s620025

2435. Thừa nhận sai lầm không nói dối : Truyện tranh / Dương Hợp Kỳ ; Diêu Thúy dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Quản lý cảm xúc và phát triển tính cách cho bé 3+). - 42000đ. - 30000b

Tên sách tiếng Trung: 承认错误不撒谎 s618575

2436. Tiếng trống trường : Thơ - Văn / Thanh An, Nguyễn Cảnh Ân, Vương Bảo... - H. : Văn học. - 21 cm. - 100000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Hội Cựu giáo chức thành phố Hải Phòng. CLB Thơ Nhà giáo Hải Phòng
T.10. - 2025. - 271 tr. s619096

2437. Tình đầu nhạt phai : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Wataru Hinekure ; Minh họa: Aruko ; Đỗ Nguyên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 58000đ. - 1000b

T.9. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s619998

2438. Tình yêu Lv.999 của Yamada và tôi : Truyện tranh : 13+ / Mashiro ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 60000đ. - 5000b

T.3. - 2025. - 179 tr. : tranh vẽ s619989

2439. Tình yêu Lv.999 của Yamada và tôi : Truyện tranh : 13+ / Mashiro ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 60000đ. - 5000b

T.4. - 2025. - 175 tr. : tranh vẽ s619977

2440. Tình yêu nhân vật phụ : Truyện tranh : 18+ / Akane Tamura ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 45000đ. - 2000b

T.12. - 2025. - 159 tr. : tranh vẽ s620230

2441. Tình yêu nhân vật phụ : Truyện tranh : 18+ / Akane Tamura ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 45000đ. - 2000b

T.13. - 2025. - 159 tr. : tranh vẽ s620231

2442. Tình yêu nhân vật phụ : Truyện tranh : 18+ / Akane Tamura ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 45000đ. - 2000b

T.14. - 2025. - 159 tr. : tranh vẽ s620232

2443. Tolkien, J. R. R. Chúa tể những chiếc nhẫn / J. R. R. Tolkien ; Dịch: Nguyễn Thị Thu Yến, Đặng Trần Việt ; An Lý dịch thơ. - H. : Văn học. - 24 cm. - 190000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The fellowship of the ring

T.1: Đoàn hộ nhẫn. - 2025. - 530 tr., 5 tr. bản đồ s619249

2444. Tố Hữu. Thơ Tố Hữu. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 216 tr. ; 18 cm. - 55000đ. - 1500b s620354

2445. Tổng ôn luyện thi vào 10 Ngữ văn / Nguyễn Khoa Hạnh Ly, Phan Thị Hồng Nhung, Thiệu Phụng Chuyên, Phú Thùy Hương. - H. : Văn học, 2025. - 345 tr. : bảng ; 27 cm. - 216000đ. - 4000b s619791

2446. Tổng ôn lý thuyết trọng tâm theo định hướng đánh giá năng lực học sinh trung học phổ thông - Văn học & ngôn ngữ / Đặng Ngọc Khương (ch.b.), Nguyễn Văn Ba, Trần Thị Diễm Hạnh... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 220 tr. : bảng ; 27 cm. - 150000đ. - 3000b s619844

2447. Tớ Là Mây. Chưa kịp lớn đã phải trưởng thành - Tô màu cuộc sống / Tớ Là Mây ; Minh họa: Cáo. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 78 tr. : tranh vẽ ; 18x21 cm. - 89000đ. - 500b s619023

2448. Tớ xin lỗi nhé! = I'm sorry, my friends! : Sách tranh phát triển tư duy cho bé 0 - 6 tuổi : Ehon song ngữ Việt - Anh / Tiên Phong Books ; Nguyễn Lâm Tùng dịch ; Minh họa: Beso. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 36000đ. - 50000b s618550

2449. Trà Hoa Đậu Biếc. Trước khi anh đến : Tiểu thuyết / Trà Hoa Đậu Biếc. - H. : Thế giới, 2025. - 548 tr. ; 21 cm. - 265000đ. - 2500b s618940

2450. Trái cây đại chiến Zombie - Câu đố bí ẩn về các nền văn minh cổ : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Đàm Hưng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 163 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 95000đ. - 1000b s618037

2451. Trái cây đại chiến Zombie - Câu đố bí ẩn về địa lý : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Đàm Hưng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 169 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 95000đ. - 1000b s618036

2452. Trái cây đại chiến Zombie - Câu đố bí ẩn về vũ trụ : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Đàm Hưng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 169 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 95000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Plants vs Zombies s618038

2453. Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Hương Hương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 89000đ. - 1000b

T.1: Chiến binh mạo hiểm. - 2025. - 173 tr. : tranh màu s617919

2454. Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Minh Thúy dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 89000đ. - 1000b

T.2: Công viên khủng long. - 2025. - 173 tr. : tranh màu s617920

2455. Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Minh Thúy dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 89000đ. - 1000b

T.10: Vương quốc ngủ say. - 2025. - 173 tr. : tranh màu s617921

2456. Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới robot : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Minh Thúy dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 95000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Plants vs Zombies

T.1: Truyền thuyết anh hùng. - 2025. - 155 tr. : tranh màu s618034

2457. Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới robot : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Minh Thúy dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 95000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Plants vs Zombies

T.5: Giác mơ ngôi sao. - 2025. - 155 tr. : tranh màu s618035

2458. Trái tim cầu vồng = Rainbow from the heart : Truyện tranh / Lời: Nguyễn Thị Thu Thủy ; Tranh: Nguyễn Thu Hằng. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 2000b s619794

2459. Trạng Quỳnh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19 cm. - (Trạng Quỳnh; Ph.2). - 12000đ. - 4000b

T.477: Tôn ngộ độc. - 2024. - 108 tr. : tranh vẽ s620275

2460. Trạng Quỳnh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19 cm. - (Trạng Quỳnh; Ph.2). - 12000đ. - 4000b

T.478: Bệnh lạ. - 2024. - 108 tr. : tranh vẽ s620276

2461. Trạng Quỳnh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19 cm. - (Trạng Quỳnh; Ph.2). - 12000đ. - 4000b
T.479: Cả nhà cứu Quỳnh. - 2024. - 108 tr. : tranh vẽ s620277
2462. Trạng Quỳnh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19 cm. - (Trạng Quỳnh; Ph.2). - 12000đ. - 4000b
T.480: Quan bà công minh. - 2024. - 108 tr. : tranh vẽ s620278
2463. Trạng Quỳnh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19 cm. - (Trạng Quỳnh; Ph.2). - 12000đ. - 4000b
T.481: Ông cụ bán chiếu. - 2024. - 108 tr. : tranh vẽ s620279
2464. Trạng Quỳnh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19 cm. - (Trạng Quỳnh; Ph.2). - 12000đ. - 4000b
T.482: Lý trưởng tội phạm. - 2024. - 108 tr. : tranh vẽ s620280
2465. Trạng Quỳnh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19 cm. - (Trạng Quỳnh; Ph.2). - 12000đ. - 4000b
T.483: Tìm vàng dưới biển. - 2024. - 108 tr. : tranh vẽ s620281
2466. Trạng Quỳnh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19 cm. - (Trạng Quỳnh; Ph.2). - 12000đ. - 4000b
T.484: Thông ngôn. - 2025. - 108 tr. : tranh vẽ s620282
2467. Trạng Quỳnh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19 cm. - (Trạng Quỳnh; Ph.2). - 12000đ. - 4000b
T.485: Trời thương Quỳnh. - 2025. - 108 tr. : tranh vẽ s620283
2468. Trạng Quỳnh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19 cm. - (Trạng Quỳnh; Ph.2). - 12000đ. - 4000b
T.486: Kể phản nghịch. - 2024. - 108 tr. : tranh vẽ s620284
2469. Trạng Quỳnh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19 cm. - (Trạng Quỳnh; Ph.2). - 12000đ. - 4000b
T.487: Ngọc lửa. - 2025. - 108 tr. : tranh vẽ s620285
2470. Trạng Quỳnh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19 cm. - (Trạng Quỳnh; Ph.2). - 12000đ. - 4000b
T.488: Phó tướng hoàn lương. - 2025. - 108 tr. : tranh vẽ s620286
2471. Trăng khuyết và Donut : Truyện tranh : 18+ / Usui Shio ; Quế Đan dịch. - H. : Hà Nội. - 21 cm. - 78000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 172 tr. : tranh vẽ s619430
2472. Trăng khuyết và Donut : Truyện tranh : 18+ / Usui Shio ; Quế Đan dịch. - H. : Hà Nội. - 21 cm. - 78000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 163 tr. : tranh vẽ s619431
2473. Trăng khuyết và Donut : Truyện tranh : 18+ / Usui Shio ; Quế Đan dịch. - H. : Hà Nội. - 21 cm. - 78000đ. - 5000b
T.3. - 2025. - 163 tr. : tranh vẽ s619432
2474. Trăng khuyết và Donut : Truyện tranh : 18+ / Usui Shio ; Quế Đan dịch. - H. : Hà Nội. - 21 cm. - 78000đ. - 5000b
T.4. - 2025. - 162 tr. : tranh vẽ s619433
2475. Trâm Oanh. Bóng tối của ý nghĩ : Tiểu thuyết / Trâm Oanh. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 182 tr. ; 21 cm. - 7000b s619322

2476. Trần Hà Yên. Bí mật của ngôi nhà được làm bằng kẹo : Truyện viết cho thiếu nhi / Trần Hà Yên. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 114 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 150000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Trần Thị Minh Hạnh s619958
2477. Trần Hồng Phong. Hoa bưởi : Thơ / Trần Hồng Phong. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 47 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 58000đ. - 500b s620369
2478. Trần Hữu Lực. Tình yêu là thơ : Thơ / Trần Hữu Lực. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 104 tr. ; 19 cm. - 105000đ. - 500b s620368
2479. Trần Kiều Trinh. Tường Vân tự sự : Thơ / Trần Kiều Trinh. - H. : Văn học, 2025. - 127 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 100000đ. - 500b s620302
2480. Trần Kim Lan. Điều kỳ diệu 1 : Thơ - Nhạc / Trần Kim Lan. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 399 tr. ; 21 cm. - 100b
Tên thật tác giả: Trần Thị Kim Lan s618894
2481. Trần Mai Hương. Những ngọn gió biên cương : Thơ / Trần Mai Hương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 85 tr. ; 22 cm. - 99000đ. - 1000b s618886
2482. Trần Ngọc Hữu. Cuồng phong quái khách / Trần Ngọc Hữu. - Tái bản có chỉnh sửa. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 406 tr. ; 20 cm. - 225000đ. - 120b s617780
2483. Trần Ngọc Hữu. Phong ba / Trần Ngọc Hữu. - Tái bản có chỉnh sửa. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 227 tr. ; 20 cm. - 153000đ. - 120b s617779
2484. Trần Nguyên Mỹ. Đỉnh Pu Sam Sầu : Tiểu thuyết / Trần Nguyên Mỹ. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 700b s619324
2485. Trần Thị Hảo. Trước bình minh : Tiểu thuyết / Trần Thị Hảo. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 245 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s618872
2486. Trần Thị Lợi. Cảm tác từ những câu Kiều : Thơ / Trần Thị Lợi. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 151 tr. ; 19 cm. - 100000đ. - 1000b s619954
2487. Trần Thúy Hằng. Để con ôm mẹ nhé! / Trần Thúy Hằng. - H. : Văn học, 2025. - 133 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 88000đ. - 1000b s619085
2488. Trần Thư Ân. Tiếng vĩ cầm trong đêm giông bão : Tiểu thuyết : 18+ / Trần Thư Ân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 435 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 1000b s619421
2489. Trần Tuyết Viên. Trăng cười dưới hiên nhà / Trần Tuyết Viên. - H. : Văn học, 2025. - 111 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 99000đ. - 1000b s620304
2490. Trần Văn Trọng. Văn học và báo chí quốc ngữ Nam Bộ: Vấn đề - Tác giả : Nghiên cứu, tiểu luận / Trần Văn Trọng. - H. : Văn học, 2025. - 365 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 341-352 s619142
2491. Trần Vinh. Lời nguyện từ đồng mảnh vỡ : Tập truyện ngắn / Trần Vinh. - H. : Văn học, 2025. - 288 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 1000b s619112
2492. Triệu Đức Thanh. Đôi mới vườn mình : Tập thơ / Triệu Đức Thanh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 111 tr. ; 21 cm. - 500b s618882
2493. Triệu Kim Loan. Chữ gọi mùa trăng : Thơ / Triệu Kim Loan. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 89 tr. ; 22 cm. - 99000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Triệu Thị Kim Loan s618888
2494. Trong công sở, ngoài đời tư - On & off : Truyện tranh : 16+ / Shinnosuke Kanazawa ; Hina dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 55000đ. - 5000b

- T.3. - 2025. - 138 tr. : tranh vẽ s618854
2495. Trọng Nhân Nghĩa. Cây thần tiên : Thơ thiếu nhi / Trọng Nhân Nghĩa. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 110 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 99000đ. - 1000b
 Tên thật tác giả: Nguyễn Khắc Thắng s619952
2496. Trúc Dĩ. Hái trăng / Trúc Dĩ ; Linh Phương dịch. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 196000đ. - 1000b
 Tên sách tiếng Trung: 折月亮
 T.1. - 2025. - 605 tr. s618939
2497. Truyện chữ to cho bé tập đánh vần, tập đọc : Mùa xuân đã đến!. Cầu vồng. Con quạ khôn ngoan / Dai Mai Kids tuyển chọn, b.s. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 26000đ. - 2000b
 T.1. - 2025. - 15 tr. : tranh màu s617980
2498. Truyện chữ to cho bé tập đánh vần, tập đọc : Mèo hoa đi học. Chú gấu con ngoan. Hai con dê qua cầu / Dai Mai Kids tuyển chọn, b.s. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 26000đ. - 2000b
 T.2. - 2025. - 15 tr. : tranh màu s617981
2499. Truyện chữ to cho bé tập đánh vần, tập đọc : Chú thỏ tinh khôn. Chú chim nghịch ngợm. Vịt con cầu thả / Dai Mai Kids tuyển chọn, b.s. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 26000đ. - 2000b
 T.3. - 2025. - 15 tr. : tranh màu s617982
2500. Truyện chữ to cho bé tập đánh vần, tập đọc : Tảng đá. Xe lu và xe ca. Sư tử và chuột nhắt / Dai Mai Kids tuyển chọn, b.s. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 26000đ. - 2000b
 T.4. - 2025. - 15 tr. : tranh màu s617983
2501. Truyện chữ to cho bé tập đánh vần, tập đọc : Cáo ác. Quả trứng. Con cáo và chùm nho / Dai Mai Kids tuyển chọn, b.s. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 26000đ. - 2000b
 T.5. - 2025. - 15 tr. : tranh màu s617984
2502. Truyện chữ to cho bé tập đánh vần, tập đọc : Chuyện cây táo. Lừa và ngựa. Sói và sóc / Dai Mai Kids tuyển chọn, b.s. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 26000đ. - 2000b
 T.6. - 2025. - 15 tr. : tranh màu s617985
2503. Truyện đọc cho bé trước giờ đi ngủ : Phát triển tư duy ngôn ngữ, khả năng nghe - nói... / Mai Hương b.s. ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 112 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 98000đ. - 3000b s618434
2504. Truyện hay mỗi ngày - Bồi dưỡng phẩm chất tốt / Tranh, lời: Đồng Tâm ; Nguyễn Ngọc Anh dịch. - In lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 201 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 90000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Trung: 影响孩子一生的好(习惯/品德/心态/性格)故事 s617922
2505. Truyện kể cho bé trước giờ đi ngủ : Giúp bé phát triển IQ - CQ : Tuyển chọn những truyện hay, tăng cường trí tuệ và khơi nguồn sáng tạo / Little Angel. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 127 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 78000đ. - 5000b s619876

2506. Truyện kể cho bé trước giờ đi ngủ : Truyện kể : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Ngọc Linh dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học. - 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 50000đ. - 1500b

T.2. - 2025. - 84 tr. : tranh màu s619275

2507. Truyện ngắn đặc sắc 2025 / Trần Nguyễn Anh, Tống Phước Bảo, Phan Ngọc Chính... ; SBooks tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 335 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 2000b s619084

2508. Truyện tranh tư duy cho bé: Những thói quen tốt / Mai Hương b.s. ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 98000đ. - 2000b s617931

2509. Trương Mạn Quyên. Mỹ vị yêu thương / Trương Mạn Quyên ; Ngọc Hân dịch. - H. : Lao động, 2025. - 271 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 13000đ. - 2000b s620144

2510. Trương Minh Hiếu. Ru mình : Thơ lục bát / Trương Minh Hiếu. - H. : Văn học, 2025. - 211 tr. : ảnh ; 21 cm. - 195000đ. - 500b s619083

2511. Trương Vu Giang. Khúc mộc : Thơ 1-2-3 / Trương Vu Giang. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 107 tr. : tranh vẽ ; 15 cm. - 100000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Trương Thành Được s620370

2512. Tung Hồ Khứu Hoa. Thấy mùa xuân / Tung Hồ Khứu Hoa ; Cetra Nguyễn dịch. - In lần thứ 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 546 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 368000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 见春天 s617782

2513. Tutan bé nhỏ và đại dương xanh : Truyện tranh / Hồng Đào, Thảo Mi ; Minh họa: Thùy Dương, Lê Minh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 32 tr. ; 19x25 cm. - (Em dám tự lớn). - 59000đ. - 3000b s620113

2514. Tuyển tập thơ văn Thiên Bản / Lương Thế Vinh, Phạm Đình Kính, Trần Huy Liệu... - H. : Thế giới. - 21 cm. - 100000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Câu lạc bộ Thơ văn Thiên Bản, tỉnh Nam Định

T.19. - 2025. - 375 tr. : ảnh chân dung s618945

2515. Từ Nguyên Tĩnh. Trường ca : Tượng đài dân công... / Từ Nguyên Tĩnh. - H. : Văn học, 2025. - 94 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 200b s619183

2516. U linh tích ký: Leng keng : Truyện tranh / Sun Wolf Animation Studio. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - 109000đ. - 1500b

T.3. - 2025. - 175 tr. : tranh màu s619370

2517. Uketsu. Bức tranh kỳ quái : Henna E / Uketsu ; Trần Phương Hằng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 386 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 165000đ. - 1000b s620086

2518. Uketsu. Ngôi nhà kỳ quái / Uketsu ; Trần Phương Thảo dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 447 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 186000đ. - 1500b s620044

2519. Và sao không thể hết yêu em? / Phuonglinh, An Hi, Vincent... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 164 tr. : tranh vẽ ; 17 cm. - 88000đ. - 2000b s620023

2520. Văn Tình. Một đời được mất / Văn Tình ; Mỹ Linh dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 307 tr. ; 20 cm. - 139000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 人间取舍 s619000

2521. Văn học và các vấn đề quốc gia - dân tộc: Lý thuyết và thể nghiệm / Homi K. Bhabha, Nguyễn Mạnh Tiến, Prasenjit Duara... ; Ch.b.: Phạm Phương Chi, Mai Thị Thu Huyền. - H. : Văn học. - 24 cm. - 100b

T.1. - 2025. - 650 tr. s619201

2522. Văn học và các vấn đề quốc gia - dân tộc: Lý thuyết và thể nghiệm / Frantz Fanon, Edward W. Said, Đoàn Ánh Dương... ; Ch.b.: Phạm Phương Chi, Mai Thị Thu Huyền. - H. : Văn học. - 24 cm. - 100b

T.2. - 2025. - 666 tr. s619202

2523. Vân Thu. Mảnh ghép số phận : Tiểu thuyết / Vân Thu. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 700b s619306

2524. Vân Trạ. Anh đào hồ phách / Vân Trạ ; Giang Hạ dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 225000đ. - 1200b

T.1. - 2025. - 432 tr. s617882

2525. Verne, Jules. Hai vạn dặm dưới biển / Jules Verne ; Ngọc Hà dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Văn học, 2025. - 143 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Danh tác trong nhà trường). - 108000đ. - 2000b s619283

2526. Verne, Jules. Hai vạn dặm dưới biển : Tiểu thuyết / Jules Verne ; Nhật Phi dịch. - H. : Văn học, 2025. - 653 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 215000đ. - 2000b s619114

2527. Vi Hối. Mẹ : Tản văn / Vi Hối. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 183 tr. : ảnh ; 21 cm. - 100000đ. - 500b s619404

2528. Việc đã hứa nhất định phải làm : Truyện tranh / Dương Hợp Kỳ ; Diệu Thúy dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Quản lý cảm xúc và phát triển tính cách cho bé 3+). - 42000đ. - 30000b

Tên sách tiếng Trung: 承诺的事要做到 s618571

2529. Viên Kiều Nga. Người con của núi rừng : Truyện thiếu nhi / Viên Kiều Nga. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 307 tr. ; 21 cm. - 136000đ. - 200b s618896

2530. Viên Kiều Nga. Nora - Cô bé cá voi : Tiểu thuyết thiếu nhi viễn tưởng / Viên Kiều Nga. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 407 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 263000đ. - 1000b s617871

2531. Vinh Kiu. Tuổi trắng : Hồi ức tuổi thơ dành cho mọi lứa tuổi / Vinh Kiu. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 174 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 69000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Lê Ngọc Thành Vinh s620052

2532. Vĩnh Thành. Kẻ lừa đảo ở khoang hạng nhất / Vĩnh Thành ; Cẩm Hình dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 497 tr. ; 24 cm. - 288000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 头等舱的贼 s618889

2533. Vĩnh Thông. Mưa tàn hoa rụng : Tác phẩm kỷ niệm 15 năm cầm bút (2010 - 2025) / Vĩnh Thông. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 92 tr. : ảnh ; 19 cm. - 80000đ. - 500b s620367

2534. Võ Chí Nhất. Pho tượng cổ : Tiểu thuyết trinh thám / Võ Chí Nhất. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 319 tr. ; 21 cm. - (Bộ sách Ông cò và Tội phạm). - 700b s619302

2535. Võ Thị Xuân Hà. Núi nhẹ cân : Tiểu thuyết / Võ Thị Xuân Hà. - H. : Văn học, 2025. - 249 tr. ; 20 cm. - 700b s619064

2536. Voi con đến rồi : Truyện tranh : Phù hợp cho bé dưới 18 tháng & mẹ bầu / Miyano Tsukiko. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 26 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Ehon kích thích thị giác cho bé - Cuốn sách khiến cha mẹ xúc động). - 39000đ. - 5000b s619444

2537. Vòng lặp mùa hè = Summer time render : Truyện tranh : 17+ / Yasuki Tanaka ; Anh Huỳnh dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 70000đ. - 8000b
T.13: Tổ về rồi. - 2025. - 239 tr. : tranh vẽ s620155
2538. Vu Đồng. Tống Tử tẩy oan / Vu Đồng ; Đinh Quỳnh Anh dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 199000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 宋慈洗冤笔记
T.2. - 2025. - 422 tr. s619133
2539. Vũ Hồng Lam. Làng ven sông : Tập truyện ngắn / Vũ Hồng Lam. - H. : Văn học, 2025. - 372 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 500b s619190
2540. Vũ Mai Phong. Hành trình nước : Thơ / Vũ Mai Phong. - H. : Văn học, 2025. - 140 tr. ; 21 cm. - 500b s619144
2541. Vũ Quốc Lịch. Một thời ký ức / Vũ Quốc Lịch. - H. : Văn học, 2025. - 310 tr. : ảnh ; 21 cm. - 219000đ. - 500b s619101
2542. Vũ Quỳnh Hưng. Tự sự một người đặc biệt / Vũ Quỳnh Hưng ; Minh họa: Diễm Quỳnh. - H. : Văn học, 2025. - 102 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 88000đ. - 500b s619245
2543. Vũ Thu Giang. Nơi yêu thương ở lại : Tập thơ về Cha mẹ - Tình yêu - Cuộc sống / Vũ Thu Giang. - H. : Hồng Đức, 2025. - 213 tr. ; 22 cm. - 500b s619377
2544. Vũ Trần Anh Thư. Ban mai thơm mắt nắng : Thơ / Vũ Trần Anh Thư. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 174 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 168000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Trần Anh Thư s619957
2545. Vũ Trọng Phụng. Số đỏ / Mai Xuân Đạt. - Tái bản lần 8. - H. : Kim Đồng, 2025. - 284 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Tủ sách Văn học trong nhà trường). - 63000đ. - 2000b s618835
2546. Vũ Trọng Phụng. Trúng số độc đắc : Tiểu thuyết / Vũ Trọng Phụng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Văn học, 2025. - 319 tr. ; 18 cm. - 78000đ. - 2000b s620363
2547. Vũ Trọng Thái. Bảy ngày trên biển Trường Sa : Truyện ký / Vũ Trọng Thái. - H. : Văn học, 2025. - 190 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 188000đ. - 1000b
Bút danh tác giả: Hương Thảo Nguyên, Thuận Vi, Dương Hương Trang. - Phụ lục: tr. 183-190 s619134
2548. Vũ Tuyên. Miếng ghép - Ký ức một thời quân ngũ / Vũ Tuyên. - H. : Văn học, 2025. - 283 tr. ; 21 cm. - 500b s619088
2549. Vui được ngày nào hay ngày nấy : Truyện tranh / Tiêu Lam ; Fang Fang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 254 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 195000đ. - 3000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 快乐一天是一天 s619104
2550. Vùng đất xa xăm : Truyện tranh : 12+ / Kyoko Hikawa ; An Nhiên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 90000đ. - 3000b
T.3. - 2025. - 361 tr. : tranh vẽ s620228
2551. Vùng đất xa xăm : Truyện tranh : 12+ / Kyoko Hikawa ; An Nhiên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 90000đ. - 3000b
T.4. - 2025. - 390 tr. : tranh vẽ s620229
2552. Vương Cường. Người đánh hoà trời : Tản truyện / Vương Cường. - Tái bản, bổ sung. - H. : Văn học, 2025. - 295 tr. ; 21 cm. - 295000đ. - 1000b s619120

2553. Vương quốc vàng vương quốc nước : Truyện tranh : 16+ / Nao Iwamoto ; Phương Quyên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 287 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 60000đ. - 3000b s620221

2554. Vương Tâm. Mật mã đen : Tiểu thuyết / Vương Tâm. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 192 tr. ; 21 cm. - 700b s619311

2555. Winlinh. Vô vi mỉm cười / Winlinh. - H. : Văn học, 2025. - 359 tr. : hình vẽ ; 13 cm. - 125000đ. - 2000b s619923

2556. Xình xịch xình xịch! : Ehon cho bé từ 0 - 3 tuổi : Truyện tranh / Tiên Phong Books b.s. ; Minh họa: Thủy Lê. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 32000đ. - 30000b s618588

2557. Xuân Lan. Ấm hơn ngọn lửa : Tiểu thuyết / Xuân Lan. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - 700b s619309

2558. Xuân Quỳnh. Thơ Xuân Quỳnh. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học, 2025. - 135 tr. ; 18 cm. - 42000đ. - 1500b s620356

2559. Xưởng phép thuật = Atelier of witch hat : Truyện tranh / Kamome Shirahama ; Liên Vũ dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 1000b

T.3. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s620156

2560. Yêu ôi là "eo" : Truyện tranh : 16+ / Mogusu ; Quý Chi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 3000b

T.3. - 2025. - 137 tr. : tranh vẽ s620222

2561. Yêu ôi là "eo" : Truyện tranh : 16+ / Mogusu ; Quý Chi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 2500b

T.4. - 2025. - 137 tr. : tranh vẽ s620223

2562. Yêu ôi là "eo" : Truyện tranh : 16+ / Mogusu ; Quý Chi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 2300b

T.5. - 2025. - 137 tr. : tranh vẽ s620224

LỊCH SỬ

2563. Câu chuyện hòa bình từ Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh = A peace story from the War Remnants Museum / Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 131 tr. : ảnh ; 28 cm. - 500b s618205

2564. Cuốn sách tranh đầu tiên về quốc kỳ = My first national flag picture book : Dành cho trẻ từ 4 tuổi trở lên / Tranh: Tezuka Akemi ; Đồng Khắc Thái dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 65 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Ehon Nhật Bản). - 99000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Nhật: はじめてのこっけいほん s617883

2565. Dấu ấn bản địa trên địa danh ở Đắk Lắk : Tiếp cận theo ngôn ngữ người dân tộc thiểu số / Trần Văn Dũng (ch.b.), Đặng Minh Tâm, Trần Thị Thắm, Vũ Hoàng Cúc. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 335 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 138000đ. - 300b

Thư mục: tr. 323-335 s618652

2566. Di sản văn hoá người Hải Nam - Việt Nam = 越南海南人文化遗产 : Kỷ niệm 200 năm Hội quán Quỳnh Phủ Thành phố Hồ Chí Minh 1824 - 2024 / B.s.: Ngô Thanh Hoa (ch.b.), Lâm Minh Huy, Tôn Thạnh Cường, Nguyễn Thị Minh Lý ; Văn Trung Hiếu dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 221 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 2000b s618980

2567. Đặng Thùy Trâm và cuốn nhật ký thứ ba / Đặng Kim Trâm, Doãn Ngọc Trâm, Đặng Hiền Trâm... ; Đặng Kim Trâm b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 383 tr. : ảnh ; 24 cm. - 165000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 359-379 s617873

2568. Đặng Thùy Trâm và cuốn nhật ký thứ ba / Đặng Kim Trâm, Doãn Ngọc Trâm, Đặng Hiền Trâm... ; Đặng Kim Trâm b.s. - In lần thứ 3. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 383 tr. : ảnh ; 24 cm. - 165000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 359-379 s618031

2569. Địa chí Hội An / Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Văn Định, Đặng Văn Bào... ; B.s.: Phạm Phú Ngọc... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, - 27 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Hội An

T.1: Sinh thái. - 2025. - 299 tr., 30 tr. ảnh màu : bảng, sơ đồ. - Phụ lục: tr. 237-294. - Thư mục: tr. 295-299 s618456

2570. Đỗ Hoàng Linh. Hồ Chí Minh: Hành trình 79 mùa xuân / Đỗ Hoàng Linh s.t., b.s. - H. : Văn học, 2025. - 408 tr. : ảnh ; 27 cm. - 225000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s618406

2571. Đỗ Hoàng Linh. Vang vọng hào khí Tháng Tám - Mùa thu độc lập : Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám & quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam / Đỗ Hoàng Linh s.t., b.s. - H. : Văn học, 2025. - 325 tr. : ảnh ; 27 cm. - 225000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 325 s618407

2572. Đồng hành luyện thi Trung học phổ thông, đại học môn Lịch sử / Nguyễn Công Hậu. - H. : Văn học, 2025. - 347 tr. : bảng ; 27 cm. - 186900đ. - 1000b s619790

2573. Franchini, Philippe. Continental Saigon - Từ hào quang đế quốc đến giấc mộng Đông Dương tan vỡ / Philippe Franchini ; Tôn Quang Toàn dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 361 tr. ; 24 cm. - 339000đ. - 1000b s618968

2574. Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước - Giá trị lịch sử và sự tiếp nối trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Đinh Thị Hoàng Phương (ch.b.), Nguyễn Sỹ Hòa, Nguyễn Thái Hòa, ... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 152 tr. ; 30 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Đà Lạt s618105

2575. 20 đề Lịch sử tuyển chọn : Ôn thi tốt nghiệp THPT, ĐGNL năm 2026 / Cô Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 139 tr. : bảng ; 27 cm. - 2000b s618280

2576. Hỏi - Đáp về lịch sử và văn hóa Hàn Quốc : Dành cho học sinh tiểu học / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Khắc Khánh, Vũ Thị Nga. - H. : Thế giới, 2025. - 89 tr. : minh họa ; 21 cm. - 300b

Thư mục: tr. 87-89 s618930

2577. Hỏi - Đáp về lịch sử và văn hóa Hàn Quốc : Dành cho học sinh trung học cơ sở / Phan Ngọc Huyền, Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Khắc Khánh, Vũ Thị Nga. - H. : Thế giới, 2025. - 208 tr. : minh họa ; 21 cm. - 300b

Thư mục: tr. 206-208 s618932

2578. Hồ Chí Minh. Lịch sử nước ta / Hồ Chí Minh. - In lần thứ 12. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 115 tr. : tranh vẽ ; 13 cm. - 35000đ. - 2000b s620241

2579. Hồ Chí Minh. Lịch sử nước ta / Hồ Chí Minh. - In lần thứ 13. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 115 tr. : tranh vẽ ; 13 cm. - 35000đ. - 1500b s620245

2580. Hồ Chí Minh tiểu sử bằng hình = Ho Chi Minh - A pictorial biography : Gần 700 tranh ảnh và bản đồ / B.s.: Nguyễn Thị Thùy Chi, Lê Minh Hiếu, Trần Thụy Hân... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 322 tr. : minh họa ; 30 cm. - 680000đ. - 115b

Thư mục: tr. 320 s618193

2581. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Nghiên cứu, giảng dạy Lịch sử, Lịch sử và Địa lí theo chương trình giáo dục phổ thông mới / Ngô Minh Oanh, Nguyễn Văn Thảo, Đỗ Minh Trang... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 458 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200000đ. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thư mục cuối các bài s618210

2582. Lê Đình Hòa. Nghệ An : Địa danh - Người Nghệ - Tiếng Nghệ / Lê Đình Hòa. - H. : Văn học, 2025. - 831 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 300000đ. - 500b s619070

2583. Lê Giản. Những ngày sóng gió : Hồi ký / Lê Giản ; Đắc Trung ghi. - H. : Văn học, 2025. - 244 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 510b s619264

2584. Lịch sử Hàn Quốc xưa và nay / Nguyễn Thị Thu Thủy, Trần Nam Trung (ch.b.), Phan Ngọc Huyền, Lê Hoàng Linh. - H. : Thế giới, 2025. - 234 tr. : minh họa ; 21 cm. - 300b

Thư mục: tr. 232-234 s618931

2585. Malleret, Louis. Khảo cổ học Đồng bằng sông Mêkông / Louis Malleret ; B.s.: Oliver Tessier, Nguyễn Hữu Giềng ; Biên dịch: Nguyễn Thị Hiệp, Võ Thị Minh Tâm ; H.đ.: Nguyễn Thùy Chi, Đặng Văn Thắng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 1300000đ. - 300b

Tên sách tiếng Pháp: L'Archéologie du Delta du Mékong

T.4: Tả ngạn sông Hậu đến lưu vực sông Đồng Nai. - 2025. - 324 tr. : minh họa. - Phụ lục: tr. 248-262 s619730

2586. McCann, Jackie. Nếu thế giới chỉ có 100 ngày : Gói gọn lịch sử 10.000 năm của nhân loại : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Jackie McCann ; Minh họa: Aaron Cushley ; Phan Hạnh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 31 tr. : ảnh ; 23 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 39000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 4 s618988

2587. 50 năm chiến thắng lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1975 - 2025) và bài học từ thực tiễn tỉnh Nghệ An trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay / Trịnh Văn Hùng, Nguyễn Thị Hồng Hoa, Vương Quang Minh... ; Ch.b.: Vương Quang Minh... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 375 tr. ; 24 cm. - 250b

Thư mục cuối mỗi bài s619406

2588. Nguyễn Duy Chính. Gốc tích nhà Tây Sơn / Nguyễn Duy Chính. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 271 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Sử học). - 220000đ. - 1200b

Phụ lục: tr. 203-255. - Thư mục: tr. 256-263 s619296

2589. Nguyễn Phương Bảo An. Kể chuyện thần đồng Việt Nam / Nguyễn Phương Bảo An b.s. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Văn học, 2025. - 271 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 70000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 269 s619235

2590. Nguyễn Thế Lượng. Đèn Chu Hưng trong mạch nguồn văn hóa dân tộc : Tiểu luận / Nguyễn Thế Lượng. - H. : Văn học, 2025. - 138 tr. : bảng, hình ảnh ; 21 cm. - 290000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 136 s619095

2591. Nguyễn Tiến Ban. Cẩm La: Hồn đất - Tình người : Địa chí văn hóa làng Việt / Nguyễn Tiến Ban. - H. : Văn học, 2025. - 211 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 135000đ. - 500b

Thư mục: tr. 207-208 s619071

2592. Nguyễn Tri Phương. Quản lý di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Thái Bình : Sách chuyên khảo / Nguyễn Tri Phương. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 206 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 200000đ. - 200b

Thư mục: tr. 190-206 s618908

2593. Nguyễn Trọng Mạnh. Gia phả dòng họ / Nguyễn Trọng Mạnh. - H. : Thế giới, 2025. - 130 tr. : bảng, tranh vẽ ; 30 cm. - 688000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Viện Phong thủy Toàn cầu. Tập đoàn XheroZone. Hệ sinh thái Phong thủy Đại Nam. - Phụ lục: tr. 110-130 s619920

2594. Nguyễn Văn Tuấn. Lịch sử xã Diễn Hùng / Nguyễn Văn Tuấn (ch.b.), Tôn Nữ Hải Yến, Nguyễn Thị Hà. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 311 tr., 20 ảnh màu : minh họa ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Diễn Hùng. - Phụ lục: tr. 289-305. - Thư mục: tr. 306-307 s619405

2595. Người xứ Nghệ / Nguyễn Như Khôi, Nguyễn Sĩ Đại, Nguyễn Thế Kỷ... ; B.s.: Nguyễn Như Khôi (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - 24 cm. - 350000đ. - 1000b

Q.1. - 2025. - 582 tr. : ảnh màu s619407

2596. Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2024 / Bùi Văn Liêm, Lâm Thị Mỹ Dung, Đặng Hồng Sơn... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 1339 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Khảo cổ học. - Thư mục trong chính văn s619882

2597. P.H.A.O - Lịch sử : Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT ĐGNL / Đậu Đức Anh, Trần Đức Thắng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : minh họa ; 13 cm. - 65000đ. - 5000b s620398

2598. Paz, Octavio. Mê cung cô độc / Octavio Paz ; Vũ Phi Long dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 322 tr. ; 21 cm. - 170000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Tây Ban Nha: El laberinto de la soledad s618892

2599. Phạm Minh Tiến. Chuyện làng tôi - Châu Khê / Phạm Minh Tiến b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 188 tr. : ảnh ; 21 cm. - 225000đ. - 100b s618625

2600. Phạm Xuân Bình. Ông tôi - Thủ trưởng của tôi / Phạm Xuân Bình. - H : Quân đội nhân dân, 2025. - 248 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 832b

Phụ lục: tr. 125-245 s618782

2601. Rèn luyện đúng - sai : 4 nguyên tắc độc quyền chính phục Lịch sử / Cô Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 100 tr. : bảng ; 27 cm. - 1500b s618281

2602. Sổ tay xây dựng không gian văn hoá Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 71 tr. : ảnh, bản đồ ; 16 cm. - 2000b s620248

2603. Steele, Philip. Bách khoa thư lịch sử : Từ tiền sử đến thời hiện đại = Encyclopedia of history : From the origins of humans to the modern day / Philip Steele ; Lê Thị Thu Ngọc dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 384 tr. : minh họa ; 22 cm. - 255000đ. - 1000b s617906

2604. Steele, Philip. Bách khoa thư lịch sử : Từ tiền sử đến thời hiện đại = Encyclopedia of history : From the origins of humans to the modern day / Philip Steele ; Lê Thị Thu Ngọc dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 384 tr. : minh họa ; 22 cm. - 215000đ. - 1000b s617905

2605. Thanh Hóa xưa và nay / Nguyễn Đức Nhuệ, Phạm Hoàng Mạnh Hà, Lê Ngọc Tạo...
- Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 27 cm. - 1020b
ĐTTS ghi: Hội khoa học Lịch sử Thanh Hóa
T.36: 11/2025. - 2025. - 100 tr. - Thư mục trong chính văn s619721
2606. Tổng ôn - luyện thi môn Lịch sử : Áp dụng từ năm 2025 / Nguyễn Mạnh Hưởng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 250000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 318 tr. : minh họa s618116
2607. Trần Hữu Phúc Tiến. Sài Gòn kinh đô sông nước / Trần Hữu Phúc Tiến. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 311 tr. : ảnh ; 19x26 cm. - 275000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 298-309 s620238
2608. Trần Văn Thịnh. Những gương mặt tiêu biểu họ Trần quê Thanh Hóa qua các thời kỳ lịch sử / B.s.: Trần Văn Thịnh (ch.b.), Trần Đức Năng, Trần Dũng. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 223 tr. : ảnh ; 27 cm. - 625000đ. - 510b
ĐTTS ghi: Hội đồng họ Trần tỉnh Thanh Hóa. - Phụ lục: tr. 104-214. - Thư mục: tr. 215-217 s618110
2609. Trịnh Quốc Khánh. Khảo lược về văn hóa Việt Nam / Trịnh Quốc Khánh. - H. : Tri thức, 2025. - 405 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 306000đ. - 500b
Thư mục: tr. 404-405 s618534
2610. Văn hóa truyền thống Hàn Quốc / Nguyễn Thị Thu Thủy, Lê Hoàng Linh (ch.b.), Phan Ngọc Huyền, Trần Nam Trung. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 300b
T.1. - 2025. - 207 tr. : ảnh. - Thư mục: tr. 205-207 s618933
2611. Văn hóa truyền thống Hàn Quốc / Phan Ngọc Huyền, Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Lê Hoàng Linh, Trần Nam Trung. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 300b
T.2. - 2025. - 106 tr. : ảnh. - Thư mục: tr. 103-106 s618934
2612. Việt Nam - 80 năm từ khát vọng hòa bình đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc (1945 - 2025) / B.s.: Phạm Văn Trường, Nguyễn Văn Sáu, Lê Xuân Thành... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 351 tr. : ảnh ; 25x26 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân s618733
2613. Việt Nam - Đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc : Sách chuyên khảo / Vũ Thanh Sơn, Nguyễn Văn Tuấn, Dương Quang Điện (ch.b.)... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 919 tr. ; 27 cm. - 300b
Thư mục: tr. 884-914 s618109
2614. Westover, Tara. Được học = Educated : Tự truyện / Tara Westover ; Nguyễn Bích Lan dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 448 tr. ; 24 cm. - 182000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Educated s617870

ĐỊA LÝ VÀ DU HÀNH

2615. Atlas địa lí Việt Nam : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, chỉnh sửa năm 2025 / Nguyễn Kim Hồng, Đào Ngọc Hùng (ch.b.), Nguyễn Minh Đức... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 32 cm. - 34000đ. - 40000b s618121
2616. Đề kiểm tra, đánh giá Địa lí 8 : Bám sát SGK "Kết nối tri thức với cuộc sống" / Đoàn Xuân Tú. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 112 tr. : bảng ; 24 cm. - 55000đ. - 1000b s618589

2617. Đỗ Doãn Hoàng. Mỗi ban mai thấy một khung trời lạ : Phóng sự - Bút ký - Ghi chép / Đỗ Doãn Hoàng. - H. : Văn học, 2025. - 491 tr. : ảnh ; 24 cm. - 207000đ. - 1000b s619162
2618. Giáo trình Tổ chức sự kiện du lịch / B.s.: Nguyễn Thị Quỳnh Hương (ch.b.), Bùi Xuân Nhân, Bùi Thị Quỳnh Trang... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 298 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 279000đ. - 250b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 287-298 s619048
2619. Hà Kế Vinh. Đi khi còn có thể : Hành trình châu Âu của Lão hưu đi phượt / Hà Kế Vinh. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 216 tr. : hình ảnh ; 21 cm. - 130000đ. - 200b s619484
2620. Lê Rin. Chu du Hà Nội = Explore Ha Noi through my pages : Bilingual Vietnamese & English : 100+ watercolor illustrations / Lê Rin. - H. : Công Thương, 2025. - 121 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Việt Nam dọc miền du ký; T.3). - 269000đ. - 3000b s618808
2621. Nguyễn Hoàng Bảo. Ta còn bao nhiêu ngày để hạnh phúc? : 17 hành trình tinh thức qua những miền đất thiêng / Nguyễn Hoàng Bảo. - H. : Thế giới, 2025. - 218 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 168000đ. - 2000b s618920
2622. P.H.A.O - Địa lí : Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT ĐGNL / Trương Thị Minh Hằng, Trần Thị Hương Giang, Trịnh Lê Hoàng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : minh họa ; 13 cm. - 65000đ. - 3000b s620397
2623. Savour Vietnam : 50 năm vươn mình cùng đất nước = A half century of prosperity : Ấn phẩm của Saigontourist Group - Autumn 2025 / Cao Lan, Côn Giang, Lan Anh... ; Trần Văn Tâm ch.b. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 130 tr. : ảnh màu ; 29 cm. - 4900b s619865
2624. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Địa lí : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, chỉnh sửa năm 2025 / Nguyễn Kim Hồng, Đào Ngọc Hùng (ch.b.), Nguyễn Minh Đức... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 30 cm. - 38000đ. - 5000b s618125
2625. The five - Điểm đến hoàn hảo : Hành trình kiến tạo sự hoàn hảo. - H. : Tri thức, 2025. - 87 tr. : ảnh màu, bản đồ ; 30 cm. - 1000b s618466
2626. Thi Quốc Huy. Đôi giày mòn gót : Hướng dẫn viên, người kể chuyện qua từng bước chân / Thi Quốc Huy. - H. : Thế giới, 2025. - 267 tr. : ảnh màu ; 20 cm. - 135000đ. - 2000b s618761
2627. Tina Yuan. Dưới trời xanh Hy Lạp / Tina Yuan. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 207 tr. ; 15 cm. - 115000đ. - 200b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Thương s620012
2628. Tina Yuan. Những dặm đường tổ quốc / Tina Yuan. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 203 tr. ; 15 cm. - 115000đ. - 200b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Thương s620011